

Vẫn cứ lại phải hết sức thật lòng rằng:

Là kẻ hậu bối, hậu học, kiến thức về kinh như giềng cựa, sai sót sẽ là điều không sao tránh khỏi. xin cúi đầu nhận lời chỉ dạy (P.T.C)

CHÚ GIẢI ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Nếu như bộ kinh Duy Ma mang đầy tính văn chương (kịch) thì bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (Kinh Hoa Nghiêm) mang đậm tính chất báo chí. Gọi Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh mang đậm tính báo chí – bởi đây là bộ kinh thể hiện rất rõ tính “trần thuật” cụ thể . Những sự kiện xảy ra trong kinh, đặc biệt đại hội “Vân Tập”, được mô tả (kể lại) hết sức đầy đủ và rất mực chi tiết. Chính nhờ bám rất sát, rất chặt vào các sự kiện và được kể lại một cách hết sức tỉ mỉ này – đây có thể xem như những tư liệu lịch sử quý hiếm về các chư Phật, các Bồ Tát, các vị Thần (đã giác ngộ, chọn cứu cánh Vô Vi – “Giải thoát môn”).

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (Kinh Hoa Nghiêm) là bộ kinh đồ sộ: 463.842 từ. Nếu so với “Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa”, 260 từ, thì bộ kinh này về độ dài gấp 1.784 lần ; nếu so với bộ kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa, 6.422 từ, thì gấp: 72,2 lần ; và nếu so với bộ kinh Duy Ma Cật với 31.943 từ thì gấp 14, 5 lần .

Với “trách nhiệm là một nhà báo cần mẫn, tận tụy”, Kinh Hoa Nghiêm – bên cạnh việc truyền đạt lại cho những đời sau hiểu biết về những sự kiện trọng đại, việc xướng danh cụ thể các chư Phật, các vị Bồ Tát – đặc biệt việc xướng danh cụ thể các vị Thánh, Thần – đã giải thoát môn” – là việc làm có nhiều ý nghĩa – trong đó, ý nghĩa hệ trọng vào bậc nhất, cuối cùng là: **Chân lý, chỉ có một, không thể là hai.**

Phẩm thứ nhất: Thế Chủ Diệu Nghiêm

1. Đại hội Vân Tập:

Phẩm thứ nhất này có tên Thế Chủ Diệu Nghiêm, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng còn được gọi là thế chủ: vương của cõi Thế gian (Ta bà). Trong *Từ điển Phật học* (rongmotamhon.net), Diệu Nghiêm liên quan đến ý nghĩa: *Hoa Nghiêm thất xứ thuyết* : Bảy chỗ đức Phật nói kinh Hoa nghiêm gồm ba chỗ ở nhân gian và bốn chỗ trên cõi trời – trong đó, chỗ thứ nhất, thuộc cõi nhân gian là: Bồ đề đạo tràng A la nhã tại nước Ma kiệt đề (Ma yết đà), đó cũng là lúc Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni thành Phật, đạt đạo quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như vậy, cách đây hơn hai ngàn sáu trăm năm, đã có một sự kiện vô cùng to lớn, hết sức trọng đại: tại nước Ma kiệt đề đã “long trọng” khai mạc đại hội đầu tiên ra mắt đức vua của cõi thế gian này: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đại hội này có tên: Vân Tập, có nghĩa: số người về tham dự đại hội đông như những đám mây hội tụ trên bầu trời cõi Ta Bà (khắp hành tinh) này. Số lượng các vị Thần, Bồ Tát được mô tả trong bộ kinh này đông đảo đến mức không sao kê xiết được, tựa như: *bụi trong mười cõi hồng trần* (vi trần số).

Mở đầu kinh là bút pháp mô tả, tường thuật “tại chỗ” quang cảnh và không khí của đại hội:

Cung điện của đức Thế Tôn tại nước Ma kiệt đề là một lâu đài hùng vĩ, nguy nga tráng lệ. Lâu đài này được làm bằng “trần châu, Mã não”. vây quanh tòa lâu đài bởi rừng cây ngọc ngà châu báu luôn tỏa ra ánh sáng rực rỡ sắc màu.

Trong số rừng cây ngọc ngà châu báu, có một cây Bồ Đề sừng sững to lớn khác thường : “ *thân bằng Kim-Cang và Lưu-Lý, cành cây bằng nhiều chất bảo tốt đẹp, lá báu giăng che như mây, hoa báu nhiều màu đom sáng các nhánh, trái bồ-đề bằng châu ma-ni chiếu sáng, như lửa ngọn xen lẫn trong hoa. Lại do thần lực của Như-Lai, cây bồ-đề này thường vang ra tiếng vi-diệu, nói các thứ pháp-môn vô-cùng vô-tận* ”.

Hôm ấy mưa châu báu không ngớt. Hoa thơm quý rắc thành tấm thảm phủ khắp mặt đất.

Trong tòa lâu đài – Như Lai dùng phép thần thông tự tại, biến chốn cung điện thành hẳn một thế giới rộng rãi – với những ô chứa rất nhiều tòa sư tử thẳng hàng, sắp đều tăm tắp (như lưới). Trùng trùng các ô như vậy.

Một tòa sư tử to lớn, uy nghi, nơi đức Thế Tôn ngự lãm, từ đây, tiếng nói của ngài được truyền đi “*vang xa khắp đến tất cả chỗ*”.

Hôm ấy, số Bồ Tát theo hầu quanh Phật có đến ... bụi của mười cõi hồng trần (thế gian) .

Đến dự có vô lượng (nhiều không kể xiết) các vị thần đất đai ; vô lượng các vị thần núi ; vô lượng các vị thần sông ; vô lượng các vị thần biển ; vô lượng các vị thần nước ; vô lượng các vị thần gió ; vô lượng các vị thần không (gian) ; vô lượng các vị thần lửa ; vô lượng các vị thần rừng ; vô lượng các vị thần được (thuốc) ; vô lượng các vị thần y (thân, tức) .

Đến dự còn có: vô lượng vua các cõi A-Tu-La (thánh, thần) ; vô lượng vua các cõi trời ; vô lượng vua các cõi địa ngục ; vô lượng vua các hương ; vô lượng vua các nhạc ; vô lượng vua thần mặt trời ; vô lượng vua thần mặt trăng ...

Thành phần, số lượng, lai lịch của một số vị vua tiêu biểu ... được giới thiệu và mô tả là ... choáng ngợp. Thực ra là trên cả mức choáng ngợp !

2. Chư Thiên Vương giải thoát môn

Trong số vô lượng các vị Thiên vương (vua cõi trời) tham dự, chỉ có các chư vị Thiên vương đã đạt đến cứu cánh giải thoát “phát biểu” (đọc kệ) tại đại hội. Tuy vậy, các chư vị Thiên vương đã đạt đến cứu cánh giải thoát này cũng nhiều không sao kể xiết nổi – nên số vị phát biểu cũng chỉ là tiêu biểu.

Các chư Thần và các chư vị Bồ Tát cũng vậy – cũng chỉ chọn ra một số vị tiêu biểu để phát biểu trong đại hội.

Tuy rằng, số vị phát biểu tại đại hội – đã được hết sức chọn lọc – song, tổng số kệ được đọc tại đại hội cũng là hết sức choáng ngợp. Thực ra là trên cả mức hết sức choáng ngợp !

Mở đầu, Diệu-Diễm-Hải Thiên-Vương, đọc bài kệ 206 từ. bài kệ này có sự đóng góp của những vị Vương như sau : Tự-Tại-Danh-Xung-Quang Thiên-Vương ; Thanh-Tịnh-Công-Đức-Nhãn Thiên-Vương ; Khả-Ái-Nhạo-Đại-Huệ Thiên-Vương ; Bất-Động-Quang-Tự-Tại Thiên-Vương ; Diệu-Trang-Nghiêm-Nhãn Thiên-Vương ; Thiện-Tư-Duy-Quang-Minh Thiên-Vương ; Khả-Ái-Nhạo-Đại-Trí Thiên-Vương ; Phổ-Âm-Trang-Nghiêm-Tràng Thiên-Vương ; Danh-Xung-Quang-Thiện-Tĩnh-Tần Thiên-Vương. Bài kệ rằng:

*Thân Phật phổ-biến các đại-hội
Đầy khắp pháp-giới không cùng tận
Tịch diệt vô-tánh bất-khả-thủ
Vì cứu thế-gian mà xuất hiện.*

Như-Lai Pháp-Vương xuất thế-gian
Thấp đèn diệu-pháp chiếu cõi đời
Cảnh-giới Vô-biên cũng vô-tận
Đây, chỗ chứng của Tự-Tại-Danh.

Phật bất tư-nghị rời phân-biệt
Rõ mười phương đều không có tướng
Mở đạo thanh-tịnh để dạy đời
Tịnh-Nhãn Thiên-Vương quan-sát thấy.

Như-Lai trí-huệ vô-biên-tế
Tất cả thế-gian chẳng lường được
Diệt lòng si tối của chúng-sanh
Đại-Huệ Thiên-Vương được an-trụ

Như-Lai công-đức bất tư-nghị
Chúng-sanh thấy Phật hết phiền-não
Khiến khắp thế-gian được an vui
Bất-Động Thiên-Vương đã được thấy.

Chúng-sanh tối tăm thường làm lỗi
Như-Lai dạy cho pháp tịch-tịnh
Là đèn trí-huệ sáng soi đời
Diệu-Nhãn Thiên-Vương có thể biết.

Sắc thân tịnh-diệu của Như-Lai
Hiện khắp mười phương không gì sánh
Thân Phật vô-tánh vô-sở-y
Thiện-Tư Thiên-Vương quan-sát được.

Thịnh Âm của Phật vô-hạn ngại
Kẻ đáng được ngộ đều được nghe
Nhưng Phật vắng-lặng thường bất-động
Nhạo-Trí Thiên-Vương chứng môn này.

Như-Lai tịch-tịnh, bực giải-thoát
Hiện khắp mười phương không sót chỗ
Quang-minh soi sáng khắp thế-gian

Nghiêm-Tràng Thiên-Vương đã được thấy.

*Vô-biên kiếp-hải thuở quá-khứ
Phật vì chúng-sanh cầu giác-đạo
Vô-lượng thân-thông độ muôn loài
Danh-Xưng Thiên-Vương đã thấy được.*

Qua bài kệ mở đầu cho thấy: đây là sự ca ngợi về công đức, về Phật pháp của đức Thế Tôn – và những điều này các *Thiên-Vương* đều đã thấy, đã biết. Một khi nói như vậy là có nghĩa: *sự thấy và sự biết* của các Thiên Vương là *sự thấy và sự biết* của trí tuệ Ba La Mật.

Người đọc bài kệ kế tiếp là ngài: Khả-Ái-Nhạo-Pháp-Quang-Minh-Tràng Thiên-Vương (vị vua này có tên dài nhất đại hội) ; đến: Thanh-Tĩnh-Huệ-Danh-Xưng Thiên-Vương ; đến: Khả-Ái-Nhạo-Quang-Minh Thiên-Vương; đến: Thi-Khí Đại-Phạm-Vương; đến: Tụ-Tại Thiên-Vương; đến: Thiện-Hóa Thiên-Vương; đến: Tri-Túc Thiên-Vương; đến: Thời-Phản Thiên-Vương; đến: Thích-Ca-Nhơn-Đà-La Thiên-Vương; đến: Nhựt Thiên-Tử; đến: Nguyệt Thiên-Tử.

Như vậy, có tổng cộng mười hai bài kệ của các vị vua thuộc cõi trời đọc trong đại hội.

3. Chư Thần Vương giải thoát môn

Kế tiếp là các vị Thần – Thần Vương đã đạt đến cứu cánh giải thoát, đọc kệ trước đại hội.

Trì-Quốc Càn-Thất-Bà Vương là người đọc trước tiên, rồi đến: Tăng-Trưởng Cửu-Bàn-Trà-Vương; đến: Tỳ-Lâu-Bát-Xoa Long-Vương; đến: Đa-Văn-Đại-Dạ-Xoa-Vương; đến: Thiện-Huệ Ma-Hầu-La-Già Vương; đến: Thiện-Huệ-Quang-Minh Vương; đến: Đại-Tốc-Tật-Lực Vương; đến: La-Hầu Vương .

Như vậy, có tám vị Thần Vương đọc bài kệ trước đại hội

4. Chư Thần Chủ giải thoát môn

Kế tiếp là các vị Thần – Thần Chủ đã đạt đến cứu cánh giải thoát, đọc kệ trước đại hội.

Vị Thần Chủ đầu tiên đọc bài kệ trước đại hội là: Thi-Hiện-Cung-Điện Thần ; rồi đến: Phổ-Đức-Tĩnh-Quang Thần ; đến: Biện-Trụ-Nhứt-Thiết Thần; đến: Tĩnh-Quang-Phổ-Chiêu Thần; đến: Vô-Ngại-Quang-Minh Thần; đến: Phổ-Quang-Diệm-Tạng Thần; đến: Phổ-Hưng-Vân-Tràng Thần; đến: Xuất-Hiện Bửu-Quang

Thần; đến: Phổ-Phát-Tán-Lưu Thần; đến: Nhu-Nhuyễn-Thắng-Vị Thần; đến: Kiệt-Tường-Thần; đến: Hoa-Bổ-Như-Vân Thần; đến: Bửu-Phong-Khai-Hoa Thần; đến: Phổ-Đức-Tịnh-Hoa Thần; đến: Bửu-Phong-Quang-Diệu Thần; đến: Tịnh-Trang-Nghiêm-Tràng Thần; đến: Bửu-Ấn-Thủ Thần; đến: Tịnh-Hỷ-Cảnh-Giới Thần; đến: Diệu-Sắc-Na-La-Diên Thần.

Như vậy, có mười chín vị Thần Chủ đọc bài kệ trước đại hội

5. Đại Bồ Tát giải thoát môn

Kế tiếp là các vị Đại Bồ Tát đã đạt đến cứu cánh giải thoát, đọc kệ trước đại hội. Mở đầu cho các Đại Bồ Tát đọc bài kệ trước đại hội, đó là: Phổ-Hiền-Bồ-Tát ma-ha-tát ; tiếp theo là: Tịnh-Đức-Diệu-Quang Đại Bồ-Tát và cuối cùng là đến: Hải-Nguyệt-Quang Đại-Minh Đại Bồ-Tát .

Như vậy, đến đây mới chỉ có ba Đại Bồ Tát đại diện đọc bài kệ trước đại hội.

6. Chư Bồ Tát cúng dường, tán thán (ca ngợi)

Sau ba vị Đại Bồ Tát “phát biểu”, *Vi trần số* Bồ Tát xuất hiện cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Số vật phẩm cúng dường nhiều như mây: “*Mây bửu-hoa như-ý, mây liên-hoa diêu-hương, mây bửu-quang, mây hương-diệm, mây quang-minh như-ý, mây nhạc-âm duyệt-ý, mây bửu-đăng quang, mây cây nhánh bông trái bằng châu báu, mây vô tận bửu như-ý quang-minh thanh-tịnh, mây tất cả đồ trang-nghiêm như-ý. Chư Bồ-Tát này đem những mây báu đẹp như vậy rưới khắp tất cả chúng-hội đạo-tràng để cúng-dường, rồi đi nhiễu Phật vô-lượng trăm ngàn vòng. Sau đó chư Bồ-Tát này hóa hiện vô-lượng tòa sư-tử liên-hoa báu đẹp, rồi ngồi kiết-già trên ấy*”.

Với “kịch bản” này, không khí đại hội trở nên hết sức sống động – trước khi tiếp tục phần “Phát biểu”.

Hải-Huệ Tự-Tại-Thần-Thông-Vương Đại Bồ-Tát (Bồ Tát vừa phá kỷ lục về tên dài nhất trong đại hội), đọc bài kệ, trong đó có các câu tán thán đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni:

(...)

*Như-Lai công-đức chẳng thể lường
Thập phương pháp-giới đều sung mãn
Khắp ngòai dưới tất cả thọ-vương
Bực đại tự-tại đồng vân tập.
Phật có sức thần-thông như vậy*

*Một niệm hiện ra vô-lượng tướng
Nhu-Lai cảnh-giới thật vô-biên
Tùy môn giải-thoát hay xem thấy.*

(...)

Vân-Âm-Phổ-Chấn Đại Bồ-Tát, đọc kệ tiếp theo ; đến: Chúng-Bửu-Quang-Minh-Kế Đại Bồ-Tát; đến: Đại-Trí-Nhật-Dũng-Mãnh-Huệ Đại Bồ-Tát; đến: Bất-Tư-Nghì-Công-Đức-Bửu-Trí-Ân Đại Bồ-Tát (kỷ lục tên dài nhất đã bị Bồ Tát phá) ; đến: Bá-Mục-Liên-Hoa-Kế Đại Bồ-Tát; đến: Kim-Diệu-Viên-Mãn-Quang Đại Bồ-Tát; đến: Pháp-Giới-Phổ-Âm Đại Bồ-Tát; đến: Vâm-Âm-Tịnh-Nguyệt Đại Bồ-Tát; đến: Thiện-Dũng-Mãnh-Quang-Tràng Đại Bồ-Tát .

Thêm mười vị Đại Bồ Tát đọc kệ, nâng tổng số Đại Bồ Tát “phát biểu” trước đại hội lên thành mười ba vị – đây cũng là giới có số đại biểu đông nhất phát biểu trước đại hội.

Ngay khi vị Đại Bồ Tát cuối cùng vừa phát biểu xong, cả thế giới đại hội bỗng vụt “bùng sáng”, “ầm ì” rung chuyển, *theo sáu cách và mười tám tướng* (loại): *động, biến-động, phổ-biến động; khởi, biến-khởi, phổ-biến-khởi; dừng, biến-dừng, phổ-biến-dừng; chấn, biến chấn, phổ-biến-chấn; hống, biến hống, phổ-biến-hống; kích, biến kích, phổ-biến-kích.* Tạo ra sự trầm trồ, thú vị chưa từng thấy (giống như pháo hoa muôn màu muôn vẻ vậy).

Cùng lúc ấy, đến lượt các Thế Chủ (vương của một cõi) – đồng loạt, dùng phép thần thông, mang những vật báu tạo thành những đám mây, “*rưới xuống nơi chúng-hội đạo-tràng của Nhu-Lai : những mây hoa-hương trang-nghiêm, những mây ma-ni tốt đẹp, những mây lưới báu rực-rỡ, những mây vô-biên các loại châu ma-ni sáng chói, những mây chơn-châu nhiều màu, những mây hương chiên-đàn, những mây bửu-cái, những mây châu ma-ni vang ra tiếng vi-diệu thanh-tịnh, những mây chuỗi ngọc ma-ni sáng như mặt nhật, những mây các thứ đồ trang-nghiêm sai khác*”.

Cả một thế giới ngập tràn trong hoa châu báu, hương thơm, và đầy ắp những giai điệu vi diệu thanh tịnh.

SƠ LƯỢC VỀ NHỮNG BÀI KỆ TÁN THÁN ĐỨC THÍCH CA MÂU NI:

Những bài kệ của các “đại biểu” đọc trong đại hội là những gì kể về: hành trình tu hành, hành trình giáo hóa chúng sanh, về công đức về năng lực mẫu nhiệm vô biên của đức Phật và của pháp Phật ... có thể nói một cách chắc chắn rằng: những bài kệ này là sự đức kết đầy đủ nhất về đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

(...)

*Phật bất tư-nghị rời phân-biệt
Rõ mười phương đều không có tướng
Mở đạo thanh-tịnh để dạy đời
Tịnh-Nhãn Thiên-Vương quan-sát thấy.*

(...)

*Như-Lai công-đức bất tư-nghị
Chúng-sanh thấy Phật hết phiền-não
Khiến khắp thế-gian được an vui
Bất-Động Thiên-Vương đã được thấy.*

(Trích từ bài kệ của Diệu-Diễm-Hải Thiên-Vương đã đọc)

Hai bài kệ bốn câu trên, nói rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã không còn sự phân biệt đối đãi ; đã nhận biết về thực tướng (*tánh không*) của vạn vật mười phương ; đã dạy đời bằng con đường thanh tịnh – điều này đã được *Tịnh-Nhãn Thiên-Vương quan-sát thấy*. Và: Công đức của Như Lai là không thể nghĩ bàn ; chúng sanh nhờ pháp của Như Lai đã tiêu trừ phiền não ; nhờ vậy thế gian được yên vui – điều này *Bất-Động Thiên-Vương đã được thấy*.

Phần lớn những bài kệ được đọc, về tính chất – một khi đề cập đến điều gì đó – đều được xưng danh vị xác tín về điều đã nêu – có nghĩa: **điều đã nêu ấy là xác thực**, qua đây cũng cho thấy thêm rằng: một bài kệ được đọc là của nhiều vị đóng góp – mỗi vị đóng góp bằng một bài kệ bốn câu (ngoại trừ những bài kệ của các Đại Bồ Tát và một số vị khác) .

Những bài kệ đã được nêu trong phẩm này – vốn là những tuyệt phẩm rất chân thật phản ánh nhiều phương diện về đức Phật Thích Ca Mâu Ni và nhiều phương diện về pháp Phật – vì khuôn khổ của một bài chú giải, không thể trình bày hết ra đây, chỉ xin giới thiệu một số bài – cũng chưa thể được gọi là tiêu biểu (tìm hiểu thêm ở tác phẩm kinh):

*Tôi nhớ Như-Lai thuở trước tu
Kính thờ cúng-dường vô-biên Phật
Như hạnh thanh-tịnh tính tâm xưa
Thừa Phật oai-thần nay điều thấy.*

*Phật xưa tu tập bồ-đề hạnh
Cúng-dường thập-phương tất cả Phật
Ở trước chư Phật phát đạo tâm
Tối-Thắng Thiên-Vương đã thấy biết.*

Phật trong vô-lượng vô-số kiếp

Diễn thuyết phương tiện không ai hơn
Phật-pháp vô-cùng cũng vô-biên
Thiên-Tư Thiên-Vương đã được thấy.

Như-Lai thân-lực không ai sánh
Hiện khắp mười phương cõi rộng lớn
Trang-Nghiêm Thanh-Tịnh thường hiện tiền
Niệm-Trí Thiên-Vương đã chứng được.

Nếu có chúng-sanh kham thọ pháp
Thân-lực của Phật điu-dắt họ
Khiến họ thường thấy Phật hiện tiền
Nghiêm-Hải-Thiên-Vương thấy như vậy.

Theo lòng chúng-sanh chỗ mong muốn
Thân-lực của Phật đều hiện được
Mỗi mỗi sai khác bất tư-nghì
Huệ-Tràng Thiên-Vương đã được chứng.

Từ vô-lượng kiếp tu phương-tiện
Thanh-tịnh các cõi khắp mười phương
Pháp-giới bất-động thường như-như
Tịnh-Đức Thiên-Vương đã tỏ ngộ.

Chư Phật thật hành đạo vô-thượng
Tất cả chúng-sanh không lường được
Thị-hiện các thứ phương-tiện-môn
Tịnh-Nhãn Thiên-Vương quan-sát rõ.

Phật nói pháp-tánh đều vô-tánh
Rộng lớn rất sâu chẳng nghĩ bàn
Khiến khắp chúng-sanh khởi lòng tin
Quang-Diệm Thiên-Vương khéo rõ biết.

Như-Lai thường phóng đại quang-minh
Trong mỗi quang-minh vô-lượng Phật
Đều hiện Phật-sự hóa chúng-sanh
Diệu-Âm Thiên-Vương đã chứng nhập

Thân Phật thanh-tịnh thường tịch diệt
Quang-minh chói sáng khắp thế-gian
Không tướng không hành không hình bóng
Ví như mây nổi giữa không-gian.

Như-Lai sắc tướng thật vô-biên
Hiện thân theo lòng chúng-sanh thích
Khắp mở trí-huệ cho thế-gian
Diệm-Nhãn Thiên-Tử quan-sát thấy.

Như-Lai chơn-thân vốn không hai
Tùy hình thế-gian khắp ứng hiện
Chúng-sanh đều thấy ở trước mình
Cảnh-giới này Diệm-Thiên đã chứng.

Phật thân vô-tận như hư-không
Vô-tướng vô-ngại khắp mười phương
Như-huyễn như-hóa khắp ứng hiện
Biển-Hóa Âm-Vương đã ngộ được.

Tất cả chúng-sanh nghiệp sai khác
Tùy chỗ nhen-cảm đều khác nhau
Thế-gian như vậy Phật hiện đều
Tịch-Tịnh-Quang Vương được ngộ-nhập.

Núi cao ngã-mạn của chúng-sanh
Phật-lực dứt trừ không còn sót
Công-dụng đại-bi của Như-Lai
Quang-Tràng Thiên-Vương được giải-thoát.

Vô-lượng vô-biên biển đại kiếp
Hiện khắp mười phương mà thuyết-pháp
Chưa từng thấy Phật có đến đi
Diệu-Quang Thiên-Vương đã tỏ ngộ.

Công hạnh Phật vô-lượng kiếp
Vì dứt si-mê cho thế-gian
Nên dùng tịnh-quang thường chiếu soi
Lực-Quang Thiên-Vương đã được ngộ.

Âm-thinh vi-diệu của thế-gian
Không thể sánh được tiếng của Phật
Phật dùng một tiếng khắp mười phương
Trang-Nghiêm Thiên-Vương môn giải-thoát

Tôi nhớ tất cả tam-thế Phật
Bao nhiêu cảnh-giới đều bình-đẳng
Các quốc-độ kia hoại hoặc thành
Oai-thần của Phật đều được thấy.

Chư Phật xuất hiện khắp mười phương
Tất cả thế-gian đều cùng khắp
Quán-sát điều-phục tâm chúng-sanh
Chánh-Niệm Thiên-Vương đã tỏ ngộ.

Như-Lai trí thân mắt rộng lớn
Vi-Trần thế-giới đều thấy suốt
Như vậy cùng khắp nơi mười phương
Thắng-Âm Thiên-Vương được giải-thoát.

Thế-gian tất cả sự an vui
Tất cả đều do Phật xuất-thế
Như-Lai công-đức bất-tư-nghì
Hoa-Quang Thiên-Vương môn giải-thoát.

Nếu niệm Như-Lai chút công-đức
Nhãn đến một niệm tâm kính ngưỡng
Lo sợ ác-đạo đều dứt trừ
Trí-Nhãn Thiên-Vương được tỏ ngộ.

Phóng quang-minh lớn bất-tư-nghì
Thanh-tịnh tất cả loài hàm-thức
Đều khiến phát sanh tin hiểu sâu
Hoa-Âm Thiên-Tử được ngộ nhập.

Chúng-sanh ngu-si khổ tối tâm
Vì muốn cho họ được tịnh-nhãn
Nên Phật vì họ thấp huệ-đăng
Thiện-Mục Thiên-Tử quán-sát thấy.

*Đáng tự-tại phương-tiện giải-thoát
Nếu ai được gặp cúng một lần
Phước này giúp họ lần chửng quả
Phương-tiện trên đây Trì-Đức được.*

Còn rất nhiều điều vi diệu thể hiện qua những bài kệ khác. Những ai có chí hướng tìm đọc thêm – phước đức to lớn có được là không thể nghĩ bàn.

Phẩm thứ hai: Như Lai Hiện Tượng

Khi tiếp cận với kinh Hoa Nghiêm, điều khó khăn đầu tiên cho người đọc, người học, người viết, nhà nghiên cứu ... đó là những thuật ngữ không có giải thích. Trong tự điển Phật học hiện nay không phải từ ngữ, thuật ngữ nào cũng có – vì vậy, có thể sẽ xảy ra hiện tượng: người này suy diễn theo chiều hướng này, người kia suy diễn theo chiều hướng nọ ...

Vì vậy, tinh thần đọc, học, hiểu ... kinh Hoa Nghiêm nên dựa vào cái “lõi”, điều cốt tủy của vấn đề, tức nhận ra chân lý triết lý Phật.

Mọi sự chú ý dồn vào các chi tiết tiểu tiết – sẽ đánh mất tầm nhìn về sự kỳ vĩ, tráng lệ của bộ kinh này.

Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni thành Phật, nhập Niết Bàn rồi thì khi đó: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của đức Phật (các chư Phật) như thế nào ? Các chư Phật “làm việc” ra sao ? *Thế nào là thân quang của chư Phật ? Thế nào là quang-minh của chư Phật ? v.v...* Tức, có rất nhiều dấu hỏi của giới Bồ Tát và những giới khác nữa xung quanh các vấn đề khá thiết thực này .

Rồi, các Bồ Tát cũng rất mong được nghe về các “thế giới hải”, các “quốc độ hải” ... (*Theo Tự điển Phật Học, khái niệm về thế giới hải này rất phong phú, diễn giải ở đây mất rất nhiều thời gian, xin trích ra đây những điều hết sức cô đọng như sau: Thế giới hải là gọi chung cho 20 lớp thế giới hải Hoa tạng đẹp đẽ sắp xếp có lớp lang, mỗi thế giới đều có vô số thế giới nhỏ như bụi nhỏ của các cõi Phật bao bọc chung quanh, mỗi thế giới đều có Phật xuất hiện, giáo hóa chúng sinh. Thế giới hải đề cập ở đây là thế giới hải thứ mười ba, tên gọi là Thế giới Hoa tạng Sa bà, nương vào lưới hoa sen được nâng đỡ bởi phong luân nhiều màu sắc mà an trụ, Phật hiệu là Tỳ lô giá na Như lai Thế tôn. Cứ theo phẩm Hoa tạng thế giới trong kinh Hoa nghiêm quyển 8 (bản dịch mới) thì thế giới Hoa tạng Sa bà là cõi thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ lô giá na Như lai đã tạo ra từ thuở xa xưa khi Ngài còn tu hạnh Bồ tát, cách nay vô số kiếp nhiều như bụi nhỏ trong các thế giới hải, gần gũi vô số các đức Phật nhiều như số vi trần, ở chỗ mỗi đức Phật, tịnh tu các đại nguyện nhiều như số bụi nhỏ trong các thế giới hải”).*

“Lúc bấy giờ Đức Thế-Tôn biết tâm niệm của chư Bồ-Tát liền từ trên mặt, trong rặng phóng ra vi-trần số quang-minh.

Những là quang-minh bửu-hoa khắp soi sáng, những quang-minh các thứ tiếng trang-nghiêm pháp-giới, những quang-minh giăng bủa mây vi-diệu, những quang-minh thập phương chư Phật ngôi đạo-tràng hiện thân biến, những quang-minh mây lọng báu, những quang-minh đầy khắp pháp-giới vô-ngại, những quang-minh

trang-nghiêm khắp soi tất cả cõi Phật, những quang-minh kiến lập bửu-tràng kim-cang thanh-tịnh, những quang-minh khắp trang-nghiêm chúng-hội đạo-tràng Bồ-Tát, những quang-minh diệu-âm xưng dương tất cả danh hiệu chư Phật. Phật phóng ra vi-trần số quang-minh như vậy.

Mỗi quang-minh này lại có vi-trần số quang-minh làm quyến thuộc.

Tất cả quang-minh đủ màu báu đẹp, chiếu khắp mười phương đều một ức Phật sát vi-trần số thế-giới. Chúng Bồ-Tát trong những thế-giới đó từ nơi quang-minh đều được thấy Hoa-Tạng thế-giới trang-nghiêm này”.

Như vậy, trong phần mở đầu của phẩm này, là những thắc mắc của giới Bồ Tát và những giới khác và đức Thế Tôn đã giải tỏa mọi thắc mắc đã nêu. Trong đó, đối với các *thế giới hải* – là không thể dùng lời diễn thuyết – đức Như Lai đã dùng năng lực thần thông để cho các Bồ Tát thấy được các “*Hoa-Tạng thế-giới trang-nghiêm này*”.

Đến đây một vấn đề thiết yếu được đặt ra là: Từ đầu kinh cho đến lúc này, tất cả đều được mô tả một cách chi tiết – song, tại sao lại không có dòng nào đề cập đến thân tướng của Như Lai ? Với tựa của phẩm này: Như Lai hiện tướng – vậy, đó là tướng gì ?

Rõ ràng, Như Lai đã thị hiện thân tướng đầy đủ, bởi *từ mặt, răng, trán* của Như Lai “*phóng ra vi-trần số quang-minh*”.

Nếu như mô tả Như Lai thị hiện với ba mươi hai tướng tốt thì điều gì sẽ xảy ra ?

Sẽ không có điều gì xảy ra ngoài sự giả dối.

Tất cả những gì liên quan đến Phật mà là giả dối được sao ? Vì vậy, không có dòng nào mô tả thân tướng của Như Lai, bởi nếu có – đó chỉ là mô tả về một thân tướng không có thật. Bởi, thân tướng mà Như Lai thị hiện, có rất nhiều – thậm chí Ma – cũng đều có thể giả thị hiện được như thế.

Bởi vậy, trong bộ kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” có bài kệ nổi tiếng như sau:

Tìm ta qua hình sắc

Câu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thấy được Như Lai.

Một phẩm có tựa: Như Lai Hiện tướng – mà không đề cập gì đến thân tướng của Như Lai – đó là điều trọng tâm của phẩm này muốn nói đến vậy (xin tham khảo thêm “chú giải kinh Duy Ma”).

Một số người gọi: *Phật Tỳ-Lô-Giá-Na* là “Phật cổ” – tức Phật trước các Phật – chưa thể xem cách gọi này là chuẩn xác – chỉ xin đưa ra đây nhằm tham khảo.

Sau khi “*chúng-hội trong thập phương thế-giới đã nhờ quang-minh của Phật khai-thị, đều cùng nhau đến chỗ Phật Tỳ-Lô-Giá-Na cung kính cúng-dường*”.

Phương Đông, có : “*Đại Bồ-Tát tên Quán-Sát-Thắng-Pháp-Liên-Hoa-Tràng cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật, đều hiện mười thứ thân tướng của Bồ-Tát đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mây mưa hoa-sen báu sáng rỡ ; mây núi báu Tu-Di ; mười thứ ánh sáng mặt trời ; mười thứ mây chuỗi hoa báu ; mười thứ mây anh-lạc ; mười thứ mây hương bột ; mười thứ mây hương thoa hương đốt ;mười thứ mây tất cả gỗ thơm. Vi-trần số mây cúng-dường như vậy đều khắp cả hư-không mà chẳng tan mất*”.

Phương Nam, có: “*Đại Bồ-Tát tên Phổ-Chiếu-Pháp-Hải-Huệ cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mười thứ mây báu ma-ni châu-vương trang-nghiêm sáng chói đầy khắp hư-không ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu hiện ra đồ trang-nghiêm ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu xung-dương hồng-danh của Phật ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu nói tất cả Phật-pháp ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu những cây đẹp trang-nghiêm đạo-tràng ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu hiện các Hóa-Phật ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu khắp hiện hình tượng trang-nghiêm của tất cả đạo-tràng ; mười thứ mây ma-ni bửu-châu nói cảnh-giới của chư Phật ; mười thứ mây hình tượng vô-số cung-điện bất-tư-nghì ; mười thứ mây khắp hiện thân tượng của tam thế Phật . Hiện vô-số mây ma-ni châu-vương như vậy đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất*”.

Phương tây có: “*Đại Bồ-Tát tên Nguyệt-Quang-Hương-Diệm-Phổ-Trang-Nghiêm cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mười thứ mây lâu-các châu báu tốt đẹp thơm sang ; mười thứ mây lâu-các vô-biên sắc tướng; mười thứ mây lâu-các đèn báu sáng chói ; mười thứ mây lâu-các chơn-châu ; mười thứ mây lâu-các hoa báu ; mười thứ mây lâu-các chuỗi ngọc báu trang-nghiêm ; mười thứ mây lâu-các trang-nghiêm sáng chói hiện khắp mười phương ; mười thứ mây lâu-các những bột báu xen lẫn trang-nghiêm ; mười thứ mây lâu-các những châu báu cùng khắp mười phương ; mười thứ mây lâu-các cửa đẹp lưới báu . Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất*”.

Phương bắc, có: “*Đại Bồ-Tát Sư-Tử-Phân-Tán-Quang-Minh cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mười thứ mây những cây đẹp ma-ni thơm tho khắp hư-không ; mười thứ mây những cây trang-nghiêm hóa-hiện vô-biên sắc tướng ; mười thứ mây những cây trang-nghiêm hoa đẹp; mười thứ mây cây trang-nghiêm ánh sáng báu ; mười thứ mây những cây trang-nghiêm hóa hiện thân Bồ-Tát ; mười thứ mây những cây trang-nghiêm hiển hiện chỗ đạo-tràng bất-tư-nghì thưở trước ; mười thứ mây cây báu y-phục sáng*”.

như mặt trời ; mùi thứ mây cây phát ra tất cả âm-thanh vừa ý. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.

Phương đông bắc, có: “*Đại Bồ-Tát tên Tối-Thắng-Quang-Minh-Đăng-Vô-Tận-Công-Đức-Tạng cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mùi thứ mây bửu liên-hoa vô-biên ; mùi thứ mây tòa sư-tử ma-ni sáng chói ; mùi thứ mây tòa sư-tử tất cả đồ trang-nghiêm ; mùi thứ mây tòa sư-tử tràng hoa báu ; mùi thứ mây tòa sư-tử khắp rưới chuỗi ngọc báu ; mùi thứ mây tòa sư-tử tất cả hoa hương chuỗi ngọc báu ; mùi thứ mây tòa sư-tử thị-hiện tòa trang-nghiêm ma-ni của tất cả Phật ; mùi thứ mây tòa sư-tử cửa nẻo thêm bực và những chuỗi ngọc trang-nghiêm ; mùi thứ mây tòa sư-tử tất cả cây nhánh báu ma-ni ; mùi thứ mây tòa sư-tử hương báu xen lẫn trang-nghiêm ánh sáng chói như mặt nhật. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.*

Phương đông-nam, có: “*Đại Bồ-Tát tên Huệ-Đăng-Phổ-Minh cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mùi thứ mây màn trướng tất cả châu ma-ni ; mùi thứ mây màn trướng tất cả hương ; mùi thứ mây màn trướng bửu đặng ; mùi thứ mây màn trướng thị-hiện Phật thần-thông thuyết-pháp ; mùi thứ mây màn trướng hiển hiện tất cả y-phục trang-nghiêm ; mùi thứ mây màn trướng tất cả bửu-hoa ; mùi thứ mây màn trướng lưới báu khua tiếng lạc tiếng linh ; mùi thứ mây màn trướng đài liên-hoa lưới ma-ni ; mùi thứ mây màn trướng tất cả đồ trang-nghiêm bất-tư-nghì. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.*

Phương tây-nam, có : “*Đại Bồ-Tát tên Phổ-Hoa-Quang-Diệm-Kế cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mùi thứ mây bửu-cái vi-diệu trang-nghiêm ; mùi thứ mây bửu-cái đẹp trang-nghiêm sáng chói ; mùi thứ mây bửu-cái tạng chơn-châu vô-biên sắc ; mùi thứ mây bửu-cái châu ma-ni vang ra tiếng bi-mẫn của tất cả Bồ-Tát ; mùi thứ mây bửu-cái tràng hoa đẹp báu ; mùi thứ mây bửu-cái rủ lưới lục-lạc ; mùi thứ mây bửu-cái cây ma-ni nhánh trang-nghiêm ; mùi thứ mây bửu-cái châu ma-ni chói sáng như mặt nhật ; mùi thứ cây bửu-cái tất cả hương thoa hương đốt ; mùi thứ mây bửu-cái tạng chiên-đàn ; mùi thứ mây bửu-cái cảnh-giới Phật rộng lớn khắp sáng chói. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.*

Phương tây-bắc, có: “*Đại Bồ-Tát tên Vô-Tận-Quang-Ma-Ni-Vương cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật*”, đồng thời dùng thần thông thực hiện: “*Mùi thứ mây viên-mãn-quang tất cả châu-bửu ; mùi thứ mây viên-mãn-quang tất cả bửu-diệm ; mùi thứ mây viên-mãn-quang tất cả diệu-hoa ; mùi thứ mây viên-mãn-quang tất cả hóa-Phật ; mùi thứ mây viên-mãn-quang mùi phương Phật-độ ; mùi thứ*

mây viên-mãn-quang Phật cảnh-giới ; mười thứ mây viên-mãn-quang tất cả lưu-ly-bửu ma-ni ; mười thứ mây viên-mãn-quang trong một niệm hiện vô-biên tướng chúng-sanh ; mười thứ mây viên-mãn-quang tiếng diễn thuyết nói đại-nguyên của tất cả Như-Lai ; mười thứ mây mười thứ mây viên-mãn-quang ma-ni-vương tiếng diễn hóa tất cả chúng-sanh. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.

Phương dưới, có : *“Quốc-độ tên Bửu-Sư-Tử-Quang-Minh-Chiếu-Diệu. Phật hiệu Pháp-Giới-Quang-Diệm-Huệ cùng vi-trần số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật”,* đồng thời dùng thần thông thực hiện: *“Mười thứ mây quang-minh tất cả tạng ma-ni ; mười thứ mây quang-minh tất cả hương ; mười thứ mây quang-minh tất cả bửu-diệm ; mười thứ mây quang-minh vang tiếng thuyết-pháp của tất cả Phật ; mười thứ mây quang-minh tất cả Phật-độ trang-nghiêm ; mười thứ mây quang-minh tất cả diệu-hoa lâu các ; mười thứ mây quang-minh việc chư Phật giáo-hóa chúng-sanh trong tất cả kiếp ; mười thứ mây quang-minh hoa-nhụy vô-tận-bửu ; mười thứ mây quang-minh bửu-tòa quang-minh. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.*

Phương trên, có: *“Bồ-Tát tên Vô-Ngại-Lực-Tinh-Tân-Huệ cùng vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến chỗ Phật”,* đồng thời dùng thần thông thực hiện: *“Mây quang-diệm báu vô-biên sắc-tướng ; mười thứ mây quang-diệm lưới báu ma-ni ; mười thứ mây quang-diệm tất cả Phật-độ trang-nghiêm rộng lớn ; mười thứ mây quang-diệm tất cả diệu-hương ; mười thứ mây quang-diệm tất cả trang-nghiêm ; mười thứ mây quang-diệm chư Phật biến hóa ; mười thứ mây quang-diệm các cây hoa đẹp ; mười thứ mây quang-diệm tất cả kim-cang ; mười thứ mây quang-diệm châu ma-ni hiện công-hạnh của vô-biên Bồ-Tát ; mười thứ mây quang-diệm tất cả đèn chơn-châu. Tất cả đầy khắp hư-không mà chẳng tan mất”.*

Tất cả các Bồ Tát, sau khi hướng Phật kính lễ cúng-dường, liền về tòa sư-tử ngồi kiết-già trên đó.

Các Bồ Tát của “tám hướng” cúng dường Phật với lễ vật là hết sức phong phú ! Và những gì sau đó còn cho thấy các “thế giới hải” là trùng trùng ...

“Các chư Bồ-Tát này đều có thể vào khắp trong tất cả vi-trần của tất cả pháp-giới-hải. Trong mỗi vi-trần đó đều có mười thế-giới vi-trần-số những cõi rộng lớn. Trong mỗi cõi này đều có tam-thế chư Phật Thế-Tôn”.

Những mô tả cho thấy: những gì thuộc thế giới vô hạn vượt rất xa – cho dù đó là sức tưởng tượng khác lạ và phong phú nhất.

Cuối phẩm này là những bài kệ của một số Bồ Tát Tán Thán công đức, trí tuệ, pháp Phật ... của đức Như Lai. Trước đó, đức Như Lai Cũng đã phóng quang minh từ giữa trán (vùng Ấn Đường) làm các cõi sáng rực ...

Phẩm thứ ba: Phổ Hiền Tam Muội

Trong kinh Hoa Nghiêm này, cho thấy: *“Trước mỗi đức Phật có thế-giới vi-trần Phổ-Hiền Bồ-Tát”* và *“cũng đều nhập tam-muội Nhất-Thiết-Chư-Phật-Tỳ-Lô-Giá-Na-Như-Lai-Tạng-Thân”*.

Phổ-Hiền Bồ-Tát – là biểu trưng “cánh tay phải” của đức Phật – giúp đức Phật tuyên dương giáo pháp để hoàn thành việc lợi ích chúng sinh .

Vì là “cánh tay phải” đặc lực của đức Phật, Phổ-Hiền Bồ-Tát còn là biểu thị về Lí, Định, Hành – có nghĩa: hiển bày sự viên mãn về lí trí, định tuệ và hành chứng của Như lai.

Với vị thế quan trọng, Phổ-Hiền Bồ-Tát được các chư Phật gia hộ để hoàn thành trách nhiệm to lớn nặng nề . Trong bộ kinh này cho hay: *“Lúc đó thập phương tất cả chư Phật liền ban cho Phổ-Hiền Bồ-Tát trí-lực vào được nhất-thiết-trí-tánh, ban cho trí vào pháp-giới vô-biên vô-lượng, ban cho trí thành-tựu cảnh-giới chư Phật, ban cho trí biết tất cả thế-giới thành hoại, ban cho trí biết chúng-sanh giới rộng lớn, ban cho trí trụ những tam-muội giải-thoát thậm thâm vô-sai-biệt của chư Phật, ban cho trí nhập căn tánh của tất cả Bồ-Tát, ban cho trí biết ngôn ngữ của tất cả chúng-sanh và từ biện chuyển pháp-luân, ban cho trí vào khắp thân pháp-giới, ban cho trí được thính-âm của tất cả Phật.*

Như trong thế-giới này Phổ-Hiền Bồ-Tát ở trước Như-Lai được chư Phật ban cho những trí như vậy, tất cả Phổ-Hiền Bồ-Tát ở trong vi-trần thế-giới cũng được như vậy. Tại sao thế ? Vì chúng tam-muội đó thời được như vậy”.

Tam muội, ở đây có nghĩa là nhập định (thay vì nghĩa ba pháp ấn: tất cả các pháp đều vô ngã, tất cả các hành đều vô thường, Niết Bàn là tịch lặng). Định là cứu cánh của con đường tu tập. Từ Định mà có Huệ – tức, trí tuệ Ba La Mật.

Xét ở một góc độ khác, bộ kinh Hoa Nghiêm này cũng cho hay: Để có được trí tuệ Ba La Mật Đa – do các chư Phật “liên thông” – để muốn liên thông được với các chư Phật – điều kiện tối thiểu và duy nhất là: phải đạt đến Định (đưa cơ thể vào trạng thái nhập định) . Có lẽ cũng cần phải nói thêm: với Vô vi, không có điều gì mang ý nghĩa xin-cho ; ban-tặng. Xin-cho ; ban-tặng đó là thuộc Hữu Vi, đó là “hành tà đạo”! Bởi ban tặng – tức có chủ thể sinh ra – một khi có sanh là có diệt. Vì vậy, ý nghĩa ban cho trong kinh này (do dịch chưa thoát ý) phải hiểu là: đó là lẽ tự nhiên – là điều mặc định: một khi đã đạt được Định, ngay lập tức đã tạo được các cầu nối – để liên thông trí tuệ với các chư Phật – và, một khi đã được liên thông trí tuệ với các chư Phật – hiển nhiên, trí tuệ mới ấy – được “cài đặt” tất cả

những gì là căn bản của một trí tuệ Ba La Mật. Những điều căn bản của một trí tuệ Ba La Mật – là những điều trong kinh nêu ở trên.

Cuối phẩm này là những bài kệ ca ngợi phẩm hạnh, công đức và năng lực trí tuệ của lực lượng Phổ Hiền Bồ Tát.

Trước hết là sự ca ngợi của các chư Phật:

*Tất cả công-đức Phật trí-lực
Các môn đại-pháp đều thành đủ
Dùng các tam-muội phương-tiện môn
Bày hạnh bồ-đề mình đã tập.*

*Tự-tại như vậy bất tư-nghì
Thập phương quốc-độ đều thị-hiện
Vì bày tam-muội đã khắp vào
Trong mây Phật-quang khen công-đức.*

Làm sao để có được *Định* của Phổ Hiền Bồ Tát ? Liệu rằng có pháp chuyên biệt nào để luyện mau chóng được chăng ?

Hẳn nhiên câu trả lời là: không có bất cứ một loại pháp nào được gọi là chuyên biệt – để chuyên luyện đạt được *Định* của Phổ Hiền Bồ Tát. Mà để đạt được *Định* của Phổ Hiền Bồ Tát thì phải giữ trọn vẹn: “*Bày hạnh bồ-đề mình đã tập*” (để hiểu rõ hơn vấn đề này, xin tham khảo: chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”)

Lúc đó, tất cả chúng Bồ-Tát đều hướng về phía Phổ-Hiền chấp tay chiêm ngưỡng, thừa thân-lực của Phật đồng nói kệ rằng :

Từ các Phật-pháp mà sanh ra
Cũng do Như-Lai nguyện-lực khởi
Chơn-như bình-đẳng tạng hư-không
Pháp-thân của ngài đã nghiêm-tịnh.

Tất cả Phật độ trong chúng hội
Phổ-Hiền ở khắp nơi trong đó
Quang-minh công-đức bực trí-hải
Chiếu khắp mười phương đều được thấy.

Phổ-Hiền công-đức biển rộng lớn
Quá khắp mười phương gần gũi Phật
Tất cả vi-trần có các cõi
Đều đến được kia mà hiện rõ.

Phật-tử chúng tôi thường thấy Ngài
Gần gũi tất cả chư Như-Lai
Trụ trong tam-muội cảnh chơn thật
Số kiếp vi-trần tất cả cõi.

Phật-tử hay dùng thân phổ-biến
Đều đến thập phương các cõi nước
Biển cả chúng-sanh đều tế độ
Pháp-giới vi-trần đều vào cả.

Vào nơi pháp-giới tất cả trần
Thân đó vô-tận không sai khác
Ví như hư-không đều khắp cùng
Diễn nói Như-Lai pháp rộng lớn.

Bực tất cả công-đức sáng chói
Rộng lớn như mây sức thù thắng
Trong biển chúng-sanh đều qua đến
Nói công-hạnh Phật pháp vô-đẳng.

Vì độ chúng-sanh nơi kiếp hải
Thắng hạnh Phổ-Hiền đều tu tập
Diễn nói các pháp như mây to
Thinh âm quang-đại đều nghe khắp.

Quốc-độ thế nào mà xuất hiện
Chư Phật thế nào mà xuất hiện
Nhẫn đến tất cả biển chúng-sanh
Mong theo nghĩa đó nói như thật.

Trong đây vô-lượng vô-biên chúng
Ở trước đức Phật đều cung kính
Vì chuyên thanh-tịnh diệu pháp-luân
Tất cả chư Phật đều tùy hỉ.

Phẩm thứ tư: **Thế Giới Thành Tựu**

Có thể mạnh dạn cho rằng: bộ kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh lý giải khá thỏa đáng nhiều ưu tư thắc mắc của người hành trì tu tập. Một trong những ưu tư thắc mắc lớn của người hành trì tu tập là: Nếu như sau khi chết đi, được sanh về cõi trời – thì cõi ấy như thế nào ? Khi đó ăn ở sinh hoạt ra sao ? Bộ kinh Hoa Nghiêm đã mô tả khái quát về những thế giới này.

Để không bị vướng mắc bởi những khái niệm, trước hết cần nói lại, rõ hơn, sâu hơn về khái niệm “thế giới hải:

“Thế giới hải này có các lớp phong luân nhiều như số bụi nhỏ của núi Tu di giữ gìn, lớp phong luân trên cùng nâng đỡ biển Hương thủy, biển Hương thủy này có hoa sen lớn tên là Chúng chúng quang minh nhụy hương chàng, thế giới hải Hoa tạng trang nghiêm trụ ở trong hoa sen này, có núi Kim cương luân bao bọc chung quanh. Tất cả đất đai trong núi Kim cương luân đều do kim cương tạo thành. Trong đất đai này lại có vô số biển Hương thủy nhiều như bụi nhỏ của các cõi Phật, chung quanh mỗi biển Hương thủy có vô số 4 thiên hạ nhiều như nước của các biển Hương thủy. Trong mỗi một biển Hương thủy cũng có vô số thế giới chúng nhiều như vi trần của các cõi Phật, mỗi mỗi thế giới chúng lại có vô số thế giới nhiều như bụi nhỏ của các cõi Phật. Biển Hương thủy ở ngay chính giữa có tên là Vô biên diệu hoa quang, mọc 1 hoa sen lớn, trên hoa sen có thế giới chúng gọi là Phổ chiếu thập phương xí nhiên bảo quang minh, 20 lớp thế giới trang nghiêm đều ở trong thế giới này, được sắp xếp có lớp lang, mỗi thế giới đều có vô số thế giới nhiều như bụi nhỏ của các cõi Phật bao bọc chung quanh, mỗi thế giới đều có Phật xuất hiện, giáo hóa chúng sinh. Nhị thập trùng thế giới cũng gọi Nhị thập trùng Phật sát, từ dưới lên trên là: 1. Thế giới Hoa tạng Tối thắng quang biến chiếu, nương vào hoa Chúng bảo ma ni mà an trụ, Phật hiệu là Li cầu đấng. 2. Thế giới Hoa tạng Chúng chúng hương liên hoa diệu trang nghiêm, nương vào lưới Bảo liên hoa mà an trụ, Phật hiệu là Sư tử quang thắng chiếu. 3. Thế giới Hoa tạng Nhất thiết bảo trang nghiêm phổ chiếu quang, nương vào các thứ ngọc báu mà an trụ, Phật hiệu là Tịnh quang trí thắng chàng. 4. Thế giới Hoa tạng Chúng chúng quang minh hoa trang nghiêm, nương vào biển Chúng sắc kim cương thi la chàng mà an trụ, Phật hiệu là Kim cương quang minh vô lượng tinh tiến lực thiện xuất hiện. 5. Thế giới Hoa tạng Phổ phóng diệu hoa quang, nương vào biển Nhất thiết thụ trang nghiêm bảo luân vòng mà an trụ, Phật hiệu là Hương quang hỷ lực hải. 6. Thế giới Hoa tạng Tịnh diệu quang minh, nương vào biển Kim cương cung

điện mà an trụ, Phật hiệu là Phổ quang tự tại. 7. Thế giới Hoa tạng Chúng hoa diệm trang nghiêm, nương vào biển Nhất thiết bảo sắc diệm mà an trụ, Phật hiệu là Hoan hỉ hải công đức danh xưng tự tại quang. 8. Thế giới Hoa tạng Xuất sinh uy lực địa, nương vào biển Chúng chủng bảo sắc liên hoa tọa hư không mà an trụ, Phật hiệu là Quảng đại danh xưng trí hải chàng. 9. Thế giới Hoa tạng Xuất diệu âm thanh, nương vào biển Hằng xuất nhất thiết diệu âm thanh trang nghiêm vân ma ni vương mà an trụ, Phật hiệu là Thanh tịnh nguyệt quang tướng vô năng tội phục. 10. Thế giới Hoa tạng Kim cương chàng, nương vào biển Nhất thiết trang nghiêm bảo sư tử tòa ma ni mà an trụ, Phật hiệu là Nhất thiết pháp hải tối thắng vương. 11. Thế giới Hoa tạng Hằng xuất hiện để quang bảo quang minh, nương vào biển Chúng chủng thù diệu hoa mà an trụ, Phật hiệu là Vô lượng công đức hải. 12. Thế giới Hoa tạng Quang minh chiếu diệu, nương vào biển Hoa toàn hương thủy mà an trụ, Phật hiệu là Siêu thích phạm. 13. Thế giới Hoa tạng Sa bà, nương vào lưới hoa sen được nâng đỡ bởi phong luân nhiều màu sắc mà an trụ, Phật hiệu là Tì lô giá na Như lai Thế tôn. 14. Thế giới Hoa tạng Tịch tĩnh li trần quang, nương vào biển Chúng chủng bảo y mà an trụ, Phật hiệu là Biến pháp giới thắng âm. 15. Thế giới Hoa tạng Chúng diệu quang minh đấng, nương vào biển Tịnh hoa vông mà an trụ, Phật hiệu là Bất khả tội phục lực phổ chiếu chàng. 16. Thế giới Hoa tạng Thanh tịnh quang biến chiếu, nương vào biển Chúng chủng hương diệm mà an trụ, Phật hiệu là Thanh tịnh nhật công đức nhãn. 17. Thế giới Hoa tạng Bảo trang nghiêm, nương vào biển Quang minh tạng ma ni tàng mà an trụ, Phật hiệu là Vô ngại trí quang minh biến chiếu thập phương. 18. Thế giới Hoa tạng Li trần, nương vào biển Chúng diệu hoa sư tử tòa mà an trụ, Phật hiệu là Vô lượng phương tiện tối thắng chàng. 19. Thế giới Hoa tạng Thanh tịnh quang phổ chiếu, nương vào biển Vô lượng sắc hương diệm tu di sơn mà an trụ, Phật hiệu là Phổ chiếu pháp giới hư không quang. 20. Thế giới Hoa tạng Diệu bảo diệm, nương vào biển Nhất thiết chư thiên hình ma ni vương mà an trụ, Phật hiệu là Phúc đức tướng quang minh”. (Theo Tự điển Phật Quang).

Bản thân của ngôn ngữ luôn thay đổi theo dòng chảy của thời gian, chỉ mới vài chục năm thôi, văn của nhà văn Hồ Biểu Chánh đã trở nên quá “quê mùa” ; nhích lâu hơn một chút: những gì gọi là tuyệt tác của đại thi hào Nguyễn Du sẽ dần trở nên rất khó “thăm thấu” đối với thế hệ kế tiếp ...

Vì vậy, khi tiếp cận với văn bản hàng ngàn năm – như các kinh Phật – để hiểu rõ là điều không dễ dàng – để có sự tin cậy (niềm tin) càng khó hơn. Song, một khi có đủ niềm tin – sự hiểu của con người sẽ vụt lớn hẳn lên rất nhiều – tựa như mới được ngoi từ đáy giếng lên vậy.

Để có thể dễ hình dung hơn về cách mô tả cổ xưa cách đây hàng ngàn năm này, hãy dùng khái niệm *cõi* – hoặc *nước* (quốc độ) – thậm chí có thể dùng cả khái niệm *ngân hà, thiên hà*.

Như vậy, trong cái vô hạn, có *vi trần số* những *cõi* (ngân hà, thiên hà) mà con người – không thể biết, không thể khám phá ra được – bởi còn trông cậy vào những công cụ phát minh, tức những thứ hỗ trợ – thuộc về hữu hạn (máy bay, đĩa bay ... những thứ này, cho dù cực kỳ hiện đại đến đâu đi chăng nữa – đều thuộc ngưỡng của hữu hạn. Và một khi thuộc về hữu hạn như thế thì chạm đến những gì thuộc vô hạn mãi mãi chỉ là câu chuyện của viễn tưởng).

Điều vô cùng tuyệt diệu là: chính con người – hoàn toàn có khả năng vượt qua những giới hạn của hữu hạn – để tự đi vào thế giới vô hạn .

“*Phổ-Hiền Bồ-Tát* bảo đại-chúng rằng : ‘*Chư Phật-tử ! Thế-giới-hải có mười việc mà chư Phật trong ba đời quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đã nói, hiện nói và sẽ nói. Những gì là mười ?*

*Chính là nhơn-duyên khởi thế-giới-hải,
chỗ trụ-nương của thế-giới-hải,
hình-trạng của thế-giới-hải,
thể-tánh của thế-giới-hải,
sự trang-nghiêm của thế-giới-hải,
sự thanh-tịnh của thế-giới-hải,
Phật xuất hiện nơi thế-giới-hải,
kiếp trụ của thế-giới-hải,
kiếp chuyển biến sai biệt của thế-giới-hải,
môn vô-sai-biệt của thế-giới-hải”.*

Như vậy, trong quá khứ, hiện tại và tương lai các chư Phật sẽ nói nhiều về mười vấn đề của các *cõi* (nước) xa xôi diệu vợi này, mười vấn đề đó là: *nhơn-duyên khởi* (sự hình thành) ; *chỗ trụ-nương* (nơi tồn tại) ; *hình-trạng* (hình dáng, thực trạng) ; *thể-tánh* (sự cấu tạo) ; *sự trang-nghiêm* ; *sự thanh-tịnh* ; *Phật xuất hiện* ; *kiếp trụ* (thời gian tồn tại) ; *kiếp chuyển biến sai biệt* (thời gian biến đổi) ; *môn vô-sai-biệt* (sự bất biến) của các thiên hà.

Và, Phổ Hiền Bồ Tát bắt đầu giảng về các thế giới của những *cõi* vô cùng xa xôi diệu vợi này:

1. Nguyên nhân nào mà có các cõi này ?

*Bồ-Tát tu hành những nguyện-hải
Khắp tùy chúng-sanh tâm chỗ muốn*

*Chúng-sanh tâm hạnh rộng vô-biên
Bồ-Tát quốc-độ khắp mười phương*

*Bồ-Tát thẳng đến nhứt-thiết-trí
Siêng tu các môn tự-tại-lực
Vô-lượng nguyện-hải khắp xuất sanh
Sát-độ rộng lớn đều thành-tựu.*

*Tu những hạnh-hải vô-lượng-biên
Vào cảnh-giới Phật cũng vô-lượng
Thanh-tĩnh thập phương các cõi nước
Mỗi mỗi cõi trái vô-lượng kiếp.*

*Chúng-sanh phiền-não làm loạn đục
Phân biệt ưa thích chẳng phải một
Tùy tâm tạo nghiệp bất-tu-nghi
Tất cả sát-hải đầy thành lập.*

Vân vân ...

Như vậy, có rất nhiều nguyên nhân hình thành các cõi (nước, quốc độ). Đó là do: Bồ-Tát tu hành những nguyện-hải ; Vô-lượng nguyện-hải khắp xuất sanh ; Vào cảnh-giới Phật cũng vô-lượng ... Đặc biệt là: Chúng-sanh phiền-não làm loạn đục ; Phân biệt ưa thích chẳng phải một ; Tùy tâm tạo nghiệp bất-tu-nghi Vì vậy, cho nên: Tất cả sát-hải đầy thành lập.

Theo từ điển Phật học, Sát hải ở đây có nghĩa là vũ trụ (thế giới, cõi, nước).

Bộ kinh Hoa Nghiêm thể hiện thế giới quan của triết lý Phật rất rõ và rất cụ thể. Chỉ có tính chất của thể loại báo chí mới thể hiện thành công như vậy. Thế giới quan trong triết lý Phật mở rộng đến vô cùng tận – qua các khái niệm cổ nhưng lại là rất mới đối với con người, như : *vi trần số – thế giới hải*. Chỉ mới gần đây thôi, loài người mới phát hiện ra những giải ngân hà là vô cùng tận (*vi trần số thế giới hải*). Thế giới quan trong triết lý Phật, một mặt nâng tầm nhận thức, mở rộng kiến thức nhân loại – song điều quan trọng hơn, đó là: sự cảnh tỉnh nhân loại. Chẳng hạn, *thế giới hải* của khái niệm “địa ngục” – đó là thế giới của những “loại người” chỉ nghĩ đến mình mà bất chấp tất cả, chà đạp lên tất cả – vì vậy, đây là thế giới của sự cấu xé khủng khiếp nhất ; đây là thế giới đầy rẫy, ngập tràn những tiếng rên xiết ; đây là thế giới của mọi sự đốn đau – sự đốn đau kéo dài đến bất tận. Tất cả những điều này rất cụ thể – bởi nó vẫn còn thuộc về nhận thức – cũng bởi đây không phải, chưa phải là *tánh không*. Chỉ một cơn đau răng thôi, đã là nhức buốt

tâm can – thể nhưng sự đau đớn của thể giới này là của toàn thân – khi từng miếng thịt bị rút ra khỏi cơ thể. Sự chết trong thể giới này là điều mơ ước lớn lao, đó là điều mong muốn tột cùng – song, điều đó là không thể – bởi liền sau sự chết, ngay lập tức là sự sanh. Không biết đến bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp như thế – để bù đắp cho những tội ác đã gây ra đối với muôn loài – khi còn được làm người. Triết lý Phật – luôn là lẽ thật – bởi sự vẽ vời chẳng thể mang lợi ích vĩnh hằng. Vậy mà, sự cảnh tỉnh từ triết lý đầy ấp tình thương yêu này – lại bị bỏ rơi, để ngoài tai, của không ít người. Đó là điều bất hạnh quá lớn cho nhân loại vậy.

2. Chỗ Nương trụ

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! mỗi mỗi thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần-số chỗ nương trụ. Hoặc nương tất cả trang-nghiêm mà trụ. Hoặc nương hư-không mà trụ. Hoặc nương bửu-quang-minh mà trụ. Hoặc nương bửu-sắc quang-minh mà trụ. Hoặc nương thanh-âm chư Phật mà trụ. Hoặc nương Kim-Cang hình đại-lực a-tu-la chúng-sanh như huyễn mà trụ. Hoặc nương thân các Thế-Chủ mà trụ. Hoặc nương thân chư Bồ-Tát mà trụ. Hoặc nương tất cả biển trang-nghiêm sai khác hạnh-nguyện Phổ-Hiền mà trụ. Chư Phật-tử ! Thế-giới-hải có thế-giới vi-trần-số chỗ nương trụ như vậy”.

Nhớ lại, trong bộ kinh Duy Ma, có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích. Ở nước này, dung mùi hương để **trụ**. Sao gọi là trụ ? Bởi: Phật cõi ấy *“không dùng văn tự để nói, chỉ dùng các mùi hương làm cho các Trời, người được luật hạnh. Các Bồ Tát đều ngồi dưới cây hương, nghe mùi hương mà nhiệm ấy đều được tam muội Nhưt thiết đức tạng. Được tam muội ấy đều được đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát”.* Như vậy, mỗi mỗi thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần-số chỗ nương trụ.

3. Hình trạng

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Thế-giới-hải có nhiều hình tướng sai khác, hoặc tròn, hoặc vuông, hoặc chẳng phải tròn vuông, hoặc hình như nước xoáy, hoặc hình như núi, hoặc hình như cây, hình như bông, hoặc hình như cung điện, như hình chúng-sanh, như hình Phật, có thế-giới vi-trần-số hình sai khác như vậy”.

4. Thể tánh

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết thế-giới-hải có các loại thể. Hoặc dùng tất cả bửu trang-nghiêm làm thể. Hoặc dùng một bửu-trang-nghiêm làm thể. Hoặc dùng tất cả bửu quang-minh làm thể. Hoặc dùng các thứ sắc quang-minh làm thể. Hoặc dùng tất cả quang-minh trang-nghiêm làm thể. Hoặc dùng kim-cang làm thể. Hoặc dùng Phật-lực nhiếp-trì làm thể. Hoặc dùng

tướng diệu-bửu làm thể. Hoặc dùng Phật biến-hóa làm thể. Hoặc dùng nhưt ma-ni làm thể. Hoặc dùng cực-vi-trần bửu làm thể. Hoặc dùng tất cả bửu-diệm làm thể. Hoặc dùng các thứ hương làm thể. Hoặc dùng bửu-hoa-quan làm thể. Hoặc dùng bửu ảnh-wọng làm thể. Hoặc dùng trang-nghiêm thị-hiện làm thể. Hoặc dùng nhưt âm thị-hiện cảnh-giới làm thể. Hoặc dùng bửu hình Bồ-Tát làm thể. Hoặc dùng bửu-hoa-nhụy làm thể. Hoặc dùng ngôn-âm của Phật làm thể. Có thể-giới vi-trần số thể như vậy”.

5. Trang nghiêm

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! nên biết thể-giới-hải có nhiều loại trang-nghiêm. Hoặc dùng trong những đồ trang-nghiêm hiện ra mây đẹp nhưt để trang-nghiêm. Hoặc dùng thuyết-minh công-đức của chư Bồ-Tát để trang-nghiêm. Hoặc dùng thuyết minh nghiệp báo của tất cả chúng-sanh để trang-nghiêm. Hoặc dùng thị-hiện nguyện-lực của chư Bồ-Tát để trang-nghiêm. Hoặc dùng biểu-thị ảnh-tượng của tam thế chư Phật để trang-nghiêm. Hoặc dùng trong một khoảng một niệm thị-hiện cảnh-giới thần-thông trải vô-biên kiếp để trang-nghiêm. Hoặc dùng xuất hiện thân của chư Phật để trang-nghiêm. Hoặc dùng xuất hiện tất cả mây hương báu để trang-nghiêm. Hoặc dùng thị-hiện những vật trân diệu quang-minh chiếu sáng trong tất cả đạo-tràng để trang-nghiêm. Hoặc dùng thị-hiện tất cả Phổ-Hiền hạnh nguyện để trang-nghiêm”.

6. Thanh tịnh

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết thể-giới-hải có thể-giới-hải vi-trần số môn phương-tiện thanh-tịnh. Chính là do thiện-căn của chư Bồ-Tát gần gũi thiện-trí-thức. Do thêm lớn những công-đức khắp pháp-giới. Do tu-tập những thắng-giải rộng lớn. Do quan-sát cảnh-giới của tất cả Bồ-Tát mà an-trụ. Do tu-tập những môn ba-la-mật đều viên-mãn. Do quán-sát những địa-vị của chư Bồ-Tát mà nhập trụ. Do xuất sanh tất cả thế nguyện thanh-tịnh. Do tu-tập những hạnh xuất-yếu. Do nhập tất cả biển trang-nghiêm. Do thành-tựu sức phương-tiện thanh-tịnh”.

7. Sự xuất hiện chư Phật

“Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết mỗi mỗi thể-giới-hải có thể-giới-hải vi-trần số Phật xuất hiện sai khác : hoặc hiện thân nhỏ, hoặc hiện thân lớn, hoặc hiện đoản-thọ, hoặc hiện trường-thọ, hoặc chỉ nghiêm-tịnh một quốc-độ, hoặc hiện nghiêm-tịnh vô-lượng quốc-độ, hoặc chỉ hiển thị pháp nhưt-thừa, hoặc hiển thị vô-lượng thừa, hoặc hiện điều-phục thiếu số chúng-sanh, hoặc hiện điều-phục vô-biên chúng-sanh, có vi-trần số sai khác như vậy”.

8. Kiếp trụ (thời gian tồn tại)

“*Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần-số kiếp trụ, hoặc có a-tăng-kỳ kiếp trụ, hoặc có vô-lượng kiếp trụ, hoặc có vô-biên kiếp trụ, hoặc có vô-đẳng kiếp trụ, hoặc có bất-khả-số-kiếp trụ, hoặc có bất-khả-xung-kiếp trụ, hoặc có bất-khả-tư kiếp trụ, hoặc có bất-khả-lượng kiếp trụ, hoặc có bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết kiếp trụ, có vi-trần số kiếp trụ như vậy'.*”

9. Kiếp chuyển biến sai biệt (thời gian biến đổi)

“*Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần số kiếp chuyển biến sai khác. Như là vì pháp như vậy nên thế-giới-hải có vô-lượng kiếp thành, kiếp hoại chuyển biến. Vì chúng-sanh nhiễm-ô ở nên thế-giới-hải thành kiếp nhiễm-ô chuyển biến. Vì chúng-sanh tu phước rộng lớn ở, nên thế-giới-hải thành kiếp nhiễm-tịnh chuyển biến. Vì tín-giải Bồ-Tát ở, nên thế-giới-hải thành-kiếp nhiễm-tịnh chuyển-biến. Vì vô-lượng chúng-sanh phát bồ-đề-tâm nên thế-giới-hải thuận kiếp thanh-tịnh chuyển biến. Vì thập phương tất cả chư Bồ-Tát vân tập nên thế-giới-hải vô-lượng kiếp đại trang-nghiêm chuyển biến. Vì chư Phật Thế-Tôn nhập Niết-bàn nên thế-giới-hải kiếp trang-nghiêm diệt chuyển biến. Vì chư Phật xuất hiện ra đời nên tất cả thế-giới-hải kiếp rộng lớn trang-nghiêm thanh-tịnh chuyển biến. Vì Như-Lai thần-thông biến hóa nên thế-giới-hải kiếp thanh-tịnh chuyển biến. Có vi-trần số kiếp chuyển biến như vậy'.*”

10. Môn vô sai biệt (sự bất biến)

“*Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng : 'Chư Phật-tử ! Nên biết thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần số sai biệt. Như là trong mỗi thế-giới-hải có thế-giới-hải vi-trần số thế-giới vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải chư Phật xuất hiện oai-đức thần-lực vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải tất cả đạo-tràng khắp thập phương pháp-giới vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải quang-minh của chư Phật khắp pháp-giới vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải chúng hội đạo-tràng của chư Phật vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải chư Phật biến hóa danh-hiệu vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải thanh-âm của chư Phật khắp thế-giới-hải vô-biên kiếp trụ vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải pháp-luân phương-tiện vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải tất cả thế-giới-hải vào khắp một vi-trần vô-sai-biệt. Trong mỗi thế-giới-hải mỗi vi-trần cảnh-giới rộng lớn của tất cả tam thế chư Phật đều hiện trong đó vô-sai-biệt. Có vi-trần số vô-sai-biệt như vậy'.*”

Như vậy, trong phẩm này, Phổ-Hiền Bồ-Tát đã giảng rất rõ về vi trần số thế giới hải. Trong mười yếu tố liên quan đến thế giới hải, sau mỗi yếu tố diễn giải là một bài kệ. Những bài kệ này thuyết minh, mô tả rõ hơn về những điều đề cập (xin tham khảo ở mục “tác phẩm kinh”)

Phẩm thứ năm: **Hoa Tạng Thế Giới**

Ở phẩm bốn, phẩm Thế giới Hải, cũng cho biết hết sức sơ lược rằng: trong vi trần số thế giới hải – có hai mươi Hoa Tạng Thế giới – được sắp xếp theo thứ tự lớp lang . Hai mươi Hoa Tạng thế giới được sắp xếp theo thứ tự lớp lang này ở trong một đài sen. Đài sen này nằm giữa biển Hương Thủy.

Điều chú ý là: mỗi Hoa Tạng Thế giới này lại có biển và vô lượng cõi Phật bao quanh, như vậy, với hai mươi Hoa Tạng thế giới, có hai mươi lần số biển và có hai mươi lần số vô lượng cõi Phật bao quanh. Biển ở trong biển nên gọi chung là Hoa Tạng Thế giới Hải .

Mở đầu phẩm này, Phổ-Hiền Bồ-Tát cho biết: *“Hoa-tạng thế-giới-hải này, do đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, thuở xưa (lập ra) – lúc tu hạnh Bồ-Tát – trải (qua) vi-trần số kiếp”*. Và, *“trong mỗi kiếp (đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai) gần gũi vi-trần số Phật. Và, “nơi mỗi Phật tu-tập (lại có) vi-trần số đại nguyện thanh-tịnh”*.

Như vậy: Hoa Tạng Thế giới Hải này ở đâu ra ? Do *vi-trần số đại nguyện thanh-tịnh* của *vi-trần số Phật*. Đây là một trong mười điều liên quan đến Thế giới hải – đã nêu trong phẩm bốn – và đây cũng có thể xem là một trong những nguyên lý cơ bản để hình thành ra một Thế giới hải (nói chung).

Vậy, vai trò của đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai như thế nào ? Vai trò của đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai vừa là nhà kiến tạo (Kiến trúc sư) vừa là nhà xây dựng. Có nghĩa: Những *đại nguyện thanh tịnh* là chất liệu (không có thì không thể làm gì được – mang tính nguyên lý) ; còn đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai là người tạo dựng lên hình hài thế giới một cách cụ thể.

Kế tiếp, Phổ-Hiền Bồ-Tát mô tả: Ở mỗi Hoa Tạng Thế giới này có một tháp khổng lồ như núi Tu Di (một ngọn núi ngọc quý rất lớn ở bên Tàu) Tháp này có nhiều tầng (tròn), mỗi tầng (tròn) có vi trần số nơi chứa vô lượng các của báu riêng.

Các tầng như sau:

Tầng dưới cùng, *“tên: bình-đăng-trụ . Tầng này là trụ đỡ cho tất cả các tầng trên. Tầng tiếp theo có tên: Xuất-sanh-chủng-chủng bửu-trang-nghiêm với vô-số ngọn lửa báu sáng rực rỡ.*

Tầng tiếp theo có tên: *Bửu-oai-đức* với vô số *ma-ni-vương sáng rỡ.*

Cứ như vậy, tầng này nối tiếp tầng kia, thành một ngọn tháp hung vĩ, khổng lồ.

Lần lượt các tầng như sau:

Tầng tiếp theo có tên: *Bình-đăng-diêm* với vô-số *bửu-linh.*

Tầng tiếp theo có tên: *Chủng-chủng Phổ-trang-nghiêm*, với: vô số *ma-ni-vương sáng như mặt trời*.

Tầng tiếp theo có tên: *Phổ-thanh-tịnh* với vô-số vòng hoa sáng chói.

Tầng tiếp theo có tên: *Thinh-biến-thập phương* với vô-số tòa sư-tử hoa báu chiếu sáng.

Tầng tiếp theo có tên: *Nhứt-thiết-bửu-quang-minh* với vô-số châu-vương.

Tầng tiếp theo có tên: *Tốc-tật-phổ-trì* với vô-số cây báu xum xuê trái *ma-ni-vương*.

Tầng tiếp theo có tên: *Chủng-chủng-cung-điện-du-hành* với mây tu-di tất cả hương *ma-ni*.

Tầng trên cùng là : *mây hương-đài* với tất cả bửu-sắc

Phổ-Hiện Bồ-Tát tiếp tục giảng giải:

Chư Phật-tử ! Lần lượt đến tu-di-son vi-trần số phong-luân, trên hết tên Thù-thắng-oai-quang-tạng có thể nhiếp-trì biển hương-thủy phổ-quang ma-ni trang-nghiêm.

Biển hương-thủy này có liên-hoa lớn tên Chủng-chủng-quang-minh-nhụy-hương-tràng.

Hoa-tạng thế-giới-hải trụ trong tràng đó, bốn phương bằng phẳng thanh-tịnh kiên cố, kim-cang-luân-son bao giáp vòng, những cây nơi đất biển đều có khu vực sai khác.

Như đã đề cập, qua Từ điển, thì: Hai mươi Hoa Tạng thế giới được sắp xếp theo thứ tự lớp lang (này) ở trong một đài sen. Đài sen này nằm giữa biển Hương Thủy.

Và, theo điển giải của Phổ-Hiện Bồ-Tát, có nghĩa: *vi trần số tu-di-son* (các tháp mô tả ở trên) là “trụ móng – đỡ đỡ *Thù-thắng-oai-quang-tạng*. *Thù-thắng-oai-quang-tạng* này (như tấm đệm) đỡ lấy *biển hương-thủy phổ-quang ma-ni*. Giữa biển Hương Thủy là đài sen – “cư dân” sống giữa đài sen ấy.

Rất đẹp !

Thực ra, hàng ngàn năm về trước, khi mà ngôn ngữ diễn đạt còn hết sức nghèo nàn – các khái niệm, đặc biệt là các thuật ngữ có tính chuyên sâu chưa nhiều – bên cạnh đó, sức hiểu của con người lại quá hẹp, khi đó họ tin rằng: trái đất là hình vuông – vì vậy, cho dù những gì các Phổ-Hiện Bồ-Tát THẤY là chân thực là rất nhiều, song, không thể dùng vốn liếng câu chữ ít ỏi của thời ấy để diễn đạt cho thật đầy đủ, trọn vẹn được.

Vì vậy, không thể lấy những hiểu biết hiện đại để áp đặt một cách máy móc lên những “xác ướp” của văn bản hàng ngàn năm trước đó.

Cũng nên biết thêm rằng: khái niệm hình cầu chỉ có được mãi về sau này. Còn cách đây hàng ngàn năm, có được thuật ngữ *phong luân* (tầng cuối, nền móng ... hình tròn) là đã tiến bộ lắm rồi !

Con người, sau khi chết – nếu không bị đọa địa ngục, không phải đội lột súc sinh, không bị vướng vào cõi Nga Quỷ (cõi âm) thì được lên cõi trời. Lên cõi trời (để tu tiếp cho đến khi thành Phật) – thì được ở nơi đẹp đẽ, thanh tịnh như vậy.

Có một số nhà sư cho rằng: một khi ở cõi trời như vậy, nếu như vì điều gì đó trở xuống nhân gian làm người – thì khi đó là người có tướng mạo đẹp tuyệt vời (tất nhiên điều này cần được tìm hiểu sâu hơn ở các kinh – chỉ có các kinh Phật chép lại những lời của Phật, của các vị Bồ Tát – với nguyên tắc tối thượng: tôn trọng lẽ thật – mới có thể mang đến sự tin cậy . Chính vì tôn trọng lẽ thật với tinh thần tối thượng – nên bản thân các kinh mới đủ yếu tố vượt thời gian hàng ngàn năm để tiếp tục vững chãi đi xa hơn thế rất nhiều).

Phổ-Hiền Bồ-Tát tả kỹ hơn về cấu tạo (địa tầng) và quang cảnh vừa nên thơ cũng lại vừa rất mực quý hiếm của Hoa Tạng thế giới:

"Chư Phật-tử ! Hoa-Tạng trang-nghiêm thế-giới-hải này, đại luân-vi-son ở trên liên-hoa-nhật-châu-vương, chiêm-đàn ma-ni làm thân, oai-đức bửu-vương làm chót, diệu hương ma-ni làm luân, diệm tạng kim cang hiệp thành, tất cả hương thủy chảy trong đó, rùng bằng châu báu, hoa tốt đua nở, cỏ thơm trái đất, minh-châu xen trang-nghiêm, khắp nơi đầy những hoa thơm, châu ma-ni làm lưới giăng trùm, có thế-giới-hải vi-trân số sự trang-nghiêm tốt-đẹp như vậy".

Cứ tiếp tục như vậy, Phổ-Hiền Bồ-Tát mô tả Hoa Tạng thế giới theo mười tiêu chí chung của Thế giới hải: *nhơn-duyên khởi ; chỗ trụ-nương ; hình-trạng ; thể-tánh của ; sự trang-nghiêm ; sự thanh-tịnh ; Phật xuất hiện ; kiếp trụ ; kiếp chuyển biến sai biệt ; môn vô-sai-biệt* của Hoa Tạng thế giới.

Và, từ Hoa Tạng thế giới này, Phổ-Hiền Bồ-Tát lại mô tả mười chín Hoa Tạng thế giới liền kề, tạo thành hai mươi lớp Hoa Tạng thế giới đẹp đẽ.

Song, không dừng ở đây, tiếp tục Phổ-Hiền Bồ-Tát mô tả bên phải, bên trái của biển Hương Thủy liền kề với biển nào – và nơi ấy có những Hoa Tạng thế giới hải ra sao ; rồi bên phải bên trái của biển liền kề mới ấy lại liền kề với biển nào và nơi ấy lại có những thế giới hải mới nữa ra sao v.v... cứ như thế ...

Mỗi nơi mỗi vẻ - không nơi nào giống nơi nào !

Sau đây là bài kệ nói lên những điều ấy một cách hết sức sinh động, hết sức độc đáo và rất mực đa dạng – **rất nên đọc**:

Hoa-Tạng thế-giới-hải
Pháp-giới đồng không khác
Trang-nghiêm rất thanh-tịnh
An-trụ nơi hư-không.

Trong thế-giới-hải này
Sát-chủng khó nghĩ bàn
Mỗi mỗi đều tự-tại
Đều riêng không tạp loạn.

Biển Hoa-Tạng-Thế-Giới
Sát-chủng khéo an bày
Hình khác, trang-nghiêm khác
Các loại tướng không đồng.

Chư Phật biến-hóa-âm
Nhiều loại làm thể đó
Tùy nghiệp-lực mà thấy
Sát-chủng nghiêm-sức đẹp.

Hình Tu-Di, thành, lưới,
Nước xoáy, hình tròn, vuông
Hoa sen nở rộng lớn
Cối cối bao quanh nhau.

Hình sơn-tràng, lâu-các
Hình kim-cang xây vòng
Những sát-chủng quảng-đại
Bất-tư-nghì như vậy.

Đại-hải, lửa chơn-châu
Quang-võng bất-tư-nghì
Những sát-chủng như vậy
Đều trụ nơi liên-hoa.

Mỗi mỗi những sát-chủng
Quang-võng bất-khả-thuyết
Trong quang hiện các cõi
Khắp cả mười phương biển.

Tất cả những sát-chủng
Bao nhiêu đồ trang-nghiêm
Quốc-độ hiện trong đó
Thấy khắp vô-cùng tận.

Sát-chủng bất-tư-nghì
Thế-giới-vô-biên-tê
Nhiều thứ trang-nghiêm đẹp
Đều do oai-lực Phật.

Trong tất cả sát-chủng
Thế-giới bất-tư-nghì
Hoặc thành, hoặc hư hoại
Hoặc cõi đã hư hoại

Ví như lá trong rừng
Có mọc cũng có rụng
Trong sát-chủng như vậy
Thế-giới có thành hoại.

Ví như trong rừng cây
Các thứ quả sai khác
Như vậy y sát-chủng
Các loài chúng-sanh trụ.

Ví như chủng-tử khác
Sanh quả đều sai khác
Vì nghiệp-lực sai khác
Cõi chúng-sanh không đồng.

Ví như tâm-vương bửu
Tùy tâm thấy màu sắc
Vì tâm chúng-sanh tịnh
Được thấy cõi thanh-tịnh.

Ví như đại long-vương
Nổi mây khắp hư-không
Như vậy Phật nguyện-lực
Xuất sanh các quốc-độ.

Như thuật-sĩ ảo-thuật
Hiển được các đồ vật
Vì nghiệp-lực chúng-sanh
Quốc-độ bất-tư-nghì.

Ví như những tượng màu
Của họa-sĩ sáng tác
Như vậy tất cả cõi
Tâm họa-sĩ làm thành.

Thân chúng-sanh khác nhau
Tùy tâm phân-biệt khởi
Như vậy các cõi nước
Không gì chẳng do nghiệp.

Ví như thấy chư Phật
Nhiều hình sắc sai khác
Tùy tâm hành chúng-sanh
Thấy các cõi cũng khác.

Ngàn đấng của các cõi
Bủa giăng lưới liên-hoa
Những tướng trạng không đồng
Trang-nghiêm rất thanh-tịnh.

Những lưới liên-hoa kia
Nơi sát-võng an-trụ
Bao nhiêu sự trang-nghiêm
Các loài chúng-sanh ở.

Hoặc có trong cõi nước
Hiểm trở không bình-thản
Do chúng-sanh phiền não
Thấy trong đó như vậy.

Tạp-nhiễm và thanh-tịnh
Vô-lượng thế-giới-chúng
Tùy tâm chúng-sanh khởi
Bồ-Tát-lực gia-trì

Hoặc có trong cõi nước
Tạp nhiễm và thanh-tịnh
Hoặc do nghiệp-lực khởi
Bồ-Tát chỗ hóa-độ.

Có cõi phóng quang-minh
Ly-cấu-bửu làm thành
Các thứ nghiêm-sức đẹp
Chư Phật khiến thanh-tịnh.

Trong mỗi thế-giới-chúng
Kiếp thiêu bất-tư-nghì
Hiện bày đầy hư ác
Nơi đó thường kiên cố.

Do nghiệp-lực chúng-sanh
Xuất sanh nhiều quốc-độ
Nương trụ nơi phong luân
Và nương thủy-luân trụ.

Thế-giới tự như vậy
Thấy nhiều loại không đồng
Như thiệt không có sanh
Cũng lại không diệt hoại.

Trong mỗi mỗi tâm niệm
Xuất-sanh vô-lượng cõi
Do oai-thần của Phật
Đều thấy tịnh không nhơ.

Có cõi bùn đất thành
Thê-chất rất cứng rắn
Đen tối không ánh sáng
Kẻ ác-nghiệp ở đó.

Có cõi kim-cang thành
Tạp nhiệm nhiều lo sợ
Khổ nhiều mà vui ít
Kẻ phước mỏng ở đó.

Có cõi toàn bằng sắt
Hoặc cõi xích-đồng thành
Núi đá hiểm đáng sợ
Kẻ tội ác đầy dẫy.

Trong cõi có địa ngục
Chúng-sanh khổ khó cứu
Luôn ở trong đen tối
Biển lửa thường thiêu đốt.

Hoặc lại có súc-sanh
Biết bao hình xấu-xí
Do nơi tự ác-nghiệp
Thường thọ các khổ-não

Hoặc có cõi Diêm-La
Luôn khổ nỗi đói khát
Trèo lên núi lửa to
Chịu những khổ rất nặng.

Hoặc có các quốc-độ
Bảy báu hiệp lại thành
Bao nhiêu là cung-điện
Do tịnh-nghiệp tạo nên.

Các Ngài xem thế-gian
Trong đó Trời và Người
Quả tịnh-nghiệp thành-tựu
Tùy thời hưởng khoái lạc.

Trong mỗi mỗi chơn lông
Ức cõi bất-tư-nghì
Các thứ tướng trang-nghiêm
Chư từng có chật hẹp.

Chúng-sanh nghiệp sai khác
Thế-giới nhiều vô-lượng
Trong đó sanh thủ-trước
Thọ khổ vui chẳng đồng.

Có cõi thuần châu báu
Thường phóng vô-biên-quang
Kim-cang diệu liên-hoa
Trang-nghiêm tịnh vô-cầu

Có cõi bằng ánh-sáng
Y quang-luân an-trụ
Kim-sắc hương chiên-đàn
Diệm-vân khắp sáng soi.

Có cõi bằng nguyệt-luân
Hương-y trái khắp nơi
Nơi trong một liên-hoa
Bồ-Tát ngồi đầy khắp.

Có cõi bằng châu báu
Hình sắc không bợn nhơ
Ví như lưới Thiên-đế
Quang-minh thường chiếu sáng.

Có cõi bằng chất hương
Hoặc là hoa Kim-cang
Ma-ni quang hiện bóng
Nhìn xem rất thanh-tịnh.

Hoặc có nan-tư-cõi
Hoa xoay kết hợp thành
Trong đó đầy Hóa-Phật
Bồ-Tát khắp sáng rực.

Hoặc có cõi thanh-tịnh
Toàn là những cây hoa
Nhánh đẹp che đạo-tràng
Mây ma-ni giăng khắp.

Có cõi tịnh-quang chiếu
Hoa Kim-Cang làm thành
Có âm-thinh Hóa-Phật
Vô-biên giảng thành lưới.

Có cõi như Bồ-Tát
Mão tốt đẹp ma-ni
Hoặc cõi hình bửu-tòa
Từ quang-minh biến hóa.

Hoặc là mặt chiêm-đàn
Hoặc là bạch-hào-quang
Hoặc tiếng trong Phật-quang
Mà thành cõi đẹp đó.

Hoặc thấy cõi thanh-tịnh
Dùng một quang trang-nghiêm
Hoặc thấy nhiều trang-nghiêm
Các cõi đều kỳ-diệu.

Hoặc dùng mười quốc-độ
Vật đẹp để trang-sức
Hoặc dùng ngàn quốc-độ
Tất cả để trang-nghiêm.

Hoặc dùng ức quốc-độ
Trang-nghiêm nơi một cõi
Những hình tướng chẳng đồng
Đều như bóng tượng hiện.

Bất-khả-thuyết quốc-độ
Trang-nghiêm nơi một cõi
Mỗi vật phóng quang-minh
Do nguyện-lực của Phật.

Hoặc có những quốc-độ
Do nguyện-lực thanh-tịnh
Trong các vật trang-nghiêm
Khắp thấy những sát-hải.

Người tu nguyện Phổ-Hiền
Cảm thành cõi thanh-tịnh
Tam-thế cõi trang-nghiêm
Trong đây hiện đủ cả.

Phật-tử nên quán-sát
Sát-chủng oai-thần-lực
Những quốc-độ vị-lai
Như mộng đều khiến thấy.

Những thế-giới mười phương
Những quốc-độ quá-khứ
AĐều ở trong một cõi
Hiện tượng như huyễn-hóa.

Tất cả Phật tam-thế
Và quốc-độ chư Phật
Ở trong một sát-chủng
Đều xem thấy tất cả.

Thần-lực của chư Phật
Trong trần hiện các cõi
Các loại đều thấy rõ
Như bóng không chơn thiệt.

Hoặc có nhiều cõi nước
Hình trạng như biển cả
Hoặc như núi Tu-Di
Thế-giới bất-tư-nghì.

Có cõi an-trụ tốt
Hình như lưới Thiên-Đế
Hoặc hình như rừng cây
Chư Phật đầy trong đó.

Hoặc hình như bửu-luân
Hoặc trạng như liên-hoa
Tám góc trang-nghiêm đẹp
Mọi nơi đều thanh-tịnh

Hoặc như hình bửu-tòa
Hoặc có cõi ba góc
Hoặc như Khư-lặc-ca
Thành-quách, thân Phạm-Vương.

Hoặc như tóc Thiên-chủ
Hoặc như hình bán-nguyệt
Hoặc như núi ma-ni
Hoặc như hình mặt nhật.

Hoặc có những thế-giới
Hình như hương-hải xây
Hoặc làm vòng quang-minh
Xưa Phật đã nghiêm-tịnh.

Hoặc như hình trục xe
Hoặc hình đàn cúng tế
Hoặc như tướng bạch-hào
Nhục-Kế, mắt rộng dài.

Có cõi hình Phật-thủ
Hoặc như chày Kim-cang
Hoặc như hình Diệm-sơn
Bồ-Tát ở đầy khắp

Hoặc hình như sư-tử
Hoặc như hình con ngao
Hoặc hình chim chào mào
Thế-tánh đều sai khác.

Ở trong một sát-chủng
Hình các cõi vô-tận
Đều nhờ nguyện-lực Phật
Hộ-niệm nên an-trụ.

Có cõi trụ một kiếp
Có cõi trụ mười kiếp
Nhấn đến hơn trăm ngàn
Thế-giới vi-trần-số.

Hoặc ở trong một kiếp
Thấy cõi có thành hoại
Hoặc vô-lượng vô-số
Nhấn đến bất-tư-nghì.

Hoặc có cõi có Phật
Hoặc có cõi không Phật
Hoặc có chỉ một Phật
Hoặc có vô-lượng Phật.

Cõi nào nếu không Phật
Thời có Phật cõi khác
Biến-hóa đến cõi đó
Đề thị-hiện phật-sự :

Từ trời giáng thân xuống
Trụ-thai và đản sanh
Hàng ma thành chánh-giác
Chuyển vô-thượng pháp-luân.

Tùy lòng chúng ưa thích
Thị-hiện nhiều tướng mạo
Vì họ chuyển pháp-luân
Hạp căn tánh của họ.

Trong mỗi mỗi cõi Phật
Một Phật hiện ra đời
Trải qua ngàn ức năm
Diễn thuyết pháp vô-thượng.

Chúng chẳng phải pháp-khí
Không thấy được chư Phật,
Nếu ai tâm mê thích
Mọi nơi đều thấy Phật.

Trong mỗi mỗi sát-độ
Đều có Phật ra đời
Chư Phật trong các cõi
Ức số bất-tư-nghì.

Mỗi mỗi Phật trong đây
Hiện vô-lượng thân-biến
Đều khắp trong pháp-giới
Điều-phục các chúng-sanh.

Có cõi không ánh sáng
Đen tối nhiều lo sợ
Đau khổ tợ dao đâm
Kẻ thấy tự đau xót.

Hoặc ánh sáng chư Thiên
Hoặc ánh sáng cung-điện
Hoặc ánh sáng nhật-nguyệt
Sát vông khó nghĩ bàn.

Có cõi tự chiếu sáng
Hoặc cây báu chói rực
Chưa từng có khổ não
Do phước-lực chúng-sanh.

Hoặc có núi chiếu sáng
Hoặc ánh sáng ma-ni
Hoặc dùng đèn soi sáng
Đều do nghiệp-lực cả.

Hoặc quang-minh của Phật
Trong đó đây Bồ-Tát
Hoặc liên-hoa chiếu sáng
Màu rực-rỡ rất xinh.

Có cõi bông chiếu sáng
Hoặc dùng hương-thủy chiếu
Hương đốt, hương thoa sáng
Đều do nguyện-lực tốt.

Có cõi mây sáng chiếu
Ngọc ma-ni chiếu sáng
Hoặc Phật-quang sáng soi
Tuyên thuyết tiếng đẹp dạ.

Hoặc châu báu chiếu sáng
Hoặc kim-cang sáng chiếu
Tiếng thanh-tịnh vang xa
Dứt trừ các sự khổ.

Hoặc có sáng ma-ni
Hoặc đồ trang-nghiêm sáng
Hoặc ánh sáng đạo-tràng
Chiếu sáng khắp chúng-hội.

Phật phóng đại quang-minh
Hóa-Phật đầy trong đó
Quang-minh chiếu mọi nơi
Khắp cùng cả pháp-giới.

Có cõi rất đáng sợ
Tiếng gào thét kêu khổ
Tiếng rên rỉ não nùng
Ai nghe cũng ghê sợ.

Đường địa-ngục súc-sanh
Và đến cõi Diêm-La
Thế-giới trước ác này
Thường vang tiếng đáng vui

Đẹp ý thuận chánh-pháp
Đây do tịnh-nghiệp được.
Hoặc có những quốc-độ
Thường nghe tiếng Đế-Thích

Hoặc nghe tiếng Phạm-Thiên
Và tiếng các Thế-Chủ.
Hoặc có những quốc-độ
Trong mây vang tiếng diệu

Biển báu cây ma-ni
Và tiếng nhạc đầy khắp.
Trong viên-quang chư Phật
Hóa-thỉnh vô cùng tận

Và Bồ-Tát tiếng diệu
Nghe khắp mười phương cõi.
Quốc-độ bất-tư-nghì
Tiếng pháp-luân thường chuyển

Nguyện-hải vang ra tiếng
Tiếng diệu-âm tu hành.
Tam-thế tất cả Phật
Xuất-sanh các thế-giới

Danh-hiệu đều đầy đủ
Thinh-âm vô cùng tận.
Có cõi thường được nghe
Lực-âm của chư Phật

Địa, độ và vô-lượng
Diễn nói những pháp đó.
Sức thế-nguyện Phổ-Hiền
Ức cõi diễn diệu-âm

Tiếng đó như sấm vang
Trụ kiếp cũng vô-tận.
Phật ở cõi thanh-tịnh
Thị-hiện tiếng tự-tại

Trong pháp-giới mười phương
Tất cả đều nghe được.

Phẩm thứ sáu: Tỳ Lô Giá Na

Có lẽ khi Phổ Hiền Bồ Tát đề cập đến nguồn cội Hoa-tạng thế-giới-hải:

“*Hoa-tạng thế-giới-hải này, do đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, thuở xưa (lập ra) – lúc tu hạnh Bồ-Tát – trải (qua) vi-trần số kiếp*”.

Hoa Tạng Thế giới Hải do *vi-trần số đại nguyện thanh-tịnh* của *vi-trần số Phật*. Trong đó vai trò của đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai vừa là nhà kiến tạo (Kiến trúc sư) vừa là nhà xây dựng. Có nghĩa: Những *đại nguyện thanh tịnh* là chất liệu (không có thì không thể làm gì được – mang tính nguyên lý) ; còn đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai là người tạo dựng lên hình hài thế giới một cách cụ thể.

Nhân tiện, xin nhắc thêm: nguyên lý mang tính quyết định tạo nên một thế giới hải đó là: hoặc do đại nguyện của các chư Phật ; hoặc do tạo tác nghiệp của chúng sanh mà thành (ví dụ như thế giới hải của địa ngục v.v...) – và có thể còn do những nguyên nhân khác nữa. Nguyên lý này mang tính quyết định bởi đây là *chất liệu* – còn tạo ra một thế giới hải cụ thể – thì do một chư vị nào đó – khi *duyên hợp* mà cụ thể tạo thành. Các thế giới hải này – không phải do một *chủ thể* nào sanh ra nên: **không sanh-không diệt**.

Sẽ rất là tự nhiên, và cũng là lẽ hiển nhiên khi phát sinh ra câu hỏi rằng: Hoa-tạng thế-giới-hải “do đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai tạo ra” – vậy, đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai là ai ? Như thế nào ?

Tương chừng câu hỏi là đơn giản – song, kỳ thực, nếu không khéo – sẽ khiến đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai là **chủ thể** – là người **sanh ra** Hoa Tạng Thế giới Hải. Một khi nói không khéo, để sai lệch: đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai là người **sanh ra** Hoa Tạng Thế giới Hải thì: Hoa Tạng Thế giới Hải cũng phải **diệt**.

Cho nên, tên phẩm này rõ ràng là: Tỳ-Lô-Giá-Na, song Phổ Hiền Bồ Tát lại không một chút nào đề cập đến đức Tỳ-Lô-Giá-Na.

Vậy, Phổ Hiền Bồ Tát bị lạc đề chăng ?

Chẳng lạc đề chút nào .

Vậy, Phổ Hiền Bồ Tát bị “bí tắc” gì sao ?

Phổ Hiền Bồ Tát, “cánh tay phải” của đức Như Lai, với trí tuệ Ba La Mật Đa nên không có gì là “bí tắc”.

Vậy, có sao Ngài im lặng ? (Không đã động chút nào ?)

Im lặng cũng là câu trả lời.

Phổ Hiền Bồ Tát dùng một câu chuyện khác – rất hấp dẫn, rất lôi cuốn và mang tính giáo hóa rất sâu sắc – như là một “điển hình” về ước mơ thành tựu của loài người, để thay cho câu trả lời. Có thể, do trải qua hàng ngàn năm, những người trẻ tuổi “ngao ngán” khi đọc câu chuyện dẫn dắt của Phổ Hiền Bồ Tát – song, kỳ thực, đó là câu chuyện không nhàm chán chút nào (vào thời bấy giờ) – mà đó còn là câu chuyện mang đậm chất sử ca, rất đẹp.

Xin tóm gọn, câu chuyện kể rằng:

Ngày xưa ngày xưa, cách đây hàng vi trần số kiếp, *trong thế-giới-hải này có thế-giới tên Thắng-Âm có biển ma-ni-võng*, với rất nhiều núi ngọc vây quanh, phía trên là tầng tầng mây báu giăng che, ánh sang rực rỡ. Thế giới này *vô-lượng sự trang-nghiêm và hanh-tịnh không như ướ*.

Trong cõi *Thắng-Âm* lại có “hồ” rất lớn tên *Thanh-Tịnh-Quang-Minh-Hương-Thủy*, có khu rừng lớn tên *Ma-Ni-Hoa-Chi-Luân*, với cơ man hoa báu đua nở khoe muôn sắc, muôn hương. Nơi đây, ngập tràn tiếng *nhạc hòa vui, hương vân chói sang*. Và, chao ơi, có muôn vàn những tòa lâu đài nguy nga tráng lệ ! Bao quanh cõi này lại có trùng trùng lớp lớp thành quách. Cư dân trong đó sống thanh bình yên vui. Loài người ở đây thọ đến hai tiểu-kiếp, tức trên ba mươi triệu năm. Các nhu cầu về ăn uống sinh hoạt hiện theo sự ước muốn của mỗi người.

Do đâu lại có một cõi loài người như thế ? Phổ Hiền Bồ Tát muốn có một câu hỏi về nguồn cội đích đáng như thế ! Như vậy, sự trả lời vừa thiết thực – lại có tính giáo hóa cao.

Về nguyên lý: Đó không phải là ước mơ không tưởng, không phải là sự hảo huyền ! Tất cả đều là hiện thực khi – và chỉ khi: sự tạo tác nghiệp của tất cả chúng sanh đều là sự tạo tác nghiệp điều lành – và, bên cạnh đó, đại nguyện lực của các chư vị Bồ Tát, các chư Phật sẽ giúp hình thành một cõi thanh tịnh như vậy được nhanh chóng.

Một khi sự tạo tác nghiệp của tất cả chúng sanh đều là sự tạo tác nghiệp điều lành – điều hiển nhiên là sẽ không có các cõi: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ để “đi-về” – và cùng với trí tuệ Phật – thì sẽ không có cõi A-Tu-La (cõi của Thánh, Thần). Như vậy chỉ còn có cõi Phật và cõi người.

Một khi sự tạo tác nghiệp của tất cả chúng sanh đều là sự tạo tác nghiệp điều lành và cùng với trí tuệ Phật, thì – điều hiển nhiên là: thế giới người ấy là thế giới của *vô vi* – với những quy luật, định luật, nguyên lý ... mang tính tuyệt đối – thuộc *vô hạn* – thì những điều mô tả trên sao có thể gọi đó là ảo tưởng, hảo huyền ?!

Câu chuyện của Phổ Hiền Bồ Tát tiếp tục rằng:

Phía đông khu rừng lớn *Ma-Ni-Hoa-Chi-Luân* là kinh đô của nhà vua, xung quanh kinh đô ấy là trùng trùng lớp lớp thành quách bao quanh trên một chu vi vô cùng

rộng lớn. Những thành quách, hào bấu này đều kết cấu bằng ngọc quý. Nơi những hào bấu bao quanh này, bốn mùa *hoa sen bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng đua nở khoe xinh*. Trong kinh đô, muôn vàn “công viên” rộng, trong đó *những loại cây tạp-hương, cây ma- ni-hương, mùi thơm lan khắp nơi ; những bầy chim đẹp* luôn líu lo ca hát ...

Cư dân của cõi Thắng – Âm đều được phép thần thông *bay đi tự-tại, nét hạnh như chư Thiên, những vật nhu-cầu, theo ý muốn hiện đến*.

Chư Phật-tử ! Thế-giới Thắng-Âm, trong kiếp tối sơ, có mười tu-di-sơn vi-trần-số Như-Lai ra đời. Đệ nhất là đức Nhất-Thiết-Công-Đức-Sơn-Tu-Di-Thắng-Vân.

Trong thế-giới Thắng-Âm có sáu mươi tám ngàn ức Tu-Di-Sơn, Phật đều hiện thân ngồi trên đỉnh núi, như hiện đang ngự trên bửu-tọa tại rừng Ma-Ni-Hoa-Chi-Luân.

Đức Phật phóng bạch hào tướng quang, quang-minh này tên phát-khởi-nhứt-thiết-thiện-căn-âm, kèm theo mười phật-sát vi-trần-số quang-minh, chiếu khắp cả quốc-độ ở mười phương.

Nếu có chúng-sanh đáng được điều-phục, thời ánh sáng đó chiếu đến họ, liền được tự khai ngộ, dứt phiền não, phá lưới mê, xô ngã núi chướng, sạch cấu trược, phát tín giải lớn, sanh thiện-căn thù thắng, lìa hẳn tất cả nạn khủng bố, diệt trừ tất cả khổ-não nơi thân-tâm, khởi tâm thấy Phật, hướng đến nhứt-thiết-trí.

Bấy giờ tất cả vua chúa cùng vô-lượng trăm ngàn quyến thuộc, nhờ quang-minh của Phật khai giác nên đều đến chỗ Phật ngự, đầu mặt lạy chơn Phật.

Chư Phật-tử ! Trong đại thành Diệm-Quang-Minh, Quốc-Vương-Hỷ-Kiến-Thiện-Huệ thống lãnh cả trăm vạn ức na-do-tha thành (na-do-tha: triệu . Ở đây mô tả vị Vua này thống lãnh cả “hành tinh” Thắng Âm).

Chánh cung: Phu-Nhơn Phước-Kiến-Tường ; thứ cung và cung tần có vạn bảy ngàn Phu-Nhơn thế nữ.

Thái-Tử Đại-Oai-Quang là lớn và là Thái tử đứng đầu trong năm trăm Vương-tử. Thái-Tử này có một vạn Phu-Nhơn (người vợ) và Diệu-Kiến phu-nhơn là chánh.

Với tuổi thọ trên ba mươi triệu năm, số vợ và con của vua và Thái Tử hẳn nhiên là rất lớn như vậy.

Điều đáng chú ý hơn cả trong câu chuyện này là: các chư Phật hội tụ ở đây (để tu luyện) rất nhiều – bởi sự trang nghiêm, thanh tịnh của cõi này có được. Sự trang nghiêm, thanh tịnh của cõi này có được là bởi do tất cả chúng sanh đều trang nghiêm, thanh tịnh. Trong đó, Vua, Hoàng hậu, các Thái tử, Vương tử ... đều dốc tâm hướng về Phật.

Thái Tử Đại-Oai-Quang là người toàn tâm, toàn ý hướng về Phật và tỏ ngộ:

Lúc đó, Đại-Oai-Quang-Bồ-Tát, do thấy và cúng-dường đức Phật Nhất-Thiết-Công-Đức-Tu-Di-Thắng-Vân, nên tâm được tỏ ngộ, rồi vì thế-gian mà hiển thị hạnh-hải thuở xưa của Như-Lai, hiển thị phương-tiện tu hành của Bồ-Tát thuở xưa, hiển thị trí thanh-tịnh vào khắp tất cả pháp-giới, hiển thị sức thành Phật tự tại trong tất cả đạo-tràng, hiển thị lực vô-sở-úy trí vô sai biệt của Phật, hiển thị khắp thị hiện thân Như-Lai, hiển thị thân biến bất-khả-tư-nghì của Phật, hiển thị trang-nghiêm thanh-tịnh vô-lượng Phật-độ, hiển thị những hạnh nguyện của Phổ-Hiền Bồ-Tát.

Vì thế-gian hiển thị như vậy khiến tu-di-son vi-trần-số chúng-sanh phát bồ-đề-tâm. Phật-sát-vi-trần-số chúng-sanh thành tựu Như-Lai thanh-tịnh quốc-độ.

Thái Tử tỏ ngộ, hằng hà sa số chúng sanh ở cõi Thắng-Âm này cũng tỏ ngộ, phát Bồ Đề tâm – và sau đó hằng hà sa số Bồ Tát ở cõi Thắng-Âm này đạt đạo quả thành Phật. Sau khi vua Đại-Oai-Quang băng hà, thành Phật, người kế vị, Đại-Oai-Quang Đồng-tử (Đại-Oai-Quang con) – cũng theo gương vua cha, giữ gìn cõi Thắng-Âm luôn trang nghiêm, thanh tịnh.

Đó là câu chuyện mà Phổ Hiền Bồ Tát muốn gợi đến cho các chúng sanh vậy.

Qua câu chuyện này có một ý thâm trầm khác mà Bồ Tát muốn đề cập: đâu phải cứ xuất gia là mới đủ thanh tịnh, trang nghiêm ?!

Đề đến khi về được cõi thanh tịnh trang nghiêm như sở nguyện, trước mắt phải giữ thanh tịnh trong bản thân, gia đình, tổ ấm của mình.

Muốn có được thanh tịnh để mà giữ gìn – mỗi người lại phải giữ tròn đầy cái *hạnh* của mình. Nếu như tất cả mọi người đều giữ trọn vẹn đầy đủ cái *hạnh* của mình – theo chuẩn mực của một Bồ Tát mới phát tâm tu tại gia thì không những mình hạnh phúc mà gia đình hạnh phúc ; không những gia đình hạnh phúc mà quốc gia hạnh phúc ; không những quốc gia hạnh phúc mà nhân loại được hạnh phúc.

Vậy cái *hạnh* của Bồ Tát mới phát tâm tu tại gia là gì mà ghê gớm đến vậy ?

Chẳng có gì là ghê gớm, đó là: Giữ ngũ giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Bố thí, Thiền định và Trí tuệ. Trong giữ ngũ giới gồm: không sát sanh ; không trộm cắp ; không tà dâm ; không uống rượu ; không nói dối, bịa đặt, hai lời (xin tham khảo thêm trong phần chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Phẩm thứ bảy: Như Lai danh hiệu

Nếu như trong phẩm đầu tiên, đức Phật Thích Ca Mâu Ni “ra mắt” trong một đại hội siêu-siêu hoành tráng, phải dùng tên gọi “vân tập” mới tương đối diễn tả được – thì ở đây, tựa như buổi “làm việc” đầu tiên của Ngài với “tân nội các” vậy.

Đầu tiên là sự xuất hiện của vi-trần-số Bồ Tát *thuộc bực nhưt-sanh-bồ-xứ, từ phương khác, đồng vân tập đến*. Tất cả cá vị Bồ Tát này đều tinh thông: *quan-sát chúng-sanh-giới, pháp-giới, thế-giới, niết-bàn-giới, các nghiệp quả báo, tâm-hành thứ đệ, tất cả văn nghĩa thế-gian, xuất thế-gian, hữu-vi-trần, vô-vi, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*.

Vấn đề của các Bồ Tát Bồ xứ (Bồ Tát kế cận đức Phật) đặt ra để đức Thế Tôn thuyết giải là: Phật-sát, Phật-sát trang-nghiêm, Phật-sát thanh-tĩnh, Phật-sát thể-tánh, Phật-sát thành-tựu, Phật-trụ, Phật-pháp-tánh, Phật-thuyết-pháp, Phật oai-đức, Phật đại bồ-đề.

Phật-sát có nghĩa là chùa. Như vậy những vấn đề các Bồ Tát Bồ xứ này đặt ra liên quan nhiều đến chùa.

Và, các Bồ Tát lại nêu tiếp những vấn đề khác để Như Lai thuyết giải, đó là: *thập-trụ, thập-hạnh, thập hồi-hướng, thập-tạng, thập-địa, thập-nguyện, thập-định, thập-thông, thập-đảnh của Bồ-Tát*.

Đó là: *Như-Lai địa, Như-Lai cảnh-giới, Như-Lai thần-lực, Như-Lai vô-úy, Như-Lai tam-muội, Như-Lai thần-thông, Như-Lai tự-tại. Như-Lai vô-ngại, nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý của Như-Lai, Như-Lai biện-tài, Như-Lai trí-huệ, Như-Lai tối-thắng*.

Đến đây, có lẽ mọi người đều đang chờ đợi nơi Thế Tôn một “bài” diễn thuyết hùng hồn của một biện tài siêu đẳng – song, đó chỉ là: *“Lúc đó đức Thế-Tôn rõ tâm niệm của chư Bồ-Tát, đều tùy theo từng loại mà vì họ hiện thân-thông”*.

Có lẽ mọi người thất vọng gì chăng ? Đức Thế Tôn từng nói trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” với đại ý rằng: *“Thuyết mà không thuyết mới gọi là thuyết”*. (Thực ra, đây là “siêu” thuyết – dùng thần thông để giáo hóa, để giúp cho chúng sanh tỏ ngộ. Một ý nghĩa khác của câu này xin xem ở mục “Triết lý riêng biệt”).

“Ngộ tại tâm”, đó là câu nói khá phổ biến, không sai, song chưa đủ: còn có sự ngộ ngoài tâm, đó là: sự gia hộ của các chư vị Bồ Tát, của các chư Phật (xem thêm phần “Tâm và Tâm linh”).

Cho dù vi-trần-số Bồ Tát đó đều là *thuộc bậc nhứt-sanh-bổ-xứ* – song những điều cần đức Thế Tôn thuyết giải – ở nơi từng người một là hoàn toàn sai biệt (khác nhau) – cho nên, sự thần thông chuyển hóa đến vi-trần-số Bồ Tát đó đều là những thần thông khác nhau. Một sự vi diệu vượt sức tưởng tượng ! Đây cũng là nội dung của phẩm này muốn giới thiệu đến cho mọi người.

Vì vậy, phải luôn nhận thức rằng: sự giáo hóa, sự tiếp nhận bằng lời nói, bằng văn tự ... chỉ là hữu hạn, và là rất giới hạn. Cũng chính vì vậy, có những bậc phụ huynh, nói như van xin nơi con, cháu mình ... song, điều đó có khi chỉ là “nước đổ là khoai” – bởi, những lời nói đến mức như van xin ấy cũng không thể thắng nổi cái nghiệp lực đang tồn tại nơi con, cháu mình (“Tâm và Tâm linh”). Chỉ có: “*Thuyết mà không thuyết mới gọi là thuyết*” – để làm được điều này, đó phải là Bồ Tát tròn đầy đức hạnh ...

Phần tiếp theo của phẩm này đó là sự hiện diện của Bồ Tát các phương:

Phương đông, có thế-giới hiệu Kim-Sắc, Phật hiệu Bất-Động-Trí, nơi đó có Bồ-Tát tên Văn-Thù-Sư-Lợi, cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Phương nam, có thế-giới Diệu-Sắc, Phật hiệu Vô-Ngai-Trí, có Bồ-Tát Giác-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số chư Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật

Phương tây, có thế-giới Liên-Hoa-Sắc, Phật hiệu Diệt-Ám-Trí, có Bồ-Tát Tài-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Phương bắc, có thế-giới Chiêm-Bạc-Hoa-Sắc, Phật hiệu Oai-Nghi-Trí, có Bồ-Tát Nhứt-Bửu-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Phương đông-bắc, có thế-giới Ưu-Bát-La-Hoa-Sắc, Phật hiệu Minh-Trí-Tướng, có Bồ-Tát Công-Đức-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Phương đông-nam, có thế-giới Kim-Sắc, Phật hiệu Cứu-Cánh-Trí, có Bồ-Tát Mục-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật .

Phương tây-nam, có thế-giới Bửu-Sắc, Phật hiệu Tối-Thắng-Trí, có Bồ-Tát Tinh-Tấn-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Phương tây-bắc, quá mười phật-sát vi-trần-số thế-giới, có thế-giới Kim-Cang-Sắc, Phật hiệu Tự-Tại-Trí, có Bồ-Tát Pháp-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Hạ phương, có thế-giới Pha-Lê-Sắc, Phật hiệu Phạm-Trí, có Bồ-Tát Trí-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Thượng phương, có thế-giới Bình-Đẳng-Sắc, Phật hiệu Quan-Sát-Trí, có Bồ-Tát Hiền-Thủ cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng đến đây lễ Phật.

Bấy giờ, Văn-Thù-Sư-Lợi Đại Bồ-Tát thừa thừa oai-lực của Phật quan-sát tất cả chúng-hội Bồ-Tát mà nói rằng : 'Chư Bồ-Tát này rất hi hữu' (Sự hội tụ các chư Bồ Tát như vậy là hiếm có).

Phần cuối của phẩm này cho biết đức Thế Tôn trong thập phương có hàng muôn vàn Phật hiệu.

Chư Phật tử ! Mười phương quanh cõi Ta-Bà này mỗi phương đều có trăm ngàn ức vô-số, vô-lượng, vô-biên, vô-đẳng, bất-khả-số, bất-khả-xung, bất-khả-tư, bất-khả-lượng, bất-khả-thuyết thế-giới, tận pháp-giới, hư-không-giới, trong đó danh hiệu của Như-Lai đều không đồng.

Chúng sanh vốn dĩ là không đồng đều về mọi khía cạnh: nhận thức, trí tuệ, hoàn cảnh v.v... . Vì chúng sanh không đồng đều, đức Thế Tôn cũng đành phải “mặc nhiều áo” vậy.

Phẩm thứ tám: Tứ Thánh Đế

Phẩm này đề cập đến vấn đề nền tảng, cơ bản của triết lý Phật: nhận diện sự khổ: **Khổ** thánh đế ; tìm ra nguyên nhân sự khổ : **Tập** thánh đế ; diệt trừ sự khổ: **Diệt** thánh đế ; và cứu cánh giải thoát (khỏi sự khổ): **Đạo** thánh đế . Tứ đế này còn gọi là “*Tứ Thánh Đế*” – như đề tựa của phẩm thứ tám này. Khi diệt được sự khổ thì **hạnh phúc hiển lộ**. Vậy, triết lý Phật là triết lý **muu cầu hạnh phúc** – sao gọi là triết lý của sự khổ được ?!

Trong phẩm này cách đề cập đến nội dung của Tứ Thánh Đế – cho dù hàng ngàn năm – **đến nay vẫn** là rất mới lạ, rất độc đáo:

Lúc bấy giờ, Văn-Thù-Sư-Lợi Đại Bồ-Tát bảo chư Bồ-Tát rằng :

*'Chư Phật tử ! **Khổ** Thánh-Đế, trong cõi Ta-Bà này, hoặc gọi là tội, là bức ngặt, là biến dị, là phan duyên, là nhóm, là đâm, là căn tựa, là hư dối, là chỗ nhọt gẻ, là kẻ ngu-si.*

Rồi:

*Chư Phật-tử ! **Khổ-Tập** Thánh-Đế, cõi Ta-Bà này, hoặc gọi là trói buộc, là diệt hoại, là ái trước, là vọng-niệm, là thú-nhập, là quyết-định, là lưới, là hí luận, là tùy-hành, là gốc điên đảo.*

*Chư Phật-tử ! **Khổ-Diệt** Thánh-Đế, cõi Ta-Bà này, hoặc gọi là Vô-tránh, là ly-trần, là tịch-tĩnh, là vô tướng, là vô-một, là vô-tự-tánh, là vô chướng ngại, là diệt, là thể chơn-thật, là trụ tự-tánh.*

*Chư Phật-tử ! **Khổ-Diệt-Đạo** Thánh-Đế, cõi Ta-Bà này, hoặc gọi là Nhứt-Thừa, là thú-tịch, là đạo-dẫn, là cứu-cánh vô-phân-biệt, là bình-đẳng, là xả-đảm, là vô-sở-thú, là tùy-thánh-ý, là tiên-nhơn-lành, là thập-tạng.*

Chư Phật-tử ! Nơi cõi Ta-Bà này nói về tứ thánh-đế có bốn trăm ức mười ngàn danh-từ, theo tâm ý của chúng-sanh khiến họ được điều-phục.

Khổ: Sao có thể dùng văn tự mà nhận diện hết được sự khổ con người ? Nếu đặt một câu hỏi: Bộ mặt cụ thể của sự khổ là gì ? Và nếu như cần câu trả lời, với hàng vô lượng người, mỗi người kể về sự khổ của mình, khi đó là hàng vô lượng câu chuyện đời đau khổ khác nhau.

Tập: Sở dĩ có hàng vô lượng câu chuyện đời đau khổ khác nhau – bởi hàng vô lượng hoàn cảnh khác nhau. Sở dĩ có hàng vô lượng hoàn cảnh khác nhau – bởi có hàng vô lượng trường hợp tạo tác nghiệp và *nghiệp lực* khác nhau.

Diệt: Vì có hàng vô lượng Khổ và Tập khác nhau như vậy nên cách thức để trị cũng phải khác nhau.

Đạo: Vì có hàng vô lượng Khổ, Tập, Diệt khác nhau – cho nên con đường tu cũng biến hóa thành muôn vẻ, vô lượng lối khác nhau.

Cho nên, nếu cần cái tên gọi cho thật chính xác, thật rạch ròi, thật riêng biệt thì: *“tứ thánh-đế có bốn trăm ức mười ngàn danh-từ, theo tâm ý của chúng-sanh khiến họ được điều-phục”*.

Đó là mới chỉ đề cập riêng của cõi Ta Bà. Các cõi khác, cũng như thế - có nghĩa: Về tứ thánh-đế, *“ở thế-giới Mật-Huân ; ở thế-giới Tối-Thắng ; Ở thế-giới Ly-Cầu ; Ở Phong-Dật thế-giới ; Ở thế-giới Nhiếp-Thủ ; Ở thế-giới Nhiêu-Ích ; Ở thế-giới Tiên-Thiếu ; Ở thế-giới Hoan-Hỉ ; Ở Quan-Thưộc thế-giới ; Ở Chân-Âm thế-giới có bốn trăm ức mười ngàn danh từ như vậy, tùy tâm ý của chúng-sanh để khiến họ điều-phục”*.

Vấn đề đặt ra ở đây là gì ? Đó là:

Đừng bao giờ tranh cãi, quá nhọc lòng về một cái tên mang tính hình thức làm gì !

Đừng bao giờ lấy cái *Ngã* (cái tôi) của mình áp đặt cho một người khác: *“Phải như thế này mới đúng, làm như thế kia là sai” ; “Phải như thế này mới tốt, làm như thế kia là dở” ; “Phải như thế này mới cao, làm như thế kia là thấp” v.v...*

Mỗi người có *hạnh* riêng, có quá trình tu riêng – từ nhiều đời, nhiều kiếp – khi chưa có trí tuệ Ba La Mật Đa của Phật – không thể dựa vào *sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp* – để rồi mang nặng cái *Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*. Một khi vẫn chưa phá bỏ được những bức thành trì: *Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả* thì vẫn còn khó trên con đường tu tập (tham khảo thêm ở phần chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Phẩm thứ chín: Quang Minh Giác

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đức Phật nói rằng: “*Như Lai nghĩa là chân như của các pháp*”, có nghĩa: mọi sự vật, hiện tượng luôn chuyển hóa, thì điều mà làm chúng chuyển hóa (tác động sự chuyển hóa nhanh hơn) đó là điều *tĩnh* không động – tức bản thân điều ấy là bất di bất dịch. Để rõ hơn, lấy một ví dụ mộc mạc, đơn giản: bản thân viên thuốc thì chẳng có gì là chuyển hóa – song khi vào cơ thể, nó làm cơ thể chuyển hóa.

Quang minh, (ánh sáng vi tế) cũng tựa như “liều thuốc” – *chiếu khắp bi tâm độ sanh là "Lai"* (Thích Huệ Hưng).

“*Lúc bấy giờ, đức Thế-Tôn, từ dưới lòng hai bàn chân, phóng ra trăm ức tia sáng chiếu khắp Đại-thiên thế-giới* “: hàng triệu thế giới Diêm Phù Đề ; hàng triệu thế giới Cù-Gia-Ni; hàng triệu thế giới Uất-Đôn-Việt; hàng triệu thế giới Luân-Vi-Sơn (Diêm Phù Đề ; Cù-Gia-Ni; Uất-Đôn-Việt; Luân-Vi-Sơn có nghĩa là tứ thiên hạ, thuộc bốn phương trời). Rồi chiếu cả: hàng triệu *Bồ-Tát thọ sanh, Bồ-Tát xuất gia, Như-Lai thành chánh giác, Như-Lai chuyển pháp luân, Như-Lai nhập niết-bàn* v.v...

Mở đầu phẩm này cho thấy Như Lai dùng *Quang Minh* để hóa độ chúng sanh (kể cả các Bồ Tát, các Như Lai khác). Khi đó, đức Như Lai:

“*Như nơi đây hiện thấy đức Thế-Tôn ngồi tòa Liên-Hoa-Tạng-Sư-Tử, mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát vây quanh. Trong trăm ức Diêm-Phù-Đề khác, cũng đều có Như-Lai an-tọa như thế cả*”.

Ý nghĩa về đức Phật “nghìn mắt nghìn tay” là như vậy.

Đến đây một vấn đề lớn cần phải được đặt ra: Phải chăng, việc dùng Quang minh *chiếu khắp bi tâm độ sanh* của đức Như Lai là việc làm **ban phát, ban ơn** ?

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đức Phật nói rằng:

Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm 'ta sẽ độ chúng sanh'. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh và khái niệm Thọ Giả rồi.

Đây là vấn đề rất quan trọng và thiết yếu – nếu không rõ sẽ từ *vô vi* bước sang *Hữu vi*.

Như đã đề cập, con đường tu Phật là con đường đạt đến cứu cánh giải thoát *Vô Vi*. Một khi là *Vô Vi* thì không có khái niệm: “xin-cho ; ban phát, ban ơn” .

Vậy, việc làm trên của Như Lai là thế nào ?

Đó là, tựa như một người hứng nước mưa uống hoặc tắm vậy. Nước mưa, “trời cho” – nhưng đó có phải là việc ban tặng riêng cho một người nào đó không ? Đó không phải là việc ban tặng riêng cho bất kỳ một ai – và, mọi người đều có quyền từ chối – để cho nước mưa ấy nuôi cây cỏ, tích tụ vào các sông ngòi ... Đó cũng chẳng phải cá nhân riêng lẻ nào xin mà có, bởi **rất nhiều người không xin mà được**.

Vì vậy, sao cứ phải đến cửa nhà chùa “đập đầu” van xin nài nỉ làm gì ?! Cần nhắc lại, trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” có bài kệ, đức Thế Tôn nói rằng:

Tìm ta qua hình sắc

Câu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thấy được Như Lai

Việc cầu xin đức Phật nơi các cảnh chùa hiện nay (khá phổ biến) – lại là việc đang hành tà đạo.

Một khi cứ hành tà đạo như thế – thì đến bao giờ mới được an vui ? Đến bao giờ mới thanh tịnh ? Không có an vui, không có thanh tịnh – từ từ mất lòng tin. Mất lòng tin, lại trở về ngũ tối, “không thấy ánh mặt trời”. Khi đó – khổ càng chồng thêm khổ !

“Lúc bấy giờ, quang-minh của đức Phật chiếu ra ngoài thế-giới này suốt đến mười phương, mỗi phương đều chiếu mười quốc-độ. Trong những cõi đó, tất cả vật cảnh từ Diêm-Phù-Đề đến Sắc-Cứu-Cánh-Thiên đều được chói sáng, và đều có đức Phật ngự trên tòa sư-tử như ở cõi này”.

Và, Quang Minh của Như Lai rực sáng, rực sáng, rực sáng ...

“Lúc bấy giờ, quang-minh của đức Phật chiếu quá mười ức thế-giới, suốt khắp đến trăm ức thế-giới, ngàn ức, vạn ức, trăm ngàn ức, na-do-tha ức, trăm na-do-tha ức, ngàn na-do-tha ức, trăm ngàn na-do-tha ức, nhân đến vô số, vô-lượng, vô-biên, vô-đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, tận pháp-giới, hư-không giới, tất cả thế-giới ở mười phương. Nơi mỗi thế-giới từ Diêm-Phù-Đề đến Sắc-Cứu-Cánh Thiên mọi vật cảnh đều được hiển hiện. Nơi mỗi Diêm-Phù-Đề đều có đức Phật ngự giữa đạo-tràng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát.

Do thần-lực của đức Phật, mỗi phương đều có một đại Bồ-Tát, Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát v.v... đều cùng mười phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng câu-hội đến chỗ Phật ngự”.

Có rất nhiều bài kệ nói về sự thậm thâm vi diệu từ Quang Minh Như Lai, người đọc nên tham khảo qua, xin giới thiệu bài kệ cuối trong phẩm này:

Bấy giờ, Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát ở trước mỗi đức Phật, đều ứng thỉnh mà nói kệ rằng :

Một niệm quán khắp vô-lượng kiếp
Vô khứ vô lai cũng vô trụ
Như vậy rõ biết việc ba thời
Siêu xuất phương tiện thành thập lực.

Mười phương vô tỉ hồng danh tốt
Liả hẩn các hạnh thường hoan hỉ
Khắp đến trong tất cả quốc-độ
Vì người tuyên dương pháp như vậy.

Vì lợi chúng-sanh cúng-dường Phật
Đúng ý nguyện được quả tương tợ
Với tất cả pháp đều thuận biết
Khắp trong mười phương hiện thân-lực.

Tối sơ cúng Phật ý nhu nhuần
Nhập đại thiên định quán pháp tánh
Khuyên khắp chúng-sanh phát đạo tâm
Do đây mau thành quả vô thượng.

Mười phương cầu pháp lòng không đổi
Vì tu công-đức cho đầy đủ
Hai tướng có không đều dứt trừ
Người này thấy Phật đúng chơn thật.

Qua khắp các cõi nước mười phương
Nói rộng diệu pháp hưng lợi ích
Trụ nơi thật tế chẳng động dao
Công-đức người này đồng với Phật.

Pháp luân vi-diệu của Phật dạy
Tất cả đều là bồ-đề phần
Nếu được nghe rồi ngộ pháp tánh
Người như đây là thường thấy Phật.

Chẳng thấy thập lực không như huyền
Dầu thấy nhưng chẳng thấy như lò
Phân biệt chấp tướng chẳng thấy Phật
Rốt ráo lìa chấp mới thấy Phật.

Chúng-sanh tùy nghiệp đều sai khác
Mười phương trong ngoài khó thấy hết
Thân Phật vô ngại khắp mười phương
Chẳng thể thấy hết cũng như vậy.

Như trong không-giới vô-lượng cõi
Không lai không khứ khắp mười phương
Sanh thành diệt hoại vô-sở-y
Phật khắp hư-không cũng như vậy.

Phẩm thứ mười: **Bồ Tát vấn minh**

Phẩm này có tên: Bồ Tát vấn minh, có nghĩa một Bồ Tát hỏi, một Bồ Tát trả lời cho sáng tỏ vấn đề. Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát hỏi và Giác-Thủ Bồ-Tát trả lời. Ở phẩm này Giác-Thủ Bồ-Tát trả lời bằng bài kệ, vì vậy, trong phẩm này, bài kệ là đối tượng để phân tích, chú giải.

- 1. Tâm-tánh vốn là một, sao lại thấy có các thứ sai khác ?** Đó là: tốt-xấu, lành-dữ, vui-khổ, thiếu-đủ, nghiệp không biết tâm, mà tâm cũng chẳng biết nghiệp, thọ không rõ báo mà báo cũng chẳng rõ thọ, tâm chẳng biết thọ mà thọ cũng không biết tâm, như không biết duyên mà duyên cũng chẳng biết như, trí chẳng biết cảnh mà cảnh cũng chẳng biết trí.

(Con người, vốn đều là tâm tánh người, sao lại có quá khác biệt ? Và sao tâm biết nghiệp, thọ không biết báo v.v...)

Giác-Thủ Bồ-Tát trả lời bằng bài kệ rằng:

*Nay ngài hỏi nghĩa này
Vì Liễu-ngộ quân-mông
Cứ tánh kia, tôi đáp
Xin ngài lắng nghe cho.*

*Các pháp không tác dụng
Cũng không có thể tánh
Vì thế nên các pháp
Đều chẳng biết được nhau.*

*Ví như nước trong sông
Các dòng đua nhau chảy
Chúng đều chẳng biết nhau
Các pháp cũng như vậy.*

*Lại cũng như đồng lửa
Đồng thời phát ngọn to
Chúng đều chẳng biết nhau
Các pháp cũng như vậy.*

Lại như gió lớn thổi
Xao động các cảnh vật
Chúng đều chẳng biết nhau
Các pháp cũng như vậy.

Lại như các địa-giới
Xây vắn nương tựa nhau
Các pháp cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân
Tâm-ý sáu tình-căn
Do dây thường lưu-chuyển
Nhưng vẫn không năng-chuyển.

Pháp-tánh vốn vô-sanh
Trong đây không năng hiện
Cũng không vật sở-hiện.

Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân
Tâm-ý sáu tình-căn
Tất cả rỗng vô-tánh
Vọng phân-biệt mà có.

Cứ đúng lý quan-sát
Tất cả đều vô-tánh
Pháp-nhãn bát-tư-nghi
Đây là thấy chơn thật.

Hoặc vọng hay chẳng vọng
Hoặc thiệt hoặc chẳng thiệt
Thế-gian cùng xuất-thế
Chỉ là giả ngôn-thuyết.

Như trong các chú giải kinh khác đã đề cập, chữ *Pháp* ở trong kinh Phật sử dụng với nhiều nghĩa: phương pháp. vạn vật, mọi sự vật và hiện tượng ...

Chữ pháp ở đây với nghĩa rộng: mọi sự vật và hiện tượng. Thực tướng của mọi sự vật hiện tượng là KHÔNG (không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt – “Tâm kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Tất cả đều không – nên tâm chẳng biết nghiệp, thọ không rõ báo, như không biết duyên ... Thực ra, tất cả đều đã được chuyển hóa vào thực thể tánh không – cấu

trúc tâm linh phần tâm (xem “Tâm và Tâm linh” và tham khảo phần chú giải ở các kinh khác trong website này).

Trong phẩm này những ví dụ đều rất hay: nước ở trong nước, lửa ở trong lửa, gió ở trong gió ...

Vì tâm không biết được nghiệp lực (sự tạo tác nghiệp từ nhiều đời, nhiều kiếp) – cho nên, ngay cả một vị học rất cao, kiến thức sâu rộng nhiều mặt (Tiến sĩ), rất am hiểu về luật pháp – vẫn có thể làm những chuyện hết sức đỗi bại để phải vào tù, phải “lưu xá vạn niên” (để lại tiếng xấu hang vạn năm).

2. Phải chặng, đức Như Lai tùy thời-gian, cũng như tùy mạng-sống, tùy thân-thể, tùy hành-vi, tùy hiểu-biết, tùy ngôn-luận, tùy sở-thích, tùy phương-tiện, tùy tư-duy, tùy quan-sát của chúng-sanh như thế nào, mà hiện thân Phật để giáo-hóa điều-phục các chúng-sanh ?

Đây là cảnh của bực
Đa-Văn thích tịch-diệt,
Nay tôi vì ngài đáp
Xin ngài chú ý nghe.

Phân biệt quán nội-thân
Trong đây gì là ta ?
Nếu hiểu được như vậy
Thời biết ta không.

Thân này là giả tạo
Chỗ trụ không nơi chỗ
Người thiệt-biết thân này
Trong đây không chấp trước.

Nơi thân khéo quan-sát
Tất cả đều thấy rõ
Biết pháp đều hư-vọng
Chặng khởi tâm phân-biệt.

Mạng sống như gì có
Rồi như gì tan mất
Khác nào vòng lửa xây
Đầu đuôi chẳng biết được.

Người trí hay quan-sát
Có tướng đều vô-thường
Các pháp, không, vô-ngã
Lìa hẳn tất cả tướng.

Các báo, tùy nghiệp sanh
Giả dối như giấc mơ
Luôn luôn thường diệt hoại
Như trước, sau cũng vậy.

Những pháp thấy ở đời
Chỉ do tâm làm chủ,
Tùy hiểu chấp lấy tướng
Điên-đảo chẳng đúng thật.

Những ngôn-luận trong đời
Đều do phân biệt cả
Chưa từng có một pháp
Được vào nơi pháp-tánh.

Sức năng-duyên, sở-duyên
Sanh ra những pháp-tướng
Chóng diệt, chẳng tạm dừng
Niệm niệm đều như vậy.

Đoạn này, phần câu hỏi cũng là câu trả lời. Phần trả lời (bằng bài kệ) là phần mở rộng thêm: Một khi tất cả đều là không, đều đã được chuyển hóa – thì sự phân biệt là giả, không có nghĩa. Tại sao ? Bởi chỉ một “sát na” trước đây là con người khác, sau “sát na” con người đã chuyển biến khác – thậm chí trở thành súc sanh – sự phân biệt khi đó trở thành vô nghĩa (tham khảo chú giải ở các kinh đã dẫn).

3. Tại sao lại có sự sai biệt trong mỗi chúng sanh, và tại sao lại là không tốt-không xấu ?

Cứ theo nghiệp đã tạo
Sanh quả báu như vậy
Đều không có tác-giả
Đây là lời chư Phật.

Như mặt gương sáng sạch
Tùy theo cảnh đối tượng
Hiện bóng sai khác nhau
Nghịch tánh cũng như vậy.

Cũng như ruộng gieo giống
Chúng đều chẳng biết nhau
Tự nhiên mọc lên cây
Nghịch tánh cũng như vậy.

Như nhà ảo thuật giỏi
Ở tại ngã tư đường
Hiện ra những sắc-tướng
Nghịch-tánh cũng như vậy.

Như người gõ máy móc
Hay vang ra các tiếng
Nó không ngã ngã-sở
Nghịch-tánh cũng như vậy.

Cũng như giống chim bay
Từ trứng nở sanh ra
Tiếng kêu không đồng nhau
Nghịch-tánh cũng như vậy.
Ví như trong thai-tạng
Căn thân đều thành-tự
Thê-tướng không từ đâu
Nghịch-tánh cũng như vậy.

Lại như ở địa-ngục
Bao nhiêu là sự khổ
Kia đều không từ đâu
Nghịch-tánh cũng như vậy.

Như vua Chuyển-luân-vương
Có đủ bảy thứ bảo
Chỗ đến không từ đâu
Nghịch-tánh cũng như vậy.

Lại như các thế-giới
Lúc đại-hỏa cháy tan
Lửa này không từ đâu
Nghịệp-tánh cũng như vậy

Như đã trình bày, mỗi một chúng sanh là một cảnh đời không giống nhau. Tất cả do tạo tác nghịệp (nghịệp xấu hoặc tốt) mà thành. Nghịệp đã tạo ra ấy tích tụ từ rất nhiều đời, nhiều kiếp – gọi là nghịệp-tánh. Nghịệp tánh là thứ được đúc kết, nó không còn là những *bản nguyên gốc được tập hợp một cách riêng lẻ*, những *bản nguyên gốc riêng lẻ* bị chi phối, chuyển hóa theo những chiều hướng: có thể tốt hơn lên hoặc xấu đi. Những nhà sư chuyên nghiên cứu về “*Nghịệp và kết quả của nghịệp*” cho rằng: một người sẽ bị cành cây rơi trúng người – điều này là không thể tránh khỏi – đó *nghịệp tánh*. Vì người này làm nhiều việc có được nhiều công đức, *cành cây sẽ rơi trúng tay thay vì trúng đầu* (Thích Chơn Phương). Tại sao cành cây lại rơi trúng người ? Do đâu ? Tất cả do *nghịệp tánh* mà ra vậy. Một khi “người ta” đã phải gánh chịu hậu quả – đúng với những gì gây ra, vậy thì có còn gì là xấu ? Nếu không có xấu, thì tốt cũng không còn có nghĩa (không có mặt đối lập).

4. Chỗ giác-ngộ của Đức Như-Lai chỉ là một pháp duy-nhứt, sao lại là vô-lượng-pháp, hiện vô-lượng cõi, hóa vô-lượng-chúng ... ?

Nghĩa của Phật-tử hỏi
Rất sâu khó rõ được
Người trí biết nghĩa này
Thường chứa công-đức Phật.

Như đất chỉ một tánh
Mọi loài ở riêng chỗ
Đất không nghĩ đồng khác
Pháp chư Phật như vậy.

Cũng như một đại-hải
Ngàn vạn lượng sóng trào
Nước biển vẫn duy nhứt
Pháp chư Phật như vậy.

Cũng như gió một tánh
Thôi động tất cả vật
Gió không nghĩ đồng khác
Pháp chư Phật như vậy.

Cũng như mây sấm lớn
Mưa khắp cả mọi nơi
Nước mưa vẫn không khác
Pháp chư Phật như vậy.

Cũng như mặt đất kia
Mọc lên nhiều mầm mống
Mặt đất chỉ là một
Pháp chư Phật như vậy.

Mặt nhật không mây mờ
Chiếu sáng khắp mười phương
Quang-minh không sai khác
Pháp chư Phật như vậy.

Như mặt nguyệt trên cao
Mọi nơi đều nhìn thấy
Mặt nguyệt vẫn một chỗ
Pháp chư Phật như vậy.

Ví như Đại-Phạm-Vương
Ứng hiện khắp đại-thiên
Thân ngài vẫn không khác
Pháp chư Phật như vậy.

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”: **Muôn pháp (Phật) là một. Một, nhưng không phải là một nên là muôn pháp.** Những ví dụ trong các bài kệ trên là rất sát:

*Mặt nhật không mây mờ
Chiếu sáng khắp mười phương
Quang-minh không sai khác
Pháp chư Phật như vậy.*

V.v...

5. Chúng-sanh cùng bố-thí sao được của quả-báo chẳng đồng – chẳng hạn như : nhiều loại nhà, nhiều loại quan-chức, nhiều loại trí-huệ ... ?

Như tất cả vẫn là một
Theo giống mọc mầm khác
Đất không ý thân sơ
Phật phước-điền cũng vậy.

Lại như nước một vị
Nhơn đồ đựng có khác
Phật phước-điền vẫn một
Do tâm người thành khác.

Như nhà ảo thuật khéo
Làm mọi người hoan-hỉ
Phật phước-điền cũng vậy
Khiến chúng-sanh kính vui.

Như vua có tài trí
Hay khiến nhơn-dân mừng
Phật phước-điền cũng vậy
Khiến chúng đều an-vui.

Như mặt gương sáng sạch
Theo hình mà hiện bóng
Phật phước-điền cũng vậy
Tùy tâm được báo khác.

Như thuốc A-già-đà
Trị được tất cả độc
Phật phước-điền cũng vậy
Dứt các hoạ phiền não.

Như lúc mặt trời mọc
Chiếu sáng khắp thế-gian
Phật phước-điền cũng vậy
Phá trừ những tối tăm.

Như mặt nguyệt tròn sáng
Chiếu khắp cõi đại-địa
Phật phước-điền cũng vậy
Bình-đẳng với tất cả.

Ví như gió tỳ-lam
Chấn-động khắp đại địa
Phật phước-điền cũng vậy
Động chúng-sanh ba cõi.

Như đại hỏa nổi lên
Đốt cháy tất cả vật
Phật phước-điền cũng vậy
Đốt tất cả hữu-vi.

Đây là câu hỏi thú vị, thiết thân và quan trọng đối với nhiều người. Vì là vấn đề hết sức quan trọng, thiết thân đối với mọi người, nên bộ kinh bậc nhất trí tuệ Ba La Mật: “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đã dành rất nhiều câu kinh, đoạn kinh nói về vấn đề này. Để tránh lặp lại những vấn đề đã nêu nhiều lần, xin tham khảo chú giải kinh trên, phần “Bồ Thí và Phước Đức”.

6. Phật giáo đối với chúng sanh lợi ích hay không lợi ích ? Nếu có, sao không thấy được lợi ích ấy ?

Phật-tử khéo lóng nghe
Nay tôi cứ thiết đáp
Hoặc có mau giải-thoát
Hoặc có khó xuất-ly.

Nếu muốn cầu dứt trừ
Vô-lượng những lỗi ác
Nên ở trong Phật-pháp
Dũng-mãnh thường tinh-tấn.

Ví như chút ít lửa
Đốt ướn thời chóng tắt
Ở nơi trong Phật-pháp
Người giải-đãi cũng vậy.

Như cọ cây lấy lửa
Chưa cháy mà nghỉ luôn
Thế lửa liền tắt nguội
Người giải-đãi cũng vậy.

Như người cầm nhựt châu
Chẳng dùng vật tiếp bóng
Trợn không thể được lửa
Người giải-đãi cũng vậy

Như ánh nắng quá chói
Trẻ nít nhắm đôi mắt
Tự nói sao không thấy
Người giải-đãi cũng vậy

Như người không tay chân
Muốn dùng cỏ làm tên
Bắn phá cả đại-địa
Người giải-đãi cũng vậy

Như lấy một đầu lông
Muốn chắm khô đại hải
Người giải-đãi cũng vậy
Không thể dứt hoặc nghiệp.

Lại như kiếp-hỏa nổi
Muốn tắt với ít nước
Ở nơi trong Phật-pháp
Người giải-đãi cũng vậy.

Như người ngó hư-không
Ngồi yên không giao-động
Nói mình bay đi khắp
Người giải-đãi cũng vậy.

Người giải đãi đó là người chỉ nói cái miệng chứ không *hành*. Đó là loại người “nói một đàng, làm một nẻo”. Như đã trình bày, nét đặc trưng của triết lý Phật đó là: triết lý của *hành động* – tức của sự thực hành, tu tập. Nếu như tiếp cận triết lý Phật để “*nói cho sướng mồm, nghe cho đã tai – thì đó chưa phải là tiếp cận triết lý Phật*”.

Trong những bài kệ cũng đã trả lời rất rõ, rất hay.

**7. Chúng-sanh thọ-trì Chánh-pháp nhằm dứt trừ tất cả phiền-nã ?
Nhưng có sao ở trong tâm lại hành khởi các phiền-nã ?**

Phật-tử khéo lóng nghe
Thật nghĩa ngài đã hỏi
Vì chẳng phải đa-văn
Mà vào được Phật-pháp.

Như người trôi giữa dòng
Sợ chìm mà chết khát
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như trần-thiết vật thực
Chẳng ăn phải đói
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như người giỏi dược-phương
Chẳng cứu được bệnh mình
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như người đếm châu báu
Tự mình vẫn nghèo nàn
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như người ở vương-cung
Mà tự chịu đói rét
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như điếc tâu âm-nhạc
Người nghe mình chẳng nghe
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như mù họa hình tượng
Người thấy mình chẳng thấy
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Ví như nhà hàng-hải
Mà tự chết trong biển
Nơi pháp chẳng tu-hành
Đa-văn cũng như vậy.

Như ở ngã tư đường
Giảng nói những điều tốt
Mà tự không thật-đức
Chẳng tu cũng như vậy.

Người đa văn, đó là loại người ưa chuộng lý thuyết suông. Kết quả cũng như người giải đãi.

Và như đã đề cập trong mục hỏi đáp: nếu như nói là tu Phật song vẫn chưa dứt bỏ sạch sẽ, chưa: **“Đốt tắt cả hữu-vi”** – thì sao gọi là tu Phật được ? Hình thức bên ngoài là Phật (bình phong) – bên trong là *Hữu Vi* – thì mãi mãi không thể thấy trú trong an lạc – luôn là lửa đốt ở trong lòng – tam độc: tham-sân-si vẫn hoành hành dữ dội – vì vậy không thể dứt trừ phiền não.

Chú ý là:

Tìm ta qua hình sắc

Cầu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thấy được Như Lai

Đây cũng là con đường của *Hữu Vi* vậy.

8. Trong phật-pháp, trí-huệ là trên tất cả. Có sao với các chúng-sanh, đức Phật hoặc ca ngợi sự bố-thí, sự trì-giới, hoặc ca ngợi sự nhẫn-nhục, sự tinh-tấn, thiền-định, trí-huệ, từ-bi, hỷ xả ... , mà chẳng chỉ dùng một pháp để được giải-thoát, thành vô-lượng chánh-đẳng chánh-giác ?

Đây là một câu hỏi rất hay, là một trong những trọng tâm của triết lý Phật, trước hết hãy đọc bài kệ:

Phật-tử rất hi-hữu
Biết rõ tâm chúng-sanh
Xin lóng nghe tôi đáp
Những nghĩa ngài đã hỏi.

Chư Phật thưở quá-khứ
Hiện-tại và vị-lai
Không có nói một pháp
Mà chúng được đạo-quả.

Phật biết tâm chúng-sanh
Tánh phận đều chẳng đồng
Tùy chỗ họ đáng thọ
Theo đó mà thuyết pháp.

Vì kẻ tham, khuyên thí
Vì người lỗi, khen giới
Nhiều sân, thời khuyên nhẫn
Giải-đãi, thời khuyên siêng.

Loạn tâm phải tu-định
Ngu-si trau trí-huê
Bất-nhơn phải từ-mẫn
Giận-hại khuyên rèn bi.

Lo rầu thời ngợi hỉ
Chấp trước lời khen xả
Tuần tự tu như vậy
Lần đủ các phật-pháp.

Như trước xây nền móng
Rồi sau tạo nhà cửa
Thí và giới cũng vậy
Là gốc hạnh Bồ-Tát.

Ví như dựng thành quách
Để bảo hộ dân chúng
Nhẫn và tán cũng vậy
Phòng hộ chư Bồ-Tát.

Ví như Đại-Lực-Vương
Cả nước đều ngưỡng vọng
Định huệ cũng như vậy
Chỗ tựa của Bồ-Tát.

Cũng như vua chuyển-luân
Ban vui cho nhân-loại
Từ bi và hỉ xả
Làm Bồ-Tát an vui.

Khi nào có được *trí huệ* – tức trí tuệ Ba La Mật Đa ? Chỉ khi đã thành Phật, đã đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi nào thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Có pháp Phật nào để tu luyện thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không ?

Câu trả lời là: Chẳng thể biết khi nào và, chẳng có pháp nào chuyên tu, chuyên luyện, chuyên đào tạo ... để thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vậy thì, lấy gì để thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ?

Trả lời: Giữ lấy *Hạnh Bồ Tát*.

Vì sao ?

Vì đó cũng là pháp Phật (tham khảo thêm ở chú giải kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Một khi không giữ được trọn vẹn, đủ đầy *hạnh Bồ tát* của mình thì nói chuyện thành Phật là thành thế nào ? Nếu không có *móng*, thì *xây nhà* nổi gì ?

Những bài kệ trong kinh cũng đã nói đủ đây.

9. Chư Phật chỉ do một đạo mà được giải-thoát. Có sao hiện nay phật-độ lại có nhiều sự không đồng, chẳng hạn như : quang-minh, thần-thông, pháp-trụ, thế giới (hải) ... ? Và, phải chăng, Bồ Tát đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thông đạt tất cả pháp Phật ?

Thưa ngài ! Pháp thường vậy
Pháp-Vương pháp duy-nhất
Tất cả chư Như-Lai
Một đạo mà giải-thoát.

Thân của tất cả Phật
Chỉ là một pháp-thân
Nhứt-tâm, nhứt trí-huệ
Lực vô-úy cũng vậy.

Như trước đến bờ-đề
Bao nhiêu tâm hồi hương
Được cõi nước như vậy
Chúng-hội và thuyết-pháp.

Tất cả các cõi Phật
Trang-nghiêm đều viên-mãn
Tùy chúng-sanh hạnh khác
Thấy chẳng đồng như vậy

Cõi Phật cùng thân Phật
Chúng hội và ngôn thuyết
Các phật-pháp như vậy
Chúng-sanh chẳng thấy được.

Tâm ý đã thanh-tịnh
Hạnh-nguyện đều đầy đủ
Người sáng suốt như vậy
Mới được thấy nơi đây.

Tùy chúng-sanh tâm thích
Và cùng sức nghiệp-quả
Thấy sai khác như vậy
Do oai thần của Phật.

Cõi Phật vô-sai-biệt
Không ghét cũng không thương
Chỉ tùy tâm chúng-sanh
Thấy có khác như vậy.

Do đây nơi thế-giới
Chỗ thấy đều sai khác
Chẳng phải chư Như-Lai
Bực Đại-Tiên có lỗi.

Tất cả các thế-giới
Người đáng được giáo-hóa
Thường được thấy Thế-Tôn
Pháp chư Phật như vậy.

Sự khác biệt về các cõi ; sự khác biệt về phép thần thông, sự khác biệt về quang minh, sự khác biệt pháp trụ ... do nghiệp của chúng sanh, do tâm (đại nguyện) của Bồ Tát, của chư Phật mà thành (nguyên lý – đã trình bày).

Câu hỏi sau cũng là câu trả lời: Bồ Tát đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thông đạt tất cả pháp Phật.

10. Cảnh giới Phật

Như-Lai cảnh-giới sâu
Lượng đó khắp hư-không
Tất cả chúng-sanh vào
Mà thật không chỗ nhập.

Như-Lai cảnh-giới sâu
Bao nhiêu hơn thắng diệu
Ức kiếp thường tuyên nói
Cũng lại chẳng thể hết.

Tùy tâm trí huệ mình
Khuyến tấn đều khiến lợi
Độ chúng-sanh như vậy
Là cảnh-giới chư Phật.
Những cõi nước thế-gian
Tất cả đều theo vào
Trí thân không có sắc
Chẳng phải kia thấy được.

Chư Phật trí tự-tại
Tam-thế không chướng ngại
Cảnh-giới huệ như vậy
Bình-đẳng như hư-không.

Pháp-giới chúng-sanh-giới
Rốt ráo không sai khác
Tất cả đều rõ biết
Đây là cảnh-giới Phật.

Trong tất cả thế-giới
Bao nhiêu những âm-thinh
Phật-trí đều tùy rõ
Cũng không có phân-biệt.

Chẳng phải thức biết được
Chẳng phải tâm cảnh-giới
Tánh đó vốn thanh-tịnh
Khai-thị các quần-sanh.

Chẳng nghiệp chẳng phiền-não
Không vật không trụ-xứ
Không chiếu không sở-hành
Bình-đẳng đi thế-gian.

Tất cả tâm chúng-sanh
Khắp ở trong ba thời
Nhu-Lai nơi một niệm
Tất cả đều rõ thấu.

Lúc bấy giờ trong cõi Ta-Bà này, và mười phương, tất cả chúng-sanh, bao nhiêu pháp sai-biệt, nghiệp sai-biệt, thế-gian sai-biệt, thân sai-biệt, căn sai-biệt, thọ sanh sai-biệt, trì-giới quả sai-biệt, phạm-giới quả sai-biệt, quốc-độ quả sai-biệt, do thần-lực của Phật thấy đều hiện rõ.

Phẩm thứ mười một: Tịnh hạnh

Phẩm này đề cập đến *hạnh* thanh tịnh. Có nghĩa giữ gìn phẩm hạnh một cách trọn vẹn đủ đầy ý nghĩa nhất.

Hạnh Bồ Tát là vật đề thiết yếu vào bậc nhất, không những thiết yếu đối với Bồ Tát mà đó còn là sự tồn tại của sự nghiệp hóa độ chúng sanh (tham khảo thêm kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”).

Vì Hạnh Bồ Tát thiết yếu như vậy, cho nên những bộ kinh lớn như: “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” ; kinh “Duy Ma Cật” ... và hẳn nhiên bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” này phải rất quan tâm – sự đề cập đến Hạnh Bồ Tát không những một lần mà sẽ phải nói đi nói lại nhiều lần. Vì vậy, khi tiếp cận chú giải kinh, sự trùng lặp về câu chữ, ý tưởng ... đó là điều khó tránh khỏi.

Trong Kinh cho hay: Trí-Thủ Bồ-Tát hỏi Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát, câu hỏi là:

'Phật-tử ! Bồ-Tát làm thế nào thân, ngữ (khẩu), ý, ba nghiệp được không lỗi lầm? (Thân, ngữ, ý, ba nghiệp được vô nhiễm ? Ba nghiệp được trí dẫn đạo ? v.v...)

Bồ-Tát làm thế nào được sanh-xứ đầy đủ ? Chúng-tộc đầy đủ ? Gia-thế đầy đủ ? Tướng mạo đầy đủ ? Huệ đầy đủ ? Hạnh đầy đủ ? Giác-ngộ đầy đủ ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được thắng-huệ ? Được tối-thượng-huệ ? Được tối-thắng-huệ ? Được vô-lượng-huệ ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được : căn-lực, quan-sát-lực, tư-duy-lực ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được : quá-khứ, vị-lai, hiện-tại thiện-xảo ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào khéo tu tập : tinh-tấn giác-phần, hỷ giác-phần, xả giác-phần, không giác-phần, vô-tướng giác-phần ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được viên-mãn : bát-nhã ba-la-mật, từ, bi, hỷ, xả ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được thập lực : xứ-phi-xứ trí-lực, quả-vị hiện-tại nghiệp-báo trí-lực, căn thắng liệt trí-lực, chủng-chủng giới trí-lực, chủng-chủng giải trí-lực, nhứt-thiết-chí-xứ-đạo trí-lực, thiên giải-thoát tam-muội nhiễm tịnh trí-lực, túc-trụ-niệm trí-lực, vô-chướng-ngại thiên-nhãn trí-lực, đoạn chư tập trí-lực ?

Bồ-Tát làm thế nào thường được sự thủ-hộ cung kính cúng-dường của : Thiên-Vương, Long-Vương, Dạ-Xoa-Vương, A-tu-la-Vương ? v.v...

Bồ-Tát làm thế nào được mình là những chỗ : y-tựa, cứu-độ, là dẫn đạo, thắng đạo, phổ đạo cho tất cả chúng-sanh ? v.v...

Đối với tất cả chúng-sanh, Bồ-Tát làm thế nào là : đệ-nhứt, là tối-thắng, là vô-thượng, là vô-đẳng, là vô-đẳng-đẳng ? v.v...

Trí Thủ Bồ Tát hỏi Bồ Tát như vậy cũng có nghĩa là: làm thế nào tu thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát bảo Trí-Thủ Bồ-Tát : 'Lành thay Phật-tử ! nay ngài vì muốn nhiều lợi-ích, nhiều an-ổn, thương xót thế-gian, lợi-lạc thiên-nhơn mà hỏi những nghĩa như vậy.

Và Bồ-Tát Văn-Thù-Sư-Lợi trả lời:

Bồ-Tát ở nhà, nên nguyện chúng-sanh, biết nhà tánh không, khỏi sự bức ngặt.

Hiếu thờ cha mẹ, nên nguyện chúng-sanh, kính thờ chư Phật, hộ dưỡng tất cả.

Vợ con hội họp, nên nguyện chúng-sanh, oán thân bình-đẳng, lìa hẳn tham trước.

Nếu được ngũ-dục, nên nguyện chúng-sanh, nhỏ mũi tên dục, rút ráo an-ổn.

Kỹ nhạc tụ hội, nên nguyện chúng-sanh, vui nơi chánh-pháp, rõ nhạc chẳng thật.

Nếu ở cung thất, nên nguyện chúng-sanh, vào nơi thánh-địa, trừ hẳn uế-dục.

Lúc đeo trang-sức, nên nguyện chúng-sanh, bỏ tư-trang giả, đến chỗ chơn thật.

Lên trên lầu-các, nên nguyện chúng-sanh, lên lầu chánh-pháp, thấy suốt tất cả.

Nếu có bố-thí, nên nguyện chúng-sanh, bỏ được tất cả, lòng không ái trước.

Chúng-hội tu-tập, nên nguyện chúng-sanh, xả những tụ pháp, thành nhứt-thiết-trí.

Nếu ở ách nạn, nên nguyện chúng-sanh, tùy ý tự-tại, chỗ làm vô-ngại.

v.v...

Cứ như vậy, cho đến hết phẩm này.

Cứ như vậy, nhất nhất – mọi suy nghĩ, mọi lời nói, mọi việc làm luôn luôn không rời nghĩa *nguyện chúng-sanh*.

Đây là phương cách của đức Thế Tôn đã thực hành – trong suốt thời kỳ khi còn là Bồ Tát.

Nguyện chúng sanh, đó là: lời thề nguyện cứu độ chúng sinh mà bồ tát phát ra ở các kiếp quá khứ trước khi thành quả Phật (Từ điển Phật Quang).

Khi nói là “đại nguyện”, còn có nguyện nào lớn hơn là cứu độ chúng sanh (cứu độ không có nghĩa là ban phát ban ơn – xem các chú giải đã dẫn). Đức Thế Tôn trong suốt quá trình tu tập của mình – với Phật Nhiên Đăng và trước đó đã phát nguyện cứu độ chúng sanh và không một lúc nào rời xa lời thề nguyện đó. Cho nên chỉ duy nhất, triết lý Phật là triết lý thật sự vì nhân sinh và của nhân sinh.

Cho nên, một vấn đề hệ trọng là: Tất cả những gì liên quan đến Phật pháp (Phật giáo) – không phải là liên quan đến đức Thế Tôn – mà đó là liên quan đến lợi ích của chúng sanh – trong đó có loài người.

Mọi sự lợi dụng, lạm dụng – mượn Phật Pháp làm tấm bình phong – thực hiện những việc làm vì lợi ích của bản thân, vì lợi ích của nhóm người – mà khiến lòng tin của chúng sanh đối với Phật-Pháp-Tăng bị sút giảm – đó là tội lỗi: trời không dung, đất không tha. Trong kinh “Pháp Diệt Tận” đề cập: loại người này không thể không bị đọa địa ngục ; rồi phải đội lột súc sanh – sau khi trải qua đời đời như thế,

khi sanh trở lại kiếp người sẽ phải “ở biên địa, nơi không có Tam Bảo”. Cho nên, nếu còn nặng gánh hồng trần, hãy hồi gia để làm những việc vốn không được làm đối với một Bồ Tát xuất gia, khi ấy, tội lỗi sẽ nhẹ đi gấp nhiều lần.

Mọi sự lợi dụng, lạm dụng quyền lực để gây khó khăn cho việc tuyên dương giáo huấn Phật pháp ; xúc phạm Phật pháp – đó không phải là sự làm khó, xúc phạm đến Như Lai – mà đó là tước đoạt sự an lạc của chúng sanh, trong đó có loài người. Tước đoạt sự yên vui, hạnh phúc của loài người – do Phật pháp mang lại – đó cũng là tội: trời không dung, đất không tha. Thứ quyền lực kia sẽ tựa như bong bóng nước vậy.

Phật pháp cùng với triết lý Phật – là sự song hành với thời gian (đã trình bày) – đó là chân lý (lẽ thật) mà mọi chúng sanh đều sẽ phải vươn tới. Không điều gì có thể ngăn được bước tiến hóa của tự nhiên ấy. Trong quá trình tiến hóa, có những thăng trầm ... song, sự thăng trầm này cũng chỉ “*như swong, như chớp lòe*”.

Những ai may mắn có được quyền lực trong tay, giúp Phật pháp phát triển (cũng là pháp thí) – đó không phải là vì Như Lai – mà đó là vì lợi ích của chúng sanh, trong đó có loài người. Vì sự yên vui, hạnh phúc của loài người – công đức ấy là to lớn, phước đức là không sao kể xiết (*xem phần Pháp Thí*). Quyền lực có được kia, không phải chỉ có được trong đời này – mà còn tiếp tục ở những đời sau.

Triết lý Phật là lẽ thật, không dối bao giờ.

Xin trở lại kinh.

Ngủ nghỉ phải thời, nên nguyện chúng-sanh, thân được an-ổn, lòng không động loạn.

Ngủ vừa tỉnh-giác, nên nguyện chúng-sanh, tất cả trí-giác, ngó khắp mười phương.

Chúng sanh – là nỗi đau đau không nguôi của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni. Khi thành Phật, Ngài gắn chặt – làm vương cõi Ta Bà – lấy cõi Ta Bà là cõi Phật của mình. Nếu chúng sanh làm được những điều như Bồ-Tát Văn-Thù-Sư-Lợi nói thì *Hạnh luôn luôn tịnh* và hiển nhiên là: sẽ thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và khi đó:

Phật-tử ! Nếu chư Bồ-Tát dụng tâm như vậy thời được tất cả công-đức thắng-diệu. Tất cả thế-gian : chư thiên, ma, phạm, sa-môn, bà-la-môn, càn-thát-bà, a-tu-la v.v... hẳn đến tất cả Thanh-Văn, Duyên-Giác không thể làm lay động được.

Phẩm thứ mười hai: **Hiền Thủ Bồ Tát**

Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ-Tát nói hạnh thanh-tịnh rồi, vì muốn hiển-thị công-đức của bồ-đề tâm, nên nói kệ hỏi Hiền-Thủ Bồ-Tát :

*Nay tôi đã vì chư Bồ-Tát
Nói hạnh thanh-tịnh Phật đã tu
Ngài cũng nên ở trong hội này
Diễn đạt tu hành công-đức lớn.*

Toàn bộ phẩm này, Hiền-Thủ Bồ-Tát nói rất dài, đề cập đến nhiều vấn đề – song, tựu trung trọng tâm, đó là: Tín (niềm tin và là sự chắc chắn, uy tín).

Nếu như phẩm trước đã đề cập về *hạnh thanh tịnh*, thì vấn đề tiếp theo sẽ là: *hạnh thanh tịnh* ấy được xây dựng trên nền tảng nào ? Bởi, đây không phải là thứ “mì ăn liền” nên có thể thấy ngay được. Đức Thế Tôn đã khổ cực đến như vậy – điều gì giúp Ngài vượt qua không những chỉ có những khổ ải gian nan – mà còn phải thù thắng tất cả những cám dỗ ? Câu trả lời chỉ có thể là: Tín (niềm tin niềm tin và là sự chắc chắn, uy tín).

Ở phần đầu phẩm này, Hiền-Thủ Bồ-Tát nói rằng:

Tín là đạo nguồn, mẹ công-đức
Nuôi lớn tất cả những pháp lành
(...)
Tín không như nợ, lòng thanh-tịnh
Là cội cung kính, trừ kiêu mạn
(...)
Tín hay hoan-hỉ vào phật-pháp
Tín hay thêm lớn trí, công-đức
Tín quyết-định được bậc Như-Lai.
v.v...

Vậy Tín phải được xác định như thế nào ?

Xác định niềm tin – sao cho mãi mãi, đời đời không bao giờ hối tiếc – phải thỏa rất nhiều vấn đề được đặt ra: Tin ai ? Tin cái gì ? Tại sao tin ? Lợi ích bản thân sẽ như thế nào ? Lợi ích cộng đồng sẽ như thế nào ? Lợi ích nhân loại sẽ như thế nào ? Lợi ích muôn loài vạn vật sẽ ra sao ? Lợi ích trước mắt hay lâu dài, hay cả hai ? Cái giá phải trả đối với bản thân như thế nào ? Cái giá phải trả đối với cộng đồng như thế

nào ? Cái giá phải trả đối với nhân loại như thế nào ? Cái giá phải trả đối với muôn loài vạn vật ra sao ?

Bao nhiêu đó câu hỏi phải có câu trả lời minh bạch, rõ ràng và phải là chân thật. Nếu như chỉ có lợi – không một chút hại mảy may – thì đó là cơ sở để đặt trọn vẹn niềm tin của mình.

Chỉ có lẽ thật – chân lý – mới thỏa các vấn đề đã nêu như vậy.

Đức Thế Tôn đã xây dựng niềm tin trên một cơ sở tuyệt *chân*, tuyệt *thiện* để giúp đạt đến cái tuyệt *mỹ* vĩnh hằng – và Ngài đã chỉ cho mọi người hãy xây dựng niềm tin như thế. Phải xây dựng niềm tin như thế để mãi mãi, đời đời, kiếp kiếp không mảy may hối tiếc bao giờ.

Xây dựng niềm tin không khó – song, việc giữ được niềm tin *bất thoái* lại là không dễ chút nào – bởi, bên cạnh, trước mặt ... luôn là những điều phi lý, nghịch lý. Và, sự cám dỗ luôn hết sức ngọt ngào ...

Ví như, thấy một kẻ bất chính, phi pháp, bất thiện ... vẫn nhờn như, “phây phây” ... chẳng hề thấy gì là *nhân* là *quả*. Lại thấy, người sống cảnh thanh tịnh, trăm ngàn cái khó đổ lên đầu ... chẳng thấy đâu là *quả* là *nhân* ... niềm tin vào lẽ công bằng tuyệt đối – của nguyên lý tự nhiên bắt đầu lung lay ... Từ lung lay, nhắm mắt làm theo ... để cũng “phây phây”, nhờn như vậy.

Rồi ví như, đang chọn chánh pháp Vô Vi làm lẽ tu, nghe người này, kẻ nọ ... rằng nơi này *linh*, chỗ nọ *thiên* – đến *cầu xin* là được. Vội bỏ chánh đạo, nhảy phốc sang Hữu Vi ...

Như vậy là từ *minh* bước vào *vô minh*. Như vậy là lại tiếp tục đi vào con đường *khổ* mịt mù rồi.

Rồi lại ví như, miệng luôn lúc nào cũng nói là tin. Nói cho vui tai. Nói cho sướng miệng ! Niềm tin khi đó để làm gì ? Ai nói mà không được ? Cho nên, biểu hiện niềm tin như thế nào – phải qua sự tu tập – chính sự rèn luyện trong tu tập mới khẳng định được chữ Tín như thế nào (chữ tín, ngoài nghĩa niềm tin còn có nghĩa là chắc chắn, uy tín).

Trong phẩm này, Hiền-Thủ Bồ-Tát đề cập đến rất nhiều chuyện: Khi có được Tín, thì luôn giữ *hạnh thanh tịnh* ; khi luôn giữ *hạnh thanh tịnh* thì sẽ tu chứng thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ; khi đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì có đầy đủ các phép thần thông (Quang minh, Tam muội ...) ; khi có đầy đủ các phép thần thông (Quang minh, Tam muội ...) thì cứu độ chúng sanh (vẫn phải xin nhắc lại: cứu độ không có nghĩa là ban phước ban ơn – đã trình bày).

Và, khi đã đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì có đầy đủ các phép thần thông (Quang minh, Tam muội ...) – những phép thần thông này là tối thượng – cho nên Hiền-Thủ Bồ-Tát phải kể câu chuyện rất hấp dẫn, đó là: cỡi A-Tu-La (Thánh, Thần) kéo lên đánh nhau với cỡi trời (nếu ai không đọc những đoạn kệ này thì rất uổng !). Câu chuyện chỉ xin tóm lược bằng một số câu kệ sau:

*Như A-tu-la biến thân hình
Chân đạp đáy biển kim-cang-tế
Nước biển tột sâu ngập nửa thân
Đầu cao ngang đỉnh núi Tu-Di;
(Các vị Thánh, Thần này dung phép thần thông biến thành to lớn)
Tu-la có đủ tham-sân-si
(...)
Trời cùng Tu-la lúc đánh nhau
Thiên-Đế thân-lực bất-tư-nghị
(...)
Đế-Thích hiện thân có ngàn mắt
Tay cầm kim-cang tuôn lửa ngọn
Mặc giáp cầm gậy rất oai-nghiêm
Tu-la trông thấy đều sợ chạy.
(...)
Thiên-Đế chỉ do chút phước-đức
Còn dẹp phá được oán-địch lớn
Huống bực đại-bi cứu tất cả
Đủ công-đức lại chẳng tự-tại !*

Ý của Hiền-Thủ Bồ-Tát khi kể câu chuyện này là: các Thánh, Thần mới chỉ “gặp” chư Thiên (do chút phước-đức) – đã chạy dài – huống chi là Phật với phép Thần Thông vô thượng. Khi giảng giải điều này, Hiền-Thủ Bồ-Tát muốn nhấn mạnh rằng: khi đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác với phép thần thông “Tối thượng”, yêu, ma đã phải tránh từ xa rồi – Quang Minh của chư Phật chỉ nhằm vào mục đích, đó là: cứu độ chúng sanh muôn loài.

Phẩm thứ mười ba: Thăng Tu Di Sơn Đảnh

Phẩm này mô tả việc đức Phật Thích Ca Mâu Ni lên đỉnh núi Tu Di, hướng “đến” thăm Thiên Đế. **Đến mà không đến.** Có nghĩa, ngay tại thời điểm đức Thế Tôn lên đỉnh núi Tu Di, tại *thập phương tất cả thế-giới, trong mỗi Diêm-Phù-Đề, vẫn đều thấy đức Phật ngự dưới cội cây bồ-đề.* **Đi mà không đi.** Có nghĩa, nếu như sau đó, Thế Tôn có rời đỉnh núi Tu Di, thì tại *thập phương tất cả thế-giới, trong mỗi Diêm-Phù-Đề, vẫn đều thấy đức Phật ngự dưới cội cây bồ-đề* (nếu đức Như Lai không muốn “cảnh” ấy biến đổi). Cho nên, khái niệm *đến* và *đi* – như cõi nhân gian từng hiểu, đã có sự khác biệt.

Mở đầu phẩm này ngoài sự cho biết: một phần “sinh hoạt” của Như Lai. Còn cho biết vị thế của Như Lai đối với cõi trời, qua đó cũng cho thấy sự ứng biến ngay tức thời của Thiên Đế để đón tiếp đức Phật : *“liền dùng thân-lực trang-nghiêm điện này; trân-thiết tòa sư-tử Phổ-quang-minh tạng, đều dùng diệu-bửu làm thành : mười ngàn tầng cấp cao vợi trang-nghiêm, mười ngàn lưới vàng giăng che phía trên, mười ngàn thứ màn, mười ngàn thứ lọng bày trí giáp vòng, mười ngàn lụa màu thắt tui thông rủ, mười ngàn chuỗi bửu-châu xen kết, mười ngàn y-phục trải trên tòa, mười ngàn Thiên-tử, mười ngàn Phạm-Vương đứng hầu sau trước, mười ngàn ánh sáng chiếu rực”.*

Sau đó là những nghi thức của Thiên Đế đón tiếp đức Phật. *Thiên-Đế chấp tay cúi mình cung kính nghinh tiếp Đức Phật mà bạch rằng : 'Lành thay đức Thế-Tôn ! Lành thay đức Thiệ-Thệ ! Lành thay đức Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Đẳng-Giác ! xin Phật xót thương vào điện này !'.*

Đức Phật nhận lời vào điện Diệu-Thắng. (Và, Ngài dùng thân lực) Trong tất cả thế-giới ở mười phương đều đồng như vậy cả.

Sau đó Đế Thiên có bài kệ ca ngợi công đức của mười đức Phật – mười đức Phật này đã từng đến thăm cõi trời này, đó là:

Ca-Điếp Như-Lai, Câu-Na-Mâu-Ni, Câu-Lưu-Tôn Phật, Tỳ-Xá-Phù Phật, Thi-Khí Như-Lai, Tỳ-Bà-Thi Phật, Phát-Sa Phật, Đề-Xá Như-Lai, Ba-Đầu-Ma Phật, Nhiên-Đẳng Như-Lai.

Trong đó có đức Nhiên-Đẳng Như-Lai, là chư Phật mà đức Thế Tôn đã tu khi còn là Bồ Tát.

“Do thân-lực của Như-Lai, trong thế-giới ở mười-phương, các chư Thiên-Đế khác cũng ca ngợi công-đức của chư Phật như vậy”.

Và, “lúc đức Thế-Tôn ngự kiết-già trong điện Diệu-Thắng, thoát nhiên điện này rộng rãi bằng chỗ ở của tất cả chư Thiên. Thập phương thế-giới cũng đều như vậy”.

Phẩm thứ mười bốn: Tu Di Đảnh Kế Tán

Sau khi đức Thế-Tôn ngự kiết-già trong điện Diệu-Thắng, khắp “mười-phương đều có một đại Bồ-Tát, mỗi vị đều cùng một phật-sát vi-trần-số Bồ-Tát đồng vân tập đến. Mười đại Bồ-Tát là : Pháp-Huệ Bồ-Tát, Nhứt-Thiết-Huệ Bồ-Tát, Thắng-Huệ Bồ-Tát, Công-Đức-Huệ Bồ-Tát, Tinh-Tấn-Huệ Bồ-Tát, Thiện-Huệ Bồ-Tát, Trí-Huệ Bồ-Tát, Chơn-Thiết-Huệ Bồ-Tát, Vô-Thượng-Huệ Bồ-Tát, Kiên-Cố-Huệ Bồ-Tát.

Các Bồ Tát này, đến đọc kệ chúc mừng, ca ngợi (tán thán) đức Thế Tôn.

Pháp Huệ Bồ-Tát mở đầu, ngoài nội dung tán thán của bài kệ, có đoạn kệ đáng lưu ý:

*Đại chúng nên quan-sát
Như-Lai tự-tại-lực
Tất cả Diêm-Phù-Đê
Đều nói Phật tại đây.*

Như vậy, bài kệ cho hay: “tìm” đức Như Lai ở ngay trong bản thân mình. Có nghĩa, khi thiền định, đến một lúc nào đó nhận diện được *tánh không* trong bản thân mình, đó là lúc thấy Như Lai (đây là cấu trúc tâm linh phần tâm – xem Tâm và Tâm Linh).

Nhứt-Thiết-Huệ Bồ-Tát khi dùng phép thần thông quán chiếu các pháp Hữu Vi, có đoạn kệ cần hết sức lưu tâm:

*Quan-sát nơi các pháp
Đều không có tự-tánh
Tướng nó, vốn sanh-diệt
Chỉ là danh thuyết giả.*

Tất cả pháp Hữu Vi là còn sanh-diệt – và những *thuyết* của các pháp Hữu Vi này đều là giả dối. Tất cả sự hứa hẹn là *huyễn*, là hoang đường.

Trong bài kệ của Thắng-Huệ Bồ-Tát có đoạn:

*Lại như mặt trời sáng
Kẻ mù không thấy được
Tâm không có trí-huệ
Trợn chẳng thấy chư Phật.*

Triết lý Phật – trong các pháp Phật – như ánh mặt trời, chỉ có những kẻ mù mới không thấy được.

Công-Đức-Huệ Bồ-Tát cũng nói với đại ý như vậy:

Các pháp không chơn-thật

Vọng chấp là chơn-thật

Cho nên các phàm-phu

Luân-hồi ngục sanh-tử.

Những pháp Hữu Vi (không chân thật) – lấy cái *chấp* (chấp có và chấp không) làm lẽ chân thật – vì vậy những người thiếu hiểu biết (phàm phu) phải *Luân-hồi ngục sanh-tử*.

Tịnh-Tân-Huệ Bồ-Tát có đoạn kệ giảng về *tánh Không* rất đản lưu tâm:

Pháp-tánh vốn thanh-tịnh

Vô-tướng như hư-không

Tất cả không năng thuyết

Người trí quán như vậy.

Vạn vật vốn là tánh KHÔNG. *Không như, không sạch* (thanh tịnh). Người hiểu biết nhận (quán) rõ như vậy, tất cả những điều nhận biết này không thể dùng lời nói mà diễn tả hết được.

Thiện-Huệ Bồ-Tát cho rằng:

Hoặc có hoặc không có

Tướng niệm này đều trừ

Như thế thấy được Phật

An-trụ nơi thiết-tế.

Bỏ được sự *chấp có* cũng như *chấp không* – cũng có nghĩa là đã đạt đạo quả Phật. Và, không cần phải đến khi chết đi mới đạt cứu cánh Niết Bàn – cứu cánh giải thoát ngay trong hiện tại (*thiết-tế*) – và khi đó hoàn toàn được trú trong an lạc.

Trí-Huệ Bồ-Tát cũng chỉ rõ những “trò” mang tính nguy hiểm:

Hữu-tránh nói sanh-tử

Vô-tránh là niết-bàn

Sanh-tử và niết-bàn

Cả hai chẳng nói được.

Hữu Vi mà cho rằng không sanh-tử ; Vô Vi mà nói rằng không giải thoát – một khi nói như vậy là cả hai đều chưa hiểu như thế nào là *Sanh-tử* như thế nào là *niết-bàn*. Tuy nhiên, có những thứ nguy hiểm cho rằng: không phân biệt Hữu Vi-Vô Vi, còn phân biệt là không thể chứng đắc . Cũng chẳng cần phải phân biệt *sanh tử* hay *niết bàn* – còn phân biệt là còn vương mắc. Nguy hiểm là như thế – chúng lấy từ lý không chấp có cũng chẳng chấp không để tạo lớp vỏ nguy hiểm hết sức nguy hại như vậy.

Chấp có – chấp không, có nghĩa là: xem nặng mặt này, nhẹ mặt khác. Thí dụ: xem nặng *tánh không* mà bỏ quên cái *thực thể* (giả tạm) – là *chấp không* ; xem nặng cái *thực thể* (giả tạm) mà bỏ quên *tánh không* – là *chấp có*. Như vậy, suy cho cùng – phải phân biệt chứ sao không phân biệt ? Chỉ khi đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi – khi đó ý nghĩa phân biệt mới tịch lặng (tuyệt đối).

Cho nên, nói rằng: không phân biệt Hữu vi-Vô vi ; không phân biệt thiện-ác ... là cách nói nguy hiểm vô cùng nguy hại – nói như vậy cũng là sai cả về mặt lý luận. Như đã trình bày, trong phẩm *Tịnh Hạnh*, khi đức Phật còn là Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni, phương pháp tu của Ngài duy nhất là giữ *hạnh Bồ Tát* cho thanh tịnh. Khi thiên định, Ngài *soi* thấy tất cả đều là KHÔNG (tức Ngài nhận ra bản chất cấu trúc tâm linh của vạn vật duy nhất là khối ánh sáng vi tế) – khi đó Ngài đạt cứu cánh Niết Bàn (theo “Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa”) thành Phật, và đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác – từ đó Ngài chỉ ra lẽ thật, đó là: *tánh không*. Một khi đã là – đã thuộc – đã trụ – trong *tánh không ấy* – thì khi đó không còn phân biệt – có nghĩa, khi đó là đã thành Phật rồi ! Một khi đã thành Phật rồi thì mọi suy nghĩ, lời nói, hành động – đều có *Huệ* đi trước (*tiền đạo*). Khi đã có *Huệ* đi trước – tất cả phơi bày minh bạch – thì còn phân biệt làm gì ?! Cho nên, nguy hiểm là: lấy vế sau mang ra phía trước. Nếu không hiểu rõ, nghe theo, làm theo – là *hành tà đạo* rồi.

Một lẽ khác, một khi đã là – đã thuộc – đã trụ – trong *tánh không ấy* – thì khi đó không còn phân biệt – có nghĩa, khi đó chỉ duy nhất là *tánh không* – và cũng có nghĩa chỉ còn cấu trúc duy nhất đó là cấu trúc tâm linh phần tâm (đã trình bày). Đức Phật hằng nói trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa: nơi nào còn hình tướng – nơi ấy còn giả dối. Cho nên, khi còn đang tồn tại trong thế giới hình tướng giả tạm này, với một thực thể giả tạm này – có sao không phân biệt ? Không phân biệt để lập lời “đánh lận con đen chẳng” ? Nguy hiểm – vốn là “miệng lưỡi” ghê gớm là như vậy.

Chơn-Thật-Huệ Bồ-Tát “tâm sự”:

Sở dĩ nơi thời xưa

Chịu khổ vô-số kiếp

Lưu chuyển trong sanh-tử

Vì chẳng nghe danh Phật.

Vô-Thượng-Huệ Bồ-Tát đề cập đến *tánh không hai*:

Cũng lại không có một

Bực đại-trí thấy đúng

Kheo an-trụ thật lý.

Trong không, không có hai

Chân lý là chỉ có một – không thể là hai. Nhưng vì luôn có hai (hai mặt đối lập) nên không phải là một. Cho nên, *Bực đại-trí* phải biết chọn lấy một.

Trong kinh Duy Ma, phẩm “*Vào không hai*”, đặt vấn đề rất rõ và rất quyết liệt: Hữu Vi hay không Hữu Vi. Có nghĩa, hoặc là chọn Hữu Vi hoặc là chọn không Hữu Vi (tức chọn Vô Vi) – để mà vào – không thể cùng chọn cả hai (tham khảo thêm chú giải kinh Duy Ma).

Kiên-Cổ-Huệ Bồ-Tát tán thán:

*Vĩ-đại ! quang-minh lớn
Bực vô-thượng dũng kiên
Vì lợi ích quần-sanh
Mà xuất hiện thế-gian.*

(...)

*Nếu ai thấy Như-Lai
Vì được lợi hành lớn
Nghe hiệu Phật sanh tin
Thời là tháp thế-gian.*

*Chúng tôi thấy Như-Lai
Vì được lợi ích lớn
Nghe diệu-pháp như vậy
Đều sẽ thành Phật-đạo.*

Phẩm thứ mười lăm: Thập trụ

Theo Từ điển Phật học, quá trình tu hành của Bồ tát được chia làm 52 giai vị, trong đó, từ giai vị 11 đến 20 thuộc Trụ vị, gọi là Thập trụ, đó là:

1. Sơ phát tâm trụ: Phát khởi tâm Thập tín (thập tín gồm: , tin thờ Tam bảo, thường trụ trong 8 vạn 4 nghìn Bát nhã ba la mật, thụ trì tu tập tất cả hạnh, tất cả pháp môn, thường khởi tín tâm, không sinh tà kiến, không phạm Thập trọng, Ngũ nghịch, Bát đảo, không sinh vào nơi có tai nạn, thường được gặp Phật pháp, học rộng, nhiều trí tuệ, cầu nhiều phương tiện, mới nhập không giới, trụ nơi giai vị không tính, đồng thời, dùng không lí trí tâm tu tập giáo pháp của cổ Phật, trong tâm sinh ra tất cả công đức).

2. Trị địa trụ : Thường theo tâm không, làm thanh tịnh 8 vạn 4 nghìn pháp môn, tâm Bồ tát trong sáng, giống như trong lưu li hiện vàng ròng; vì lấy diệu tâm mới phát làm Địa để tu tập nên gọi là Trì địa trụ.

3. Tu hành trụ : Trí tuệ của Phát tâm trụ và Trị địa trụ ở trước đều đã sáng tỏ, cho nên đạo khắp 10 phương mà không bị ngăn ngại.

4. Sinh quý trụ : Nhờ diệu hạnh ở trước thâm hợp với diệu lí, đã sinh vào nhà Phật làm con bậc Pháp vương ; tức hạnh đồng với Phật, chịu ảnh hưởng khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, cả hai thâm hợp, nhập vào chủng tính Như lai.

5. Phương tiện cụ túc trụ : Tu tập vô lượng thiện căn, lợi mình lợi người, đầy đủ phương tiện, tướng mạo vẹn toàn.

6. Chính tâm trụ : Nghĩa là thành tựu Bát nhã thứ 6, cho nên chẳng những chỉ có tướng mạo mà cả tâm cũng đồng với Phật.

7. Bất thoái trụ : Nghĩa là đã vào cảnh giới vô sinh rốt ráo không, tâm thường tu hạnh không, vô tướng, vô nguyện, thân tâm hòa hợp, mỗi ngày một tăng trưởng.

8. Đồng chân trụ : Nghĩa là từ khi phát tâm trở đi, trước sau không sụt lùi, không khởi tà ma phá hoại tâm bồ đề, đến đây thì 10 thân linh tướng của Phật cùng lúc đầy đủ.

9. Pháp vương tử trụ : Từ Sơ phát tâm trụ đến Sinh quý trụ gọi là Nhập thánh thai; từ Phương tiện cụ túc trụ đến Đồng chân trụ gọi là Trưởng dưỡng thánh thai; đến Pháp vương tử trụ này thì hình tướng đã đầy đủ, liền ra khỏi thai, giống như từ trong giáo pháp của Phật vương sinh ra hiểu biết mới tiếp nối được ngôi vị của Phật.

10. Quán đỉnh trụ : Bồ tát đã là con của Phật, có khả năng gánh vác việc Phật, cho nên Phật đem nước trí tuệ rưới lên đầu (quán đỉnh) Bồ tát, giống như việc quán đỉnh lên ngôi của vị Vương tử dòng Sát đế lợi. Vị Bồ tát đã đến Quán đỉnh trụ thì có 3 tướng đặc biệt là: a. Độ chúng sinh: Nghĩa là có khả năng tu hành thành tựu

10 thứ trí, độ được các chúng sinh. b. Vào được cảnh giới rất sâu xa mà tất cả chúng sinh cho đến hàng Bồ tát Pháp vương tử trụ cũng không thể tính lường được. c. Học rộng 10 thứ trí, rõ biết tất cả pháp.

Qua chú giải của Từ điển Phật Quang ở trên, cũng đã khái quát nội dung về nghĩa sơ lược, cơ bản của “Thập trụ”.

Trong kinh, Pháp-Huệ Bồ-Tát đã giải thích thập trụ của một Bồ Tát – được phân chia ra thành mười bậc Bồ Tát (cao thấp khác nhau):

Bậc một: *Phát-tâm-trụ:*

Đây là Bồ Tát mới phát tâm tu, với vị Bồ Tát này nên:

“Siêng cúng-dường Phật, thích ở sanh-tử, chủ-trương dứt thế-gian khiến trừ ác nghiệp, thường đem pháp thắng-diệu dạy bảo, ca ngợi pháp vô-thượng, học công-đức của Phật, sanh ở trước Phật luôn được nhiếp thọ, phương-tiện diễn nói tam-muội tịch-tĩnh, ngợi khen xa lìa sanh-tử luân-hồi, làm chỗ quy-y cho chúng-sanh đang bị khổ.

Bậc hai: *Tri-địa-trụ:*

“Bồ-Tát này nên học mười thứ pháp :

Tụng tập học rộng, rảnh rang tịch-tĩnh, gần thiện tri-thức, nói lời hòa vui, nói tất biết-thời, lòng không khiếp sợ, rõ thấu các nghĩa, tu hành đúng pháp, xa lìa ngu-mê, an-trụ bất-động”.

Bậc ba: *Tự-tại hành-trụ:*

Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Quan-sát chúng-sanh giới, pháp-giới, thế-giới, quan-sát địa-giới, thủy-giới, hỏa-giới, phong-giới, quan-sát dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Bậc bốn: *Sanh-quý-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Rõ biết tất cả phật-pháp thời quá-khứ, thời vị-lai, thời hiện-tại; tu tập tất cả phật-pháp thời quá-khứ, vị-lai, hiện-tại; viên-mãn tất cả phật-pháp quá-khứ, vị-lai, hiện tại; biết rõ tất cả Phật bình-đẳng”.

Bậc năm: *Phương-tiện-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Biết chúng-sanh vô-biên, vô-lượng, vô-số, biết chúng-sanh bất-tư-nghị, vô-lượng-sắc, bất-khả-lượng, biết chúng-sanh không, vô-sở-tác, vô-sở-hữu, vô-tự-tánh”.

Bậc sáu: *Chánh-tâm-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Tất cả pháp vô-tướng, tất cả pháp vô-thể, tất cả pháp chẳng thể tự-tại, tất cả pháp vô-sở-hữu, tất cả pháp không chơn-thiệt, tất cả pháp không, tất cả pháp vô-tánh, tất cả pháp như huyễn, tất cả pháp như mộng, tất cả pháp vô-phân-biệt”.

Bậc bảy: *Bất-thối-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp quảng đại :

Nói một chính là nhiều, nói nhiều chính là một; văn tùy nơi nghĩa, nghĩa tùy nơi văn, chẳng có chính là có, có chính là chẳng phải có, vô-tướng chính là tướng, tướng chính là vô-tướng, vô-tánh chính là tánh, tánh chính là vô-tánh”.

Bậc tám: *Đồng-chơn-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Biết tất cả phật-sát, động tất cả phật-sát, trì tất cả phật-sát, quán tất cả phật-sát, đến tất cả phật-sát, du-hành vô-số thế-giới, lãnh-thọ vô-số phật-pháp, hiện thân biến-hóa tự-tại, nói ra tiếng quảng-đại biến mãn, trong một sát-na thừa sự cúng-dường vô-số Phật”.

Bậc chín: *Pháp-vương-tử-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười pháp :

Pháp-Vương xử thiện-xảo, Pháp-Vương xử quý-độ, Pháp-Vương xử cung-điện, Pháp-Vương xử thu-nhập, Pháp-Vương xử quan-sát, Pháp-Vương xử quán-đảnh, Pháp-Vương lực-trì, Pháp-Vương vô-úy, Pháp-Vương minh-tâm, Pháp-Vương tán than”.

Bậc mười: *Quán-đảnh-trụ:*

“Vị Bồ-Tát này nên khuyên học mười thứ trí của Như-Lai :

Tam-thế-trí, phật-pháp-trí, pháp-giới vô-ngại-trí, phật-giới vô-biên-trí, sung-mãn nhứt-thiết thế-giới-trí, phổ-chiếu nhứt-thiết thế-giới-trí, trụ-trì nhứt-thiết thế-giới-trí, tri nhứt-thiết chúng-sanh-trí, tri nhứt-thiết pháp trí tri vô-biên chư Phật trí”.

Trong kinh chia ra mười bậc (cao thấp) như vậy .

Đến đây, vấn đề đặt ra là: với các pháp ấy, **ai dạy** ? Câu trả lời trong kinh là: **“nghe pháp liền tự hiểu chẳng do người khác dạy”.**

Ai là người xác nhận (đánh giá) một Bồ Tát ở bậc nào ? Không ai, ngoài Bồ Tát tự biết (xem một số cơ sở để tự đánh giá trong kinh).

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đã đề cập: **“muôn pháp Phật là một”** – hàm nghĩa: **không cao không thấp**. Vậy, sự phân chia các pháp này có ý nghĩa gì ?

“Vì muốn vị Bồ-Tát này tâm lại càng thêm tăng-tiến”; *“Vì muốn vị Bồ-Tát này tâm lại càng tăng-thăng”* ; *“Vì muốn cho vị Bồ-Tát này được thăng tiến”* ...

Cho nên: **Một, chẳng phải là một, nên là muôn pháp** vậy.

Có lẽ vẫn cần phải lý giải thêm: Muôn pháp Phật là một – không cao không thấp. Có nghĩa, chẳng có pháp Phật nào là cao – cũng chẳng có pháp Phật nào là thấp. Nếu chỉ dụng một pháp Phật, ví như: giữ thanh tịnh hạnh Bồ Tát – thì, cuối cùng đích đến cũng phải là cánh cửa giải thoát – cũng sẽ đạt trí tuệ Ba La Mật Đa. Điều đó là không thể chối bần.

Tuy nhiên, để “đi” nhanh hơn – do sự tu tập tích lũy từ rất lâu về trước – với một số Bồ Tát – việc chọn một số pháp nào đó cho phù hợp cũng là lẽ tự nhiên. Điều đó chẳng hề mang ý nghĩa rằng: pháp cao, pháp thấp.

Phẩm thứ mười sáu: **Phạm hạnh**

Phẩm này tiếp tục đề cập đến phạm trù *hạnh*. Ở phẩm thứ mười một: "Tịnh Hạnh", cũng là vấn đề: giữ gìn (tu) hạnh sao cho thanh tịnh, và đã đưa ra "mô hình" tu của đức Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni. Ở phẩm này cũng đề cập vấn đề như vậy, song ở phương diện hẹp và cụ thể hơn, đó là: "*thân, thân nghiệp, ngữ, ngữ nghiệp, ý, ý nghiệp, Phật, Pháp, Tăng và giới*".

Trong các phương diện đã nêu, chia ra các lãnh vực: thân, thân nghiệp– khẩu, khẩu nghiệp – ý, ý nghiệp ; Tam Bảo ; giữ giới (ngữ giới, đối với Bồ Tát tu tại gia).

Tóm lại, vấn đề của Chánh Niệm Thiên Tử nêu là: với các phương diện: thân, thân nghiệp– khẩu, khẩu nghiệp – ý, ý nghiệp ; Tam Bảo ; giữ giới (ngữ giới, đối với Bồ Tát tu tại gia) – thì tu như thế nào để hạnh thanh tịnh (*từ địa vị Bồ Tát đến đạo vô thượng bồ đề*) ?

Và, Pháp Huệ Bồ Tát đã chỉ ra rằng: phải dùng pháp *quán* (quan sát)

Trước hết, hãy xét tam nghiệp: thân, khẩu, ý:

Thân nghiệp: Chỉ cho nghiệp tạo tác và không tạo tác của thân, có thiện có ác khác nhau; nếu làm các việc như giết hại, trộm cướp, tà dâm... là Thân ác nghiệp; nếu không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm... là Thân thiện nghiệp.

Khẩu nghiệp (cũng gọi Ngữ nghiệp): Chỉ cho nghiệp tạo tác và không tạo tác của miệng, có thiện, có ác, nếu nói dối, nói lời ly gián, nói ác, nói thêu dệt... là khẩu ác nghiệp; nếu không nói dối, không nói 2 lưỡi, không nói ác, không nói đơm đặt thì là Khẩu thiện nghiệp.

Ý nghiệp: Chỉ cho nghiệp do ý thức dấy lên, có thiện có ác, nếu tham muốn, sân hận, tà kiến là Ý ác nghiệp; nếu không tham, không sân, không tà kiến... thì là Ý thiện nghiệp.

Ngoài ra còn có 3 nghiệp thân, khẩu, ý vô kí, tức là các nghiệp không phải thiện không phải ác, không có năng lực chiêu cảm quả báo. (Từ điển Phật Quang)

Quán thân: "là chẳng phải thiện, là phi pháp, là lộn đục, là hôi xấu, là bất tịnh, là đáng nhàm, là trái nghịch, là tạp nhiễm, là tử thi, là nhóm trùng". Tức "soi xét" thân, thấy cái thân xấu xa như nhớp đáng ghê sợ đến như thế. Một khi cái thân là như nhớp đáng ghê sợ như thế thì, bầu vú, núm chắt nó làm gì ? (Để không siêu thoát được ?)

Quán thân nghiệp: "là hành, trụ, tọa, ngọa, là ngó bên này bên kia, là co, duỗi, cúi, ngược". Tức "soi xét" thân nghiệp, thấy cái thân mang nặng những thứ nghiệp

từ nhiều đời nhiều kiếp – vì vậy mà cái thân “loại chơi” như không phải là người. Một khi thấy cái thân luôn “động” một cách ngao ngán như vậy – thì sẽ thấy giá trị của “tĩnh” – khi đó mới có thể chế ngự được cái “động” của thân.

Quán ngữ (khẩu): “là âm thanh, gió thổi, là môi, lưỡi, cuốn họng, là thổ nạp, ngăn buồng, là cao thấp, trong đục”.

Quán ngữ nghiệp: “là thưa chào, hỏi thăm, là nói lược, nói rộng, là nói dụ, nói thẳng, là lời khen, lời chê, là lời an lập, lời tùy tục, lời hiển liễu”.

Con người gây ra từ khẩu nghiệp hàng ngày, lại thêm nghiệp lực từ quá khứ lôi kéo, xúi dục ... Cứ tưởng rằng lời nói chẳng đáng gì, song, có thể đó là những lời nói khiến người nào đó ôm hận đến “nghìn thu”. Bồ Tát Pháp Huệ chỉ ra pháp quán như vậy để thấy kinh hãi mà xa lánh.

Quán ý: “là giác, là quán, là phân biệt, ức niệm, tư duy, là ảo thuật, là ngủ mơ”.

Quán ý nghiệp: “là tư tưởng lạnh nóng đói khát, khổ vui, lo mừng”.

Khẩu nghiệp, thân nghiệp do ý nghiệp mà ra. Ý nghiệp theo tâm mà khởi (tốt, xấu) Nhà Phật đã chỉ ra, sự khổ là do “phiền não”. Sự “phiền não” này do Thọ, Tưởng, Hành, Thức (ý) mà ra. Bồ Tát Pháp Huệ chỉ ra quán như vậy để biết được nguyên nhân gây ra sự khổ mà tránh. Như vậy, ngay cả sự vui – cũng là tác nhân của “phiền não”, chứ không chỉ có sự khổ như mọi người hằng tưởng.

Quán Tam Bảo:

Quán Phật: Rất nhiều người ngồi thiền, quán Phật, thấy Phật là mừng lắm. Song, đó là huyễn, là do tưởng tượng, là do sắc (là Phật ?), (hay) thọ, tưởng, hành, thức (là Phật ?); tướng hảo hay thần thông (là Phật ?) – bởi, không thể dõi tìm Tướng Phật. Như đức Thích Ca Mâu Ni, nếu cần, thị hiện hàng “vi trần số” tướng hình – thì dõi tìm thế nào ?

Cho nên vẫn cần nhắc lại bài kệ (đây là bài kệ có thể dung làm câu chú đọc hàng ngày. Trong đây hàm chứa Phật lực – hay còn gọi là thần lực – mà Như Lai đã mật định, con người chưa thể hiểu và nắm bắt hết được):

Tìm ta qua hình sắc

Cầu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thấy được Như Lai

Quán Pháp: Có pháp gì để đạt cứu cánh Niết Bàn ? Có pháp gì là vô sở đắc ? v.v...

Không có pháp gì để chuyên luyện thành Phật (xem chú giải các kinh đã dẫn).

Nên chú ý rằng: Nếu như ở phần quán về thân, khẩu, ý ở trên, **Bồ Tát Pháp Huệ chỉ ra pháp quán như vậy để ghê sợ, tránh né ...** thì ở đây là ý phản bác: **không được quán (như vậy)**.

Quán Tăng: “*Dự Lưu Hương hay Dự Lưu Quả là Tăng? Nhứt Lai Hương hay Nhứt Lai Quả là Tăng? Bất Hoàn Hương hay Bất Hoàn Quả, Vô Sanh Hương hay Vô Sanh Quả là Tăng? Tam minh hay lục thông là Tăng ?*”.

Các đạo quả là không thể nhận biết bằng mắt thường. Đó là điều nằm trong, thuộc về *tánh không*. Ý của Bồ Tát Pháp Huệ ở đây là: sao lại có cái kiêu: quán tăng là dõ tìm các quả đạo ? Quả đạo của ai ? Việc quán như vậy không những chỉ là vô ích mà còn là sai khi sử dụng pháp *thiền quán*.

Quán **Giới**: Cũng với cách phản bác, Bồ Tát Pháp Huệ ý nói rằng: làm gì có cái giới *khất thực, hay chánh mạng để mà quán ?*

Cuối cùng Bồ Tát Pháp Huệ hỏi:

Như vậy, trong đây pháp nào gọi là phạm hạnh?

Phạm hạnh từ chỗ nào đến? Là sở hữu của ai? Thế là gì? Do ai làm? Là có? Là không? Là Sắc? Là phi sắc? Là thọ? Là phi thọ? Là tướng? Là phi tướng? Là hành? Là phi hành? Là thức? Là phi thức?

Phạm hạnh: Còn gọi là *Tịnh hạnh*. *Chỉ cho hạnh thanh tịnh mà người xuất gia và tại gia tu tập (Từ điển Phật Quang)*.

Con đường tu phạm hạnh không thể là con đường *quan sát* mà có được. Đó cũng không phải là con đường *nói suông* (tâm niệm, suy nghĩ) mà có được. Đó là con đường hành trì thực hành tu tập hàng ngày. Rất nhiều người thích nói, ưa suy nghĩ ... mà không làm. Đó là cái gốc cần chữa trị. Bồ Tát Pháp Huệ đề cập đến căn bệnh như thế. Ngay cả dùng pháp thiền quán để *quán thân bất tịnh* – từ đó mà ghê sợ, mà không bầu vùi chặt vào cái thân giả tạm – song, nếu như, sau những giây phút ngắn ngủi ngồi thiền quán ấy – là suốt cả một ngày “săm soi, tha thiết” với cái thân giả tạm – thì việc thiền quán kia bỗng dưng trở thành lý thuyết suông vậy.

Cuối cùng Bồ Tát Pháp Huệ muốn nhắn gửi:

(...) “*Phải khởi tâm đại từ bi, quan sát chúng sanh mà chẳng bỏ lìa, tư duy các pháp không có thôi dứt, thật hành nghiệp vô thượng không cần quả báo, rõ biết cảnh giới như ảo mộng, như bóng vang, như biến hóa*”.

(...) “*Biết tất cả pháp tức là tâm tự tánh, thành tựu huệ thân giác ngộ chẳng do người khác*”.

Phẩm thứ mười bảy: Sơ Phát Tâm Công Đức

Đây là phẩm không có gì là đặc biệt – song, lại là phẩm thiết yếu quan trọng thuộc bậc nhất đối với những người mới bước đến “cửa nhà Phật”.

*“Thiên-Đế-Thích bạch Pháp-Huệ Bồ-Tát rằng :
Thưa Phật-tử ! Bồ-Tát sơ phát bồ-đề tâm được bao nhiêu công-đức ?”*

Trước hết, hãy tìm hiểu các thuật ngữ:

Sơ phát tâm: “*Bộ luận Đại thừa tóm tắt cương yếu của 25.000 bài tụng Bát nhã (tương đương với kinh Đại phẩm bát nhã bản Hán dịch), do bồ tát Di lạc người Ấn độ soạn thuật, là bộ luận Đại thừa tóm tắt cương yếu của 25.000 bài tụng Bát nhã (tương đương với kinh Đại phẩm bát nhã bản Hán dịch). Nội dung chính của luận này nói về quá trình tu hành theo thứ lớp từ phàm phu đến cảnh giới Phật. Gồm có 8 phẩm, 272 bài tụng. 1. Phẩm Nhất thiết tướng trí tính: Nương theo thứ lớp từ **sơ phát tâm**, thụ giáo, quyết trạch chi, hành y trì, sở duyên, sở kì, sở tác, tư lương, thành biện, v.v... mà chứng nhập quả Phật”*

Bồ đề tâm: “*Tức là tâm cầu Bồ đề vô thượng (cầu thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Tâm bồ đề là hạt giống sinh ra hết thảy chư Phật, là ruộng tốt nuôi lớn các pháp trong sạch. Nếu phát khởi tâm này mà tu hành tinh tiến, thì sẽ mau chóng được bồ đề vô thượng. Cho nên biết tâm Bồ đề là chỗ bắt đầu của tất cả thế nguyện chân chính, là gốc của Bồ đề, là chỗ dựa của đại bi và Bồ tát học. Bồ tát Đại thừa trước hết cần phải phát tâm rộng lớn, gọi là phát tâm Bồ đề, phát tâm, phát ý; mới bắt đầu phát tâm, gọi là sơ phát tâm, tâm phát ý”*.
(Từ điển Phật Quang-nguồn: rongmotamhon.net)

Như vậy, vấn đề Thiên-Đế-Thích đặt ra là: một Bồ-Tát mới phát tâm tu cầu thành Phật, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì được bao nhiêu công-đức ?

Pháp-Huệ Bồ-Tát đã trả lời:

“Này Phật-tử ! Giả sử có người đem tất cả đồ sở-thích cúng-dường chúng-sanh trong vô-số thế-giới ở mười phương trọn một kiếp; rồi sau đó dạy họ thọ-trì ngũ-giới thanh-tịnh. Cứ theo ý ông, công-đức của người này nhiều chăng ?”

Thiên-Đế thưa : 'Công-đức của người này, trừ Phật ra, không ai có thể lường được.'

Pháp-Huệ Bồ-Tát nói : “*Này Phật-tử ! Công-đức của người này đem so với công-đức sơ-phát-tâm của Bồ-Tát chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn, một phần ức, một phần trăm ngàn na-do-tha ức, một phần số, một phần ca-la, một phần toán, một phần dụ, nhĩn đến chẳng bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà*”.

Ưu-ba-ni-sa-đà: Như chẻ 1 sợi lông ra làm 100 phần, rồi lại chẻ 1 phần trong 100 phần ấy ra làm trăm nghìn vạn phần, lại lấy 1 phần trong trăm nghìn vạn phần ấy chẻ ra như trước, cho đến lân hư (sát mé hư không), tức đến chỗ không thể chẻ ra được nữa, đó gọi là ưu-ba-ni-sa-đà phần. (Từ điển đã dẫn).

Có nghĩa, một người nếu đem của cải Bồ thí chúng sanh (cho người nghèo), rồi lại chỉ cho họ cách *thọ-trì ngũ-giới thanh-tịnh* – hàng triệu triệu năm – thì cũng không bằng người đó phát tâm tu cầu thành Phật. Ở đây, có hai điểm: của cải vật chất đem cho và lý thuyết rao giảng suông – chẳng nghĩa lý gì so với việc thực hành, đó là: phát tâm tu cầu thành Phật.

Bồ-Tát Pháp-Huệ còn nói thêm:

“*Giả sử có người đem tất cả đồ sở-thích cúng-dường chúng-sanh trong mười vô-số thế-giới ở mười phương trọn trăm kiếp, rồi sau đó dạy họ điều tu thập-thiện. Cúng-dường như vậy trọn trăm ngàn kiếp rồi dạy trụ tứ-vô-lượng-tâm. Cúng-dường trọn ức kiếp rồi dạy trụ tứ-vô-sắc-định. Cúng-dường trọn trăm ức kiếp rồi dạy trụ quả Tu-Đà-Hoàn. Cúng-dường trọn ngàn ức kiếp, rồi dạy trụ quả A-La-Hán. Cúng-dường trọn trăm ngàn na-do-tha ức kiếp, rồi dạy trụ Bích-Chi-Phật*”.

“*Này Phật-tử ! Công-đức của người này đem so với công-đức sơ-phát-tâm của Bồ-Tát chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn, một phần ức, một phần trăm ngàn na-do-tha ức, một phần số, một phần ca-la, một phần toán, một phần dụ, nhĩn đến chẳng bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà*”

Và nói thêm:

“*Giả-sử có người đem tất cả đồ sở-thích cúng-dường chúng-sanh trong mười vô-số thế-giới ở mười phương trọn trăm kiếp, rồi sau đó dạy họ điều tu thập-thiện. Cúng-dường như vậy trọn ngàn kiếp rồi dạy tứ-thiện. Cúng-dường như vậy trọn trăm ngàn kiếp rồi dạy tứ-vô-lượng-tâm. Cúng-dường trọn ức kiếp rồi dạy trụ tứ-vô-sắc-định. Cúng-dường trọn trăm ức kiếp rồi dạy trụ quả Tu-Đà-Hoàn. Cúng-dường trọn ngàn ức kiếp rồi dạy trụ quả Tu-Đà-Hàm. Cúng-dường trọn trăm ngàn ức kiếp, rồi dạy trụ quả A-Na-Hàm. Cúng-dường trọn trăm ngàn na-do-tha ức kiếp, rồi dạy trụ Bích-Chi-Phật*”.

“*Này Phật-tử ! Công-đức của người này đem so với công-đức của Bồ-Tát sơ-phát-tâm chẳng bằng một phần trăm, nhĩn đến chẳng bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà*”.

Tại sao lại như thế ?

Bởi, Bồ Tát khi thành Phật không phải chỉ độ cho một vài chúng sanh, mà: “*vì tất cả chúng sanh đầy khắp tất cả thế-giới, vì độ thoát tất cả chúng-sanh trong tất cả thế-giới (mười phương)*”. Và vì: “*biết rõ cả sự thành hoại của tất cả thế-giới, vì biết rõ chúng-sanh cấu tịnh trong tất cả thế-giới, vì biết rõ sở-thích, phiền-não, tập-khí của tất cả chúng-sanh, vì biết rõ sự chết đày sanh kia của tất cả chúng-sanh, vì biết rõ căn tánh phương-tiện của tất cả chúng-sanh, vì biết rõ tâm hành của tất cả chúng-sanh, vì trí biết rõ tam-thế chúng-sanh, vì biết rõ cảnh-giới bình-đẳng của tất cả Phật, vì những điều trên đây mà phát tâm vô-thượng bồ-đề*”.

Cho nên, công đức của Bồ Tát sơ phát Bồ Đề tâm lớn đến mức:

“*Này Phật-tử ! Giả-sử có người trong một khoảng một niệm có thể qua khỏi phương đông vô-số thế-giới, đi luôn như vậy trọn vô-số kiếp, số thế-giới của người này đã trải qua khó có ai biết được.*

Người thứ hai, trong một niệm có thể qua khỏi tất cả thế-giới của người thứ nhất đã trải qua trong vô-số kiếp, người này cũng đi luôn mãi trọn vô-số kiếp.

Cứ lần lượt tuần-tự như vậy đến người thứ mười. Chín phương kia cũng đều như vậy. Thế là trong mười phương có cả thầy trăm người. Số thế-giới của trăm người này đã trải qua còn có thể biết được tế-hạn (giới hạn).

Công-đức căn lành của Bồ-Tát sơ-phát vô-thượng bồ-đề tâm, không ai có thể biết tế-hạn được”.

Tại sao lại là không giới hạn (tế hạn) ?

Bởi, người sơ phát tâm kia khi thành Phật, chỉ với một niệm (ý phát khởi), mà biết hết tất cả thế-giới rộng lớn (vô cùng, vô tận) mà không chướng-ngại (biết rõ đến từng chi tiết).

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết rõ sự thành hoại của tất cả thế-giới không thừa không sót*”. (Thế giới thành hoại: tức, có những thế giới mới hình thành và có những thế giới cũ mất đi).

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết hết kiếp số thành hoại của tất cả thế-giới trong ba thời quá-khứ, vị-lai và hiện-tại*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết những tri-giải (suy nghĩ) thiện, bất-thiện, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai của các chúng-sanh trong tất cả thế-giới*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết rõ trọn vẹn những căn-tánh sai-biệt của tất cả chúng-sanh trong tất cả thế-giới*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết tất cả sở-thích của tất cả chúng-sanh trong tất cả thế-giới*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết trọn vẹn những tâm sai-biệt của tất cả chúng-sanh trong tất cả thế-giới*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết rõ những nghiệp sai-biệt của tất cả chúng-sanh trong tất cả thế-giới và cả tam-thế (quá khứ, hiện tại, vị lai)*”.

Cũng chỉ với một niệm (ý phát khởi), “*mà biết rõ trọn vẹn những phiền-não sai-biệt của những chúng-sanh trong tất cả thế-giới*”.

“Tam-thế chư Phật có bao nhiêu công-đức, Bồ-Tát này có thể tin được, thọ được, có thể biết, có thể tu, có thể được, có thể chứng, có thể trọn nên, có thể cùng chư Phật bình-đẳng một tánh”.

“Do phát tâm nên thường được tất cả tam-thế chư Phật ức-niệm, sẽ được vô-thượng bồ-đề. Liên được tất cả tam-thế chư Phật ban diệu-pháp. Liên cùng tất cả tam-thế chư Phật thể-tánh bình-đẳng. Đã tu pháp trợ-đạo của tất cả tam-thế chư Phật. Trang-nghiêm phật-pháp bất cộng của tất cả tam-thế chư Phật. Được trọn vẹn trí-huệ thuyết pháp của tất cả tam-thế chư Phật”.

“Lúc vừa phát tâm liền được thập phương tất cả chư Phật đồng khen ngợi, liền có thể thuyết pháp giáo-hoá điều-phục chúng-sanh trong tất cả thế-giới, liền có thể chấn-động tất cả thế-giới, liền có thể chiếu sáng tất cả thế-giới, liền có thể dứt diệt những khổ ác đạo của tất cả thế-giới, liền có thể nghiêm-tịnh tất cả quốc-độ, liền có thể thị-hiện thành Phật trong tất cả thế-giới, liền có thể khiến tất cả chúng-sanh đều được vui mừng, liền có thể vào tất cả pháp-giới-tánh, liền có thể được trí-huệ quang-minh của tất cả Phật”.

Sau những thuyết giảng này Bồ-Tát Pháp-Huệ thừa oai-lực của Phật nói kệ (xin tham khảo thêm ở mục “tác phẩm kinh”).

Phẩm thứ mười tám: Minh Pháp

Nếu như ở phẩm trước, phẩm “Sơ Phát Tâm Công Đức”, cung cấp về mặt nhận thức: công đức lớn lao không sao kể xiết do Bồ Tát sơ phát tâm Bồ Đề mang lại, thì ở phẩm này chỉ ra cách thức tu tập rất cụ thể để một Bồ Tát đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tinh-Tấn-Huệ Bồ-Tát đã hỏi Pháp-Huệ Bồ-Tát rằng : tu-tập thế nào khiến chư Phật đều hoan-hỷ và dùng phương-tiện gì để có thể sẽ được viên-mãn đạt đạo quả Phật Vô Thượng ?

Bồ Tát Pháp-Huệ trả lời:

“Đại Bồ-Tát đã phát tâm vô-thượng bồ-đề, phải lìa si tối, tinh-tấn gìn giữ chớ có phóng dật.

Đại Bồ-Tát trụ mười pháp sau đây gọi là chẳng phóng dật :

Một là giữ gìn giới cấm; hai là xa lìa ngu-si, tâm bồ-đề thanh-tịnh; ba là lòng thích ngay thẳng rời điều dua phỉnh; bốn là siêng tu căn lành không thoái-chuyển; năm là luôn khéo tư-duy tâm của mình đã phát; sáu là chẳng thích gần-gũi tất cả phàm-phu tại-gia hay xuất-gia; bảy là tu những nghiệp lành mà chẳng mong cầu quả báo thế-gian; tám là lìa hẳn nhị-thừa mà thật hành bồ-tát-hạnh; chín là thích tu-tập điều lành chẳng để đoạn tuyệt; mười là luôn khéo quan-sát sức tương-tục của mình”.

Phóng dật: buông thả, phóng túng, lười nhác, không giữ mình theo các pháp lành, cũng không có sự tinh tấn nỗ lực tu tập. (Theo: *Rộng mở tâm hồn.net*)

Và Một khi Bồ Tát không còn phóng dật thì sẽ được những điều thanh tịnh:

“Một là thật hành đúng như lời nói; hai là niệm-trí được thành-tựu; bình-đẳng là trụ nơi thâm định chẳng trầm chẳng điêu; bốn là thích cầu phật-pháp không lười bỏ; năm là theo pháp được nghe quan-sát đúng lý sanh diệu trí-huệ; sáu là nhập thâm thiên-định được phật-thân-thông; bảy là tâm bình-đẳng không cao hạ; tám là tâm không chướng-ngại đối với chúng-sanh loại thượng trung hạ, bình-đẳng lợi-ích như đại-địa; chín là nếu thấy chúng-sanh nhen đến một phen phát bồ-đề-tâm thời tôn trọng kính thờ xem như hoà-thượng; mười là đối với hoà-thượng và a-xà-lê thọ-giới, chư Bồ-Tát, các thiện-tri-thức, các pháp-sư luôn tôn trọng kính thờ”.

Và:

“Bồ-Tát lại có mười pháp sau đây có thể làm cho chư Phật hoan-hỷ :

Một là tinh-tấn bất-thối; hai là chẳng tiếc thân mạng; bình-đẳng là không mong cầu lợi-dưỡng; bốn là biết tất cả pháp đều như hư-không; năm là khéo quan-sát vào khắp pháp-giới; sáu là biết các pháp-án lòng không ý-trước; bảy là luôn phát

đại-nguyện; tám là thành tựu nhân-trí; chín là quan-sát pháp lành của mình lòng không tăng giảm; mười là y vô-tác-môn tu những tịnh hạnh”.

Lại:

“Lại có mười pháp sau đây có thể làm chư Phật hoan-hỷ :

An-trụ bất phóng-dật; an-trụ vô-sanh-nhãn; an-trụ đại-từ; an-trụ đại-bi; an-trụ đầy đủ các môn ba-la-mật; an-trụ đại-hạnh; an-trụ đại-nguyện; an-trụ xảo phương-tiện; an-trụ dũng mãnh lực; an-trụ trí-huệ, quan-sát tất cả pháp đều vô-trụ, như hư-không”.

Vô sanh nhãn: vô sanh tức là không sanh không diệt ; nhãn có nghĩa là tin nhận giữ gìn; ý là tâm không lay động an trú trong thể bất sanh bất diệt.

Rồi:

“Có mười pháp dưới đây làm cho Bồ-Tát chỗ thật hành thanh-tịnh :

Một là xả hết của cải để làm vừa ý chúng-sanh; hai là trì-giới thanh-tịnh không hủy phạm; ba là nhu hòa nhẫn nhục không cùng tận; bốn là siêng tu các hạnh trọn chẳng thôi chuyển; năm là do chánh-niệm không mê loạn; sáu là phân biệt rõ biết vô-lượng pháp; bảy là tu tất cả hạnh mà không sợ-trước; tám là tâm bất động dường như núi Tu-Di; chín là rộng độ chúng-sanh dường như cầu đò; mười là biết tất cả chúng-sanh cùng chư Phật đồng một thể-tánh”.

Và:

“Bồ-Tát có mười nguyện thanh-tịnh như dưới đây :

Một là nguyện thành-thục chúng-sanh không mỗi nhàm; hai là nguyện thật hành đủ điều lành để nghiêm tịnh thế-giới; ba là nguyện thừa sự Như-Lai luôn kính trọng; bốn là nguyện hộ-trì chánh-pháp chẳng tiếc thân mạng; năm là nguyện dùng trí quan-sát vào các phật-độ; sáu là nguyện cùng các Bồ-Tát đồng một thể-tánh; bảy là nguyện vào cửa Như-Lai rõ tất cả pháp; tám là nguyện người thấy sanh tin đều được lợi-ích; chín là nguyện thân-lực trụ thể tận-kiếp vị-lai; mười là nguyện đủ phổ-hiền-hạnh tu tập môn nhứt-thiết-chủng-trí”.

Mười điều lành, đó là:

1. Không sát sanh, thường làm việc tha thứ và phóng sanh.
2. Không trộm cắp, thường tu hạnh bố thí, giúp đỡ, san sẻ với mọi người.
3. Không tà dâm, luôn giữ lòng chung thủy một vợ một chồng.
4. Không nói dối, luôn nói lời chân thật.
5. Không nói lời trau chuốt, thô tục, thường nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi.
6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, thường nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau.
7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, thường nói những lời ôn hòa, nhu thuận.
8. Không tham lam, luôn quán xét rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn.
9. Không sân khuể, thường tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục.
10. Không ngu mê, tà kiến, thường sáng suốt tu tập theo chánh kiến.

Để thành tựu đại nguyện, Bồ Tát phải bám chắc (trụ) :

“Bồ-Tát trụ mười pháp sau đây làm cho những đại-nguyện đều được viên mãn :

Một là lòng không nhàm chán; hai là đủ đại trang-nghiêm; ba là nhớ nguyện lực thù-thắng của chư Bồ-Tát; bốn là nghe các phật-độ đều nguyện vãng-sanh; năm là thâm-tâm lâu dài tận kiếp vị-lai; sáu là nguyện trọn thành-tựu tất cả chúng-sanh; bảy là trụ tất cả kiếp chẳng lầy làm nhọc; tám là thọ tất cả khổ chẳng sanh nhàm lìa; chín là nơi tất cả vui lòng không tham trước; mười là thường siêng gìn giữ pháp-môn vô-thượng”.

Một Bồ Tát thuyết pháp (thực hành hạnh Bồ Thí) cần:

“Với các chúng-sanh, thế nào là Bồ-Tát tùy nghi mà thuyết-pháp ?

Bồ-Tát biết chỗ làm của họ, biết nhơn-duyên của họ, biết tâm hành của họ, biết sở-thích của họ.

Bồ-Tát đối với người nhiều tham dục thời thuyết bất-tịnh, với người nhiều sân hận thời thuyết đại-từ, với người nhiều ngu-si thời dạy họ siêng quan-sát, với người ba độc đồng đều, thời thuyết pháp-môn thành-tựu thắng-trí, với người ưa thích sanh-tử thời thuyết ba sự khổ, với người chấp-trước thời thuyết không-tịch, với người giải-đãi thời thuyết tinh-tấn, với người ngã-mạn thời thuyết pháp bình-đẳng, với người nhiều dua phỉnh thời thuyết tâm chất-trực, với người thích tịch-tịnh thời thuyết pháp rộng, khiến họ được thành-tựu.

Bồ-Tát tùy nghi thuyết-pháp như vậy.

Lúc Bồ-Tát thuyết-pháp : văn liên-thuộc nhau, nghĩa không sai lầm, quan-sát pháp trước sau dùng trí phân-biệt, thẩm định phải quấy, chẳng trái pháp-án, thứ-độ kiến-lập vô-biên hạnh-môn khiến các chúng-sanh dứt tất cả nghi ngờ, khéo biết căn-tánh và giáo pháp Như-Lai, chứng chơn-lý, biết pháp bình-đẳng, dứt những pháp-ái, trừ tất cả chấp, thường nhớ chư Phật không rời nơi lòng, rõ biết âm-thình thể-tánh bình-đẳng, nơi các ngôn thuyết tâm không chấp-trước, khó nói ví dụ không trái nghịch nhau, đều khiến được ngộ tất cả chư Phật, tùy nghi khắp hiện trí-thân bình-đẳng.

Bồ-Tát vì các chúng-sanh mà thuyết-pháp như vậy thời tự mình tu tập tăng-trưởng nghĩa lợi, chẳng bỏ các độ, trang-nghiêm đầy đủ đạo ba-la-mật” .

Pháp-Huệ Bồ-Tát còn giải thích một số vấn đề khác sâu hơn – xin tham khảo thêm ở mục “Tác phẩm kinh” .

Phẩm thứ mười chín: Thăng Dạ Ma Thiên Cung

Phẩm này chỉ là mô tả lại sự kiện: đức Thế Tôn đến thăm cung Dạ Ma Thiên.
Trước hết hãy tìm hiểu về thế giới Dạ Ma Thiên:

Trời Dạ ma, là tầng trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục. Cũng gọi Diêm ma thiên, Viêm ma thiên, Tu viêm thiên, Li tránh thiên, Tô dạ ma thiên, Tu dạ ma thiên. Cõi trời này ánh sáng rực rỡ, không chia ngày đêm, người ở cõi trời này lúc nào cũng yên vui sung sướng không thể nghĩ bàn. Theo luận Chương sở tri quyển thượng, tầng trời 33 (trời Đạo lợi) thường đánh nhau với A tu la, nhưng cõi trời Dạ ma này xa lìa sự tranh đấu, vì thế gọi là Li tránh thiên. Chúng sinh được sinh vào cõi trời này nhờ thích tu các hạnh không giết hại, không trộm cướp, không gian dâm v.v..., tự mình giữ giới, lại khuyên người giữ giới, làm các việc lợi ích cho mình và người. Vua cõi trời Dạ ma tên là Mâu tu lâu đà, cung điện của vua được đặt ở Thế lực địa, có bốn núi lớn cùng với các núi khác có rất nhiều hoa trời tươi đẹp, các sông hồ cũng như trăm nghìn vườn rừng bao bọc chung quanh. Sự vui sướng ở cõi trời này thù thắng hơn ở cõi trời Đạo lợi. Người cõi trời Dạ ma sống lâu hai nghìn tuổi, một ngày một đêm ở đây bằng hai trăm năm ở cõi người. Cũng có việc hôn nhân trai gái lấy nhau.

Tín ngưỡng về Dạ ma thiên vương đã bắt nguồn từ thời đại Phệ đà trở về sau. Vì cõi trời này là thế giới đầy ánh sáng và có đủ mọi sự vui sướng, cho nên từ xưa đã là nơi mà dân tộc Ấn độ mơ ước được sinh đến sau khi chết. Về sau, Dạ ma thiên vương dần dần diễn biến làm quan thẩm phán xử tội người chết mà thành là chúa loài quỷ và địa ngục với cái tên là vua Diêm ma ở tầng trời cao nhất trong hư không.

Tuy nhiên, sau khi tín ngưỡng này được đưa vào Phật giáo thì vị trí của cõi trời Dạ Ma được đặt vào hàng thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục đã nêu ở trên. (Theo từ điển Phật Quang)

Lúc đó, đức Thế-Tôn vẫn ngồi ở cõi Bồ-đề và đánh núi Tu-Di, nhưng Ngài hướng đến điện Bửu-Trang-Nghiêm nơi Dạ-Ma Thiên-Cung ...

Dạ-Ma Thiên-Vương vọng thấy đức Phật đến, liền dùng thân-lực, nơi giữa điện, hóa ra tòa sư-tử bửu-liên-hoa-tạng trăm vạn tầng cấp, trăm vạn lưới vàng, trăm vạn màn hoa, trăm vạn màn tràng-hoa, trăm vạn màn hương, trăm vạn màn báu che giăng trên bửu-tòa. Lọng hoa, lọng tràng, lọng hương, lọng báu đều số trăm vạn bố liệt bốn phía, chiếu sáng với trăm vạn quang-minh.

Trăm vạn Dạ-Ma Thiên-Vương cung-kính đánh lễ, trăm vạn Phạm-Vương vui mừng, trăm vạn Bồ-Tát xưng-dương ca ngợi, trăm vạn kỹ-nhạc hòa tấu, trăm vạn pháp-âm không dứt tiếng ...

Sắp đặt bửu-tòa xong, Dạ-Ma Thiên-Vương nghinh-tiếp đức Thế-Tôn, chấp tay cung kính bạch đức Phật rằng : 'Lành thay đức Thiện-Thệ ! Lành thay đức Như-Lai Ứng-Cúng Đảnh-Chánh-Giác ! xin từ-mãn nguyện trong cung-điện này.'

Đức Phật thọ thỉnh, liền ngự lên bửu-tòa. Thập-phương Thế-giới, tất cả Dạ-Ma Thiên-Cung đều như thế cả.

Mở đầu phẩm này mô tả việc Dạ-Ma Thiên-Vương đón tiếp đức Thế Tôn, vị vua này còn bày biện rất nhiều thứ – mỗi thứ nhiều như mây, xin tham khảo thêm ở tác phẩm kinh.

Kế tiếp, Dạ-Ma Thiên-Vương đọc bài kệ ca ngợi các chư Phật đã đến thăm trước đó : Các chư Phật gồm: Bửu-Vương Như-Lai, Hỷ-Mục Như-Lai, Nhiên-Đăng Như-Lai (Phật mà đức Thế Tôn đã tu khi còn là Bồ Tát), Thiện-Giác Như-Lai, Thắng-Thiên Như-Lai, Vô-Khứ Như-Lai, Vô-Thắng Như-Lai, Khổ-Hạnh Như-Lai.

Nội dung ca ngợi công đức của các chư Phật là: nhờ có các chư Phật đến thăm mà thế giới Dạ Ma được cát tường (yên vui, hạnh phúc).

Trong khi Dạ-Ma Thiên-Vương đọc bài kệ ca ngợi các chư Phật, thì khắp thập-phương thế-giới, tất cả Dạ-Ma Thiên-Vương đều ca-ngợi công-đức của Phật như vậy cả.

Lúc đức Thế-Tôn vào điện Ma-Ni ngồi kiết-già trên bửu-tòa sư-tử, điện này bỗng rộng-rãi bao-la bằng tất cả chỗ ở của thiên-chúng. Thập phương thế-giới cũng như vậy.

Phẩm thứ hai mươi: Đại Ma Cung Kế Tán

Đây là phẩm nối tiếp của phẩm trước. Phẩm này là những bài kệ ca ngợi công đức của đức thế tôn – cũng do mười chư vị Bồ Tát đại diện cho hàng hà sa số Bồ Tát thập phương. Mười chư vị Bồ Tát đại diện cho các Bồ Tát thập phương là:

Công-Đức-Lâm Bồ-Tát, Huệ-Lâm Bồ-Tát, Thắng-Lâm Bồ-Tát, Vô-Úy-Lâm Bồ-Tát, Tàm-Quý-Lâm Bồ-Tát, Tinh-Tấn-Lâm Bồ-Tát, Lực-Lâm Bồ-Tát, Hạnh-Lâm Bồ-Tát, Giác-Lâm Bồ-Tát, Trí-Lâm Bồ-Tát.

Như vậy, cả mười chư vị Bồ Tát này khác với mười chư vị Bồ Tát trong phẩm “Tu Di Đảnh Kế Tán”.

Công-Đức-Lâm Bồ-Tát mở đầu bài kệ của mình, trong bài kệ mở đầu này, Công-Đức-Lâm Bồ Tát ngoài ca ngợi công đức Như Lai còn cho hay: thế giới của các chư vị Bồ Tát đến đây đều là thế giới thanh tịnh, trang nghiêm, yên vui, quý đẹp... Trong bài kệ dài của Bồ Tát Công-Đức-Lâm có đoạn kệ bốn câu đề cập đến Như Lai đáng lưu tâm:

Du hành mười phương cõi

Như hư-không vô-ngại

Một thân vô-lượng thân

Thân-tướng bất-khả-đắc.

Như vậy, một lần nữa lại có Bồ Tát đề cập đến thân tướng của Như Lai: Như Lai không có thân tướng – nhưng, cũng là *vô-lượng thân* khi Như Lai muốn. Vì vậy, chớ nên dỗi tìm *hình tướng* của Như Lai ; lại càng không tin, nếu như có ai đó cho rằng: đã “gặp” tướng Phật.

Không nhận diện ra được *hình tướng* Như Lai – vì vậy mà không tin sự hiện hữu của Như Lai – đó là điều mất mát, thiệt thòi không có gì so sánh được.

Huệ-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

Vô-lượng vô-số kiếp

Tu tập hạnh bồ-đề

Chẳng thể biết nghĩa này

Chẳng thể được thành Phật.

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đề cập đến tính *nhẫn* (hạnh tu của Bồ Tát) – và đề cập đến sự nóng vội của Bồ Tát rất là sâu sắc. Có quá nhiều người nghĩ rằng, khẳng định rằng: trong đời tu này **phải** đạt cho bằng được cứu cánh giải thoát. Đó có thể là đức tính tốt chăng ? Chưa thể đánh giá được, song, một khi “**phải**” như vậy là bức thành trì *Ngã* vẫn còn sừng sững ở trong mình rồi.

Cho nên, sao lại cứ phải vội vàng ? Nói như vậy, không phải đồng nghĩa với sự phóng dật – bởi, một Bồ Tát đích thực không bao giờ dám rời xa *hạnh tinh tấn* của mình.

Thăng-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

Tất cả pháp vô-sanh

Tất cả pháp vô-diệt

Nếu biết được như vậy

Người này thấy được Phật.

Bồ Tát Thăng-Lâm dành nhiều câu trong bài kệ của mình đề cập đến triết lý *vô sanh-vô diệt ; hữu sanh-hữu diệt* . Trong phần nhiều kinh Phật đề cập đến nguyên lý tự nhiên này. Bộ “*Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*” đã đề cập triết lý này rất cô đọng nhưng cũng là rất đầy đủ.

Vô-Úy-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

Nếu có người hiện-tại

Tin được phật-pháp này

Cũng sẽ thành chánh-giác

Thuyết-pháp vô-sở-úy.

Bồ-Tát Vô-Úy-Lâm dành nhiều câu trong bài kệ của mình đề cập đến vấn đề niềm tin (tín).

Thực ra, phương pháp tu Phật là phương pháp nhằm đến những thành tựu khoa học tiên tiến nhất mà con người hằng mong mỏi, đó là: không bệnh tật, không già yếu, được sống trong thanh bình, tràn ngập tình yêu thương, đầy ắp hạnh phúc (kể cả hạnh phúc lứa đôi) – và đặc biệt: được sống trong vật chất, tiện nghi đủ đầy nhất. Có rất nhiều thế giới hải đáp ứng thỏa đáng tất cả những mong muốn ấy của con người. Duy chỉ có một điều: muốn có được “visa nhập cảnh” vào những thế giới ấy, đó phải là con người đầy đủ đức hạnh thanh tịnh – như đức hạnh thanh tịnh của một chư Phật.

Vậy mà, con người lại ra sức dối tìm ... ở tận đâu đâu ...

Đó là sự đi tìm vô vọng, huyền hoặc. Gọi đó là sự đi tìm vô vọng, huyền hoặc – bởi đó là những thứ tưởng chừng là hết sức khoa học – nhưng thực chất lại là chưa với tới, khó với tới tầm thực sự là khoa học. Bởi, với những gì con người có – cho dù là “cực” văn minh, “cực” tiên tiến, “cực” và “siêu” hiện đại ... đều nằm trong giới hạn của hữu hạn – đều là tương đối. Vì vậy, với những thứ rất mực hạn chế ấy – không thể chạm vào nổi những điều của vô hạn – tuyệt đối. Tầm nhìn của hữu hạn, đó là tầm nhìn của : “Éch ngồi đáy giếng”. Từ hữu hạn “nhìn” vào vô hạn –

giống như kẻ mù dương mắt ngó ánh mặt trời: tất cả đều tối đen, đều là vô hình. Vì chỉ thấy màn đen, chỉ thấy hư không – nên kết luận vội vàng: không có thật, chỉ là “duy tâm”. Thực ra, đó là “duy vật” hơn bất cứ thứ “duy vật” nào mà con người nhận thức được. Vì cho là “duy tâm” nên không tin. Vì không tin nên tiếp tục dõ tìm trong huyền hoặc, vô vọng ...

Loài người ngày càng phải đương đầu với quá nhiều khó khăn: dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh ... những thứ theo lẽ không đáng mắc phải.

Cho nên, những ai tiếp cận được triết lý Phật – đó là phước đức không gì so sánh được – và đứng nên để cơ hội vượt khỏi tầm tay ...

Tâm-Quý-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề: trí tuệ và không trí tuệ.

Như tướng cùng vô-tướng

Sanh tử với niết-bàn

Phân biệt đều chẳng đồng

Trí, vô-trí cũng vậy.

Xin nhắc lại, khái niệm *trí* trong nhà Phật chú trọng đến bản chất (trí tuệ Ba La Mật Đa). Cho nên, một người có nhiều kiến thức (do học rộng) có khi “*trí*” tuệ lại chưa sâu. Chính vì *trí* tuệ chưa sâu nên mới dám làm những điều bại hoại. Một người có trí tuệ Ba La Mật Đa – trí tuệ ấy đi trước (tiên đạo) – sẽ dẹp được tất cả những chướng ngại từ thân, khẩu, ý – do vậy mọi suy nghĩ, lời nói, hành động đều đúng (thiện). Kiến thức rộng do học vẫn mang lại là điều kiện thuận lợi rất lớn để tiếp cận nhanh những vấn đề cần huy động của tư duy, song đó chưa phải là yếu tố quyết định cho sự tận cùng tỏa sáng cực độ của trí tuệ – trí tuệ Ba La Mật Đa. Cho nên, nếu không tỉnh táo, sớm nhận ra rằng: sự hiểu biết của con người với *chất* người như hiện nay là vô cùng hạn hẹp – sự hạn hẹp này càng trở nên hạn hẹp khi đề cho bản năng (cái *ngã*, cái *tôi* chủ quan) che lấp . Có bằng cấp cao: Cử nhân, Kỹ sư, Bác sĩ, Tiến sĩ ... là điều kiện hết sức thuận lợi cho kẻ sinh nhai – đừng lấy đó làm cái “*rọ*” để tự chui vào.

Một người có *trí* sẽ nhận ra ngay: triết lý Phật là triết lý của lẽ thật (chân lý) – vì là triết lý của chân lý (lẽ thật) nên **không dối bao giờ**.

Một người có *trì* nhận ra: đó là triết lý “không dối” nên đặt trọn vẹn niềm tin của mình vào. Vì đã đặt trọn vẹn niềm tin của mình vào triết lý của chân lý – nên những thứ giả dối khác không còn có điều kiện để mê hoặc.

Ngược lại, người *không trí*, chìm đắm trong những thứ giả dối. *Vô minh* không biết đến bao giờ tan.

Tinh-Tấn-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Tánh không:

*Không có tất cả tướng.
Ví như tướng sanh diệt
Các thứ đều chẳng thiệt
Các pháp đều cũng vậy*

Tánh không đã được đề cập đến nhiều lần, với nhiều phương diện khác nhau, ở đây chỉ xin nhấn mạnh rằng: tất cả những suy nghĩ, lời nói, hành động ; tất cả những gì tạo dựng ra được: tiền bạc, của cải vật chất, các tác phẩm v.v... đều đã được chuyển hóa vào tâm linh của mỗi người. Sự chuyển hóa này là không có ngôn từ nào diễn tả được – bởi đây là điều vượt quá xa tầm suy của con người. Hoạt động của bộ não người vốn rất tinh vi huyền diệu – song đó cũng chỉ là hữu hạn, chỉ là “hạt bụi” so với những gì thuộc cơ chế chuyển hóa trong tâm linh – vốn của vô hạn (chuyển hóa xảy ra trong cấu trúc tâm linh phần tâm của con người, đó là sự “ghi nhận” rất đặc thù – xem thêm “Tâm và tâm linh”).

Lục-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Nghịch.

*Nghiệp là gốc của uẩn
Tâm là gốc các nghiệp
Tâm đó dường như huyền
Thế-gian cũng như vậy.*

Thân, khẩu, ý tạo tác ra các nghiệp (xấu, tốt, trung tính). Từ đó mà hình thành Tâm của mỗi người (tích lũy từ nhiều đời, nhiều kiếp). Tâm không cố định, không bất biến. Chỉ trong “sát na”, tâm đã chuyển hóa theo những tạo tác nghiệp mới. Vì vậy mà “*Tâm đó dường như huyền*”. Thế gian này cũng vậy, cũng là *huyền*.

Hạnh-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Cứu cánh giải thoát.

*Nếu thấy tất cả pháp
Bổn-tánh như niết-bàn
Đây thời thấy Như-Lai
Rốt ráo vô-sở-trụ.*

Pháp ở đây có nghĩa là vạn vật (chữ pháp trong kinh Phật rất đa nghĩa). Niết bàn ở đây có nghĩa: *không sanh, không diệt ; không như không sạch ; không thêm không bớt* – trong vạn vật ấy, mình cũng chẳng thể khác: cũng là KHÔNG. Không còn điều gì để níu giữ (vô sở trụ) vì vậy mà đạt cứu cánh giải thoát.

Giác-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Tâm-thân

Tâm chẳng trụ nơi thân

Thân chẳng trụ nơi tâm

Mà làm được phật-sự

Tự-tại chưa từng có.

Tâm và thân là hai phương diện khác nhau. Có thể do thân còn hạn chế nhiều mặt, song không vì thế mà gây trở ngại việc làm phật sự, đó là điều Bồ Tát đã “làm chủ” (tự tại) được bản thân mình vậy. Cũng có thể do thân có rất nhiều mặt tốt đẹp, thuận lợi, song không vì thế mà gây trở ngại việc làm phật sự, đó là điều Bồ Tát đã “làm chủ” (tự tại) được bản thân mình vậy.

Trí-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề: Thân tướng chư Phật.

Lại như hư-không sạch

Phi-sắc, chẳng thấy được

Dầu hiện tất cả sắc

Không ai thấy hư-không.

Chư Phật cũng như vậy

Hiện khắp vô-lượng sắc

Chẳng phải cảnh của tâm

Tất cả chẳng thấy được.

Phật luôn ở bên cạnh những ai có tâm hướng về Phật. Điều đó là không thể nghĩ bàn.

Phẩm thứ hai mươi mốt: **Thập Hạnh**

Như đã từng đề cập, *Hạnh Bồ Tát* là một lãnh vực hết sức thiết yếu – không những đối với Bồ Tát mà còn là sự tồn tại, phát triển của đạo pháp Phật – vì vậy, những bộ kinh “lớn” đề cập đến lãnh vực này nhiều lần, với nhiều góc độ, nhiều phương diện khác nhau. Bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, đây là lần đề cập thứ ba – với cùng chủ đề cho từng phẩm – chưa tính xuất hiện rải rác cả ở trong những phẩm có chủ đề khác nữa.

Trước khi tiếp cận phẩm này, để người tiếp cận không bị “rối” và “choáng ngợp” trước rất nhiều các “đề xuất” mang tính thực hành về *hạnh Bồ Tát*, xin có những tóm lược mang tính chung:

Trong phẩm “Tịnh Hạnh”, vấn đề *hạnh* của Bồ Tát được giới thiệu theo “mô hình” tu tập của đức Thế Tôn khi Ngài còn là Bồ Tát.

Trong phẩm “Phẩm Hạnh” vấn đề *hạnh* của Bồ Tát được thu hẹp hơn ở một số phương diện: “*Thân, thân nghiệp, ngữ, ngữ nghiệp, ý, ý nghiệp, Phật, Pháp, Tăng và giới*”. Pháp Huệ Bồ Tát đã chỉ ra phương pháp *quán* (quan sát) các phương diện này sao cho lợi ích.

Đặc điểm nội dung về *Hạnh Bồ Tát tu tại gia* đã được đề cập nhiều lần, rải rác trong các chú giải kinh khác, đó là:

1. Giữ giới (Ngũ giới: không sát sanh ; không trộm cắp ; không tà dâm ; không uống rượu ; không nói dối, đặt điều, nói hai lời ...)
2. Tinh tấn (Trong đó phải: tụng, niệm kinh hàng ngày ...)
3. Nhẫn nhục (Không nóng vội trong con đường tu tập, trong các sinh hoạt hàng ngày của mình ...)
4. Phương tiện (Dùng phương cách phù hợp hoàn cảnh-điều kiện để tu và để giáo hóa chúng sanh ...)
5. Bồ thí (Thực hiện: Pháp bố thí ; Tâm bố thí ; Tài bố thí)
6. Thiền định (Tập luyện phương pháp tĩnh tâm, thiền quán ...)
7. Trí tuệ (Khi Bồ Tát mới phát tâm tu, nương nhờ trí tuệ Phật – có nghĩa, tín, học tập siêng năng, và làm theo lời Phật dạy).

Xin vào nội dung của kinh:

Trong phẩm này đề cập đến *mười hạnh* của Bồ Tát (mười phương diện khác của *hạnh Bồ Tát*), đó là: “*Một là Hoan-hỷ-hạnh; hai là Nhiêu-ích-hạnh; ba là Vô-vi-hạnh, bốn là Vô-khuất-nhiễm-hạnh; năm là Vô-si-loạn-hạnh; sáu là Thiện-hiện-hạnh; bảy là Vô-trước-hạnh; tám là Nan-đắc-hạnh; chín là Thiện-pháp-hạnh; mười là Chơn-thiết-hạnh*”.

Trước khi đi sâu vào những thuyết giảng của Công-Đức-Lâm Bồ-Tát về mười hạnh này, hãy tìm hiểu về nghĩa của “Thập hạnh” qua tóm lược của từ điển:

“Thập Hạnh. Cũng gọi Thập hạnh tâm. Chỉ cho 10 hạnh tu lợi người từ giai vị 21 đến giai vị 30 trong 52 giai vị tu hành của Bồ tát. Đó là: 1. Hoan hỷ hạnh: Bồ tát dùng vô lượng diệu đức của Như lai để tùy thuận 10 phương. 2. Nhiều ích hạnh: Bồ tát khéo làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. 3. Vô sân hận hạnh: Bồ tát tu hạnh nhịn nhục, không tức giận, khiêm nhường cung kính, không hại mình hại người, đối với oán địch thường nín nhịn. 4. Vô khuất nhiễu (cũng gọi Vô tận hạnh): Bồ tát tu hạnh tinh tiến, phát tâm độ tất cả chúng sinh, đến đại Niết bàn, không biếng nhác, xao lãng. 5. Vô si loạn hạnh: Bồ tát thường trụ trong chính niệm không tán loạn, đối với tất cả pháp không si loạn. 6. Thiện hiện hạnh: Bồ tát biết rõ pháp không, 3 nghiệp vắng lặng, không trói buộc, không tham đắm, nhưng cũng không bỏ việc giáo hóa chúng sinh. 7. Vô trước hạnh: Trải qua vô lượng kiếp cúng Phật cầu pháp, tâm không chán đủ, nhưng cũng dùng tâm vắng lặng quán xét các pháp, cho nên không đắm trước tất cả pháp. 8. Tôn trọng hạnh: Bồ tát tôn trọng thiện căn trí tuệ... thấy đều thành tựu, nhờ đó lại càng tiến tu hạnh lợi mình lợi người. 9. Thiện pháp hạnh: Bồ tát chứng được 4 môn Đà la ni vô ngại, thành tựu các thiện pháp giáo hóa người khác để hộ trì chính pháp, làm cho hạt giống Phật không bị đứt mất. 10. Chân thực hạnh: Bồ tát thành tựu lời nói Đệ nhất nghĩa đế, nói đúng như việc làm, làm đúng như lời nói, nói và làm phù hợp nhau, sắc tâm đều thuận. Tu thập hạnh có 4 mục đích: 1. Nhàm chán các pháp hữu vi. 2. Cầu đạo Bồ đề, đầy đủ Phật đức. 3. Muốn cứu độ chúng sinh trong đời hiện tại và ở đời vị lai. 4. Cầu thực tế, chứng pháp như” (Từ điển Phật Quang).

Như vậy, có sự khác biệt đôi chút (có lẽ từ khâu chuyển ngữ ?): ở bản dịch của kinh, nội dung thứ ba là: Vô-vi-hạnh - ở từ điển là: Vô sân hận hạnh ; ở bản dịch của kinh, nội dung thứ tám là: Nan-đắc-hạnh - ở từ điển là: Tôn trọng hạnh.

Những khác biệt này và một số khác biệt nữa, thiết nghĩ, cũng chẳng nên quá lưu tâm làm gì.

“Công-Đức-Lâm Bồ-Tát nói với chư Bồ-Tát rằng :

Thế nào là Bồ-Tát hoan-hỷ-hạnh ?

Bồ-Tát này làm đại-thí-chủ, phàm có vật gì đều bố-thí được cả, lòng bình-đẳng không hề hối tiếc, chẳng trông quả báo, chẳng cầu tiếng tăm, chẳng tham lợi-tức, chỉ vì cứu-hộ tất cả chúng-sanh, vì lợi-ích chúng-sanh (...). Lúc đại Bồ-Tát tu hạnh này, khiến tất cả chúng-sanh hoan-hỷ mến thích”.

Cũng cần nhắc thêm: trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” nói rằng: một khi Bồ Tát dụng pháp Bố Thí, không dựa vào đâu (không cầu quả báo), phước đức nhiều như hư không vậy.

“Chư Phật-tử ! Những gì là Bồ-Tát Nhiêu-Ích-Hạnh ?

Bồ-Tát này hộ-trì tịnh-giới, lòng không nhiễm trước: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Cũng đem sự vô-trước ấy nói với chúng-sanh, chẳng cầu oai-thế, chẳng cầu chủng-tộc, chẳng cầu giàu có, chẳng cầu sắc-tướng, chẳng cầu ngôi vua, tất cả đều không nhiễm trước”.

“Trước” ở đây có nghĩa là: (bị) thâm, lạm (nhiễm) .

Bồ Tát hiểu rằng: ngũ uẩn là không thật có – cho nên không *nhiễm trước* vào nó – tức không bị nó lôi kéo, vì vậy cũng chẳng có gì để phải bầu víu vào nó. Vì *sắc, thanh, hương, vị, xúc* đều là không thật có – nên từ đó cũng chẳng cầu đến danh, lợi, chủng tộc ... làm gì – bởi, tất cả đều là giả tạm – bởi, điều mà Bồ Tát mong cầu là những gì không thuộc về giả tạm.

Hiểu như vậy, nên Bồ Tát mang sự hiểu ấy nói cho chúng sanh hay – vì lợi ích của chúng sanh – chứ không vì bất kỳ lẽ gì khác.

“Những gì là Bồ-Tát Vô-Vi Hạnh ?

Bồ-Tát này thường tu nhân pháp : khiêm hạ cung-kính, chẳng tự hại, chẳng hại người, chẳng hại mình, chẳng tự thủ-trước, chẳng thủ-trước người, chẳng thủ-trước cả hai, cũng chẳng tham cầu danh tiếng, lợi lộc”.

Có lẽ gọi hạnh này là: *Vô sân hạnh* – theo từ điển thì đúng hơn, bởi: hạnh này chủ yếu nội dung là: không hại mình cũng chẳng hại người. “Thủ” ở đây có nghĩa là giỏi. *Thủ trước*: là hơn người. Ý ở đây là không cao ngạo cũng không hạ thấp mình ; không hơn thua cao thấp.

“Chư Phật-tử ! Những gì là Bồ-Tát Vô-Khuất-Nhiều-Hạnh ?

Bồ-Tát này tu hạnh tinh-tấn : đệ nhứt tinh-tấn, đại tinh-tấn, thắng tinh-tấn, thù-thắng tinh-tấn, tối-thắng tinh-tấn, tối-diệu tinh-tấn, thượng tinh-tấn, vô-thượng tinh-tấn, vô-đẳng tinh-tấn, phổ-biến tinh-tấn”.

“Những gì là Bồ-Tát Ly-Si-Loạn-Hạnh ?

Chư Phật-tử ! Bồ-Tát này thành-tựu chánh-niệm, tâm không tán loạn kiên-cố bất-động tối-thượng thanh-tịnh rộng lớn vô-lượng không có mê-hoặc”.

Ở đây, trong kinh dung cụm từ “ly-si-loạn” hạnh, ý là rời bỏ, đoạn tuyệt tánh *si* vốn là một trong tam độc: tham-sân-si . Đoạn tuyệt được tánh *si* nên *không có mê-hoặc*. *Chánh niệm*: cũng là “Bát Chánh Đạo” đã trình bày.

“Những gì là Bồ-Tát Thiện-Hiện-Hạnh ?

Bồ-Tát này ba nghiệp thân-ngữ-ý đều thanh-tịnh, trụ và thị-hiện đều vô-sở-đắc. Biết được ba nghiệp đều vô-sở-hữu”.

Theo từ điển Phật Quang: *Bồ tát biết rõ pháp không, ba nghiệp vắng lặng, không trói buộc, không tham đắm, nhưng cũng không bỏ việc giáo hóa chúng sinh.*

“*Những gì là Bồ-Tát Vô-Trước-Hạnh ?*

Chư Phật-tử ! Bồ-Tát này dùng tâm vô-trước, ở trong mỗi niệm sẽ nhập vô-số thế-giới, nghiêm-tịnh vô-số thế-giới, với các thế-giới tâm không chấp-trước”.

Theo từ điển Phật Quang: *Trải qua vô lượng kiếp cúng Phật cầu pháp, tâm không chán đủ, nhưng cũng dùng tâm vắng lặng quán xét các pháp, cho nên không đắm trước tất cả pháp.*

“*Những gì là Bồ-Tát Nan-Đắc-Hạnh ?*

Bồ-Tát này thành-tựu căn lành khó được, căn lành khó phục, căn lành tối-thắng, căn lành chẳng thể hư, căn lành không thể hơn, căn lành chẳng nghĩ bàn, căn lành vô-tận, căn lành sức tự-tại, căn lành oai-đức lớn, căn lành đồng một tánh với tất cả Phật”.

Theo từ điển Phật Quang: *Bồ tát tôn trọng thiện căn trí tuệ... thấy đều thành tựu, nhờ đó lại càng tiến tu hạnh lợi mình lợi người.*

“*Những gì là Bồ-Tát Thiện-Pháp-Hạnh ?*

Bồ-Tát này vì tất cả thế-gian : Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-Môn, Bà-La-Môn, Càn-Thát-Bà v.v... mà làm ao pháp thanh-lương, nhiếp trì chánh-pháp, chẳng dứt phật-chúng. Vì được thanh-tịnh quang-minh, đà-la-ni nên thuyết-pháp thọ-ký biện-tài vô-tận. Vì được cụ-túc-nghĩa đà-la-ni nên nghĩa biện vô-tận. Vì được giác-ngộ thiết-pháp đà-la-ni nên pháp-biện vô-tận. Vì được huẩn-thích ngôn-từ đà-la-ni nên từ-biện vô-tận. Vì được vô-biên văn-cú vô-tận-nghĩa vô-ngại-môn đà-la-ni nên vô-ngại-biện vô-tận. Vì được Phật-quán-đảnh đà-la-ni nên hoan-hỷ vô-tận. Vì được bất-do-tha-ngộ đà-la-ni-môn nên quang-minh biện vô-tận. Vì được đồng-biện đà-la-ni-môn nên đồng biện vô-tận. Vì được chủng-chúng nghĩa-thân, cú-thân, văn-thân huẩn-thích đà-la-ni-môn nên huẩn-thích biện vô-tận. Vì được vô-biên đà-la-ni nên vô-biên biện vô-tận”.

Theo từ điển Phật Quang: *Bồ tát chứng được bốn môn Đà la ni vô ngại, thành tựu các thiện pháp giáo hóa người khác để hộ trì chính pháp, làm cho hạt giống Phật không bị dứt mất.*

“*Những gì là Bồ-Tát Chơn-Thiết-Hạnh ?*

Bồ-Tát này thành-tựu lời chắc thật đê-nhứt, có thể làm đúng như lời, có thể nói đúng như làm”.

Theo từ điển Phật Quang: *Bồ tát thành tựu lời nói Đê nhất nghĩa đế, nói đúng như việc làm, làm đúng như lời nói, nói và làm phù hợp nhau, sắc tâm đều thuận. Tu thập hạnh có bốn mục đích: 1. Nhàm chán các pháp hữu vi. 2. Cầu đạo Bồ đề, đầy đủ Phật đức. 3. Muốn cứu độ chúng sinh trong đời hiện tại và ở đời vị lai. 4. Cầu thực tế, chứng pháp như.*

Trong phẩm “Thập Hạnh” này, Công-Đức-Lâm Bồ-Tát đã thuyết giảng mở rộng và đào rất sâu về nghĩa của mười hạnh Bồ Tát ; ngoài ra, Công-Đức-Lâm Bồ-Tát còn có bài kệ dài – xin tham khảo ở tác phẩm kinh. Xin giới thiệu một đoạn kệ bốn câu:

*Hay dùng diệu-huệ khéo an-trụ
Tâm đó rớt ráo chẳng giao động
Bực kiên-cố-hạnh hành đạo này.
Tất cả pháp-giới đều vào được*

Phẩm thứ hai mươi hai: Vô Tận Tạng

Ngay sau khi Công-Đức-Lâm Bồ-Tát thuyết giảng về “Thập Hạnh”, Ngài tiếp tục thuyết giảng về “Thập Tạng” – hay còn gọi là “Vô Tận Tạng”.

Tạng, có nghĩa là sức chứa đựng công đức. “Thập Tạng” có nghĩa: mười điều chứa đựng công đức lớn của Bồ Tát.

Theo Công-Đức-Lâm Bồ-Tát, mười tạng đó là:

“Tín-tạng, giới-tạng, tâm-tạng, quý-tạng, văn-tạng, thí-tạng, huệ-tạng, niệm-tạng, trì-tạng, biện-tạng”.

Tín tạng:

“Thế nào là đại Bồ-tát tín-tạng ?

Bồ-Tát này tin tất cả pháp là không (...); Bồ-Tát này nghe Phật-pháp bất-khả-tu-nghì lòng không khiếp sợ (...); Bồ-Tát này đối với chư Phật một bề tin chắc, biết trí-huệ của Phật vô-biên vô-tận ;

Bồ Tát có được đức tin này rồi thì tâm chẳng thối-chuyển, tâm chẳng tạp loạn, chẳng bị phá hoại, không bị nhiễm-trước, thường có căn-bổn (bản).

Bồ-Tát trụ nơi tín-tạng này thì có thể nghe và trì tất cả Phật-pháp, giảng nói cho chúng-sanh khiến họ đều được khai ngộ”.

Giới tạng:

“Chư Phật-tử ! Những gì là đại Bồ-Tát giới-tạng ?

Bồ-Tát này thành-tựu giới khắp lợi ích, giới chẳng thọ, giới chẳng trụ, giới không hối-hận, giới không trái cãi, giới chẳng tổn não, giới không tạp-úế, giới không cầu, giới không lỗi lầm, giới không hủy phạm.

Thế nào là giới khắp lợi ích ?

Bồ-Tát này thọ-trì tịnh-giới vốn vì lợi ích tất cả chúng-sanh.

Thế nào là giới chẳng thọ ?

Bồ-Tát này chẳng thọ hành những giới của ngoại-đạo.

Thế nào là giới chẳng trụ ?

Bồ-Tát này không trụ dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới (do tướng mà có)

Thế nào là giới không hối hận ?

Bồ-Tát này thường được an-trụ tâm vì chẳng làm tội nặng, chẳng làm dối trá, chẳng phá tịnh-giới.

Thế nào là giới không trái cãi ?

Bồ-Tát này chẳng bác bỏ giới của Phật đã chế ra cũng chẳng tạo lập lại.

Thế nào là giới chẳng tổn hại ?

Bồ-Tát này chẳng nhờn nơi giới mà học những chú thuật, tạo làm phương thuốc nào hại chúng-sanh (tà đạo, thuộc Hữu Vi), chỉ vì cứu hộ chúng-sanh mà trì giới.

Thế nào là giới chẳng tạp ?

Bồ-Tát này chẳng chấp biên-kiến, chẳng trì giới tạp, chỉ quán duyên-khởi trì giới xuất-ly.

Thế nào là giới không tham cầu ?

Bồ-Tát này chẳng hiện dị-tướng tỏ bày mình có đức, chỉ vì đầy đủ pháp xuất-ly mà trì giới.

Thế nào là giới không làm lỗi ?

Bồ-Tát này chẳng tự cống cao nói tôi trì giới. Thấy người phá giới cũng chẳng khinh hủy khiến họ hổ-thẹn, chỉ nhứt tâm trì giới.

Thế nào là không hủy phạm giới ?

Bồ-Tát này dứt hẳn mười ác-nghiệp, thọ trì trọn vẹn mười thiện-nghiệp”.

Tàm tạng:

Tàm: Tự xấu hổ (vì mình ô uế, xấu xa).

“Chư Phật-tử ! Những gì là đại Bồ-Tát tàm-tạng ?

Bồ-tát này ghi nhớ các điều ác đã làm thời quá khứ mà sanh lòng tự hổ”(thẹn).

Quý tạng:

Quý: Cũng có nghĩa là tự hổ thẹn.

“Chư Phật-tử ! Những gì là đại Bồ-Tát quý-tạng ?

Bồ-Tát này tự thẹn : từ xưa đến nay ở trong ngũ-dục tham cầu mãi không nhàm, hơn đó mà tăng-trưởng các phiền-não”.

Văn tạng:

Văn: Hiểu biết (đúng-sai, phải-trái).

“Những gì là đại Bồ-Tát Văn-tạng ?

Bồ-tát này biết rằng vì sự này có nên sự này có, vì sự này không nên sự này không, vì sự này sanh nên sự này sanh, vì sự này diệt nên sự này diệt, đây là pháp thế-gian, đây là pháp xuất-thế, đây là pháp hữu-vi, đây là pháp vô-vi, đây là pháp hữu-ký, đây là pháp vô-ký”.

Thí tạng:

Thí: Bó thí

“Chư Phật-tử ! Những gì là đại Bồ-Tát thí-tạng ?

Bồ-Tát này thật hành mười điều bố-thí: phân-giảm-thí, kiệt-tận-thí, nội-thí, ngoại-thí, nội-ngoại-thí, nhứt-thiết-thí, quá-khứ-thí, vị-lai-thí, hiện-tại-thí, cứu-cánh-thí”.

Thông thường, việc bố thí được chia thành ba cách: Pháp thí ; Tâm thí ; Tài thí. Ở đây Công-Đức-Lâm Bồ-Tát đề ra mười điều bố thí và giải thích như sau:

Thế nào là Bồ-Tát phân-giảm-thí ?

Bồ-Tát này bằm tánh hơn từ ưa ban cho. Nếu được thức ngon thời chẳng chuyên tự dung, cần phải chia cho chúng-sanh rồi sau mới ăn.

Thế nào là Bồ-Tát kiệt-tận-thí ?

Bồ-Tát này có gì đều thí-xả tất cả, nhẫn đến tận mạng cũng không lẩn tiếc.

Thế nào là Bồ-Tát nội-thí ?

Bồ-Tát này đem thân xả thí không có lòng hối tiếc.

Thế nào là Bồ-Tát ngoại-thí ?

Bồ-Tát này tuổi trẻ sắc đẹp lên ngôi vua chuyển-luân, đem (cả) ngôi vua nhường cho người, không hối tiếc.

Thế nào là Bồ-Tát nội-ngoại-thí ?

Bồ-Tát này đương ở ngôi chuyển-luân-vương như trên. Có người đến tâu xin vua nhường ngôi và vua phải làm thần-bộc cho họ. Bồ-Tát tự nghĩ rằng : thân tôi và của cải cùng ngôi vua này đều là vô-thường bại hoại. Nay có người đến xin, tôi nên đem những thứ chẳng bền này để cầu lấy quả bền chắc. Nghĩ xong, Bồ-Tát liền làm vừa ý người xin không hối tiếc.

Thế nào là Bồ-Tát thí tất cả ?

Bồ-Tát này cũng như trên đã nói ở ngôi chuyển-luân-vương. Bấy giờ có số đông người nghèo cùng đến tâu xin: kẻ xin ngôi vua, kẻ xin vợ con của vua, kẻ xin tay chun máu thịt tim phổi đầu mắt tủy óc của vua. Bồ-Tát tự nghĩ rằng: tất cả ân-ái hội họp tất có biệt-ly không lợi ích gì cho người. Nay tôi nên rời bỏ tham ái, đem những vật tất sẽ ly tán này để làm vừa lòng chúng-sanh. Nghĩ xong, theo chỗ xin của mỗi người đều ban cho không hối tiếc, cũng không khinh nhàm chúng-sanh. Thế nào là Bồ-Tát quá-khứ-thí ?

Bồ-Tát này nghe những công-đức của chư Phật, Bồ-Tát thời quá-khứ, nghe rồi không tham trước, rõ thấu là chẳng phải có, chẳng khởi lòng phân-biệt, chẳng tham, chẳng đắm, cũng chẳng cầu lấy, không nương cậy, thấy pháp như giấc mơ không kiên-cố, nơi các thiện-căn chẳng tưởng là có cũng không nương cậy, chỉ vì giáo-hóa những chúng-sanh thủ trước thành-thục phật-pháp mà diễn-thuyết cho họ. Thế nào là Bồ-Tát vị-lai-thí ?

Bồ-Tát này nghe công-hạnh tu hành của chư Phật thời vị-lai, rõ thấu là chẳng phải có, chẳng chấp tướng, chẳng riêng thích vãng-sanh quốc-độ chư Phật, chẳng ham chẳng trước, cũng chẳng sanh nhàm, chẳng đem thiên-căn hồi-hướng nơi đó, cũng chẳng nơi đó mà thôi thiện-căn, thường siêng tu hành chưa từng phế bỏ.

Thế nào là Bồ-Tát hiện-tại thí ?

Bồ-Tát này nghe các cõi trời: Tứ-Thiên-Vương, Đạo-Lợi, Dạ-ma, Đâu-Suất, Hóa-Lạc, Tha-Hóa, Phạm-Chúng, Phạm-Phụ, Phạm-Vương, Thiếu-Quang, Vô-Lượng-Quang, Quang-Âm, Thiếu-Tịnh, Vô-Lượng-Tịnh, Biến-Tịnh, Phước-Sanh, Phước-Ái, Quảng-quả, Vô-Tướng, Vô-Phiền, Vô-Nhiệt, Thiện-Kiến, Thiện-Hiện, Sắc-Cứu-Cánh, và nghe Thinh-Văn, Duyên-Giác đầy-đủ công-đức. Nghe xong, tâm của Bồ-Tát này chẳng mê, chẳng mất, chẳng tụ, chẳng tan. Chỉ quán-sát các hành-pháp như giấc mơ chẳng thiệt, lòng không tham-trước.

Thế nào là Bồ-Tát cứu-cánh-thí ?

Giả-sử có vô-lượng chúng-sanh hoặc không mắt, hoặc không tai, hoặc không mũi, không lưỡi, hoặc không tay không chun... đồng đến xin Bồ-Tát này bố-thí mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chun nơi thân của Bồ-Tát cho họ được toàn vẹn hết tật nguyên. Bồ-

Tát này liền bố-thí theo chỗ họ muốn, dầu đến phải tự mang tật trải qua vô-số kiếp vẫn không có lòng hối tiếc.

Dùng khai-thị diu-dắt chúng-sanh, khiến họ chẳng tham-ái nơi thân thể mà đều được thành-tựu trí-thân thanh-tịnh”.

Huệ Tạng:

“Chư Phật-tử ! Những gì là đại Bồ-Tát Huệ-Tạng ?

Bồ-Tát này đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức ; đối với vô minh và ái ; Thanh-Văn, Duyên-Giác ; đối với Thanh-Văn niết-bàn Duyên-Giác niết-bàn, Bồ-Tát niết-bàn đều biết đúng thiệt (thật tướng).

Biết thế nào ?

Biết từ nhơn-duyên của nghiệp báo tạo ra, tất cả đều hư-giả, là không, là chẳng thiệt, chẳng phải ngã, chẳng kiên-cố, không có chút pháp nào thành lập được.

Vì muốn cho chúng-sanh biết thiệt-tánh của các pháp nên rộng tuyên thuyết cho họ. Tuyên thuyết các pháp bất-khả-hoại. Những pháp gì bất-khả-hoại ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất-khả-hoại; vô-minh bất-khả-hoại; Thanh-Văn pháp, Duyên-Giác pháp, Bồ-Tát pháp đều bất-khả-hoại.

Tại sao vậy ? Vì tất cả pháp là vô-tác, không xír sở, chẳng sanh khởi, chẳng cho chẳng lấy, không động chuyển, không tác dụng” (vì không sanh nên không diệt).

Niệm tạng:

“Những gì là đại Bồ-Tát niệm-tạng ?

Chư Phật-tử ! Bồ-Tát này lìa bỏ sự si lầm, được niệm lực đầy đủ.

Tịch-tịnh niệm, thanh-tịnh niệm, bất-trước niệm, minh-triệt niệm, ly-trần niệm, ly-chúng-chúng trần niệm, ly-cấu niệm, quang-diệu niệm, khả-ái-nhạo niệm, vô-chướng-ngại niệm”.

Niệm lực: Chỉ cho việc siêng tu giữ cho ý nghĩ tập trung, để có thể chống lại sự chướng ngại đến từ bên ngoài . Niệm lực vững chắc, thì dù có vào trong đám giặc ngũ dục, cũng không bị hại (Rộng Mở Tâm Hồn).

Trì tạng:

“Những gì là đại Bồ-tát trì-tạng ?

Bồ-Tát này thọ-trì, vẫn cú nghĩa lý khế-kinh của chư Phật nói không quên sót.

Một đời thọ-trì nhẫn đến bất-khả-thuyết đời thọ-trì.

Thọ-trì danh hiệu của một đức Phật nhẫn đến bất-khả-thuyết danh hiệu Phật.

Thọ-trì một khế-kinh nhẫn đến bất-khả-thuyết khế-kinh.

Thọ-trì một tam-muội các thứ tánh nhẫn đến bất-khả-thuyết tam-muội các thứ tánh.

(...)

Trì-tạng này vô-biên, khó đầy, khó đến được đáy, khó được thân-cận, không gì chế phục được, vô-lượng vô-tận, đủ oai-lực lớn, là cảnh-giới Phật, chỉ có Phật rõ được”.

Biện tạng:

“Những gì là đại Bồ-Tát biện-tạng ?

Bồ-Tát này có trì-huệ rất sâu, biết rõ thiết-tướng, rộng vì chúng-sanh diễn thuyết các pháp chẳng trái với kinh điển của chư Phật”.

Bồ-Tát này : hoặc diễn thuyết trong một ngày, hoặc nửa tháng, một tháng, trăm năm, ngàn năm, nhẫn đến bất-khả-thuyết kiếp.

Tại sao vậy ? Vì Bồ-Tát này thành-tựu mười thứ tạng vô-tận, nhiếp được nhưt-thiết-pháp đà-la-ni . Được đà-la-ni này rồi, dùng pháp quang-minh rộng vì chúng-sanh diễn thuyết các pháp”.

Đà la ni: là sức trí tuệ có thể tóm thu, gìn giữ vô lượng Phật pháp không để quên mất. Nói cách khác, Đà la ni là một phương pháp ghi nhớ, tức là trong một pháp nắm giữ tất cả pháp, trong một lời nắm giữ tất cả lời, trong một nghĩa nắm giữ tất cả nghĩa; do đó, từ sự ghi nhớ một pháp một lời một nghĩa ấy mà có thể liên tưởng đến hết thấy pháp, tóm thu nắm giữ vô lượng Phật pháp không để mất mát (Theo từ điển Phật Quang).

“Chư Phật-tử ! Mười tạng vô-tận này có mười pháp vô-tận khiến chư Bồ-Tát rất ráo thành vô-thượng bồ-đề.

Đây là mười pháp: vì lợi ích tất cả chúng-sanh, vì bổn-nguyện khéo hồi-hướng, vì tất cả kiếp không đoạn tuyệt, vì tận hư-không-giới đều khai ngộ tâm vô-hạn, vì hồi-hướng hữu-vi mà không tham-trước, vì cảnh-giới một niệm tất cả pháp vô-tận, vì tâm đại-nguyện không đổi khác, vì khéo nhiếp thủ các đà-la-ni, vì tất cả chư Phật hộ-niệm, vì rõ tất cả pháp đều như huyễn.

Mười pháp vô-tận này có thể khiến chỗ thật hành của tất cả thế-gian trọn được rớt ráo tạng lớn vô-tận” (sức chứa công đức đến vô tận).

Cần nói rõ thêm: Hữu Vi vốn còn tham trước nên còn sân, si và vì vậy còn trong vòng hữu sanh hữu diệt. Khi Công-Đức-Lâm Bồ-Tát nói: vì hồi-hướng hữu-vi mà không tham-trước – có nghĩa khi đó Hữu Vi không còn là Hữu Vi. Vì Hữu Vi không còn là Hữu Vi nên đó là Vô Vi vậy.

Phẩm thứ hai mươi ba: Thăng Đâu Suất Thiên Cung

Phẩm này tiếp tục mô tả những “chuyến đi” thăm của đức Như Lai. Hai phẩm trước, đức Thế Tôn đến đỉnh núi Tu Di, Dạ-Ma thiên-cung – và, “*chẳng rời các chỗ: cây bồ-đề, danh Tu-Di-Son, Dạ-Ma thiên-cung*”. Mặc dù không rời khỏi những chỗ ấy, đức Thế Tôn vẫn “*đến Đâu-Suất-Đà thiên nơi điện Diệu-Bửu-Trang-Nghiêm*”. “Tất cả Đâu-Suất thiên-cung ở mười phương đều như thế”.

Mở đầu phẩm này cho thấy, đức Thế Tôn dùng “*thần lực*” hóa thân thành vô lượng thân tướng (giống hoặc khác nhau tùy điều cần đến). Ngài hiện diện ở tất cả mười phương.

“Đâu-Suất Thiên-Vương vọng thấy đức Phật đến, liền dọn tòa Ma-Ni-Tạng Sư-Tử tại giữa điện. Tòa ấy do những diệu-bửu cõi trời hợp thành, từ những thiện-căn công-đức mà có, không ai có thể quan-sát trọn hết được sự tốt đẹp của nó, bởi: Có trăm vạn ức tầng cấp vòng quanh tòa. Có trăm vạn ức lưới vàng, lưới ma-ni, lưới báu, trăm vạn ức trướng hoa, trướng báu, trướng tràng-hoa, trướng hương giăng che phía trên tòa. Hương thơm ngào ngạt khắp nơi.

(...) Có trăm vạn ức lâu các chói sáng trang-nghiêm. Trăm vạn ức lưới chuỗi ngọc báu rủ bốn phía. Có trăm vạn ức màn linh báu, những linh ấy chỉ cần hơi động là vang ra những tiếng hòa nhã (...). Có trăm vạn ức mây thiên hoa, mây thiên-hương, mây thiên-y, mây thiên- bửu, mây thiên cái, mây thiên-trang-nghiêm-cụ, mây thiên-bửu-man, mây thiên anh-lạc – rưới đều khắp. Trăm vạn ức thiên-nhạc đồng hòa tấu ra tiếng vi-diệu diệt các phiền não ...”

Lần này Đâu-Suất Thiên-Vương đón tiếp đức Thế Tôn với cảnh trí hoành tráng đến mức không sao mô tả hết được (*không ai có thể quan-sát trọn hết được*).

Ngoài cảnh trí vô cùng tráng lệ, số lượng người tham dự lần này cũng đông không kém gì đại hội “Vân tập”:

Các Bồ Tát đến dự như sau:

Bồ Tát sơ-phát-tâm ; Trì-Địa Bồ-Tát ; Tu-Hành Bồ-Tát ; Sanh-Quý Bồ-Tát ; Phương-Tiện-Cụ-Túc Bồ-Tát ; Chánh-Tâm-Trụ Bồ-Tát ; Bất-Thối Bồ-Tát ; Đồng-Chơn Bồ-Tát ... Có cả hàng trăm nhóm Bồ Tát như vậy, mỗi nhóm là hàng tỷ chư vị (*trăm vạn ức*). Tuần tự, tất cả đều lễ bái ra mắt đức Thế Tôn .

Các Thiên Vương đến dự như sau:

Thiên-Vương ; Long-Vương ; Dạ-Xoa-Vương ; Càn-Thác-Bà Vương ; ; A-Tu-La Vương ; Ca-Lâu-La Vương ; Khẩn-Na-La Vương ; Ma-Hầu-La-Già-Vương ; Dao-lợi Thiên-Vương ; Da-Ma Thiên-Vương ; Đâu-Suất Thiên-Vương ; Hóa-Lạc

Thiên-Vương ; Tha-Hóa Thiên-Vương ; Đại-Tự-Tại Thiên-Vương . Mỗi nhóm thiên vương này là hàng tỷ người (*trăm vạn ức*). Tuần tự, tất cả đều lễ bái ra mắt đức Thế Tôn . Hình thức lễ bái được mô tả: mỗi nhóm với hàng tỷ thiên vương, đồng loạt cung kính và, mỗi nhóm thiên vương đều có cách thức lễ bái rất khác nhau.

Ngoài ra còn có các chư Thiên:

Thiên-nữ ; Đồng-Nguyện-Thiên ; Đồng-Trụ-Thiên ; Phạm-Thân-Thiên ; Phạm-Phụ-Thiên ; Phạm-Chúng-Thiên ; Đại-Phạm-Thiên ; Quang-Thiên ; Thiểu-Quang-Thiên ; Vô-Lượng-Quảng Thiên ... Có cả hàng trăm nhóm chư Thiên như vậy, mỗi nhóm là hàng tỷ chư vị (*trăm vạn ức*). Tuần tự, tất cả đều lễ bái ra mắt đức Thế Tôn . Hình thức lễ bái được mô tả: mỗi nhóm với hàng tỷ chư thiên, đồng loạt cung kính và, mỗi nhóm chư thiên đều có cách thức lễ bái rất khác nhau.

Sau nghi thức ra mắt, “*Thiên-Vương và chư Thiên dùng tâm thanh-tịnh rưới vô-số mây màu hoa, mây màu hương, mây màu tràng-hoa, mây bửu-cái, mây thiên-y, mây diêu-bửu, mây trang-nghiêm-cụ*”

“*Trăm ngàn ức na-do-tha vô-số Đâu-Suất Thiên-tử trụ giữa hư-không đều khởi tâm cảnh-giới trí-huệ, đối với đức Phật, mà đốt những thứ thiên-hương, khói hương kết thành mây đẹp thơm trang-nghiêm trên hư không*”.

“*Trăm ngàn ức na-do-tha vô-số Thiên-tử, đối với đức Phật, đều sanh tâm tịnh-tín rải vô-số thiên-hoa nhiều màu, đốt vô-số thiên-hương để cúng dường Như-Lai*”.

“*Trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-Tát đầy khắp pháp-giới hư-không-giới. dùng bất-khả-thuyết vô-lượng vô-tận pháp tán thán như thật để ca ngợi đức Phật không mảy mành*”.

Trong phẩm kinh này đã mô tả nghi thức diễn ra, kéo dài như đến bất tận ...

“*Lúc đó, cả đại-chúng thấy thân Như-Lai: phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha vô-số quang-minh, mỗi quang-minh có vô-số màu, vô-số thanh-tịnh, vô-số chiếu sáng. Làm cho vô-số chúng hoan-hỷ, vô-số chúng thêm lớn lòng thâm-tín, vô-số chúng chí nguyện thanh-tịnh, vô-số chúng cung-kính tôn trọng ...*”

Rồi sau đó:

“*Cả đại-chúng lại thấy thân Phật phóng ra trăm ngàn ức na-do-tha bất-tư-nghi đại quang-minh. Mỗi quang-minh đều có bất-tư-nghi màu, bất-tư-nghi ánh-sáng chiếu bất-tư-nghi vô-biên pháp-giới*”.

“*Lúc đó, đức Như-Lai vì lòng đại bi rộng khắp hiển bày tất cả sự trang-nghiêm của nhứt-thiết-trí, muốn cho những chúng-sanh trong bất-khả-thuyết vô-số thế-giới, kẻ chưa tin thời được tin, đã tin thời thêm lớn, đã thêm lớn thời được thanh-tịnh, đã thanh-tịnh thời được thuần-thục, đã thuần-thục thời khiến điều-phục, quán sát pháp thậm-thâm, đủ vô lượng trí-huệ, phát sanh vô-lượng tâm quảng-đại, tâm từ-bi không thoái-chuyển ...*”.

Phần cuối của phẩm này là bài kệ của Đâu-Suất Thiên-Vương, giới thiệu các chư Phật trước đó đã đến thăm, mang đến cho Đâu-Suất Thiên Cung có được nhiều cát tường (sự lành). Các chư Phật là:

Vô-Ngại-Nguyệt ; Quảng-Trí ; Phổ-Nhãn ; San-Hô ; Luận-Sư-Tử ; Nhựt-Chiếu ; Vô-Biên-Quang ; Pháp-Tràng ; Trí-Đặng ; Công-Đức-Quang.

Phẩm thứ hai mươi bốn: **Đâu Suất Kệ Tán**

Sau “buổi” đón tiếp long trọng đức Thế Tôn, mười vị đại Bồ Tát đại diện các Bồ Tát của *vi trần số thế giới thập phương* đọc bài kệ tán thán công đức của Như Lai, mười vị đó là:

Kim Cang Tràng Bồ Tát ; Kiên Cố Tràng Bồ Tát ; Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát ; Quang Minh Tràng Bồ Tát ; Trí Tràng Bồ Tát ; Bửu Tràng Bồ Tát ; Tinh Tấn Tràng Bồ Tát ; Ly Cấu Tràng Bồ Tát ; Tinh Tú Tràng Bồ Tát ; Pháp Tràng Bồ Tát .

Kim Cang Tràng Bồ Tát mở đầu bài kệ, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Muốn cầu Nhứt thiết trí
Chóng thành Vô Thượng Giác
Phải dùng tâm tịnh diệu
Tu tập hạnh Bồ đề”.*

Nhắc lại, *Nhứt thiết trí* đó là trí tuệ Ba La Mật Đa. Như vậy, Kim Cang Tràng Bồ Tát nhấn mạnh việc tu tập *hạnh* sao cho thanh tịnh. *Hạnh thanh tịnh* đó là hạnh của chư Phật (Bồ Đề).

Kiên Cố Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Nếu ai tôn kính Phật
Nhớ báo đáp ơn Phật
Người đó chẳng xa lìa
Chỗ an trụ của Phật.*

*Đâu có người trí huệ
Nơi Phật thường thấy nghe
Chẳng tu nguyện thanh tịnh
Nơi đường Phật đã đi”.*

Báo đáp ơn Phật là báo đáp cái gì ? Là: cúng dường Phật. Cúng dường Phật bằng của cải vật chất chẳng ? Cúng dường Phật bằng của cải trải qua muôn kiếp cũng không sợ phát tâm Bồ Đề (đã trình bày).

Kiên Cố Tràng Bồ Tát cho hay: nếu như: “*Chẳng tu nguyện thanh tịnh*” thì “*Nơi đường Phật đã đi*”. Ở đây bắt gặp vấn đề: Vậy, sự cứu độ của Như Lai thì sao ?

Như đã trình bày, Như Lai, khi Ngài phát Quang minh cứu độ chúng sanh, là cho tất cả muôn loài. Ví như cơn mưa trong nắng hạn. Người lấy được nhiều, kẻ ít, lại có kẻ đứng đưng ... (lấy được nhiều ít do cái bình chứa – tức do tâm của mỗi người). Đó không phải là “on mưa móc” của bề trên ban tặng, vì vậy mà: “*Như Lai chẳng có chúng sanh nào để độ*” (kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”) . Song “*không (độ), cũng chẳng phải là không*”(độ).
Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Vi như ruộng phì nhiêu
Gieo trồng tất tươi tốt
Tâm thanh tịnh như vậy
Xuất sanh các Phật pháp.*

*Như người được bửu tạng
Lìa hẳn khổ nghèo cùng
Bồ Tát được Phật pháp
Tâm ly cấu thanh tịnh”.*

Muốn có tâm thanh tịnh, thì *hạnh* phải *thanh tịnh*. Muốn có hạnh thanh tịnh thì phải tu tập theo các cách đã trình bày trong phẩm: “Tịnh Hạnh”. Phẩm Hạnh”, Thập Hạnh”.

Trong phẩm thứ hai mươi, “Dạ Ma Cung Kệ Tán”, Lục-Lâm Bồ-Tát đã nói trong bài kệ của mình:

*“Nghệp là gốc của uẩn
Tâm là gốc các nghiệp”* (đã trình bày)

Như vậy, *Uẩn* tạo ra *ngiệp*. *Nghiệp* tạo ra *tâm*. Đây là một mệnh đề thuộc lý luận rất cơ bản và quan trọng.

Trong phạm trù *ngiệp* bao hàm *hạnh* của Bồ Tát, tại sao ? Bởi nếu *hạnh thanh tịnh* thì tạo ra các *ngiệp* tốt ; và ngược lại nếu *hạnh* không *thanh tịnh* thì tạo ra các *ngiệp* xấu.

Tâm, suy cho cùng, đó chỉ là tấm gương phản ánh *Nghiệp* – hay nói khác đi: Tâm chỉ là tấm gương phản ánh *hạnh* của một Bồ Tát, một con người (xin tham khảo thêm phần “Tâm và Tâm linh”).

Trong đoạn kệ trên: nói cách khác, đó là: *hạnh thanh tịnh* cũng ví *như ruộng phì nhiêu* – khi đó *gieo trồng* Phật pháp thì mới *tất tươi tốt*.

Và, sự tác động theo quy luật vòng tròn (hoặc vòng tròn ốc hướng lên): Một khi gieo trồng được Phật pháp thì mới “ngộ” ra, khi đó: *Tâm* mới *ly* (buông bỏ được tất cả). Một khi buông bỏ được tất cả thì mới *cấu* (thành) *thanh tịnh*. Một khi

thanh tịnh tâm thì *ruộng* lại càng *phì nhiêu*. *Ruộng* càng *phì nhiêu* thì cây trồng Phật Pháp càng tươi xanh ... cứ như vậy, nối tiếp nhau ...

Ngược lại, một khi nghiệp lực xấu là nặng nề ... sự tác động theo quy luật vòng tròn (hoặc vòng tròn ốc hướng xuống) như trên là điều không tránh khỏi. Bồ Tát nếu không mau mau nhận thức ra những sai lầm ... e rằng, đến lúc nào đó, *hối* là quá muộn.

Quang Minh Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Bồ đề không hai pháp
Cũng không có các tướng
Mà ở trong hai pháp
Hiện thân tướng trang nghiêm”*.

Trong các bộ kinh “lớn” – tất cả đều nhắc đi nhắc lại vấn đề “*hai pháp*”, đó là pháp *Hữu Vi* và pháp *Vô Vi*.

Xin nhắc lại một cách hết sức cẩn trọng và rõ ràng rằng: Đây là vấn đề bức thiết hệ trọng – không phải đối với tiền đồ sự nghiệp của Phật pháp – mà đó là vấn đề bức thiết hệ trọng đối với quá trình tiến hóa của muôn loài.

Như đã trình bày: tiền đồ sự nghiệp tuyên dương giáo hóa Phật pháp thuộc về lực lượng Bồ Tát “đích thực”. Chính lực lượng Bồ Tát “đích thực” này – làm cho Phật pháp – mặc dù là pháp do đức Phật sanh ra (theo lẽ phải *diệt*) – “*chẳng đoạn diệt bao giờ*” (tham khảo thêm phần đã dẫn). Vì là Bồ Tát “đích thực” nên “*không hai*”.

Vậy tại sao lại là: “*ở trong hai pháp*” ?

Khác với *Thanh Văn* và *Duyên Giác*, Bồ Tát sanh cả vào trong *Hữu Vi* – để mà làm *trang nghiêm*. Muốn *Trang nghiêm* phải có *thanh tịnh*. Có nghĩa, làm cho *Hữu Vi* được *thanh tịnh*.

Như trong phẩm “*Vô Tận Tạng*” đã trình bày: “*Hữu Vi vốn còn tham trước nên còn sân, si và vì vậy còn trong vòng hữu sanh hữu diệt. Khi Công-Đức-Lâm Bồ-Tát nói: vì hồi-hướng hữu-vi mà không tham-trước – có nghĩa khi đó Hữu Vi không còn là Hữu Vi. Vì Hữu Vi không còn là Hữu Vi nên đó là Vô Vi vậy*”.

Một khi *Hữu Vi* không tham trước, tức *Hữu Vi* đã được *thanh tịnh*.

Bồ Tát, cũng có khi phải tự nguyện (chủ động) sanh cả vào những chốn dữ như địa ngục ... (Kinh “*Duy Ma*”).

Trí Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*Phật thân chẳng quá khứ
Cũng chẳng phải vị lai.
Một niệm hiện xuất sanh
Thành đạo và Niết Bàn.*

Trong Vô Vi, tức trong ý nghĩa của vô hạn, khái niệm quá khứ là không cùng. Tại sao ? Nếu nói là quá khứ thì phải trả lời đủ hai câu hỏi: từ đâu (điểm nào) ? Và thời gian nào ? Ví như nói rằng: “*Anh A từng có một tiền án*”; “*Cách đây khoảng năm tỷ năm, khi đó trái đất còn là ...*” v.v... Không thể nói rằng: “*Cách đây vi trần số tỷ năm, anh A từng có một tiền án*” ; cũng không thể nói rằng: “*Cách đây vi trần số tỷ năm, khi trái đất còn là ...*”.

Trong Vô Vi, một khi muốn nói đến quá khứ hoặc vị lai – là đề cập đến vấn đề “bất khả thuyết” – bởi ngôn ngữ thuộc về giới hạn của hữu hạn. Vì vậy mà:

*Phật thân chẳng quá khứ
Cũng chẳng phải vị lai.*

Trước câu hỏi: “*Phật từ đâu đến*” ? Có nghĩa: Bồ Tát thành Phật từ lúc nào ? Nếu hỏi đức Thế Tôn câu hỏi ấy – không thể nào có câu trả lời thỏa đáng được – cũng tựa như câu hỏi : Tâm ở đâu vậy ? Tại sao ? Đức Thế Tôn ngồi dưới cây Bồ đề nhập định, sau bốn mươi chín ngày thành Phật – liệu rằng nói đức Thế Tôn thành Phật từ lúc ấy mà thỏa đáng chăng ? Vậy năm trăm kiếp tu tiên trước đó thì sao ? Nếu không có năm trăm kiếp ấy, liệu rằng cái ngày Như Lai ngồi nhập định dưới cây Bồ Đề mà đạt đạo quả Vô Thượng ?

Cho nên, cũng đừng bao giờ hỏi rằng: khi nào thành Phật ? Lại càng không nên khẳng định: đời này *phải* đạt cứu cánh Niết bàn.

Chỉ và chỉ nên biết: hàng ngày, tu lấy *hạnh thanh tịnh* cho mình. Đến lúc nào đó, bỗng dưng:

*Một niệm hiện xuất sanh
Thành đạo và Niết Bàn.*

Đó là: khi đã tích lũy đủ về lượng (*hạnh thanh tịnh*) và, với những điều kiện nhất định (*trợ duyên của các chư Phật*) – thì, khi đó lượng (*hạnh thanh tịnh*) biến thành *chất* (*tánh Phật*) . Biện luận này là theo cách biện luận của Marx.

Bửu Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Chẳng thể dùng quốc độ
Ngày đêm mà thấy Phật
Năm tháng một sát na
Phải biết đều như vậy”.*

Không gian và thời gian của thế giới vô hạn hoàn toàn khác rất xa với không gian thời gian của thế giới hữu hạn. Năm, tháng của thế giới hữu hạn chỉ là *sát na* (đơn vị giây hoặc nhỏ hơn giây) của thế giới vô hạn. Cho nên, “ngồi miết mài” cả *ngày đêm* – tưởng rằng như thế đã là “ghê gớm” – song, đó cũng chỉ mới là một phần rất nhỏ của giây – thì, giả như Phật có thị hiện, sao mà thấy được ?! Cho nên, lại một lần nữa, khuyên rằng: đừng có đi tìm hình bóng Phật làm gì – để rơi vào *tà đạo*.

Tinh tấn Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Vĩ như tất cả pháp
Do các duyên sanh khởi
Thấy Phật cũng như vậy
Tất nhờ ác thiện nghiệp”*.

Pháp ở đây có nghĩa là mọi sự vật hiện tượng (chữ Pháp trong kinh Phật rất đa nghĩa, đã trình bày). Mọi sự vật hiện tượng do *duyên hợp* mà sanh (đã trình bày). *Thấy Phật cũng vậy*, có nghĩa: cũng phải do *duyên hợp* mà “thấy”.

Thấy Phật mà Tinh tấn Tràng Bồ Tát muốn nói là như thế nào ? Đó là “thấy” Phật pháp. Có hàng muôn vàn lý do, hoàn cảnh mà đến với Phật Pháp: có người vì *ác nghiệp*, khổ cùng cực nên đến với Phật pháp để “đoạn trừ phiền não” (chữa bệnh khổ), có người đến với Phật Pháp do những *thiện nghiệp* tích lũy từ nhiều đời, kiếp trước.

Bồ Tát lấy cõi nhân gian làm cõi Phật của mình, bởi: hoa sen tỏa hương thơm ngát cũng từ tâm tối của bùn lầy.

Ly Cầu Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Thần lực tự tại hiện
Chính đây gọi là Phật
Trong tất cả thế giới
Tìm cầu trọn không có.*

*Nếu biết được như vậy
Tâm ý và các pháp
Thấy biết trọn tất cả
Chóng được thành Như Lai”*.

Phật, chính là mình.

Phật phải là chính “cái” ở trong mình.

Không thể cầu xin, dựa dẫm ... vào bất kỳ ai mà để thành Phật được.

Pháp Tràng Bồ Tát, ngoài nội dung tán thán công đức, trí huệ ... của Như Lai, có những đoạn kệ đáng chú ý là:

*“Giả sử trong mỗi niệm
Cúng dường vô lượng Phật
Chưa biết pháp chơn thật
Chẳng gọi là cúng dường”.*

Như thế nào là *pháp chơn thật* ? Đó là pháp Hữu Vi.

Như thế nào là *cúng dường* ? Đó là phát tâm Bồ đề cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy. Nếu như có Bồ tát nào phát tâm Bồ đề cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đừng bao giờ có thái độ hoài nghi về việc đạt đạo quả Vô Thượng của Bồ Tát ấy:

*“Nếu có bực trí huệ
Một niệm phát đạo tâm
Quyết thành đấng Vô thượng
Cẩn thận chớ sanh nghi”.*

Phẩm thứ hai mươi lăm: **Thập Hồi Hướng**

Phẩm này Kim Cang Tràng Bồ Tát thuyết giảng về mười hồi hướng. Hồi hướng, về nghĩa đơn giản của khái niệm này, đó là: sự quay đầu chuyển hướng. Đang trên con đường ác đạo, hồi tâm, chuyển hướng về thiện đạo. Song, khái niệm *hồi hướng* của nhà Phật với nghĩa rộng hơn rất nhiều, trước hết, hãy xem một số khái niệm về *Hồi hướng*, *Thập hồi hướng* qua các từ điển:

Hồi Hướng, cũng gọi chuyển hướng. Trong các kinh luận có nhiều thuyết nói về hồi hướng.

1. Theo thuyết Tánh không của hệ tư tưởng Bát nhã, nếu hồi hướng mà không thấy có người hồi hướng, có pháp để hồi hướng, có nơi chốn để hồi hướng, thì mới được gọi là Hồi hướng chân thực. Vì chư Phật dạy hồi hướng: không được chấp tướng, (...), nếu hồi hướng mà còn chấp tướng thì gọi là Tạp độc.

2. Đại thừa nghĩa chương quyển 9 của ngài Tuệ viễn chia hồi hướng làm 3 loại:

a. Bồ đề hồi hướng: Đem tất cả thiện pháp mà mình tu hành để hướng cầu Bồ đề.

b. Chúng sinh hồi hướng: Vì thương chúng sinh nên nguyện đem tất cả pháp lành mà mình tu được để ban cho họ. c. Thực tế hồi hướng: Đem thiện căn của mình hồi hướng để cầu pháp tính bình đẳng như thực.

3. Trong Hoa nghiêm kinh sơ quyển 26, ngài Trìing quán nêu ra 10 loại hồi hướng, nhưng thu tóm lại còn 3 loại: a. Bồ đề hồi hướng: Xoay nhân hướng tới quả, xoay kém hướng hơn, xoay tử hướng chứng. b. Chúng sinh hồi hướng: Xoay mình hướng tới người, xoay ít hướng nhiều, xoay nhân hạnh của mình hướng tới nhân hạnh của người. c. Thực tế hồi hướng: Xoay sự hướng lí, xoay hạnh sai biệt hướng hạnh viên dung.

4. Theo thuyết của tông Tịnh độ thì có 2 loại Hồi hướng: a. Vãng tướng hồi hướng: Đem công đức của mình ở đời quá khứ và đời hiện tại hồi hướng cho chúng sinh, nguyện cùng được sinh về Tịnh độ phương tây. b. Hoàn tướng hồi hướng: Sau khi đã vãng sinh Tịnh độ, phát tâm đại bi trở lại cõi Ta bà, giáo hóa chúng sinh, cùng hướng về Phật đạo.

5. Trong An lạc tập quyển hạ, ngài Đạo xức nêu ra 6 loại hồi hướng: a. Đem các công đức do mình tu được hồi hướng đức Phật A di đà cầu sinh về Tịnh độ, để sau khi được 6 thân thông, trở lại thế gian cứu độ chúng sinh. b. Hồi nhân hướng quả. c. Hồi hạ hướng thượng. d. Hồi chậm hướng nhanh. e. Hồi hướng cho chúng sinh bi niệm hướng thiện. g. Hồi hướng dứt hết tâm phân biệt. (Từ điển Phật Quang)

Thập hồi hướng tâm. Gọi tắt: Thập hướng. Chỉ cho 10 giai vị, từ giai vị thứ 31 đến 40 trong 52 giai vị tu hành của Bồ tát:

*1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh li chúng sinh tướng hồi hướng: Tức giai vị thực hành **Lục độ, Tứ nhiếp**, cứu hộ tất cả chúng sinh, kể oán, người thân đều bình đẳng.*

2. Bất hoại hồi hướng: Giai vị đã có được niềm tin bất hoại đối với Tam bảo, hồi hướng căn lành này, khiến chúng sinh được lợi ích tốt đẹp. 3. Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng: Giống như sự hồi hướng của chư Phật 3 đời, tu hành không đả trước sinh tử, không lia bỏ bỏ để.

4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng: Dem các thiện căn đã tu được hồi hướng đến khắp tất cả các nơi từ Tam bảo cho đến chúng sinh để làm lợi ích cúng dường.

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng: Tùy hỉ tất cả thiện căn vô tận, hồi hướng làm Phật sự để được vô tận công đức thiện căn.

6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng: Hồi hướng các thiện căn đã tu, được Phật che chở, thành tựu tất cả căn lành bền vững.

7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng: Tức nuôi lớn tất cả gốc lành để hồi hướng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

8. Như tướng hồi hướng: Thuận theo tướng chân như mà hồi hướng các thiện căn đã thành tựu.

9. Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng: Tức đối với tất cả pháp không để bị vướng mắc, trói buộc, được tâm giải thoát, đem thiện pháp hồi hướng, thực hành hạnh Phổ hiền, đầy đủ mọi đức.

10. Pháp giới vô lượng hồi hướng: Tức tu tập tất cả thiện căn vô tận, đem hồi hướng các thiện căn này để nguyện cầu vô lượng công đức trong pháp giới sai biệt.

Tứ nhiếp:

1. Bồ thí nhiếp : Bồ Tát dùng tài pháp bố thí nhiếp dẫn chúng sanh trụ nơi chơn lý;

2. Ái ngữ nhiếp : Bồ tát hay tùy thuận căn tánh của chúng sanh và dùng lời nói hay ho ủy dụ họ trụ nơi chơn lý ;

3. Lợi hành nhiếp : Bồ Tát khởi hạnh từ thiện nơi thân, khẩu, ý làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, như đó họ được trụ nơi chơn lý.

4. Đồng sự nhiếp : Bồ Tát dùng pháp nhãn thấy rõ căn tánh của chúng sanh, tùy theo chỗ ưa muốn của họ mà phân hình thị hiện, khiến họ được thấm nhuần lợi ích, như đó họ được an trụ nơi chơn lý.

Lục độ:

Sáu hạnh Ba-la-mật-đa là:

1. Bồ thí ba-la-mật-đa ; 2. Giới ; 3. Nhẫn nhục ; 4. Tinh tiến ; 5. Thiên định ; 6.

Trí huệ.

Có khi người ta kể thêm bốn hạnh nữa, gọi chung là Thập độ, đó là:

7. Thiện xảo Phương tiện ; 8. Nguyên ; 9. Lực ; 10.Trí (*Từ điển Đạo uyển*)

Như vậy, người đọc đã có những nắm bắt sơ lược, cơ bản về các khái niệm *Hồi hướng*, *Thập Hồi hướng* và các khái niệm khác có liên quan. Trở vào kinh:

Kim Cang Tràng Bồ Tát hỏi:

Thưa Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát hồi hướng có mấy thứ ?

Tam thế Chư Phật đồng diễn thuyết: (Tam thế: quá khứ, hiện tại ; vị lai)

Đại Bồ Tát hồi hướng có mười thứ sau đây :

“Một là Cứu hộ tất cả chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng.

Hai là Bất hoại hồi hướng.

Ba là Đẳng nhứt thiết Chư Phật hồi hướng.

Bốn là Chí nhứt thiết xứ hồi hướng.

Năm là Vô tận công đức tạng hồi hướng.

Sáu là Nhập nhứt thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng.

Bảy là Đẳng tùy thuận nhứt thiết chúng sanh hồi hướng.

Tám là Chơn như tướng hồi hướng.

Chín là Vô phược, Vô trước giải thoát hồi hướng.

Mười là Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng”.

Và lần lượt, Kim Cang Tràng Bồ Tát thuyết giải từng loại hồi hướng:

1. Cứu hộ tất cả chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng:

“Đại Bồ Tát này thật hành Giới Ba la mật, thanh tịnh Thí Ba la mật, tu Nhẫn nhục Ba la mật, khởi Tinh tấn Ba la mật, nhập Thiền Ba la mật, trụ Bát nhã Ba la mật, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, tu vô lượng thiện căn như vậy”. (Ba La Mật ở đây có nghĩa: rộng lớn).

“Nguyên những thiện căn này có thể khắp lợi ích tất cả chúng sanh đều làm cho thanh tịnh đến nơi rốt ráo, lìa hẳn vô lượng khổ não Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Diêm La Vương v.v...”

Đại Bồ Tát lúc trông thiện căn, đem thiện căn của mình hồi hướng như vậy : Tôi sẽ làm nhà cho tất cả chúng sanh để họ khỏi tất cả sự khổ; tôi sẽ làm chỗ cứu hộ của tất cả chúng sanh khiến họ đều được giải thoát phiền não; tôi sẽ làm chỗ quy y của tất cả chúng sanh khiến họ đều được lìa sự bố úy; tôi sẽ làm chỗ xu hướng của tất cả chúng sanh khiến họ được đến nơi Nhứt thiết trí; tôi sẽ làm chỗ an ổn cho tất cả chúng sanh khiến họ được chỗ an ổn rốt ráo; tôi sẽ làm ánh sáng cho tất cả chúng sanh khiến họ được trí quang diệt si ám; tôi sẽ làm ngọn đuốc cho tất cả chúng sanh để phá tất cả tối vô minh cho họ; tôi sẽ làm đèn cho tất cả chúng sanh khiến họ an trụ nơi rốt ráo thanh tịnh; tôi sẽ là Đạo Sư cho tất cả chúng sanh dẫn dắt họ

vào pháp chơn thật; tôi sẽ làm đại Đạo Sư của tất cả chúng sanh ban cho họ trí huệ lớn vô ngại.

Đại Bồ Tát đem những thiện căn hồi hướng như vậy, bình đẳng lợi ích tất cả chúng sanh, rớt ráo đều khiến được Nhưt thiết trí”.

2. Bất hoại hồi hướng:

“Đại Bồ Tát này được đức tin bất hoại đối với tam thế Chư Phật ; được đức tin bất hoại đối với tất cả chư Bồ Tát ; được đức tin bất hoại đối với tất cả Phật pháp ; được đức tin bất hoại đối với tất cả Phật giáo ; được đức tin bất hoại đối với tất cả chúng sanh ; được đức tin bất hoại đối với tất cả pháp lành thanh tịnh ; được đức tin bất hoại đối với đạo hồi hướng của tất cả Bồ Tát ; được đức tin bất hoại đối với các Bồ Tát Pháp sư ; được đức tin bất hoại đối với thần thông tự tại của tất cả Phật ; được đức tin bất hoại đối với phương tiện thiện xảo của tất cả Bồ Tát .

Đại Bồ Tát dùng thiện căn công đức như vậy hồi hướng Nhưt thiết trí, nguyện thường thấy Phật, gần bạn lành, cùng ở với chư Bồ Tát, nhớ Nhưt thiết trí không rời, thọ trì Phật giáo siêng thủ hộ, giáo hóa thành thực tất cả chúng sanh, tâm thường hồi hướng đạo xuất thế, cúng dường hầu hạ tất cả Pháp sư, hiểu rõ các pháp ghi nhớ chẳng quên, tu hành đại nguyện đều khiến đầy đủ”.

3. Đẳng Nhưt thiết Phật hồi hướng:

“Đại Bồ Tát này tùy thuận tu học đạo hồi hướng của tam thế Chư Phật.

Lúc tu học đạo hồi hướng như vậy, Bồ Tát này thấy tất cả lục trần : sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp hoặc tốt hoặc xấu, chẳng sanh lòng ưa hay ghét, tâm được tự tại, không lỗi lầm, rộng lớn thanh tịnh, hoan hỷ vui thích, lìa những ưu não, tâm ý như nhuyển các căn thanh lương.

Lúc đại Bồ Tát được An Lạc như vậy, phát âm hồi hướng Chư Phật”

4. Chí Nhưt thiết xứ hồi hướng:

“Đại Bồ Tát này lúc tu tập tất cả thiện căn tự nghĩ rằng : Nguyện năng lực của thiện căn công đức này đến tất cả chỗ. Ví như không chỗ nào là chẳng đến: đến tất cả thế gian, đến tất cả chúng sanh, đến tất cả quốc độ ...

Nguyện thiện căn này cũng như vậy, đến khắp mọi chỗ của tất cả Như Lai, cúng dường tất cả Chư Phật trong ba thời, Chư Phật quá khứ nguyện hạnh đều viên mãn, Chư Phật vị lai đầy đủ sự trang nghiêm, chư Phật hiện tại cùng quốc độ đạo tràng chúng hội cùng khắp tất cả hư không pháp giới.

Nguyện do tín giải oai lực lớn, do trí huệ rộng lớn không chướng ngại, do tất cả thiện căn đều hồi hướng, nên dùng những đồ cúng dường như của Chư Thiên để dâng lên Chư Phật, khắp vô lượng vô biên thế giới”.

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng:

“Đại Bồ Tát này đem thiện căn do sám trừ những nghiệp chướng nặng mà phát sanh, thiện căn do lễ kính tam thế Chư Phật mà phát sanh, thiện căn do khuyến thỉnh Chư Phật thuyết pháp mà phát sanh, thiện căn do nghe Phật thuyết pháp siêng năng tu tập ngũ cảnh giới rộng lớn bất tư nghi mà phát sanh, thiện căn do lòng tùy hỷ những căn lành của tất cả Phật, của tất cả chúng sanh mà phát sanh, thiện căn do siêng năng tu tập căn lành vô tận của tam thế Chư Phật mà phát sanh, thiện căn do lòng tùy hỷ trong khi biết những sự thành Phật thuyết pháp điều phục chúng sanh của tam thế Chư Phật mà phát sanh, tất cả do lòng tùy hỷ nơi sự phát tâm đến thành Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp trụ thế diệt tận của tam thế Chư Phật mà phát sanh...”

Vô lượng thiện căn quảng đại niệm cảnh giới của bất khả thuyết Chư Phật và cảnh giới của Bồ Tát nhân đến cảnh giới Bồ đề vô ngại, phạm chỗ chứa hạp, phạm chỗ tin hiểu, phạm chỗ tùy hỷ, phạm chỗ viên mãn, phạm chỗ thành tựu, phạm chỗ tu hành, phạm chỗ chứng được, phạm chỗ tri giác, phạm chỗ nhiếp trì, phạm chỗ tăng trưởng, tất cả thiện căn đều đem hồi hướng trang nghiêm tất cả Phật độ”.

6. Nhập nhưt thiết thiện căn hồi hướng:

“Bực Bồ Tát này hoặc làm Đế Vương ngự nơi đại quốc, có Oai Đức lớn danh chấn thiên hạ, phạm các oán địch đều quy thuận, hiệu lệnh ban ra đều dựa theo chánh pháp, cầm một cây lọng che mát mười phương, đi khắp cõi nước không bị trở ngại, đầu vấn lụa ly cấu, tự tại đối với các pháp, người thấy đều phục tùng. Chẳng cần đến hình phạt, chỉ dùng đức cảm hóa. Dùng pháp Tứ nhiếp, nhiếp các chúng sanh. Làm Chuyển Luân Vương châu cấp tất cả.

Đại Bồ Tát an trụ công đức tự tại như vậy. Có đông quyền thuộc chẳng ai làm trở ngại phá hoại được. Lìa khỏi lỗi lầm người thấy không nhàm, phước đức trang nghiêm tướng hảo viên mãn. Được thân na la diên kiên cố có đại lực không ai khuất phục được. Được nghiệp thanh tịnh lìa các nghiệp chướng. Tu hành đầy đủ tất cả bố thí hoặc thí thực phẩm, hoặc thí xe cộ, hoặc thí y phục, hoặc thí tràng hoa, các thứ hương, giường ghế, nhà cửa, đèn đuốc, thuốc men, những khí cụ báu, ngựa giỏi, voi hay đều hoan hỷ bố thí. Hoặc có kẻ đến xin ghế của vua ngự, hoặc xin lọng, phan, vật báu, đồ trang nghiêm, mào vua, minh châu, cả đến ngôi vua cũng sẵn sàng bố thí không hối tiếc.

Lúc đại Bồ Tát bố thí như vậy, phát tâm nhiếp thọ đều đem hồi hướng cả” (Hồi hướng chư Phật và chúng sanh)

7. Bình đẳng tùy thuận nhưt thiết chúng sanh hồi hướng:

“Đại Bồ Tát tùy theo tất cả căn lành mà mình đã tích tập, như là : Căn lành nhỏ, căn lành lớn, căn lành rộng, căn lành nhiều, vô lượng căn lành, các loại căn lành, vi trần số căn lành, vô số căn lành, vô biên căn lành, bất khả tư căn lành, bất khả lượng căn lành, Phật cảnh giới căn lành, Pháp cảnh giới căn lành, Tăng cảnh giới căn lành, thiện tri thức cảnh giới căn lành, tất cả chúng sanh cảnh giới căn lành,

phương tiện thiện xảo cảnh giới căn lành, tu các thiện căn cảnh giới căn lành, nội cảnh giới căn lành, ngoại cảnh giới căn lành, vô biên pháp trợ đạo cảnh giới căn lành, căn lành siêng tu tất cả xả thí căn lành quyết chí rốt ráo trừ tịnh giới, căn lành tất cả hạnh xả thí đều kham chịu khổ, căn lành tâm thường tinh tấn không thối chuyển, căn lành dùng phương tiện lớn nhập vô lượng tam muội, căn lành dùng trí huệ khéo quán sát, căn lành biết tâm hành sai khác của tất cả chúng sanh, căn lành chứa nhóm vô biên công đức, căn lành siêng tu tập hạnh Bồ Tát, căn lành khắp bao trùm nuôi nấng tất cả thế gian”. Bồ Tát này nuôi lớn tất cả gốc lành kể trên để hồi hướng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

8. Chơn như tướng hồi hướng:

“Đại Bồ tát này chánh niệm rõ ràng, tâm vững chắc, xa rời mê lầm, chuyên tâm tu hành, thâm tâm chẳng lay động, thành nghiệp chẳng hư hoại, thẳng đến Nhất thiết trí trọn không thối chuyển, chí cầu Đại thừa, dũng mãnh vô úy, trồng các cội lành, an ổn khắp thế gian sanh căn lành tối thắng, tu pháp lành thanh tịnh, thêm lớn đức đại bi, thành tựu tâm bồ, thường niệm Chư Phật, hộ trì chánh pháp, tin chắc đạo Bồ Tát, thành tựu vô lượng thiện căn vi diệu thanh tịnh, siêng tu tập tất cả công đức trí huệ, là Điều Ngự Sư sanh những pháp lành, dùng trí phương tiện đem hồi hướng”.

9. Vô trước vô phược giải thoát hồi hướng:

“Đại Bồ tát này sanh lòng tôn trọng đối với tất cả thiện căn, như là :

Lòng tôn trọng với sự thoát khỏi sanh tử. Lòng tôn trọng với sự nhiếp thủ tất cả căn lành. Lòng tôn trọng với sự mong cầu tất cả căn lành. Lòng tôn trọng với sự ăn năn tội lỗi. Lòng tôn trọng với sự tùy hỷ căn lành. Lòng tôn trọng với sự lễ kính Chư Phật. Lòng tôn trọng với sự chấp tay cung kính. Lòng tôn trọng với sự đánh lễ tháp miếu. Lòng tôn trọng với sự khuyến thỉnh Đức Phật thuyết pháp. Với những thiện căn như vậy, Bồ Tát đều tôn trọng tùy thuận bằng lòng.

Đại Bồ Tát đem các căn lành hồi hướng như vậy:

Dùng tâm vô trước vô phược giải thoát để thành tựu thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của Phổ Hiền. Cũng dùng tâm này để phát khởi hạnh tinh tấn rộng lớn của Phổ Hiền, để đầy đủ môn đà la ni âm thanh vô ngại của Phổ Hiền, âm thanh này vang lớn khắp đến mười phương, cũng để đầy đủ môn đà la ni thấy tất cả Phật của Phổ Hiền, thường thấy tất cả Chư Phật ở mười phương”.

10. Đăng pháp giới vô lượng hồi hướng:

“Đại Bồ tát này lấy lụa vô cấu để bịt đầu mình, trụ ngôi Pháp Sư rộng thật hành pháp thí, khởi lòng đại từ đại bi an lập chúng sanh nơi tâm Bồ đề, thường làm việc lợi ích không hề thôi nghỉ. Dùng tâm Bồ đề để nuôi căn lành. Làm đức thầy Điều ngự cho tất cả chúng sanh, dạy đạo Nhất thiết trí. Làm mặt trời pháp cho tất cả chúng sanh, dùng ánh sáng căn lành soi khắp tất cả. Tâm Bồ Tát luôn Bồ đề đối với chúng sanh, tu các hạnh lành không hề thôi dứt. Tâm Bồ Tát thanh tịnh trí huệ tự tại, chẳng bỏ tất cả tất cả thiện căn đạo nghiệp. Làm thượng chủ đại trí cho tất

cả chúng sanh, dắt dẫn họ vào nơi đạo chơn chánh an ổn. Bồ Tát làm hướng đạo cho chúng sanh khiến họ tu tập tất cả pháp lành. Bồ Tát làm thiện hữu vãng vàng bất hoại cho tất cả chúng sanh, khiến thiện căn của họ được tăng trưởng thành tựu.

Chư Phật tử ! Bực đại Bồ tát này lấy pháp thí làm đầu, phát sanh tất cả pháp lành thanh tịnh, nhiếp thọ xu hướng tâm Nhứt thiết trí, nguyện lực thù thắng rốt ráo kiên cố càng thêm thành tựu, đủ oai đức lớn, nương thiện tri thức, lòng không dua dối, tư duy quan sát môn Nhứt thiết trí vô biên cảnh giới.

Đem thiện căn này hồi hướng như vậy :

Nguyện được tu tập thành tựu thêm lớn tất cả cảnh giới rộng lớn vô ngại. Nguyện được ở trong chánh giáo của Phật nghe và thọ trì diễn thuyết nhân đến một câu một kệ. Nguyện ghi nhớ được tam thế tất cả Chư Phật trong vô lượng vô biên tất cả thế giới đồng với pháp giới, đã ghi nhớ rồi liền tu hạnh Bồ Tát. Lại nguyện dùng thiện căn niệm Phật này vì một chúng sanh nơi một thế giới mà tu hạnh Bồ Tát suốt kiếp vị lai”.

Hồi hướng, đó tựa như đại nguyện của Bồ Tát: Tất cả những căn lành tích tụ được từ quá khứ, hiện tại và cả vị lai – Bồ Tát hoặc: a. Bồ đề hồi hướng: *Đem tất cả thiện pháp mà mình tu hành để hướng cầu Bồ đề.* ; hoặc: b. Chúng sinh hồi hướng: *Vì thương chúng sinh nên nguyện đem tất cả pháp lành mà mình tu được để ban cho họ.* ; hoặc: c. Thực tế hồi hướng: *Đem thiện căn của mình hồi hướng để cầu pháp tính bình đẳng như thực.*

Đây là phẩm có lẽ dài nhất trong tất cả các phẩm thuộc bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” – hơn 70.000 từ.

Trong phẩm này, Kim Cang Tràng Bồ Tát đã chỉ ra cách thức hồi hướng vô cùng chi tiết và cụ thể – không thể nêu ra hết ở một bài viết mang tính chú giải (bài này đã cố rút gọn nhưng cũng trên 3.700 từ) – vì vậy, nhất thiết người đọc phải tìm ở tác phẩm kinh để nhằm hiểu rõ căn kẽ hơn về phẩm quan trọng này.

Lời người thực hiện: “Tất cả mọi công đức có được từ website này, nguyện hồi hướng cúng dường mười phương chư Phật” (P.T.C).

Phẩm thứ hai mươi sáu: Thập Địa

Bấy giờ đức Thế Tôn ngự ở điện Ma Ni Bửu Tạng trong cung của Tha Hoá Tự Tại Thiên Vương và tại đây đã có cuộc hội ngộ hết sức đông đảo: *đến vô lượng, vô biên bất khả thuyết đại Bồ Tát*. Đó là những vị đại Bồ Tát mà: *Thân các Ngài hiện khắp thế gian. Tiếng các Ngài khắp mười phương pháp giới. Tâm trí các Ngài vô ngại thấy khắp tam thế tất cả Bồ Tát. Các Ngài đều đã tu hành viên mãn tất cả công đức*. Có thể kể ra một số tên như:

Kim Cang Tạng Bồ Tát, Bửu Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Đức Tạng Bồ Tát, Nhật Tạng Bồ Tát, Tô Lợi Gia Tạng Bồ Tát, Vô Cấu Nguyệt Tạng Bồ Tát, Phổ Hiện Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Tỳ Lô Giá Na Trí Tạng Bồ Tát, Diệu Đức Tạng Bồ Tát, Chiên Đàn Đức Tạng Bồ Tát, Hoa Đức Tạng Bồ Tát ... Trong số ấy, *Kim Cang tạng Bồ Tát là thượng thủ (dẫn đầu)*.

Và, trong cuộc hội ngộ này, Kim Cang tạng Bồ Tát thuyết giảng về Thập địa:

“Chư Phật tử ! Những gì là trí địa của đại Bồ Tát ?

Đây là mười trí địa :

Một là hồi hướng địa. Hai là Ly Cấu địa. Ba là Phát Quang địa. Bốn là Diệm Huệ địa. Năm là Nan Thắng địa. Sáu là hiện Tiền địa. Bảy là Viên Hành địa. Tám là Bất Động địa. Chín là Thiện Huệ địa. Mười là Pháp Vân địa”.

Trước khi trình bày thuyết giảng của Kim Cang tạng Bồ Tát, hãy xem tóm lược về nghĩa “Thập địa” trong từ điển:

“Vị Bồ Tát tu tập lần lượt chứng đủ 10 địa vị từ thấp đến cao gọi là Thập địa :

1. *Hoan hỷ địa: Đạt địa vị này, Bồ Tát hoan hỷ trên đường tu học, phát tâm cứu độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi luân hồi, không còn nghĩ đến bản thân mình nữa. Bồ Tát vì thế thực hiện hạnh bố thí không cầu phước đức, chứng được thực tính vô ngã của tất cả các pháp.*

2. *Ly cấu địa: Đạt địa vị này, Bồ Tát nghiêm trì giới luật và thực hành thiền định.*

3. *Phát quang địa: Đạt địa vị này, Bồ Tát chứng được luật vô thường, tu trì tâm mình, thực hành nhẫn nhục khi gặp chướng ngại trên đường hóa độ chúng sanh. Ở địa vị này, Bồ Tát trừ được ba độc là tham, sân, si và được bốn cấp định an chỉ của bốn xứ, chứng đạt năm phần trong lục thông.*

4. *Diệm huệ địa: Đạt địa vị này, Bồ Tát trừ dứt mọi quan niệm sai lầm, tu tập trí huệ và 37 pháp Bồ-đề phần , cũng gọi là 37 phẩm trợ đạo.*

5. *Cực nan thắng địa: Đạt địa vị này, Bồ Tát nhập định, đạt được trí huệ, từ đó liễu ngộ được pháp Tứ diệu đế và chân như, diệt hết các mối nghi ngờ và phân biệt, lại tiếp tục hành trì 37 giác chi.*

6. *Hiện tiền địa*: Đạt địa vị này, Bồ Tát liễu ngộ tất cả pháp là vô ngã, chứng được lý mười hai nhân duyên và chuyển hóa trí phân biệt thành trí bát-nhã, nhận thức được tánh không. Bồ Tát ở địa vị này đã đạt trí huệ Bồ-đề. Bồ Tát nhờ đó có thể nhập Niết-bàn thường trụ vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mà trụ lại thế gian, nhưng không bị sanh tử ràng buộc. Cảnh giới này gọi là Niết-bàn vô trụ.

7. *Viễn hành địa* : Đạt địa vị này, Bồ Tát có đầy đủ mọi khả năng, phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Ở địa vị này, Bồ Tát có thể tùy nguyện lực hóa thân ở bất kỳ hình tướng nào.

8. *Bất động địa* : Đạt địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, và biết chắc khi nào mình sẽ đạt quả vị Phật.

9. *Thiện huệ địa* : Đạt địa vị này, Bồ Tát đạt trí huệ viên mãn, có đủ Thập lực, lục thông, bốn tự tín và tám giải thoát, thông đạt mọi giáo pháp và giảng dạy cho chúng sanh.

10. *Pháp vân địa* : Đạt địa vị này, Bồ Tát chứng đạt nhất thiết trí, đại hạnh. Ở địa vị này, Bồ Tát có Pháp thân viên mãn, ngự trên tòa sen với vô số Bồ Tát chung quanh trên cung trời Đâu-suất. Quả vị Phật lúc này đã được chư Phật ấn chứng. Kinh điển có nói đến các vị Bồ Tát đã đạt đến địa vị này là Bồ Tát Di-lặc, Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi” (Từ điển Phật Quang).

Xin trở lại kinh: Phải hết chú ý là: Ngay sau khi Kim Cang tạng Bồ Tát giới thiệu xong mười địa vị của một Bồ Tát, ngài im lặng. Những người có mặt lúc ấy gạn hỏi mãi Kim Cang tạng Bồ Tát mới trả lời:

“*Hạnh địa của Bồ Tát
Gốc tối thượng của Phật
Giải thích nói rõ ràng
Hy hữu khó thứ nhất.*

*Vi tế khó thấy được
Ly niệm siêu tâm địa
Phát sanh cảnh giới Phật
Người nghe sẽ mê lầm”.*

Ai là người xác định địa vị này của Bồ Tát ? Cho dù có những tiêu chí cụ thể đã được đặt ra, thì địa vị ấy được xác định như thế nào ? Rất khó !

Như đã trình bày trong phần Tâm và Tâm linh: nói đến địa vị một bồ tát là nói đến *chất* của Bồ Tát, tức đề cập đến cấu trúc tâm linh phần tâm. Cấu trúc tâm linh phần tâm – đó là tập hợp (khối) ánh sáng vi tế. Khối ánh sáng vi tế này, theo Kim Cang tạng Bồ Tát thì:

“*Vi tế khó thấy được
Ly niệm siêu tâm địa
Phát sanh cảnh giới Phật*

Người nghe sẽ mê lầm”.

Cho nên, khi đề cập đến địa vị (vị trí) của một Bồ Tát – đó là cả một vấn đề hết sức “tế nhị” và khó khăn.

Mãi, cho đến lúc phải có sự gia hộ của đức Thế Tôn, Kim Cang tạng Bồ Tát mới có thể thuyết giảng về vấn đề này:

Sơ địa, Hoan Hỷ Địa:

“Chư Phật tử ! Nếu có chúng sanh trông sâu căn lành, khéo tu tập những hạnh trợ đạo, hay cúng dường Chư Phật, làm thiện tri thức, khéo chứa nhóm những pháp trắng trong, giỏi nhiếp và khéo làm thanh tịnh tâm, lập chí quảng đại phát sanh trí biết rộng lớn, lòng từ bi luôn hiện tiền ...

Này Phật tử ! Bồ Tát mới bắt đầu phát tâm Bồ Đề liền được vượt khỏi hạng phàm phu mà vào ngôi Bồ Tát, sanh vào nhà Như Lai... rời loài thế gian mà vào đạo xuất thế, được pháp Bồ Tát, ở chỗ Bồ Tát, nhập tam thế bình đẳng, ở trong chúng tánh Như Lai quyết định sẽ thành Vô Thượng Giác.

Bồ Tát an trụ những pháp như vậy gọi là trụ bực “Bồ Tát Hoan Hỷ Địa”, vì đã tương ưng với chơn như bất động”.

Thứ hai, Ly Cấu Địa:

“Thưa Phật Tử ! Đại Bồ Tát đã tu Sơ địa muốn vào đệ nhị địa thời phải phát khởi mười thứ tâm tâm.

Đây là mười thứ tâm tâm :

Tâm chánh trực, tâm nhu nhuyễn, tâm kham năng, tâm điều phục, tâm tịch tịnh, tâm thuần thiện, tâm chẳng tạp, tâm không cố luyến, tâm rộng, tâm lớn.

Bồ Tát dùng mười tâm này thời được vào bực Ly Cấu Địa thứ hai”.

Thứ Ba: Một là hồi hướng địa. Hai là Ly Cấu địa. Ba là Phát Quang địa. Bốn là Diệm Huệ địa. Năm là Nan Thắng địa. Sáu là hiện Tiền địa. Bảy là Viễn Hành địa. Tám là Bất Động địa. Chín là Thiện Huệ địa. Mười là Pháp Vân địa”.

Thứ ba, Phát Quang địa:

“Thưa Phật tử ! Đại Bồ Tát đã thanh tịnh đệ Nhị địa muốn vào đệ Tam địa, phải phát khởi mười tâm tâm”.

Đây là mười tâm tâm :

Tâm thanh tịnh, tâm an trụ, tâm nhàm bỏ, tâm lìa tham, tâm bất thối, tâm kiên cố, tâm minh thạnh, tâm dũng mãnh, tâm rộng, tâm lớn. Bồ Tát do mười tâm này mà được vào đệ Tam địa.

Chư Phật tử ! Đại Bồ tát đã an trụ nơi đệ Tam địa quán sát tất cả pháp hữu vi đúng với tướng chơn thật của nó.

Chính là : Vô thường, khổ, bất tịnh, chẳng an ổn, bại hoại, chẳng ở lâu, sát na sanh diệt, chẳng phải từ thuở trước sanh, cũng chẳng phải theo thuở sau diệt, và chẳng phải trụ ở hiện tại.

Bồ Tát lại quan sát những pháp này không được cứu, không chỗ tựa, mà đồng ở với lo, buồn, khổ, não, ràng buộc bởi yêu ghét, sâu thẳm càng nhiều không hề dừng, tham, sân, si hãy hừng chằng hề dứt, những họa hoạn vẫn vít ngày đêm thêm lớn, toàn là như huyền hóa không thiệt.

Bồ Tát quan sát thấy như thế rồi, đối với pháp hữu vi càng thêm nhàm lìa mà hướng đến Phật trí huệ. Thấy Phật trí chẳng thể nghĩ bàn, vô đẳng vô lượng khó được, không tạp, không não, không lo, đến thành trì vô úy không còn lui lại, có thể cứu thoát vô lượng chúng sanh khổ nạn.

Bồ Tát thấy Phật trí vô lượng lợi ích, thấy tất cả pháp hữu vi vô lượng tội lỗi, thời đối với tất cả chúng sanh phát sanh mười tâm xót thương.

Đây là mười tâm xót thương :

Thấy chúng sanh cô độc không chỗ tựa nương mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh nghèo cùng khốn thiếu mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh bị lửa tam độc đốt cháy mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh bị lao tù mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh bị rừng rậm phiền não luôn che chướng mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh chẳng khéo quan sát mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh không thích muốn pháp lành mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh bỏ mất Phật pháp mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh theo dòng sanh tử mà sanh lòng thương. Thấy chúng sanh mất phương tiện giải thoát mà sanh lòng thương”.

Bồ Tát trụ bực Phát Quang Địa

Quán thấy hữu vi : khổ, vô thường

Bất tịnh, bại hoại mau tan diệt

Không bền, không dừng, không qua lại.

Xem pháp hữu vi như bệnh nặng

Buộc ràng bởi ưu bi, khổ não

Lửa mạnh tam độc hằng cháy hực

Từ vô thủy đến nay chẳng dứt

Thứ Tư, Diệm Huệ Địa:

“Thưa Phật tử ! Đại Bồ Tát từ Đệ tam Phát Quang Địa đã khéo thanh tịnh, muốn vào Đệ tứ Diệm Huệ Địa, phải tu hành mười pháp minh môn.

Đây là mười pháp :

Quán sát chúng sanh giới, quán sát pháp giới, quán sát thế giới, quán sát hư không giới, quán sát thức giới, quán sát dục giới, quán sát sắc giới, quán sát vô sắc giới, quán sát quảng tâm tín giải giới, quán sát đại tâm tín giải giới, Bồ Tát do mười pháp minh môn này mà được vào Đệ tứ Diệm Huệ Địa”.

Thứ Năm, Nan Thắng Địa:

“Thưa Phật tử ! Đại Bồ Tát đệ tử Diệm Huệ Địa công hạnh đã khéo viên mãn muốn vào đệ ngũ Nan Thắng Địa, phải dùng mười thứ tâm bình đẳng thanh tịnh.

Đây là mười tâm :

Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp quá khứ, tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp vị lai, tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp hiện tại, tâm bình đẳng thanh tịnh đối với giới, tâm bình đẳng thanh tịnh đối với tâm, tâm bình đẳng thanh tịnh dứt trừ kiến nghi hối, tâm bình đẳng thanh tịnh nơi trí đạo phi đạo, tâm bình đẳng thanh tịnh tu hành tri kiến, tâm bình đẳng thanh tịnh nơi thượng thượng quán sát tất cả pháp Bồ đề phân, tâm bình đẳng thanh tịnh giáo hóa tất cả chúng sanh.

Đại bồ tát dùng mười tâm bình đẳng thanh tịnh này mà được vào bậc đệ ngũ nan thắng địa” .

Thứ sáu, Hiện Tiền địa :

“Thưa Phật tử ! đại Bồ Tát đã đủ đệ ngũ địa muốn vào đệ lục hiện tiền địa phải quán sát mười pháp bình đẳng

Đây là mười pháp :

Tất cả pháp vì vô tướng nên bình đẳng vì vô thể nên bình đẳng , vì vô sanh nên bình đẳng, vì vô diệt nên bình đẳng , vì bốn lai thanh tịnh nên bình đẳng , vì không hý luận nên bình đẳng, vì không thủ xả nên bình đẳng, vì tịch tịnh nên bình đẳng. Vì như huyễn, như mộng, như bóng, như vang, như trăng trong nước, như tượng trong gương , như dương diệm, như biến hoá nên bình đẳng , vì có không bất nhị nên bình đẳng .

Bồ Tát quán sát các pháp như vậy , tự tánh thanh tịnh , tùy thuận không trái được vào đệ lục hiện tiền địa , được minh lợi tùy thuận nhân, chưa được vô sanh pháp nhân” .

Thứ bảy, Viễn Hành địa:

“Thưa Phật tử ! đại Bồ Tát đã tròn đủ công hạnh của đệ lục địa muốn vào đệ thất viễn hành địa, phải tu mười môn phương tiện huệ phát khởi đạo thù thắng .

Đây là mười đạo thù thắng :

Dầu khéo tu không, vô tướng, vô nguyện tam muội mà từ bi chẳng bỏ chúng sanh .Dầu được pháp bình đẳng của chư Phật mà thích thường cúng dường Phật. Dầu nhập môn quán không trí mà siêng chứa phước đức .Dầu xa rời tam giới mà trang nghiêm tam giới . Dầu rót ráo dập tắt ngọn lửa phiền não mà có thể vì tất cả chúng sanh khởi hạnh diệt tắt ngọn lửa phiền não tham, sân, si. Dầu biết các pháp như huyễn, như mộng, như bóng, như vang, như dương diệm, như biến hóa, như trăng dưới nước, như tượng trong gương, tự tánh bất nhị, mà tùy tâm tác động vô lượng sai khác. Dầu biết tất cả quốc độ dường như hư không mà hay dùng diệu hạnh thanh tịnh trang nghiêm Phật độ . Dầu biết pháp thân của Chư Phật bốn tánh không thân mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân mình . Dầu biết âm thanh của chư Phật tánh không tịch diệt chẳng thể ngôn thuyết, mà có thể tùy tất cả chúng

sanh phát ra các thứ âm thanh thanh tịnh sai khác. Dầu tùy Chư Phật rõ biết tam thể chỉ là nhứt niệm, mà tùy ý giải sai biệt của chúng sanh, dùng các loại tướng, các thứ thời gian, các thứ kiếp số để tu tập công hạnh.

Bồ Tát dùng môn Phương tiện huệ phát khởi hạnh thù thắng này, từ đệ lục hiện tiền địa vào đệ thất viên hành địa”.

Thứ tám, Bất Động địa:

“Thưa Phật tử ! đại Bồ Tát ở trong thất viên hành địa, khéo tu tập phương tiện huệ, khéo thanh tịnh các đạo, khéo tu tập pháp trợ đạo, do đại nguyện lực nhiếp trì, được Phật lực gia hộ, tự thiện lực giữ gìn, thường tưởng nhớ, lực, vô úy, bất cộng của Như Lai, khéo thanh tịnh tâm tâm tự giác, có thể thành tựu phước đức trí huệ, đại từ đại bi chẳng bỏ chúng sanh, vào vô lượng trí đạo, vào tất cả pháp bốn lai vô sanh, vô khởi, vô tướng, vô thành, vô hoại, vô chuyển, vô tánh, lay đây làm tánh ba thuở sơ, trung, hậu thấy đều bình đẳng vô phân biệt, là chỗ nhập của như như trí, là tất cả tướng phân biệt tâm ý thức, không chỗ chấp lấy dường như hư không, vào tất cả pháp như tánh hư không, đây gọi là được vô sanh pháp nhẫn. Chư Phật tử ! Bồ tát thành tựu nhẫn này liền được nhập đệ bát bất động địa.

Bực này là thâm hạnh Bồ Tát, khó biết được, vô sai biệt. Là tất cả tướng, tất cả tướng, tất cả chấp trước. Vô lượng vô biên tất cả thanh văn, bích chi Phật không thể kịp được”.

Thứ chín, Thiện Huệ địa:

“Thưa Phật tử ! đại Bồ Tát dùng vô lượng trí như vậy tư duy quán sát muốn cầu tịch diệt giải thoát hơn, liền tu tập Như Lai huệ : nhập các môn đà la ni tam muội Như Lai bí mật pháp quán sát bất tư nghi đại trí tánh thanh tịnh .

Có đủ thần thông quảng đại vào thế giới sai biệt, tu tập thập lực, vô úy, bất cộng. Theo Chư Phật chuyển pháp luân. Chẳng bỏ đại bi bốn nguyện lực. Được nhập Bồ Tát đệ cửu thiện huệ địa”.

Thứ mười, Pháp Vân địa:

“Thưa Phật tử ! Đại Bồ Tát từ Sơ Địa đến Đệ Cửu Địa dùng vô lượng trí huệ quán sát giác liễu như vậy rồi, khéo tư duy tu tập, khéo đầy đủ thiện pháp, nhóm vô biên pháp trợ đạo, thêm lớn đại phước đức trí huệ, rộng thi hành đại bi, biết thế giới sai biệt, vào rừng rậm chúng sanh giới, nhập cảnh giới Như Lai, tùy thuận hạnh tịch diệt của Như Lai, thường quán sát trí lực, vô úy, bất cộng pháp của Như Lai, gọi là được như thiết chủng trí thọ chức vị.

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí huệ như vậy nhập bực Thọ Chức Địa rồi liền được ly cầu tam muội, nhập pháp giới sai biệt tam muội, trang nghiêm đạo tràng tam muội, như thiết chủng hoa quang tam muội, hải tạng tam muội, hải ấn tam muội, hư không giới quảng đại tam muội, quán như thiết pháp tự tánh tam muội, tri như thiết chủng sanh tâm hành tam muội, như thiết Phật giai hiện tiền tam muội, trăm vạn vô số tam muội như vậy đều hiện tiền. Bồ Tát này ở nơi các môn tam muội trên đây hoặc nhập, hoặc xuất đều được thiện xảo. Cũng khéo rõ biết tất

cả tam muội việc làm sai biệt. Tam muội tối hậu tên là thọ nhứt thiết trí thắng chức vị.

Lúc tam muội này hiện tiền, bỗng nhiên xuất sanh đại bửu liên hoa. Liên hoa này rộng lớn bằng trăm vạn Đại Thiên thế giới, trang nghiêm với các thứ diệu bửu, vượt hơn tất cả cảnh giới thế gian, do thiện căn xuất thế sanh khởi, do những hạnh biết các pháp như huyễn tánh làm thành, thường phóng quang minh chiếu khắp pháp giới, các cõi trời chẳng có được ...”

Đây là cũng là một trong những phẩm trọng tâm của bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Phẩm này dài gần 50.000 từ. Những gì Kim Cang tạng Bồ Tát thuyết giảng là mạch lạc, thấu suốt. Với tất cả Bồ Tát xuất gia hay tu tại gia đều nên đọc kỹ phẩm này (xem mục “Tác phẩm kinh”).

Phẩm thứ hai mươi bảy: Thập Định

“Bảy giờ đức Thế-Tôn ở trong đạo-tràng Bồ-Đề tại nước Ma-Kiệt-Đề vừa thành bực chánh-giác, nơi điện Phổ-Quang-Minh nhập tam-muội tên Sát-Na-Tế-Chư-Phật, dùng sức nhưt-thiết-trí-tự-thần-thông hiện thân Như-Lai thanh-tịnh vô-ngại không chổ y-tựa, không chổ nhiễm trước, có thể làm cho người thấy đều được khai-ngộ”.

“Cùng với mười phật-sát vi-trần-số đại Bồ-Tát câu-hội” (hội ngộ, nhóm họp).

Danh tánh có thể nêu qua như sau:

“Kim-Cang-Huệ Bồ-Tát, Vô-Đẳng-Huệ Bồ-Tát, Nghĩa-Ngữ-Huệ Bồ-Tát, Tối-Thắng-Huệ Bồ-Tát, Thường-Xả-Huệ Bồ-Tát, Na-Dà-Huệ Bồ-Tát, Thành-Tựu-Huệ Bồ-Tát, Điều-Thuận-Huệ Bồ-Tát, Đại-Lực-Huệ Bồ-Tát, Nan-Tư-Huệ Bồ-Tát, Vô-Ngại-Huệ Bồ-Tát, Tăng-Thượng-Huệ Bồ-Tát, Phổ-Cúng-Huệ Bồ-Tát, Như-Lý-Huệ Bồ-Tát, Thiện-Xảo-Huệ Bồ-Tát, Pháp-Tự-Tại-Huệ Bồ-Tát, Pháp-Huệ Bồ-Tát, Tịch-Tịnh-Huệ Bồ-Tát, Hư-Không-Huệ Bồ-Tát, Nhưt-Tướng-Huệ Bồ-Tát, Thiện-Huệ Bồ-Tát v.v...”

“Mười phật-sát vi-trần-số đại Bồ-Tát như vậy, thuở xưa đều cùng với đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai đồng tu những thiện-căn-hạnh của Bồ-Tát”.

Trong phẩm này, Phổ Hiền Bồ Tát thuyết giảng về Thập định:

“Đây là mười định: một là phổ-quang đại tam-muội, hai là diệu-quang đại tam-muội, ba là thứ-đệ-biến-vãng-chư-Phật-quốc-độ đại tam-muội, bốn là thanh-tịnh-thâm-tâm-hành đại tam-muội, năm là tri-quá-khứ-trang-nghiêm-tạng đại tam-muội, sáu là trí-quang-minh-tạng đại tam-muội, bảy là nhiều-tri-nhứt-thiết-thế-giới Phật trang-nghiêm đại tam-muội, tám là chúng-sanh sai-biệt-thân đại tam-muội, chín là pháp-giới tự-tại đại tam-muội, mười là vô-ngại-luân đại tam-muội”.

Trước hết hãy xem tóm lược nghĩa Thập định qua từ điển Phật học:

“Thập định, cũng gọi Thập đại tam muội, Thập tam muội. Đại tam muội biểu thị thiền định hạnh nguyện viên mãn gọi là Pháp giới định. Tức nói về thiền định sâu xa, diệu dụng vô tận của bồ tát Phổ hiền. Theo kinh Hoa nghiêm quyển 40 (bản dịch mới), đức Như lai bảo bồ tát Phổ hiền: hãy vì bồ tát Phổ nhĩn và các chúng Bồ tát hiện diện trong Pháp hội mà nói cho các vị ấy nghe 10 môn Tam muội để giúp họ thiện nhập và thành tựu tất cả hạnh nguyện Phổ hiền. Đó là:

1. Phổ quang đại tam muội: Nghiệp dụng của thân tâm tràn khắp, bao trùm tất cả gọi là Phổ, trí chiếu tự tại gọi là Quang.

2. *Diệu quang đại tam muội: Lực dụng thù thắng ánh hiện giao nhau, gọi là Diệu; trí thân chiếu khắp gọi là Quang.*
3. *Thứ đệ biến vãng chư Phật quốc độ thân thông đại tam muội: Đến khắp các cõi nước ở mười phương mà nhập định, gọi là Biến vãng; đi đến không tạp loạn, phân minh rõ ràng, gọi là Thứ đệ; khởi lên lực dụng gọi là Thân thông. Vì trí dụng như lí vốn tự trùm khắp.*
4. *Thanh tịnh thâm tâm hành đại tam muội: Thấu suốt các pháp vốn tự thanh tịnh, lìa mọi nhớ tưởng, thâm tâm khế hợp với lí, nương vào đó mà khởi dụng, cúng dường hết thầy chư Phật, cung thỉnh thuyết pháp, gọi là Hành.*
5. *Tri quá khứ trang nghiêm đại tam muội (cũng gọi Quá khứ thanh tịnh tạng): Phật đã trải qua các việc như kiếp(thời gian) và sát(không gian) gọi là trang nghiêm; trong quá khứ bao hàm các việc trang nghiêm vô tận này, gọi là Tạng. Nhập định thường nhập kiếp số, 1 niệm cũng không duyên theo; xuất định thường thụ pháp, tam luân(3 nghiệp thân, khẩu, ý của Phật) không đả trước, đều gọi là Thanh tịnh. Tức biết rõ thứ tự xuất hiện, số kiếp, cõi nước, độ sinh và thọ mệnh của chư Phật quá khứ.*
6. *Trí quang minh tạng tam muội: Trong tạng vị lai bao hàm chư Phật và Phật pháp, gọi là Tạng; trí tuệ chiếu suốt gọi là Quang minh. Tức biết rõ chư Phật đã nói pháp và chưa nói pháp trong kiếp vị lai.*
7. *Liễu tri nhất thiết thế giới Phật trang nghiêm đại tam muội: Tác dụng của chư Phật hiện tại và thân tướng của chúng hội làm lợi ích chúng sinh, gọi là Trang nghiêm; trùm khắp 10 phương nên gọi là Nhất thiết. Tức có năng lực đi vào khắp các thế giới trong 10 phương để thấy sự giáo hóa trang nghiêm của tất cả chư Phật.*
8. *Chúng sinh sai biệt thân tam muội: Ở trong và ngoài thân chúng sinh sai biệt, nhập định, xuất định đều tự tại, tuy thông 3 thứ thế gian, nhưng theo số nhiều mà gọi là chúng sinh, các định trước sau đều gọi theo số nhiều.*
9. *Pháp giới tự tại đại tam muội: Đối với 18 giới (6 căn, 6 cảnh, 6 thức) tự tại ra vào, lại biết ngần mé của sự pháp giới và lí pháp giới tự tại vô ngại.*
10. *Vô ngại luân đại tam muội: Ba luân (thân, khẩu, ý) nhiếp hóa đều tự tại, lại được mười vô ngại của quả Phật viên mãn, cho nên vô tận đại dụng mỗi mỗi đều vô ngại, đều viên mãn và đều có thể hàng phục tất cả, vì thế không có mé trước sau. Tức trụ nơi cõi Phật 3 nghiệp (tam luân) vô ngại, thành tựu việc giáo hóa chúng sinh quay bánh xe pháp thanh tịnh, tiếp nối hạt giống chư Phật”. (Từ điển Phật Quang).*

1. Phổ quang đại tam muội:

“Phổ-Hiền Bồ-Tát thừa ý-chí của Như-Lai, quán sát Phổ-Nhãn và chúng Bồ-Tát mà nói rằng :

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát này có mười pháp-môn vô-tận.

Đây là mười : một là chư Phật xuất-hiện trí vô-tận, hai là chúng-sanh biến-hóa trí vô-tận, ba là thế-giới như ảnh trí vô-tận, bốn là thâm nhập pháp-giới trí vô-tận, năm là thiện nhiếp bồ-tát trí vô-tận, sáu là Bồ-Tát bất thối trí vô-tận, bảy là thiện quán nhứt-thiết pháp-ngĩa trí vô-tận, tám là thiện trì tâm-lực trí vô-tận, chín là trụ quảng đại bồ-đề tâm trí vô-tận, mười là trụ nhứt-thiết phật-pháp nhứt-thiết-trí nguyện-lực trí vô-tận.

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát này phát mười môn vô-biên-tâm.

Đây là mười : một là phát tâm vô-biên độ thoát tất cả chúng-sanh, hai là phát tâm vô-biên thừa sự tất cả chư Phật, ba là phát tâm vô-biên cúng-dường tất cả chư Phật, bốn là phát tâm vô-biên thấy khắp tất cả chư Phật, năm là phát tâm vô-biên thọ-trì tất cả phật-pháp chẳng quyên mất, sáu là phát tâm vô-biên thị-hiện vô-lượng thân-biến của tất cả chư Phật, bảy là phát tâm vô-biên vì được phật-lực nên chẳng bỏ tất cả bồ-đề hạnh, tám là phát tâm vô-biên nhập khắp cảnh-giới vi-tế của nhứt-thiết-trí diễn thuyết tất cả phật-pháp, chín là phát tâm vô-biên nhập khắp cảnh giới quảng đại bất-tư-nghì của Phật, mười là phát tâm vô-biên ham thích biện-tài của Phật và lãnh thọ các phật-pháp, thị-hiện những thân tự-tại vào trong chúng-hội đạo-tràng của tất cả Như-Lai, mười là phát tâm vô-biên ham thích biện-tài của Phật và lãnh thọ các phật-pháp, thị-hiện những thân tự-tại vào trong chúng-hội đạo-tràng của tất cả Như-Lai.

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát này có mười môn nhập tam-muội sai-biệt-trí.

Đây là mười : một là đông-phương nhập định tây-phương khởi, hai là tây-phương nhập định đông-phương khởi, ba là nam-phương nhập định bắc-phương khởi, bốn là bắc-phương nhập định đông-phương khởi, năm là đông-bắc-phương nhập định tây-nam-phương khởi, sáu là tây-nam-phương nhập định đông-bắc-phương khởi, bảy là tây-bắc-phương nhập định đông-nam-phương khởi, tám là đông-nam-phương nhập định tây-bắc-phương khởi, chín là hạ-phương nhập định thượng-phương khởi, mười là thượng-phương nhập định hạ-phương khởi.

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát này có mười môn trí thiện-xảo nhập đại tam-muội.

Đây là trí thiện-xảo nhập phổ-quang-minh đại tam-muội thứ nhứt của đại Bồ-Tát : Đại Bồ-Tát lấy Đại-Thiên thế-giới làm một liên-hoa, hiện thân ngòai kiết-già khắp trên liên-hoa này. Trong thân lại hiện đại-thiên thế-giới, trong đó có trăm ức tứ thiên-hạ, mỗi mỗi tứ thiên-hạ hiện trăm ức thân, mỗi mỗi thân nhập trăm ức trăm ức Đại-Thiên thế-giới. Nơi thế-giới này, mỗi mỗi tứ thiên-hạ hiện trăm ức Bồ-Tát tu hành. Mỗi mỗi Bồ-Tát tu hành phát sanh trăm ức trăm ức thắng-giải quyết-định. Mỗi mỗi quyết-định-giải làm cho trăm ức trăm ức căn-tánh viên-mãn. Mỗi mỗi căn-tánh thành-tựu trăm ức trăm ức pháp hạnh bất-thối của Bồ-Tát.

Những thân đã thị-hiện đây chẳng phải một, chẳng phải nhiều. Nhập định và xuất định không bị lâm loạn”.

2. Diệu quang đại tam muội:

“Đại Bồ-Tát này có thể nhập Đại-Thiên thế-giới vi-trần-số Đại-Thiên thế-giới. Nơi mỗi mỗi thế-giới hiện Đại-Thiên thế-giới vi-trần-số thân. Mỗi mỗi thân phóng Đại-Thiên thế-giới vi-trần-số quang-minh. Mỗi mỗi quang-minh hiện Đại-Thiên thế-giới vi-trần số màu sắc. Mỗi mỗi màu sắc chiếu Đại-Thiên thế-giới vi-trần-số thế-giới. Trong mỗi mỗi thế-giới điều-phục Đại-Thiên thế-giới vi-trần-số chúng-sanh. Những thế-giới này nhiều loại chẳng đồng, Bồ-Tát điều biết rõ, đều nhập trong đó. Những thế-giới đó cũng đều đến nhập nơi thân của Bồ-Tát, dầu vậy nhưng những thế-giới đó vẫn không tạp loạn, các pháp cũng chẳng hoại diệt”.

3. Thứ đệ biến vãng chư Phật quốc độ thần thông đại tam muội:

“Đại Bồ-Tát này qua vô-số thế-giới phương đông, lại qua vô-số thế-giới vi-trần-số thế-giới, nơi các thế-giới đó nhập tam-muội này. Hoặc sát-na nhập, hoặc giây lát nhập, hoặc nối tiếp nhập. Hoặc sáng, hoặc trưa, hoặc chiều nhập. Hoặc đầu hôm, giữa đêm, hoặc cuối đêm nhập. Hoặc nhập một ngày, hoặc năm ngày, hoặc nửa tháng, một tháng. Hoặc nhập một năm, trăm năm, ngàn năm. Hoặc nhập trăm ngàn năm, ức năm, trăm ngàn ức năm, trăm ngàn na-do-tha ức năm. Hoặc nhập một kiếp, trăm kiếp, trăm ngàn kiếp, trăm ngàn na-do-tha ức kiếp. Hoặc nhập vô số kiếp, vô lượng kiếp, vô biên kiếp, vô đẳng kiếp. Hoặc nhập bất-khả-số kiếp, bất-khả-xung kiếp, bất-khả-tư kiếp, bất-khả-lượng kiếp, bất-khả-thuyết kiếp, bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết kiếp. Hoặc lâu, hoặc gần, hoặc pháp, hoặc thời-gian các loại chẳng đồng”.

4. Thanh tịnh tâm hành đại tam muội:

“Đại Bồ-Tát này biết số thân chư Phật đồng với số chúng-sanh. Thấy vô-lượng Phật hơn số vi-trần trong vô-số thế-giới, Bồ-Tát đem các thứ hương, hoa, lọng, châu báu, đồ trang-nghiêm, ma-ni-bửu-tạng, nhĩn đến tứ-sự, tất cả đều thượng-diệu quảng đại hơn hẳn của các cõi trời để cúng-dường mỗi đức Phật.

Đối với mỗi đức Phật, Bồ-Tát cung-kính tôn-trọng cúi đầu đảnh lễ thừa thỉnh pháp, khen Phật bình-đẳng, ca ngợi công-đức quảng-đại của chư Phật. Nhập vào đại-bi của chư Phật, được sức vô-ngại bình-đẳng của chư Phật. Khoảng một niệm, cần cầu diệu-pháp khắp tất cả Phật. Nhưng với những tướng chư Phật xuất thế nhập diệt, đều vô-sở-đắc”.

5. Tri quá khứ trang nghiêm đại tam muội (cũng gọi Quá khứ thanh tịnh tạng):

“Đại Bồ-Tát này biết được quá-khứ chư Phật xuất hiện. Những là các cõi thứ đệ trong kiếp thứ đệ, các kiếp thứ đệ trong cõi thứ đệ, chư Phật xuất hiện thứ đệ trong kiếp thứ đệ, thuyết-pháp thứ đệ trong chư Phật xuất hiện thứ đệ, các tâm nguyện thứ đệ trong thuyết pháp thứ đệ, các căn tánh thứ đệ trong tâm nguyện thứ đệ,

điều-phục thứ đệ trong căn tánh thứ đệ, chư Phật thọ-mạng thứ đệ trong điều phục thứ đệ, biết ức na-do-tha số lượng năm tuổi thứ đệ trong thọ-mạng thứ đệ.

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát này vì được vô-biên thứ-đệ trí như vậy nên biết quá-khứ chư Phật, nên biết quá-khứ các cõi, nên biết quá-khứ pháp-môn, nên biết quá-khứ các kiếp, nên biết quá-khứ các pháp, nên biết quá-khứ các tâm, nên biết quá-khứ các tri-giải, nên biết quá-khứ các chúng-sanh, nên biết quá-khứ các phiền-nã, nên biết quá-khứ các nghi-thức, nên biết quá-khứ các thanh-tịnh”.

6. Trí quang minh tạng tam muội:

“Đại Bồ-Tát trụ tam-muội này có thể biết vị-lai chư Phật trong tất cả kiếp tất cả thế-giới, hoặc đã nói hoặc chưa nói, hoặc đã thọ-ký hoặc chưa thọ-ký, các loại danh hiệu chẳng đồng. Những là vô-số danh, vô-lượng danh, vô-biên danh, vô-đẳng danh, bất-khả-số danh, bất-khả-xưng danh, bất-khả-tư danh, bất-khả-lượng danh, bất-khả-thuyết danh. Sẽ xuất thế, sẽ độ sanh, sẽ làm Pháp-Vương, sẽ khởi phật-sự, sẽ nói phước lợi, sẽ khen thiện-nghiã, sẽ nói bạch-phân-nghiã, sẽ trừ sạch các điều ác, sẽ an-trụ công-đức, sẽ khai-thị đệ-nhất-nghiã-đế, sẽ nhập quán-đảnh-vị, sẽ thành nhứt-thiết-trí. Chư Phật đó tu hạnh viên-mãn, phát nguyện viên-mãn, nhập viên-mãn trí, có viên-mãn chúng, đủ viên-mãn trang-nghiêm, hợp viên-mãn công-đức, ngộ viên-mãn pháp, được viên-mãn quả, đủ viên-mãn tướng, thành viên-mãn giác. Chư Phật đó, danh tánh chủng-tộc, phương-tiện thiện-xảo thần-thông biến-hóa, thành-thục chúng-sanh, nhập niết-bàn, tất cả những điều như vậy, Bồ-Tát này biết rõ cả”.

7. Liễu tri nhất thiết thế giới Phật trang nghiêm đại tam muội:

“Đại Bồ-Tát trụ trong tam-muội này, hay thứ-đệ nhập thế-giới phương đông, hay thứ-đệ nhập thế-giới phương nam, phương tây, phương bắc, đông nam, tây nam, tây bắc, đông bắc, thượng phương và hạ phương. Đều thấy chư Phật xuất thế, cũng thấy tất cả thần-lực của đức Phật đó, cũng thấy những sự biến-hóa của chư Phật, cũng thấy oai-đức rộng lớn của chư Phật, cũng thấy sự tối-thắng tự-tại của chư Phật, cũng thấy chư Phật đại sư-tử-hống, cũng thấy những công-hạnh đã tu của chư Phật, cũng thấy các loại trang-nghiêm của chư Phật, cũng thấy chư Phật thần-thông biến-hóa, cũng thấy chúng-hội của chư Phật vân tập, chúng-hội thanh-tịnh, chúng-hội quảng-đại, chúng-hội nhứt tướng, chúng-hội nhiều tướng, chúng-hội xir-sở, chúng-hội an ở, chúng-hội thành-thục, chúng-hội điều phục, chúng-hội oai-đức. Tất cả những việc như vậy Bồ-Tát này đều thấy rõ. Cũng thấy chúng-hội số lượng lớn nhỏ bằng Diêm-Phù-Đề, hoặc bằng tứ thiên-hạ, hoặc bằng tiểu-thiên thế-giới, hoặc bằng trung-thiên thế-giới, hoặc bằng đại-thiên thế-giới. Cũng thấy chúng-hội đầy khắp trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật, hoặc đầy khắp vô-số cõi Phật, hoặc đầy khắp trăm phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp ngàn Phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp trăm ngàn ức na-do-tha Phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp vô-số phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp vô-lượng phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp vô-biên phật-sát vi-trần-số cõi

Phật, hoặc đầy khắp vô-dãng phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp bất-khả-số phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp bất-khả-xung phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp bất-khả-tư phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp bất-khả-lượng phật-sát vi-trần-số cõi Phật, hoặc đầy khắp bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số cõi Phật, nhân đến cũng thấy chúng-hội đầy khắp bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số cõi Phật. Cũng thấy chư Phật ở trong chúng-hội đạo-tràng kia thị-hiện các loại tướng trạng, các loại thời gian, các loại quốc-độ, các loại biến-hóa, các loại thân-thông, các loại trang-nghiêm, các loại tự-tại, các loại hình lượng, các loại sự-nghiệp”.

8. Chúng sinh sai biệt thân tam muội:

“Đại Bồ-Tát trụ tam-muội này được mười thứ vô-sở-trước : những là nơi tất cả cõi vô-sở-trước, nơi tất cả phương vô-sở-trước, nơi tất cả kiếp vô-sở-trước, nơi tất cả chúng vô-sở-trước, nơi tất cả pháp vô-sở-trước, nơi tất cả Bồ-Tát vô-sở-trước, nơi tất cả Bồ-Tát nguyện vô-sở-trước, nơi tất cả tam-muội vô-sở-trước, nơi tất cả Phật vô-sở-trước, nơi tất cả địa vô-sở-trước.

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát nơi tam-muội này, nhập thế nào ? khởi thế nào ?

Đại Bồ-Tát nơi tam-muội này, nội-thân nhập ngoại-thân khởi, ngoại-thân nhập nội-thân khởi, đồng-thân nhập dị-thân khởi, dị-thân nhập đồng-thân khởi, nhơn-thân nhập dạ-xoa thân khởi, dạ-xoa thân nhập long-thân khởi, long-thân nhập a-tu-la thân khởi, a-tu-la thân nhập thiên-thân khởi, thiên-thân nhập phạm-vương thân khởi, phạm-vương thân nhập dục-giới thân khởi, thiên-trung nhập địa-ngục khởi, địa-ngục nhập nhơn-gian khởi, nhơn-gian nhập loài khác khởi, ngàn thân nhập một thân khởi, một thân nhập ngàn thân khởi, na-do-tha thân nhập một thân khởi, một thân nhập na-do-tha thân khởi, trong chúng nam-châu nhập trong chúng tây-châu khởi, trong chúng tây-châu nhập trong chúng bắc-châu khởi, trong chúng bắc-châu nhập trong chúng đông-châu khởi, trong chúng đông-châu nhập trong chúng ba châu kia khởi, trong chúng ba châu nhập trong chúng bốn châu khởi, trong chúng bốn châu nhập trong chúng tất cả biển sai-biệt khởi, trong chúng tất cả biển sai-biệt nhập trong chúng tất cả hải-thần khởi, trong chúng tất cả hải-thần nhập trong thủy-đại khởi, trong thủy-đại nhập trong địa-đại khởi, trong địa-đại nhập trong hỏa-đại khởi, trong hỏa-đại nhập trong phong-đại khởi, trong phong-đại nhập trong tất cả tứ-đại-khởi, trong tất cả tứ-đại nhập trong pháp vô-sanh khởi, trong pháp vô-sanh nhập trong núi Tu-Di khởi, trong núi Tu-Di nhập trong bảy Bửu-Sơn khởi, trong bảy Bửu-Sơn nhập trong tất cả cây cỏ lùm rừng hắc-sơn khởi, trong tất cả lùm rừng hắc-sơn nhập trong tất cả diệu-hương hoa bửu trang-nghiêm khởi, trong tất cả trang-nghiêm nhập trong tất cả chúng-sanh thọ sanh nơi bốn châu thượng-phương hạ-phương khởi, trong tất cả chúng-sanh thọ-sanh nhập trong chúng-sanh nơi Tiểu-Thiên thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi Tiểu-Thiên Thế-Giới nhập trong chúng-sanh nơi Trung-Thiên Thế-Giới khởi, trong chúng-sanh nơi Trung-Thiên thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi Đại-Thiên thế-giới khởi,

trong chúng-sanh nơi trăm ngàn ức na-do-tha Đại-Thiên thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi vô-số thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi vô-số thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi vô-lượng thế-giới khởi, nơi chúng-sanh trong vô-lượng thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi vô-biên thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi vô-biên thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi vô-đẳng phật-độ khởi, trong chúng-sanh nơi vô-đẳng phật-độ nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-số thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-số thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-xung thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-xung thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-tư thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-tư thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-lượng thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-lượng thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-thuyết thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-thuyết thế-giới nhập trong chúng-sanh nơi bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết thế-giới khởi, trong chúng-sanh nơi bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết thế-giới nhập trong chúng-sanh tạp-nhiễm khởi, trong chúng-sanh tạp-nhiễm nhập trong chúng-sanh thanh-tịnh khởi, trong chúng-sanh thanh-tịnh nhập trong chúng-sanh tạp-nhiễm khởi, trong nhĩ-xứ nhập trong nhĩ-xứ khởi, trong nhĩ-xứ nhập trong tỷ-xứ khởi, trong tỷ-xứ nhập trong thiệt-xứ khởi, trong thiệt-xứ nhập trong thân-xứ khởi, trong thân-xứ nhập trong ý-xứ khởi, trong ý-xứ nhập trong thân-xứ khởi, trong tự-xứ nhập trong tha-xứ khởi, trong tha-xứ nhập trong tự-xứ khởi, trong một vi-trần nhập trong vô-số thế-giới vi-trần khởi, trong vô-số thế-giới vi-trần nhập trong một vi-trần khởi, trong Thanh-Văn nhập trong Độc-Giác khởi, trong Độc-Giác nhập trong Thanh-Văn khởi, trong tự-thân nhập trong Phật-thân khởi, trong Phật-thân nhập trong tự-thân khởi, một niệm nhập ức kiếp khởi, ức kiếp nhập một niệm khởi, đồng-niệm nhập biệt-thời khởi, biệt-thời nhập đồng-niệm khởi, tiền-tế nhập hậu-tế khởi, hậu-tế nhập tiền-tế khởi, tiền-tế nhập trung-tế khởi, trung-tế nhập tiền-tế khởi, tam-thế nhập sát-na khởi, sát-na nhập tam-thế khởi, chơn-như nhập ngôn thuyết khởi, ngôn-thuyết nhập chơn-như khởi”.

9. Pháp giới tự tại đại tam muội:

“Đại Bồ-Tát này nơi tự nhĩ-xứ nhãn đến tự ý-xứ nhập tam-muội, nên gọi là pháp-giới tự-tại.

Đại Bồ-Tát nơi mỗi mỗi lỗ chun lông của tự-thân mà nhập tam-muội này, tự nhiên biết được các thế-gian, biết các pháp thế-gian, biết các thế-giới, biết ức na-do-tha thế-giới, biết a-tăng-kỳ thế-giới, biết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới. Trong tất cả thế-giới thấy có Phật xuất-thế, Bồ-Tát chúng-hội thấy đều đồng đủ, quang-ming thanh-tịnh, thuần thiện không tạp, trang-nghiêm rộng lớn, các thứ châu báu dùng để nghiêm-sức.

Bồ-Tát trong các thế-giới này không ngớt tu hạnh bồ-tát hoặc một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, vô-số kiếp, vô-lượng kiếp, vô-biên kiếp, vô-đẳng kiếp, bất-khả-số kiếp, bất-khả-xung kiếp, bất-khả-tư kiếp, bất-

khả-lượng kiếp, bất-khả-thuyết kiếp, bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết kiếp, bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần số kiếp.

Bồ-Tát lại ở trong vô-lượng kiếp như vậy mà trụ nơi tam-muội này : cũng nhập, cũng khởi, cũng thành-tựu thế-giới, cũng điều phục chúng-sanh, cũng rõ khắp pháp-giới, cũng biết khắp tam thế, cũng diễn thuyết các pháp, cũng hiện đại thần-thông các thứ phương-tiện vô-trước vô-ngại, vì nơi pháp-giới được tự-tại. Khéo phân-biệt nhĩ, khéo phân-biệt nhĩ, tử, thiệt, thân, khéo phân-biệt ý. Các thứ sai biệt chẳng đồng như vậy đều khéo phân-biệt tột gần mé.

Bồ-Tát khéo thấy và biết như vậy rồi, có thể sanh khởi mười ngàn ức đà-la-ni pháp quang-minh, thành-tựu mười ngàn ức hạnh thanh-tịnh, chứng được mười ngàn ức thiện-căn, viên-mãn mười ngàn ức thân-thông, hay nhập mười ngàn ức tam-muội, thành-tựu mười ngàn ức thân-lực, trưởng dưỡng mười ngàn ức công-lực, viên-mãn mười ngàn ức thâm tâm, vận động mười ngàn ức lực-trì, thị-hiện mười ngàn ức thần-biến, đầy đủ mười ngàn ức bồ-tát vô-ngại, viên-mãn mười ngàn ức bồ-tát trợ-đạo, chức nhóm mười ngàn ức bồ-tát tạng, chiếu sáng mười ngàn ức bồ-tát phương-tiện, diễn thuyết mười ngàn ức các nghĩa, thành-tựu mười ngàn ức các nguyện, xuất sanh mười ngàn ức hồi-hương, tịnh tu mười ngàn ức bồ-tát chánh-vị, minh liễu mười ngàn ức pháp-môn, khai-thị mười ngàn ức diễn-thuyết, tu trị mười ngàn ức bồ-tát thanh-tịnh”.

10. Vô ngại luân đại tam muội:

“Lúc đại Bồ-Tát nhập tam-muội này thời trụ nơi thân-nghiệp vô-ngại, ngữ-nghiệp vô-ngại, ý-nghiệp vô-ngại. Trụ nơi phật-độ vô-ngại. Được trí vô-ngại thành-tựu chúng-sanh. Được trí vô-ngại điều-phục chúng-sanh. Phóng quang-minh vô-ngại. Hiện lưới quang-minh vô-ngại. Bày biến-hóa vô-ngại quảng-đại. Chuyển pháp-luân vô-ngại thanh-tịnh. Được Bồ-Tát vô-ngại tự-tại. Vào khắp phật-lực, trụ khắp phật-trí. Làm chỗ làm của Phật. Tịnh chỗ tịnh của Phật. Hiện Phật thần-thông. Làm cho Phật hoan-hỉ. Thật hành hạnh Như-Lai. Trụ đạo Như-Lai. Thường được gần-gũi vô-lượng Phật. Làm những phật-sự. Nói thạnh phật-chủng”.

Trong Phẩm này, Phổ Hiền Bồ Tát đã thuyết giảng vô cùng chi li về cả hai lĩnh vực: tu tập và những gì đạt được – nếu như đã nhập định. Xin xem thêm ở phần tác phẩm kinh.

Phẩm thứ hai mươi tám: **Thập Thông**

Trước hết hãy xem nghĩa Thập Thông qua từ điển:

“Thập thông , cũng còn gọi là: Thập Minh. Thập chủng thần thông, Thập chủng thông . Chỉ cho mười trí minh của Bồ tát. Gồm:

1. *Thiện tri tha tâm trí minh (Tha tâm trí minh):* Tức trí biết rõ đúng như thật tâm niệm của tất cả chúng sinh.

2. *Vô ngại thiên nhãn trí minh (Thiên nhãn trí minh):* Trí thấy rõ sự chết đây sinh kia trong các ngã thiện ác của các loài chúng sinh, cho đến những việc khổ vui mà chúng lãnh nhận và ý nguyện, hành nghiệp của họ.

3. *Thâm nhập quá khứ tế kiếp vô ngại túc mệnh trí minh (Túc mệnh trí minh):* Trí ghi nhớ rõ tất cả bản sự (sự tích) của mình và người ở tất cả thế giới trong đời quá khứ cũng như nhân quả của chư Phật ở đời quá khứ.

4. *Thâm nhập vị lai tế kiếp vô ngại trí minh (Vị lai tế trí minh):* Trí biết rõ các tướng nghiệp báo của vô lượng chúng sinh trong tất cả thế giới ở đời vị lai và nhân quả của chư Phật đời vị lai.

5. *Vô ngại thanh tịnh thiên nhĩ trí minh (Thiên nhĩ trí minh):* Trí nghe rõ được tất cả âm thanh xa gần ở các thế giới trong 10 phương, có năng lực nghe và thụ trì những pháp do đức Như lai giảng nói không để quên mất, đồng thời nói rộngdiệu pháp để hóa độ chúng sinh.

6. *An trụ vô úy thần lực trí minh (Thần lực trí minh):* Bồ tát chứng được mười hai thứ thần lực từ vô tác cho đến tùy nguyện hành, có khả năng đi đến chỗ chư Phật hiện tại ở các thế giới trong mười phương một cách tự tại vô ngại để khen ngợi cúng dường, thường nghe chính pháp, thành tựu viên mãn hạnh nguyện thù thắng và tu tập các hạnh.

7. *Phân biệt nhất thiết ngôn âm trí minh (Phân biệt ngôn âm trí minh):* Trí phân biệt rõ các âm thanh ngôn ngữ ở các trung quốc (thủ đô), biên quốc (nơi biên giới), trong vô lượng thế giới, cho đến âm thanh ngôn ngữ của tất cả loài trời, rồng, người, chẳng phải người... và các pháp nghĩa trong tất cả âm thanh ngôn ngữ ấy.

8. *Xuất sinh vô lượng a tăng kì sắc thân trang nghiêm trí minh (Sắc thân trang nghiêm trí minh):* Bồ tát khéo biết tất cả sắc, đồng thời cũng vào sâu pháp giới vô sắc, tùy nơi nên trụ trì mà biến hiện vô lượng vô biên sắc thân để hóa độ chúng sinh.

9. *Nhất thiết chư pháp chân thật trí minh (Chân thực trí minh):* Bồ tát rõ biết nghĩa chân thực của tất cả các pháp, không chấp trước thế đế, cũng không bám dính vào Đế nhất nghĩa đế, không bỏ bản nguyện, nhiếp thụ chúng sinh, thường thành tựu đầy đủ trí dụng một cách tự tại vô ngại.

10. Nhất thiết chư pháp diệt định trí minh (Diệt định trí minh): Bồ tát an trụ bất động trong định Diệt tận, nhưng không lìa đại từ bi, đầy đủ tất cả hạnh Bồ tát.

Cứ theo Hoa nghiêm kinh thám huyền kí quyển mười lăm, thì Thập trí này đều lấy đại trí làm thể, chung cho cả trí tính khởi Phổ hiền; nếu chia theo tướng thì tám Trí minh trước thuộc về Lượng trí, hai Trí minh cuối thuộc về Lí trí, nhưng thực ra thì chỉ có một Vô ngại trí duy nhất” (Từ điển Phật Quang)

Sau đây là thuyết giảng của Phổ-Hiền đại Bồ-Tát:

“Bấy giờ Phổ-Hiền đại Bồ-Tát bảo chư Bồ-Tát rằng :
Chư Phật-tử ! Đại bồ-Tát có mười thứ thông :

1. Thiện tri tha tâm trí minh (Tha tâm trí minh):

Đại Bồ-Tát dùng tha-tâm-trí-thông biết tâm sai-biệt của chúng-sanh trong một Đại-Thiên thế-giới. Những là tâm thiện, tâm bất-thiện, tâm rộng, tâm hẹp, tâm lớn, tâm nhỏ, tâm thuận sanh tử, tâm trái sanh tử, tâm thanh-văn-hạnh, tâm Độc-Giác-hạnh, tâm Bồ-Tát-hạnh, tâm Thiên, tâm Long, tâm Dạ-xoa, tâm Càn-thát-bà, tâm A-tu-la, tâm Ca-lâu-la, tâm Khẩn-na-la, tâm Ma-hầu-la-già, tâm nhọn, tâm phi-nhơn, tâm địa-ngục, tâm súc-sanh, tâm xứ Diêm-ma-vương, tâm nga-quỷ, tâm chúng-sanh nơi các nạn-xứ. Những tâm chúng-sanh vô-lượng sai-biệt như vậy đều phân-biệt biết rõ.

Như một thế-giới, đến trăm thế-giới, ngàn thế-giới, trăm ngàn thế-giới, trăm ngàn ức na-do-tha thế-giới, nhĩn đến bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới, trong đó có bao nhiêu tâm chúng-sanh đều phân-biệt biết”.

2. Vô ngại thiên nhãn trí minh (Thiên nhãn trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng vô-ngại thanh-tịnh thiên-nhãn trí-thông thấy chúng-sanh trong vô-lượng bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới, chết đây sanh kia, loài lành, loài dữ, tướng phước, tướng tội, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc nhơ, hoặc sạch. Những phẩm loại vô-lượng chúng-sanh như vậy. Những là bát bộ chúng, chúng-sanh thân to lớn, chúng-sanh thân nhỏ nhít. Trong các loài chúng-sanh như vậy dùng vô-ngại nhãn thấy đều thấy rõ. Tùy nghiệp mà chức nhóm, tùy chỗ thọ khổ vui, tùy tâm phân-biệt, tùy kiến chấp, tùy ngôn ngữ, tùy nhọn, tùy nghiệp, tùy sở-duyên, tùy sơ-khởi, thấy đều thấy rõ không sai lầm.

Trên đây là vô-ngại thiên-nhãn trí-thần-thông thứ hai của đại Bồ-Tát”.

3. Túc-trụ-trí thần-thông:

“Đại Bồ-Tát dùng túc-trụ-tùy-niệm-trí-thông có thể biết tự-thân và tất cả chúng-sanh trong bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới, những việc đời trước trong quá-khứ bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số kiếp. Những là : xứ đó sanh ra có tên như vậy, họ như vậy, chủng-tộc như vậy, uống ăn như vậy, khổ vui như vậy. Từ vô-thỉ đến nay ở trong các cõi, do nhân do duyên

xoay vắn thêm lớn, thứ đệ nối tiếp, luân-hồi chẳng dứt, các thứ phẩm loại, các thứ cõi nước, các thứ loài sanh, các thứ hình tướng, các thứ hành nghiệp, các thứ kiết-sử, các thứ tâm niệm, các thứ nhơn-duyên thọ sanh sai khác. Những việc như vậy thấy đều biết rõ. Lại nhớ trong vi-trần-số kiếp như vậy, trong vi-trần-số thế-giới như vậy, có vi-trần-số chư Phật như vậy. Mỗi đức Phật có danh hiệu như vậy, xuất thế như vậy, chúng-hội như vậy, cha mẹ như vậy, thị-giả như vậy, Thanh-Văn như vậy, hai vị đại đệ-tử tối-thắng như vậy, nơi thành ấp như vậy, xuất-gia như vậy. Lại ghi nhớ danh-hiệu của bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số chư Phật.”.

4. Thâm nhập vị lai tế kiếp vô ngại trí minh (Vị lai tế trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng trí-thông biết hết kiếp thuở vị-lai, biết những kiếp của trong bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới. Trong mỗi mỗi kiếp có những chúng-sanh mạng chung thọ sanh, các cõi tiếp nối, nghiệp hành quả báo, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc xuất ly hoặc chẳng xuất ly, hoặc quyết định hoặc chẳng quyết định, hoặc tà-định hoặc chánh-định, hoặc thiện-căn chung cùng với kiết-sử, hoặc thiện-căn chẳng chung cùng với kiết-sử, hoặc thiện-căn đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ, hoặc nhiếp-thủ thiện-căn, hoặc chẳng nhiếp-thủ thiện-căn, hoặc tích tập thiện-căn, hoặc chẳng tích tập thiện-căn, hoặc tích tập tội pháp hoặc chẳng tích tập tội pháp. Tất cả như vậy đều có thể biết rõ. Lại biết bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới tận thuở vị-lai có bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số kiếp, mỗi mỗi kiếp có bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số danh hiệu chư Phật, mỗi mỗi danh hiệu có bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số chư Phật Như-Lai. Mỗi mỗi Như-Lai từ sơ-phát-tâm khởi nguyện lập hạnh cúng-dường chư Phật, giáo-hóa chúng-sanh, chúng-hội thuyết pháp, thọ mạng nhiều ít, thân-thông biến-hóa, nhãn đến nhập nơi vô-dur niết-bàn, sau đó pháp trụ lâu mau, tạo lập tháp miếu các thứ trang-nghiêm làm cho chúng-sanh vun trồng căn lành. Những sự như vậy đều biết rõ”.

5. Vô ngại thanh tịnh thiên nhĩ trí minh (Thiên nhĩ trí minh):

“Đại Bồ-tát thành tựu vô-ngại thanh-tịnh thiên-nhĩ-viên-mãn quảng đại thông suốt không chướng, nghe thấu vô-ngại thành-tựu đầy đủ. Với tất cả âm thanh, muốn nghe hay chẳng muốn nghe đều tùy ý tự-tại.

Chư Phật-tử ! Phương đông có bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số Phật, chư Phật này giảng nói chỉ dạy, chỗ an lập, chỗ giáo-hóa, chỗ điều phục, chỗ ức niệm, chỗ phân-biệt những pháp thanh-tịnh thậm thâm quảng đại các thứ sai biệt vô-lượng phương-tiện vô-lượng thiện-xảo. Bồ-Tát này đều có thể thọ-trì tất cả. Lại ở trong đó, hoặc nghĩa hoặc văn, hoặc một người, hoặc chúng-hội, đứng như ngôn từ, đứng như trí-huệ, như chỗ tỏ thấu, như chỗ thị-hiện, như chỗ điều-phục, như cảnh-giới, như sở-y, như đạo xuất ly, Bồ-Tát này đều hay ghi nhận tất cả chẳng quên chẳng mất, chẳng dứt chẳng thối, không mê không lầm, vì người khác mà diễn nói khiến họ được tỏ ngộ. Trọn chẳng quên mất một văn một câu”.

6. An trụ vô úy thần lực trí minh (Thần lực trí minh):

“Đại Bồ-Tát trụ vô-thể-tánh thần-thông, vô-tác thần-thông, bình-đẳng thần-thông, quảng-đại thần-thông, vô-lượng thần-thông, vô-y thần-thông, tùy niệm thần-thông, khởi thần-thông, bất-khởi thần-thông, bất thối thần-thông, bất-đoạn thần-thông, bất-hoại thần-thông, tăng trưởng thần-thông, tùy nghệ thần-thông.

Đại Bồ-Tát này nghe danh hiệu chư Phật trong tất cả thế-giới rất xa. Những là vô-số thế-giới, vô-lượng thế-giới, nhĩn đến danh-hiệu chư Phật trong bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới. Nghe danh hiệu chư Phật xong thời tự thấy thân mình ở chỗ chư Phật đó. Các thế-giới đó hoặc giữa hoặc úp, những hình trạng khác, những sai-biệt, vô-biên vô-ngại các thứ cõi nước, các thứ thời kiếp, vô-lượng công-đức đều trang-nghiêm khác nhau. Chư Phật Như-Lai đó xuất-hiện trong ấy, thị-hiện thân-biến, xưng dương danh hiệu, vô-lượng vô-số riêng khác chẳng đồng...”

7. Phân biệt nhất thiết ngôn âm trí minh (Phân biệt ngôn âm trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng trí thần-thông khéo phân biệt ngôn âm của tất cả chúng-sanh, biết các loại ngôn từ của chúng-sanh trong bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết phật-sát vi-trần-số thế-giới. Những là thánh-ngôn-từ, chẳng phải thánh-ngôn-từ, ngôn-từ của Thiên, Long, bát-bộ nhĩn đến bao nhiêu ngôn-từ của bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết chúng-sanh, đều biểu-thị riêng khác, các loại sai-biệt, tất cả như vậy đều có thể biết rõ.

Tùy vào trong thế-giới nào, đại Bồ-Tát này đều biết được những tánh dục của tất cả chúng-sanh trong đó. Đúng như tánh dục của họ, Bồ-Tát nói ra ngôn-từ đều khiến họ hiểu biết không nghi lầm”.

8. Xuất sinh vô lượng a tăng kì sắc thân trang nghiêm trí minh (Sắc thân trang nghiêm trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng trí thần-thông xuất sanh vô-lượng vô-số sắc-thân trang-nghiêm, biết tất cả pháp xa lìa sắc-tướng, không tướng sai-biệt, không các thứ tướng, không vô-lượng tướng, không tướng phân-biệt, không tướng xanh vàng đỏ trắng. Bồ-Tát nhập nơi pháp-giới như vậy, có thể hiện thân mình làm các hình sắc. Những là sắc vô-biên, sắc vô-lượng, sắc thanh-tịnh, sắc trang-nghiêm, sắc phổ-biến, sắc vô-tỉ, sắc phổ-chiếu, sắc tăng-thượng, sắc không trái nghịch, sắc đủ các tướng, sắc lìa các ác, sắc oai-lực lớn, sắc đáng tôn trọng, sắc vô cùng tận, sắc nhiều xinh đẹp, sắc rất đoan nghiêm, sắc chẳng thể lường, sắc khéo thủ hộ, sắc hay thành thực, sắc tùy người biến hóa, sắc không chướng ngại, sắc rất sáng suốt, sắc không cấu trược, sắc rất đứng sạch, sắc rất mạnh khỏe, sắc phương-tiện bất-tư-nghì, sắc chẳng bị phá hoại, sắc rời vết mờ, sắc không tối tăm, sắc khéo an-trụ, sắc diệu trang-nghiêm, sắc nhiều tướng đoan nghiêm, sắc những tướng tùy hảo, sắc đại tôn quý, sắc diệu cảnh-giới, sắc khéo trau bóng, sắc thâm tâm thanh-tịnh, sắc rực rỡ rất sáng, sắc tối-thắng quảng-đại, sắc không gián-đoạn, sắc không sở-y, sắc không gì sánh bằng, sắc tràn

đầy bất-khả-thuyết cõi Phật, sắc tăng trưởng, sắc nhiếp thọ kiên-cố, sắc công-đức tối-thắng, sắc tùy những tâm sở-thích, sắc thanh-tịnh hiểu rõ, sắc chứa nhóm những đẹp, sắc thiện-xảo quyết-định, sắc không chướng-ngại, sắc hư không sáng sạch, sắc thanh-tịnh đáng thích, sắc lia những trần cấu, sắc chẳng thể cân lường, sắc diệu-kiến, sắc phổ-biến, sắc tùy thời thị-hiện, sắc tịch-tịnh, sắc lia tham, sắc phước-điền chơn thiết, sắc hay làm an ổn, sắc lia những bố-úy, sắc lia hạnh ngu si, sắc trí-huệ dũng-mãnh, sắc thân tướng vô-ngại, sắc du hành cùng khắp, sắc tâm không sở-y, sắc đại-từ khởi ra, sắc đại bi hiện ra, sắc bình-đẳng xuất ly, sắc đầy đủ phước-đức, sắc tùy tâm ức niệm, sắc vô-biên diệu-bửu, sắc bửu-tạng quang minh, sắc chúng-sanh tin mến, sắc nhứt-thiết-trí hiện-tiền, sắc hoan-hỷ-nhãn, sắc những báu trang-nghiêm đệ nhứt, sắc không có xứ sở, sắc thị-hiện tự-tại, sắc các thứ thân-thông, sắc sanh nhà Như-Lai, sắc hơn các ví-dụ, sắc cùng khắp pháp-giới, sắc đại-chúng đều qua đến, sắc nhiều thứ, sắc thành-tựu, sắc xuất ly, sắc tùy theo oai-nghi của người biến-hóa, sắc thấy không biết chán, sắc nhiều thứ sáng sạch, sắc hay phóng vô-số lưới quang-minh, sắc bất-khả-thuyết quang-minh các thứ sai-biệt, sắc bất-khả-tu hương quang-minh vượt hơn ba cõi, sắc bất-khả-lượng nhứt-luân quang-minh chiếu sáng, sắc thị-hiện vô-tỉ nguyệt-thân, sắc vô-lượng mây hoa đáng ưa thích, sắc xuất sanh nhiều loại mây tràng liên-hoa trang-nghiêm, sắc ngọn lửa thơm-xông khắp nơi vượt hơn tất cả thế-gian, sắc xuất sanh tất cả Như-Lai tạng, sắc bất-khả-thuyết âm-thanh khai-thị tất cả pháp, sắc đầy đủ tất cả hạnh Phổ-Hiền”.

9. Nhất thiết chư pháp chân thật trí minh (Chân thực trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng nhứt-thiết-pháp trí-thông biết tất cả pháp không có danh-tự, không có chủng-tánh, không đến không đi, chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác, chẳng phải các thứ, chẳng phải chẳng các thứ, chẳng phải hai, chẳng phải chẳng hai, vô-ngã, vô-tử, bất-sanh, bất-diệt, chẳng động, chẳng hoại, không thiết, không hư, nhứt tướng, vô-tướng, phi vô, phi hữu, chẳng phải pháp, chẳng phải phi-pháp, chẳng tùy tục, chẳng phải chẳng tùy tục, chẳng phải nghiệp, chẳng phải phi-nghiệp, chẳng phải báo, chẳng phải phi-báo, chẳng phải hữu-vi, chẳng phải vô-vi, chẳng phải đệ-nhứt-nghĩa, chẳng phải chẳng đệ-nhứt-nghĩa, chẳng phải đạo, chẳng phải phi-đạo, chẳng phải xuất ly, chẳng phải chẳng xuất ly, phi lượng, phi vô-lượng, chẳng phải thế-gian, chẳng phải xuất-thế-gian, chẳng phải từ nhơn sanh, chẳng phải chẳng từ nhơn sanh, chẳng phải quyết-định, chẳng phải chẳng quyết-định, chẳng phải thành-tựu, chẳng phải chẳng thành-tựu, chẳng phải xuất, chẳng phải chẳng xuất, chẳng phải phân-biệt, chẳng phải chẳng phân-biệt, chẳng phải như lý, chẳng phải chẳng như lý”.

10. Nhất thiết chư pháp diệt định trí minh (Diệt định trí minh):

“Đại Bồ-Tát dùng nhứt-thiết-pháp diệt tận tam-muội trí-thông trong mỗi niệm nhập nhứt-thiết-pháp diệt-tận tam-muội. Nhưng cũng chẳng thối bồ-tát-đạo, chẳng bỏ bồ-tát-sự, chẳng rời tâm đại-từ đại-bi, tu tập ba-la-mật chưa từng thôi nghỉ, quán-

sát tất cả cõi Phật không có nhàm mỏi, chẳng bỏ nguyện độ chúng-sanh, chẳng dứt sự chuyển pháp-luân, chẳng bỏ nghiệp giáo-hóa chúng-sanh, chẳng bỏ hạnh cúng-dường chư Phật, chẳng bỏ môn nhứt-thiết-pháp tự-tại, chẳng bỏ thường thấy tất cả Phật chẳng bỏ thường nghe tất cả pháp. Biết tất cả pháp bình-đẳng vô-ngại tự-tại thành-tự. Tất cả phật-pháp có bao nhiêu thặng-nguyện đều được viên-mãn. Rõ biết tất cả cõi nước sai-biệt. Vào chủng-tánh Phật đến nơi bi-ngạn. Có thể ở trong những thế-giới kia, học tất cả pháp rõ pháp vô-tướng. Biết tất cả pháp đều từ duyên khởi không có thể-tánh, nhưng tùy thế-tục phương-tiện diễn thuyết. Dầu ở nơi các pháp tâm vô-sở-trụ nhưng thuận theo căn tánh sở thích của chúng-sanh mà phương-tiện vì họ nói các pháp.

Lúc Bồ-Tát này trụ nơi tam-muội, tùy theo tâm sở thích, hoặc trụ một kiếp, hoặc trụ trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp, na-do-tha ức kiếp, trăm na-do-tha ức kiếp, ngàn na-do-tha ức kiếp, trăm ngàn na-do-tha ức kiếp, hoặc trụ vô-số kiếp, vô-lượng kiếp, nhẫn đến hoặc trụ bất-khả-thuyết bất-khả-thuyết kiếp”.

Trên đây là tóm lược thuyết giảng Thập Thông của đại Bồ Tát Phổ Hiền, xin xem thêm tác phẩm kinh.

Phẩm thứ hai mươi chín: **Thập Nhẫn**

Trước hết hãy xem nghĩa Thập Nhẫn qua từ điển:

“Thập Nhẫn. Chỉ cho 10 tâm an nhẫn mà Bồ tát đạt được khi đoạn trừ hoặc vô minh, chứng đắc lí các pháp xưa nay vốn vắng lặng. Đó là:

1. Âm thanh nhẫn(cũng gọi Tùy thuận âm thanh nhẫn, Tùy thanh nhẫn): Nghe nói tất cả pháp chân thực, tâm không sợ hãi, tin hiểu thụ trì, tu tập an nhẫn.
2. Thuận nhẫn: Như thực quán xét các pháp, không chống trái, tùy thuận rõ biết, khiến tâm thanh tịnh.
3. Vô sinh pháp nhẫn(gọi tắt: Vô sinh nhẫn): Quán xét tất cả pháp không sinh không diệt, bình đẳng tĩnh lặng.
4. Như huyễn nhẫn: Quán xét tất cả pháp đều như huyễn, trong một có tất cả, trong tất cả có một, nhân duyên tụ tập một cách hư giả, không có định tính.
5. Như diệm nhẫn: Giác ngộ tất cả thế gian như sóng nắng, là sự nhóm họp hư vọng của các tướng hư dối, không có thực thể.
6. Như mộng nhẫn: Hiểu biết rõ ràng ắt cả thế gian chỉ là những cảnh tượng thấy trong giấc mộng, chẳng phải có chẳng phải không, không chối bỏ, không đắm trước.
7. Như hương nhẫn: Giác ngộ rốt ráo đến bờ kia, biết tất cả pháp đều như tiếng vang, chẳng phải từ bên trong bên ngoài phát ra, cũng chẳng phải trong ngoài hợp lại phát ra, mà chỉ từ duyên khởi, rồi khéo dùng phương tiện để nói pháp.
8. Như điện nhẫn (cũng gọi Như ảnh nhẫn): Bồ tát soi thấy tất cả pháp như ánh chớp chiếu các sắc tượng, không phân biệt.
9. Như hóa nhẫn: Bồ tát ý thức rõ tất cả pháp chẳng phải có chẳng phải không, như các việc huyễn hóa ở thế gian, nên chẳng lấy chẳng bỏ.
10. Như hư không nhẫn (cũng gọi Như không nhẫn): Rỗng lặng như hư không, thể tính thanh tịnh, bình đẳng không sai biệt, chẳng sinh chẳng diệt, Bồ tát biết tất cả pháp cũng hết như thế. Tâm của Bồ tát cũng như hư không không phân biệt, đối với tất cả pháp không pháp nào không dung; thân khẩu ý của Bồ tát cũng rộng lớn như hư không, chẳng sinh chẳng diệt” (Từ điển Phật Quang).

“Bấy giờ Phổ-Hiền Bồ-Tát bảo chư Bồ-Tát :

Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ nhẫn, nếu được nhẫn này thời được đến nơi vô-ngại nhẫn-địa của tất cả Bồ-tát, tất cả Phật-pháp vô-ngại vô-tận”.

1. Âm thanh nhẫn (cũng gọi Tùy thuận âm thanh nhẫn, Tùy thanh nhẫn):

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát âm-thanh nhẫn?

Nghĩa là nghe những pháp của chư Phật nói, chẳng kinh chẳng hãi chẳng sợ, thâm tín ngộ giải, ưa thích xu-hướng, chuyên tâm ghi nhớ, tu tập an-trụ”.

2. Thuận nhãn:

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát thuận-nhãn ?

Nghĩa là ở nơi phát-pháp tư-duy quán-sát bình-đẳng không trái, tùy thuận biết rõ, khiến tâm thanh-tịnh, chánh trụ tu tập xu nhập thành-tựu”.

3. Vô sinh pháp nhãn (gọi tắt: Vô sinh nhãn):

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát vô-sanh-pháp nhãn ?

Đại Bồ-Tát này chẳng thấy có chút pháp nào sanh, cũng chẳng thấy có chút pháp nào diệt. Tại sao vậy ? Vì nếu đã vô-sanh thời vô-diệt. Nếu đã vô-diệt thì vô-tận. Nếu vô-tận thời ly-cấu. Nếu ly-cấu thời vô-sai-biệt. Nếu vô-sai-biệt thời vô-xứ-sở. Nếu vô-xứ-sở thời tịch-tịnh. Nếu tịch-tịnh thời ly-dục. Nếu ly-dục thời vô-tác. Nếu vô-tác thời vô-nguyện. Nếu vô-nguyện thời vô trụ. Nếu vô-trụ thời vô-khứ vô-lai. Đây gọi là thứ ba, vô-sanh-pháp-nhãn của đại Bồ-Tát”.

4. Như huyễn nhãn:

“Chư Phật-tử ! Thế nào là như-huyễn-nhãn ?

Đại Bồ-Tát này biết tất cả pháp đều như huyễn, từ như duyên khởi. Ở trong một pháp hiểu nhiều pháp, trong nhiều pháp hiểu một pháp. Đã biết các pháp như huyễn, đại Bồ-Tát này rõ thấu quốc-độ, chúng-sanh, pháp-giới. Rõ thấu thế-gian bình-đẳng, Phật xuất-thế bình-đẳng, tam-thế bình-đẳng. Thành-tựu những thần-thông biến-hóa”.

5. Như diệm nhãn:

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát như diệm nhãn ?

Đại Bồ-Tát này biết tất cả thế-gian đồng như dương-diệm.

Ví như dương-diệm chẳng có phương-sở, chẳng phải nội, ngoại, hữu, vô, đoạn, thường, chẳng phải một màu, nhiều màu, cũng chẳng phải không màu, chỉ tùy theo ngôn thuyết thế-gian mà hiển thị.

Cũng vậy, đại Bồ-Tát như thiệt quán-sát, rõ biết các pháp hiện chứng tất cả khiến được viên-mãn”.

6. Như mộng nhãn:

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát như mộng nhãn ?

Đại Bồ-Tát này biết tất cả thế-gian như mộng.

Ví như mộng chẳng phải thế-gian, chẳng phải rời thế-gian, chẳng phải dục-giới, sắc giới, vô-sắc-giới, chẳng phải sanh, diệt, nhiễm, tịnh, nhưng vẫn có hiển-thị.

Cũng vậy, đại Bồ-Tát biết tất cả thế-gian đồng như mộng. Vì không đối khác, vì như tự-tánh của mộng, vì như mộng chấp trước, vì như mộng tánh ly, vì như bản-tánh của mộng, vì như mộng hiện ra, vì như mộng vô-sai-biệt, vì như mộng tưởng phân-biệt, vì như lúc mộng thức giấc”.

7. Như hưởng nhãn:

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát như-hưởng-nhãn ?

Đại Bồ-Tát này nghe Phật thuyết pháp quán các pháp-tánh tu học thành-tựu đến bi-ngạn, biết tất cả âm-thanh đồng như vang không lai không khứ mà hiển thị như vậy.

Đại Bồ-Tát này quán-sát tiếng của đức Như-Lai chẳng từ trong phát ra, chẳng từ ngoài phát ra, cũng chẳng từ nơi trong ngoài phát ra. Dầu biết rõ tiếng chẳng phải từ trong, từ ngoài, từ trong ngoài phát ra, mà có thể thị-hiện danh cú thiện-xảo diễn thuyết thành-tựu”.

8. Như điện nhãn (cũng gọi Như ảnh nhãn):

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát như-ảnh-nhãn ?

Đại Bồ-Tát này chẳng phải sanh ở thế-gian, chẳng phải mất ở thế-gian, chẳng phải ở trong thế-gian, chẳng phải ở ngoài thế-gian, chẳng phải du hành nơi thế-gian, chẳng phải đồng với thế-gian, chẳng phải khác với thế-gian, chẳng phải qua đến thế-gian, chẳng phải chẳng qua đến thế-gian, chẳng phải trụ ở thế-gian, chẳng phải chẳng trụ ở thế-gian, chẳng phải là thế-gian, chẳng phải xuất-thế-gian, chẳng phải tu bồ-tát-hạnh, chẳng phải bỏ đại-nguyên, chẳng phải thiết, chẳng phải chẳng thiết. Dầu thường hành tất cả phật-pháp mà có thể làm xong tất cả thế-sự. Chẳng theo thế-lưu cũng chẳng trụ pháp-lưu”.

9. Như hóa nhãn:

“Thế nào là đại Bồ-Tát biết tất cả thế-gian thấy đều như hóa ? Nghĩa là tất cả chúng-sanh ý-nghiệp hóa, vì giác-tướng sanh khởi. Tất cả thế-gian chư hành hóa, vì phân-biệt sanh khởi. Tất cả khổ vui điên-đảo hóa, vì vọng-thủ sanh khởi. Tất cả thế-gian pháp chẳng thiết hóa, vì ngôn thuyết hiện khởi. Tất cả phiền-não phân-biệt hóa, vì tướng niệm sanh khởi. Lại có thanh-tịnh điều-phục hóa, vì vô-phân-biệt hiện khởi. Nơi tam thế chẳng chuyển hóa, vì vô-sanh bình-đẳng. Bồ-Tát nguyện lực hóa, vì tu hành quảng-đại. Như-Lai đai-bi hóa, vì phương-tiện thị-hiện. Chuyển pháp-luân phương-tiện hóa, vì trí-huệ vô-úy biện-tài diễn-thuyết.

Đại Bồ-Tát rõ biết thế-gian xuất-thế-gian hóa hiện như vậy, chứng biết, biết rộng lớn, biết vô-biên, biết đúng sự, biết tự-tại, biết chơn-thiết. Chẳng phải hư-vọng-kiến có thể huynh động được. Tùy theo sở-hành của thế-gian cũng chẳng hư mất trí biết ấy”.

10. Như hư không nhãn (cũng gọi Như không nhãn):

“Chư Phật-tử ! Thế nào là đại Bồ-Tát như-không-nhãn ?

Đại Bồ-Tát này rõ tất cả pháp-giới như hư-không, vì vô-tướng. Tất cả thế-giới như hư-không, vì vô-khởi. Tất cả pháp như hư-không vì vô-nhị. Tất cả chúng-sanh hạnh như hư-không, vì vô-sở-hành. Tất cả Phật như hư-không, vì vô-phân-biệt. Tất cả phật-lực như hư-không, vì vô-sai-biệt. Tất cả thiên-định như hư-không, vì tam-thế bình-đẳng. Tất cả pháp diễn thuyết như hư-không, vì chẳng ngôn thuyết được. Tất cả thân Phật như hư-không, vì vô-trước vô-ngại”.

Phần cuối của phẩm này là bài kệ dài, xin lược trích vài đoạn:

(...)

Vì cầu đạo bồ - đề

Chuyên tu hướng về đó

Tinh - tấn không thối chuyển

Chẳng bỏ những thiện nghiệp.

Vì cầu đạo bồ - đề

Trong lòng không sợ hãi

Nghe pháp thêm dũng - mãnh

Cúng Phật khiến hoan - hỉ.

(...)

Như lời chư Phật dạy

Bình - đẳng quán các pháp

Chẳng phải nhãn bất - đẳng.

Thành được trí bình - đẳng.

Tùy thuận lời Phật nói

Thành - tựu môn pháp này

Biết rõ đúng như pháp

Cũng chẳng phân - biệt pháp.

(...)

Đồ ăn riêng nhiều món

Chẳng từ mười phương đến

Đúng theo nghiệp đã tu

Tự - nhiên hiện trong bát.

Bồ - Tát cũng như vậy

Quán - sát tất cả pháp

Đều từ nhưn duyên khởi

Vô - sanh nên vô - diệt,

Vô - diệt nên vô - tận,

Vô - tận nên vô - nhiễm,

Nơi pháp biến - dị kia

Biết rõ không biến - dị.

(...)

Bồ - Tát trụ nhãn này

Thấy khắp các Như - Lai

Đồng thời thọ ký cho

Gọi là thọ Phật - chức.

Phẩm thứ ba mươi: A Tăng Kỳ

Trong phẩm này đức Thế Tôn thuyết giảng về khái niệm vô lượng vô biên, bất khả thuyết đại kiếp – a tăng kỳ kiếp. Trước hết hãy xem nghĩa a tăng kỳ trong từ điển:

A tăng kì hay a tăng kỳ kiếp, nghĩa là vô lượng số đại kiếp. Trong ba kiếp a tăng kì, đức Thích ca đã được gặp vô số Phật. Theo luận Đại tì bà sa quyển 178, trong kiếp a tăng kỳ thứ nhất, Ngài phụng sự bảy vạn năm nghìn đức Phật; trong kiếp a tăng kỳ thứ hai, Ngài phụng sự bảy vạn sáu nghìn đức Phật và trong kiếp a tăng kỳ thứ ba, Ngài phụng sự bảy vạn bảy nghìn đức Phật.

Về việc phối hợp ba kiếp a tăng kỳ với các giai vị tu hành, trong kinh luận có nhiều thuyết khác nhau.

Trong Tứ giáo nghĩa quyển bốn, Đại sư Trí Khải tông Thiên thai, phối hợp ba kiếp với các giai vị của Thanh văn như sau: 1. Kiếp a tăng kì thứ nhất: Phối với vị Ngoại phàm, tức chứng được các giai vị Biệt tướng niệm xứ và Tổng tướng niệm xứ trong Ngũ đình tâm. 2. Kiếp a tăng kì thứ hai: Phối với Noãn vị của Nội phàm, tức giai vị dùng trí tuệ của pháp Noãn tu tập 6 độ. 3. Kiếp a tăng kì thứ ba: Phối với Đỉnh vị, tức giai vị siêng tu lục độ, quán xét và hiểu rõ Tứ đế.

Theo thuyết của Nhiếp đại thừa luận bản quyển hạ thì: 1. Kiếp a tăng kì thứ nhất: Phối với các giai vị Bồ tát Địa tiền, tức 40 giai vị: Thập tín, Thập trụ, Thập hành, Thập hồi hướng. 2. Kiếp a tăng kì thứ hai: Phối với các giai vị từ Sơ địa đến Thất địa. 3. Kiếp a tăng kì thứ ba: Phối với các giai vị từ Bát địa đến Thập địa.

Ngoài ra, Luận Nhiếp đại thừa quyển hạ (bản dịch đời Lương) còn nêu các thuyết bảy a tăng kì và ba mươi ba a tăng kì (Từ điển Phật Quang).

Xin trở vào kinh:

“Bấy giờ Tâm Vương Bồ Tát bạch Phật rằng : “Bạch Thế Tôn ! Chư Phật Thế Tôn diễn nói a tăng kỳ, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết”.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là a tăng kỳ nhân đến bất khả thuyết bất khả thuyết ? ”.

Phật bảo Tâm Vương Bồ Tát : “Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay người muốn cho các thế gian nhập vào nghĩa số lượng của Phật đã biết mà hỏi đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác.

Thiện nam tử lóng nghe lóng nghe ! Khéo suy gẫm, Phật sẽ vì người mà nói”.

Đức Phật nói :

Này Thiện nam tử ! Một trăm lạc xoa làm một câu chi. Câu chi lần câu chi làm một a giu đa. A giu đa lần a giu đa làm một na do tha. Na do tha lần na do tha làm một tân bà la. Tân bà la lần tân bà la làm một căn yết la. Căn yết la lần căn yết la làm một a già la. A già la lần a già la làm một tối thắng. Tối thắng lần tối thắng làm một ma bā la. Ma bā la lần ma bā la làm một a bā la. A bā la lần a bā la làm một đa bā la. Đa bā la lần đa bā la làm một giới phân. Giới phân lần giới phân làm một phỏ ma. Phỏ ma lần phỏ ma làm một nễ ma. Nễ ma lần nễ ma làm một a bā câm. A bā câm lần a bā câm làm một di già bà. Di già bà lần di già bà làm một tỳ lã già. Tỳ lã già lần tỳ lã già làm một tỳ già bà. Tỳ già bà lần tỳ già bà làm một tăng yết lã ma. Tăng yết lã ma lần tăng yết lã ma làm một tỳ tát la. Tỳ tát la lần tỳ tát la làm một tỳ chiêm bà. Tỳ chiêm bà lần tỳ chiêm bà làm một tỳ thanh già. Tỳ thanh già lần tỳ thanh già làm một tỳ tố đà. Tỳ tố đà lần tỳ tố đà làm một tỳ bà ha. Tỳ bà ha lần tỳ bà ha làm một tỳ bạc để. Tỳ bạc để lần tỳ bạc để làm một tỳ khư đằm. Tỳ khư đằm lần tỳ khư đằm làm một xúng lượng. Xúng lượng lần xúng lượng làm một nhứt trì. Nhứt trì lần nhứt trì làm một dị lộ. Dị lộ lần dị lộ làm một diên đảo. Diên đảo lần diên đảo làm một tam mạt gia. Tam mạt gia lần tam mạt gia làm một tỳ đố la. Tỳ đố la lần tỳ đố la làm một hệ bā la. Hệ bā la lần hệ bā la làm một từ té. Từ té lần từ té làm một châu quảng. Châu quảng lần châu quảng làm một cao xuất. Cao xuất lần cao xuất làm một tối diệu. Tối diệu lần tối diệu làm một nê la bà. Nê la bà lần nê la bà làm một a lý bà. A lý bà lần a lý bà làm một nhứt động. Nhứt động lần nhứt động làm một ha lý bồ. Ha lý bồ lần ha lý bồ làm một ha lý tam. Ha lý tam lần ha lý tam làm một hệ lỗ già. Hệ lỗ già lần hệ lỗ già làm một đạt lã bộ đà. Đạt lã bộ đà lần đạt lã bộ đà làm một a lỗ na. A lỗ na lần a lỗ na làm một ma lỗ đà. Ma lỗ đà lần ma lỗ đà làm một sám mạc đà. Sám mạc đà lần sám mạc đà làm một y lã đà. Y lã đà lần y lã đà làm một ma lỗ ma. Ma lỗ ma lần ma lỗ ma làm một điều phục. Điều phục lần điều phục làm một ly kiêu mạn. Ly kiêu mạn lần ly kiêu mạn làm một bất động. Bất động lần bất động làm một cực lượng. Cực lượng lần cực lượng làm một a mạ đát la. A mạ đát la lần a mạ đát la làm một bột mạ đát la. Bột mạ đát la lần bột mạ đát la làm một già mạ đát la. Già mạ đát la lần già mạ đát la làm một na mạ đát la. Na mạ đát la lần na mạ đát la làm một hệ mạ đát la. Hệ mạ đát la lần hệ mạ đát la làm một tỳ mạ đát la. Tỳ mạ đát la lần tỳ mạ đát la làm một bát la mạ đát la. Bát la mạ đát la lần bát la mạ đát la làm một thi bà mạ đát la. Thi bà mạ đát la lần thi bà mạ đát la làm một ế la. Ế la lần ế la làm một tiết la. Tiết la lần tiết la làm một đé la. Đé la lần đé la làm một kệ la. Kệ la lần kệ la làm một túy bộ la. Túy bộ la lần túy bộ la làm một nê la. Nê la lần nê la làm một ké la. Ké la lần ké la làm một té la. Té la lần té la làm một tỳ la. Tỳ la lần tỳ la làm một mé la. Mé la lần mé la làm một ta lã đồ. Ta lã đồ lần ta lã đồ làm một mé lỗ đà. Mé lỗ đà lần mé lỗ đà làm một khé lỗ đà. Khé lỗ đà lần khé lỗ đà làm một ma đố la. Ma đố la lần ma đố la làm một ta mẫu la. Ta mẫu la lần ta mẫu la làm một a dã ta. A dã ta lần a dã ta làm một ca mạ la. Ca mạ la lần ca mạ la làm một ma già

bà. Ma già bà lần ma già bà làm một a đát la. A đát la lần a đát la làm một hê lô gia. Hê lô gia lần hê lô gia làm một tiết lỗ bà. Tiết lỗ bà lần tiết lỗ bà làm một yét la ba. Yét la ba lần yét la ba làm một ha bà bà. Ha bà bà lần ha bà bà làm một tỳ bā la. Tỳ bā la lần tỳ bā la làm một na bā la. Na bā la lần na bā la làm một ma lā la. Ma lā la lần ma lā la làm một ta bā la. Ta bā la lần ta bā la làm một mé lā lō. Mé lā lō lần mé lā lō làm một giả mạ la. Giả mạ la lần giả mạ la làm một đà mạ la. Đà mạ la lần đà mạ la làm một bát lā mạ đà. Bát lā mạ đà lần bát lā mạ đà làm một tỳ già ma. Tỳ già ma lần tỳ già ma làm một ô ba bạt đā. Ô ba bạt đā lần ô ba bạt đā làm một diễn thuyết. Diễn thuyết lần diễn thuyết làm một vô tận. Vô tận lần vô tận làm một xuất sanh. Xuất sanh lần xuất sanh làm một vô ngã. Vô ngã lần vô ngã làm một a bạn đā. A bạn đā lần a bạn đā làm một thanh liên hoa. Thanh liên hoa lần thanh liên hoa làm một bát đầu ma. Bát đầu ma lần bát đầu ma làm một tăng kỳ. Tăng kỳ lần tăng kỳ làm một thú. Thú lần thú làm một chí. Chí lần chí làm một **a tăng kỳ**. A tăng kỳ lần a tăng kỳ làm một a tăng kỳ chuyển. A tăng kỳ chuyển lần a tăng kỳ chuyển làm một vô lượng. Vô lượng lần vô lượng làm một vô lượng chuyển. Vô lượng chuyển lần vô lượng chuyển làm một vô biên. Vô biên lần vô biên làm một vô biên chuyển. Vô biên chuyển lần vô biên chuyển làm một vô đẳng. Vô đẳng lần vô đẳng làm một vô đẳng chuyển. Vô đẳng chuyển lần vô đẳng chuyển làm một bất khả số. Bất khả số lần bất khả số làm một bất khả số chuyển. Bất khả số chuyển lần bất khả số chuyển làm một bất khả xung. Bất khả xung lần bất khả xung làm một bất khả xung chuyển. Bất khả xung chuyển lần bất khả xung chuyển làm một bất khả tư. Bất khả tư lần bất khả tư làm một bất khả tư chuyển. Bất khả tư chuyển lần bất khả tư chuyển làm một bất khả lượng. Bất khả lượng lần bất khả lượng làm một bất khả lượng chuyển. Bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển làm một bất khả thuyết. Bất khả thuyết lần bất khả thuyết làm một bất khả thuyết chuyển. Bất khả thuyết chuyển lần bất khả thuyết chuyển làm một bất khả thuyết bất khả thuyết. Và bất khả thuyết bất khả thuyết lần bất khả thuyết bất khả thuyết làm một bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển".

Một lác xoa bằng mười ngàn (10.000) ; một trăm (100) lác xoa bằng một câu chi, tức một câu chi bằng một triệu (1.000.000) ; câu chi lần câu chi tức: câu chi gấp câu chi lần, tức: câu chi nhân câu chi bằng một a giu đā, có nghĩa một a giu đā bằng một ngàn tỷ (1.000.000.000.000). Từ đây trở đi là những con số quá lớn – cho đến a tăng kỳ thì chỉ có thể dùng khái niệm đại loại như: vô lượng vô biên ... và đến “bất khả thuyết” thì có nghĩa: không thể diễn tả hết được.

Cuối phẩm này, đức Thế Tôn đọc bài kệ dài, sơ lược nội dung như sau:

*“Bất khả ngôn thuyết bất khả thuyết
Sung mãn tất cả bất khả thuyết
Trong những kiếp bất khả ngôn thuyết
Nói bất khả thuyết chẳng hết được.*

*Bất khả ngôn thuyết các cõi Phật
Thấy đều nghiên nát làm vi trần
Trong một trần, bất khả thuyết cõi
Như một, tất cả đều như vậy.*

Các cõi Phật nhiều đến mức: Tựa như bụi của mười cõi hồng trần – và, trong một hạt bụi của cõi hồng trần ấy lại có đến ... bất cả thuyết cõi. Như vậy, khái niệm về số lượng cõi Phật nhiều đến mức vượt rất xa – không chỉ là sức đếm – mà đó còn là vượt rất xa sức tưởng tượng của con người. Khái niệm số nhiều quá sức tưởng tượng này được gọi là: *“Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển”*.

Quang minh của Như Lai đến mức: *Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển* phát đủ khắp các cõi mười phương.

Thân của Như Lai đến mức: *Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển* thị hiện đủ khắp các cõi mười phương.

Sự BIẾT của như lai đến mức: *Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển*, biết tất cả : tâm ; thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp từ quá khứ, hiện tại đến vị lai của mọi chúng sanh

Sự THẤY của như lai đến mức: *Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển*, thấy tất cả : các cõi Phật, các cõi Diêm Phù Đề (vốn cũng là *Bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển ...*)

V.v...

Trong bài kệ này, đức Như Lai cũng đề cập đến nhiều vấn đề khác của Bồ Tát, xin đọc ở tác phẩm kinh.

Phẩm thứ ba mươi mốt: Thọ lượng

“Bấy giờ Tâm Vương đại Bồ Tát ở trong chúng hội bảo chư Bồ Tát rằng :

Chư Phật tử ! Ở Ta Bà thế giới cõi của Thích Ca Mâu Ni Phật đây một kiếp, nơi Cực Lạc thế giới, cõi A Di Đà Phật là một ngày một đêm.

Một kiếp ở Cực Lạc thế giới là một ngày một đêm nơi Ca Sa Tràng thế giới, cõi của Kim Cang Kiên Phật.

*Một kiếp ở Ca Sa Tràng thế giới là một ngày một đêm nơi Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân thế giới, cõi của Thiện Thắng Quang Minh Liên Hoa Khai Phu Phật.
Một kiếp ở Bất Thối Chuyển Âm Thanh Luân thế giới là một ngày một đêm nơi Ly Cấu thế giới, cõi của Pháp Tràng Phật.*

Một kiếp ở Ly Cấu thế giới là một ngày một đêm nơi Thiện Đăng thế giới, cõi của Sư Tử Phật.

Một kiếp ở Thiện Đăng thế giới là một ngày một đêm nơi Diệu Quang Minh thế giới, cõi của Quang Minh Tạng Phật.

Một kiếp ở Diệu Quang Minh thế giới là một ngày một đêm nơi Nan Siêu Quá thế giới, cõi của Pháp Quang Minh Liên Hoa Khai Phu Phật.

Một kiếp ở Nan Siêu Quá thế giới là một ngày một đêm nơi Trang nghiêm Huệ thế giới, cõi của Nhứt Thiết Thần Thông Quang Minh Phật.

Một kiếp ở Trang Nghiêm Huệ thế giới là một ngày một đêm nơi Cảnh Quang Minh thế giới, cõi của Nguyệt Trí Phật.

Chư Phật tử ! Tuần tự như vậy, nhĩ đến quá trăm vạn a tăng kỳ thế giới, một kiếp ở thế giới rốt sau là một ngày một đêm nơi Thắng Liên Hoa thế giới, cõi của Hiền Thắng Phật. Phổ Hiền Bồ Tát và chư đại Bồ Tát đồng hạnh đồng đầy trong thế giới Thắng Liên Hoa này”.

Cứ cho rằng: khái niệm kiếp ở trên đây là một tiểu kiếp, tức mười sáu triệu tám trăm ngàn năm – thì, với chừng ấy thời gian của cõi Ta Bà này – chỉ bằng “hơi thở” của cõi Hiền Thắng Phật vậy.

Điều này tựa như: đời của một kiếp thiêu thân – vốn là đằng đằng dài ...

Phẩm thứ ba mươi hai: **Bồ Tát Trụ Xứ**

Phẩm này đơn giản là giới thiệu một số nơi Các Bồ Tát “nổi tiếng” đang ở:

*Bấy giờ Tâm vương đại Bồ Tát ở trong chúng hội bảo chư Bồ Tát rằng :
Chư Phật tử ! Phương Đông có một nơi tên là Tiên Nhơn Sơn, từ xưa đến nay các
chúng Bồ Tát thường ở trong đó. Hiện nay có Kim Cang Thắng Bồ Tát cùng ở với
ba trăm vị Bồ Tát quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Phương Nam có một xứ tên là Thắng Phong Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó. Hiện nay có Pháp Huệ Bồ Tát cùng ở với năm trăm vị Bồ Tát
quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Phương Tây có một xứ tên là Kim Cang Diệm Sơn, từ xưa nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó. Hiện nay có Tinh Tấn Vô Úy Hành Bồ Tát cùng ở với ba trăm vị
Bồ Tát quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Phương Bắc có một xứ tên là Hương Tích Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó. Hiện nay có Hương Tượng Bồ Tát cùng ở với ba ngàn vị Bồ Tát
quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Đông Bắc phương có xứ tên là Thanh Lương Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ
Tát thường ở nơi đó. Hiện nay có Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng ở với một vạn vị Bồ
Tát quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Trong biển có một xứ tên là Kim Cang Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó. Hiện nay có Pháp Khởi Bồ Tát cùng ở với một ngàn hai trăm vị
Bồ Tát quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Đông Nam phương có một xứ tên là Chi Đề Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó. Hiện nay có Thiên Quan Bồ Tát cùng ở với một ngàn vị Bồ Tát
quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Tây Nam phương có một xứ tên là Quang Minh Sơn. Từ xưa đến nay các chúng Bồ
Tát thường ở nơi đó. Hiện nay có Hiền Thắng Bồ Tát cùng ở với ba ngàn vị Bồ Tát
quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Tây Bắc phương có một xứ tên là Hương Phong Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ
Tát thường ở nơi đó. Hiện nay có Hương Quang Bồ Tát cùng ở với năm ngàn vị Bồ
Tát quyền thuộc, mà diễn thuyết pháp.*

*Trong đại hải lại có một xứ tên là Trang Nghiêm Quật, từ xưa đến nay các chúng
Bồ Tát thường ở nơi đó.*

*Phía Nam nước Tỳ Xá Ly có một xứ tên là Thiện Trụ Căn, từ xưa đến nay các
chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.*

*Thành ma Độ La có xứ tên là Mãn Túc Quật, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát
thường ở nơi đó.*

Thành Câu Trân Na có một xứ tên là Pháp Toạ, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Thành Thanh Tịnh Bĩ Ngạn có một xứ tên là Chơn Lâm Đà Quật, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Ma Lan Đà có một xứ tên là Vô Ngại Long Vương Kiến Lập, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Cam Bồ Già có một xứ tên là Xuất Sanh Từ, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Chân Đán có một xứ tên là Na La Diên Quật, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Sớ Lặc có một xứ tên là Ngưu Đầu Sơn, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Ca Diếp Di La có một xứ tên là Thứ Đệ, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Thành Tăng Trưởng Hoan Hỷ có một xứ tên là Tôn Giả Quật, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước An Phù Lê Ma có một xứ tên là Kiến Úc Tạng Quang Minh, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Nước Càn Đà La có một xứ tên là Chiêm Bà La Quật, từ xưa đến nay các chúng Bồ Tát thường ở nơi đó.

Phẩm thứ ba mươi ba: Bất Tư Nghi

Bất tư nghi: không có gì phải nghi ngờ ; không có gì phải băn khoăn nghĩ bàn.

Các Bồ Tát ưu tư:

Thế nào là: không có gì phải băn khoăn nghĩ bàn về: Quốc độ của chư Phật, Bản nguyện của chư Phật, Chủng tánh của chư Phật, Chư Phật xuất hiện, Thân của chư Phật, Âm thanh của chư Phật, Trí huệ của chư Phật, Tự tại của chư Phật, Vô ngại của chư Phật, Giải thoát của chư Phật ?

Đây là mỗi ưu tư vô cùng phức tạp. Để giải tỏa mỗi ưu tư này đức Như Lai đã phải đề cập đến rất nhiều vấn đề:

I.

1. Vô lượng trụ:

“Phật tử ! Chư Phật Thế Tôn có vô lượng trụ. Những là : thường trụ đại bi, trụ nhiều loại thân làm những Phật sự, trụ tâm bình đẳng chuyển tịnh pháp luân, trụ tứ biện tài thuyết vô lượng pháp, trụ bất tư nghi tất cả Phật pháp, trụ tiếng thanh tịnh khắp vô lượng cõi, trụ bất khả thuyết pháp giới thậm thâm, trụ hiện tất cả thân thông tối thắng, trụ hay khai thị pháp rốt ráo vô ngại”.

2. Mười pháp thân :

Đức Thế Tôn có vô lượng vô biên pháp:

Mười pháp: vô lượng vô biên: thân sắc tướng thanh tịnh ; nhãn vô ngại ; nhĩ vô ngại ; tỷ vô ngại ; thiệt vô ngại ; thân vô ngại ; ý vô ngại ; giải thoát vô ngại ; thế giới thanh tịnh ; Bồ Tát hạnh nguyện (vô ngại: không chướng ngại).

3. Mười niệm niệm:

Mười thứ niệm niệm xuất sanh trí : Trong một niệm, tất cả chư Phật đều hay thị hiện (nhìn thấy) vô lượng thế giới (của đức Thế Tôn) : từ cõi trời giáng xuống ; Bồ Tát thọ sanh ; xuất gia học đạo ; dưới cội Bồ Đề thành Đẳng Chánh Giác ; chuyển diệu Pháp luân ; giáo hóa chúng sanh, cúng dường chư Phật ; bất khả thuyết nhiều loại thân Phật ; vô số trang nghiêm, tất cả trí tạng tự tại của Như Lai ; vô lượng vô số chúng sanh thanh tịnh ; tam thế chư Phật, có nhiều loại căn tánh, nhiều cách tinh tấn, nhiều thứ hạnh giải, ở trong tam thế thành Đẳng Chánh Giác.

4. Chẳng lỗi thời (không có chút tỳ vết sai sót)

Đức Thế Tôn (nhận biết) có mười điều sau mà các chư Phật không có chút tỳ vết sai sót nào:

Tất cả chư Phật: thành Chánh Đẳng Chánh Giác ; thành thực cả có duyên ; thọ ký cho chư Bồ Tát ; theo tâm của chúng sanh mà thị hiện thân lực ; theo chỗ hiểu của

chúng sanh mà thị hiện thân Phật ; trụ nơi đại xả ; vào các tụ lạc ; nhiếp thọ các chúng sanh tịnh tỉnh ; đều phục những chúng sanh ác ; hiện bất tư nghi Phật thân thông .

5. Cảnh giới vô tỷ bất tư nghi:

Đức Thế Tôn (nhận biết) có mười cảnh giới vô tỷ (không gì sánh bằng) bất tư nghi:

Tất cả chư Phật: một lần ngồi kiết già cùng khắp mười phương vô lượng thế giới ; nói một cú nghĩa đều hay khai thị tất cả Phật pháp ; phóng một quang minh đều chiếu khắp tất cả thế giới ; ở nơi một thân đều hay thị hiện tất cả thân ; ở trong một xứ đều hay thị hiện tất cả thế giới ; ở trong một trí đều hay quyết rõ tất cả các pháp không bị ngăn ngại ; ở trong một niệm đều hay qua khắp mười phương thế giới ; ở trong một niệm đều hiện Như Lai vô lượng oai đức ; ở trong một niệm duyên khắp tam thế : Phật và chúng sanh, tâm không tạp loạn ; ở trong một niệm cùng với tam thế tất cả Phật đồng một thể không hai.

6. Xuất sanh mười trí

Chư Phật thế tôn hay xuất sanh mười thứ trí :

"Hồi hương nguyện trí" ; "thanh tịnh thân trí" ; "năng giác ngộ trí" ; "điều chúng sanh trí" ; "liễu chư tướng trí" ; "liễu thành hoại trí" ; "tri nghiệp quả trí" ; "liễu ngôn thuyết trí" ; "tri nhiệm tịnh trí" ; "liễu sanh diệt trí".

Xem thêm ở phần tác phẩm kinh. Đây là mười trí xuất sanh (sinh ra), không phải là “Thập trí”.

7. Mười phổ nhập pháp

Chư Phật thế tôn có mười thứ phổ nhập pháp :

Tất cả chư Phật: vào khắp tam thế ; giáo hoá khắp chúng sanh ; khắp thọ trì tất cả Phật pháp ; chuyển khắp tất cả pháp luân thanh tịnh ; hằng chẳng bỏ lìa tất cả chúng sanh ; hằng khắp quán sát tất cả chúng sanh ; đều phục chúng sanh không có thôi dứt ; hay khắp an trụ tất cả pháp giới ; một niệm hiện khắp tam thế chư Phật ; một niệm lập khắp tam thế kiếp số.

8. Mười pháp quảng đại

Chư Phật Thế Tôn có mười pháp quảng đại khó tin thọ :

Tất cả chư Phật: đều hay trừ diệt tất cả loại ma ; đều hay hàng phục tất cả ngoại đạo ; đều hay điều phục tất cả chúng sanh đều làm cho họ vui đẹp ; đều hay qua đến tất cả thế giới hóa đạo mọi loài ; đều hay trí chứng pháp giới thậm thâm ; đều hay dùng thân vô nhị hiện những thân tràn đầy thế giới ; đều hay dùng âm thanh, thanh tịnh khởi bốn biện tài thuyết pháp không dứt, phàm có tinh thọ thời chẳng luống công ; đều hay xuất hiện chư Phật số đồng với số tất cả thế vi trần, không lúc nào đoạn tuyệt ; đều hay ở trong một vi trần thị hiện các cõi đồng với số tất cả thế giới vi trần, chuyển diệu pháp luân giáo hoá chúng sanh ; đều liễu đạt pháp giới thanh tịnh, dùng trí quang minh phá si ám của thế gian, làm cho đều được khai hiểu nơi Phật pháp, theo dõi Như Lai, trụ trong Thập lực.

9. Mười công đức lớn

Chư Phật Thế Tôn có mười công đức lớn hoàn toàn thanh tịnh :

Tất cả chư Phật: Đủ oai đức lớn ; đều sanh nơi nhà tam thế Như Lai, chủng tộc điều thiện ; tột vị lai tế tâm vô sở trụ ; nơi pháp tam thế đều vô sở trước ; biết những loại tánh, đều là một tánh, không từ đâu đến ; tiền tế hậu tế phước đức vô tận đồng với pháp giới ; vô biên thân tướng khắp mười phương cõi, tùy thời điều phục tất cả chúng sanh ; được bốn đức vô úy là những khủng bố, ở trong chúng hội đại sư tử hống, phân biệt rành rẽ tất cả các pháp ; trong bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp nhập Niết Bàn, chúng sanh nghe danh hiệu được phước vô lượng như Phật hiện tại công đức không khác ; ở xa trong bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, nếu có chúng sanh nhất tâm chánh niệm thời đều được thấy.

10. Mười điều rớt ráo thanh tịnh

Chư Phật Thế Tôn có mười điều rớt ráo thanh tịnh (rất mực thanh tịnh):

Tất cả chư Phật thuở xưa rớt ráo thanh tịnh: các đại nguyện ; giữ gìn phạm hạnh ; rời những mê lầm thế gian ; trang nghiêm cõi nước ; những quyến thuộc ; các chủng tộc ; sắc thân tướng hảo ; thân vô nhiễm ; nhứt thiết chủng trí ; giải thoát tự tại chỗ làm đã xong đến bỉ ngạn (đến bến bờ giải thoát).

II.

1. Mười thứ Phật sự

Nếu có chúng sanh chuyên tâm nghĩ nhớ thời Phật hiện ra trước họ ; nếu có chúng sanh tâm chẳng điều thuận thời Phật vì họ mà thuyết pháp ; nếu có chúng sanh hay sanh tịnh tín thời Phật làm cho họ được vô lượng thiện căn ; nếu có chúng sanh hay nhập pháp vị thời đều hiện chứng không pháp nào chẳng biết ; giáo hóa chúng sanh không hề nhàm mỏi ; du hành các cõi Phật, qua lại vô ngại ; đại bi chẳng bỏ tất cả chúng sanh ; hiện thân biến hóa hằng không đoạn tuyệt ; thân thông tự đại chưa từng thôi nghỉ ; an trụ pháp giới hay khắp quán sát.

2. Mười pháp trí hải

Chư Phật Thế Tôn có mười thứ pháp trí hải vô tận :

Tất cả chư Phật: vô biên pháp thân ; vô lượng Phật sự ; cảnh giới Phật nhãn ; vô lượng vô số nan tư thiện căn ; mưa khắp tất cả cam lồ diệu pháp ; tán thán Phật công đức ; ngày trước đã tu những nguyện hạnh ; tột vị lai tế hằng làm Phật sự ; biết rõ tâm hành của tất cả chúng sanh ; phước trí trang nghiêm không ai hơn.

3. Mười thường pháp

Chư Phật Thế Tôn có mười thứ thường pháp :

Tất cả chư Phật: thường thật hành tất cả những Ba la mật ; nơi tất cả pháp, thường rời hẳn mê lầm ; thường đủ đức đại bi ; thường có đủ Thập lực ; thường chuyển Pháp luân ; thường vì chúng sanh mà thị hiện thành Chánh giác ; thường thích điều phục tất cả chúng sanh ; tâm thường chánh niệm pháp Bất nhị ; giáo hóa chúng sanh xong rồi thường thị hiện nhập Vô dư Niết bàn ; cảnh giới thường không biên tế.

4. Mười môn diễn thuyết

Chư Phật Thế Tôn có mười môn diễn thuyết vô lượng :

Tất cả chư Phật: diễn thuyết vô lượng chúng sanh giải thoát ; diễn thuyết vô lượng chúng sanh hạnh ; diễn thuyết vô lượng chúng sanh nghiệp quả ; diễn thuyết vô lượng hóa chúng sanh ; diễn thuyết vô lượng tịnh chúng sanh ; diễn thuyết vô lượng Bồ Tát hạnh ; diễn thuyết vô lượng Bồ Tát nguyện ; diễn thuyết vô lượng tất cả thế giới thành kiếp hoại kiếp ; diễn thuyết vô lượng Bồ Tát tâm tâm tịnh Phật sát ; diễn thuyết vô lượng tất cả thế giới tam thế chư Phật, diễn thuyết vô lượng nhưt thiết chư Phật trí môn.

5. Mười điều vì chúng sanh

Chư Phật Thế Tôn có mười điều vì chúng sanh làm Phật sự :

Tất cả chư Phật: thị hiện sắc thân ; phát diệu âm thanh ; có chỗ thọ vì ; không chỗ thọ vì ; dùng địa, thủy, hỏa, phong ; thần lực tự tại thị hiện tất cả cảnh giới sở duyên ; nhiều thứ danh hiệu ; dùng cảnh giới chư Phật ; nghiêm tịnh cõi Phật ; vắng lặng không lời.

6. Mười pháp tối thắng

Chư Phật Thế Tôn có mười pháp tối thắng :

Tất cả chư Phật: đại nguyện kiên cố chẳng gì ngăn trở phá hoại được, nói ra tất thật hành, lời nói không có hai ; vì muốn viên mãn tất cả công đức nên tột kiếp vị lai tu hạnh Bồ Tát chẳng mỏi lười ; vì muốn điều phục tất cả chúng sanh nên qua đến bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới để vì chúng sanh không lúc nào đoạn tuyệt ; đối với hai hạng chúng sanh : kính tin và hủy báng, tâm đại bi xem đồng bình đẳng không khác ; từ lúc sơ phát tâm nhẫn đến thành Phật trọn không thối thất tâm Bồ Đề ; chứa nhóm vô lượng những công đức lành đều đem hồi hướng tánh nhưt thiết trí, với các thế gian trọn không nhiễm trước ; ở chỗ chư Phật tu học ba nghiệp, chỉ thật hành hạnh Phật chẳng phải hạnh Nhị thừa, đều để hồi hướng tánh Nhưt thiết trí, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ Đề ; phóng đại quang minh, quang minh này bình đẳng chiếu tất cả chỗ và chiếu tất cả Phật pháp, làm cho chư Bồ Tát tâm được thanh tịnh viên mãn Nhưt Thiết trí ; rời bỏ sự vui thế gian chẳng tham chẳng nhiễm, mà nguyện khắp thế gian lìa khổ được vui không có những hý luận ; thương các chúng sanh chịu những sự khổ, giữ gìn Phật chủng, đi nơi cảnh giới Phật, xuất ly sanh tử, đến bậc Thập lực.

7. Mười điều vô chướng ngại

Chư Phật Thế Tôn có mười điều vô chướng ngại trụ :

Tất cả chư Phật: đều hay qua đến tất cả thế giới ; đều hay trụ ở tất cả thế giới ; đều hay ở nơi tất cả thế giới đi, đứng, nằm, ngồi ; đều hay ở nơi tất cả thế giới diễn thuyết chánh pháp ; đều hay ở nơi tất cả thế giới trụ ở cung trời Đâu Suất ; hay nhập pháp giới tất cả tam thế ; hay ngồi pháp giới tất cả đạo tràng ; đều hay niệm niệm quán tâm hành của tất cả chúng sanh, dùng ba môn tự tại giáo hóa điều

phục ; hay dùng một thân trụ ở vô lượng bát tư nghi chỗ chư Phật và tất cả chỗ để lợi ích chúng sanh ; hay khai thị chánh pháp của vô lượng chư Phật nói.

8. Mười thứ vô thượng trang nghiêm

Chư Phật Thế Tôn có mười thứ tối thắng vô thượng trang nghiêm :

Tất cả chư Phật:

Đều đầy đủ những đại nhơn tướng và tùy hình hảo ;

Đều đầy đủ sáu mươi thứ âm thanh, mỗi âm thanh có năm trăm phần, mỗi phần có vô lượng trăm ngàn âm thanh thanh tịnh dùng để nghiêm hảo, ở trong tất cả chúng khắp pháp giới không hãi sợ, đại sư tử hống diễn nói pháp nghĩa thậm thâm của Như lai. Chúng sanh được nghe không ai chẳng hoan hỷ, tùy căn dục của họ đều được điều phục ;

Đều đủ Thập lực các đại tam muội, mười tám pháp bất cộng trang nghiêm ý nghiệp, chỗ có cảnh giới đều thông đạt vô ngại, tất cả Phật pháp đều được vô dư pháp giới trang nghiêm để dùng trang nghiêm. Pháp giới chúng sanh, tam thế tâm hành đều riêng khác, trong một niệm đều thấy rõ cả ;

Đều hay phóng vô số quang minh. Mỗi mỗi quang minh có bất khả thuyết lược quang minh làm quyến thuộc chiếu khắp tất cả Phật độ, diệt trừ đen tối của tất cả thế gian, thị hiện vô lượng chư Phật xuất thế, thân đó bình đẳng thấy đều thanh tịnh, chỗ làm Phật sự đều không luống uổng, hay làm cho chúng sanh đến bậc bất thối chuyển ; lúc hiện mỉm cười, đều ở nơi miệng phóng ra trăm ngàn ức na do tha a tăng kỳ quang minh. Mỗi quang minh đều có vô lượng bát tư nghi các thứ màu chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. Ở trong đại chúng phát lời thành thiết, thọ ký đạo Vô thượng Chánh giác cho vô lượng vô số bát tư nghi chúng sanh ;

Đều có pháp thân thanh tịnh vô ngại, nơi tất cả pháp thông đạt rốt ráo, trụ nơi pháp giáo không có biên tế. Dầu ở thế gian mà chẳng tạp với thế gian. Rõ thiết tánh thế gian, thật hành pháp xuất thế. Dứt đường ngôn ngữ, siêu uẩn xứ giới ;

Đều có vô lượng thường quang minh vi diệu, bất khả thuyết bất khả thuyết những thứ sắc tướng dùng làm nghiêm hảo, làm tạng quang minh viên mãn, chiếu khắp mười phương không chướng ngại ;

Đều có vô biên diệu sắc, khả ái diệu sắc, thanh tịnh diệu sắc, tùy tâm hiện diệu sắc, diệu sắc che chói tất cả ba cõi, diệu sắc đến bỉ ngạn vô thượng ;

Đều sanh trong tam thế Phật chủng, chứa những báu lành rốt ráo thanh tịnh không có lầm lỗi, rời sự chê khinh của thế gian, là chỗ trang nghiêm nhất của diệu hạnh thanh tịnh thù thắng trong tất cả pháp, thành tựu đầy đủ. Nhất thiết chủng trí, chủng tộc thanh tịnh không ai khinh chê được ;

Dùng đại từ lực trang nghiêm thân mình, rốt ráo thanh tịnh không có những khát ái, thân hành đã dứt hẳn, tâm đã khéo giải thoát, người thấy không chán, đại bi cứu hộ tất cả thế gian. Là phước điền đệ nhất, là bậc thọ cúng vô thượng thương xót lợi ích tất cả chúng sanh đều làm cho họ thêm lớn vô lượng phước đức trí huệ.

9. Mười pháp tự tại

Chư Phật Thế Tôn có mười pháp tự tại (hiển nhiên, có sẵn):

Tất cả chư Phật:

Nơi tất cả pháp đều được tự tại. Thấu rõ tất cả cú thân, vị thân, diễn thuyết các pháp biện tài vô ngại ;

Giáo hóa chúng sanh chưa từng lỗi thời, tùy theo sở thích mong cầu của họ mà nói chánh pháp, đều làm cho họ điều phục không đoạn tuyệt ;

Hay làm cho tận hư không giới vô lượng vô số các thứ trang nghiêm, tất cả thế giới chấn động sáu cách. Làm cho thế giới đó hoặc cất lên, hoặc hạ xuống, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc hiệp, hoặc tan, chưa từng nào hại chúng sanh. Chúng sanh trong thế giới đó chẳng hay chẳng biết, không nghi, không cho là lạ ;

Dùng sức thần thông đều hay nghiêm tịnh tất cả thế giới, trong khoảng một niệm, hiện khắp tất cả thế giới trang nghiêm. Những trang nghiêm này trải qua vô số kiếp nói chẳng thể hết, thấy đều ly nhiễm thanh tịnh vô tỉ. Những sự nghiêm tịnh của tất cả cõi Phật, đều làm cho bình đẳng vào trong một cõi ;

Thấy một chúng sanh đáng được giáo hóa, vì họ mà trụ thọ mạng trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, nhẫn đến tận vị lai tế ngòai kiết già, thân tâm không mỏi, chuyên tâm ghi nhớ chưa từng bỏ quên, phương tiện điều phục chẳng lỗi thời. Như vì một chúng sanh, vì tất cả chúng sanh đều cũng như vậy ;

Đều hay qua khắp tất cả thế giới, nơi sở hành của tất cả Như Lai, mà chẳng tạm bỏ tất cả pháp giới. Mười phương đều riêng khác. Mỗi mỗi phương có vô lượng thế giới hải. Mỗi mỗi thế giới hải có vô lượng thế giới chủng. Phật dùng thần lực, khoảng một niệm đều qua đến, chuyển pháp luân thanh tịnh vô ngại ;

Vì muốn điều phục tất cả chúng sanh trong mỗi niệm thành Vô thượng Chánh giác, mà nơi tất cả Phật pháp chẳng phải đã giác, hiện giác, cũng chẳng phải sẽ giác, cũng chẳng trụ nơi bậc hữu học, mà đều thấy biết thông đạt vô ngại, vô lượng trí huệ, vô lượng tự tại, giáo hóa điều phục vô lượng chúng sanh ;

Hay dùng nhĩ xứ làm nhĩ xứ Phật sự, hay dùng nhĩ xứ làm tỷ xứ Phật sự, hay dùng tỷ xứ làm thiết xứ Phật sự, hay dùng thiết xứ làm thân xứ Phật sự, hay dùng thân xứ làm ý xứ Phật sự, hay dùng ý xứ trong tất cả thế giới trụ thế xuất thế các thứ cảnh giới, trong mỗi mỗi cảnh giới hay làm vô lượng Phật sự quảng đại ;

Xuất thế giáo hóa chúng sanh, chuyển tịnh pháp luân, khai thị bất khả thuyết, tam thế chánh pháp, khắp hư không giới tất cả chúng sanh thọ thân các loài oai nghi qua lại và những đồ sở thích mà họ thọ hưởng đều đầy đủ ;

Trong khoảng một niệm hiện tất cả thế giới vi trần số Phật. Mỗi mỗi đức Phật đều ở nơi tất cả pháp giới chúng diệu liên hoa quảng đại trang nghiêm thế giới, trên tòa liên hoa tạng sư tử mà thành Đẳng Chánh Giác, thị hiện chư Phật tự tại thần lực. Như ở nơi chúng diệu liên hoa quảng đại trang nghiêm thế giới như vậy, ở trong tất cả pháp giới, bất khả thuyết bất khả thuyết các thứ trang nghiêm, các thứ cảnh giới, các thứ hình tướng, các thứ thị hiện, các thứ kiếp số thanh tịnh thế giới. Như ở trong khoảng một niệm như vậy, ở trong tất cả niệm của vô lượng vô biên a

tăng kỳ kiếp, một niệm hiện tất cả, một niệm trụ vô lượng, mà chưa từng dùng chút sức phương tiện.

10. Mười Phật pháp viên mãn

Tất cả chư Phật: mỗi tướng thanh tịnh đều đủ trăm phước ; thấy đều thành tựu tất cả Phật pháp ; thấy đều thành tựu tất cả thiện căn ; thấy đều thành tựu tất cả công đức ; đều hay giáo hóa tất cả chúng sanh ; đều hay vì tất cả chúng sanh mà làm chủ ; đều thành tựu cõi Phật thanh tịnh ; đều thành tựu Nhất thiết chủng trí ; đều thành tựu sắc thân tướng hảo, người thấy thân Phật thời được lợi ích ; đều đủ chánh pháp bình đẳng của chư Phật ; khi làm Phật sự rồi, không đức Phật nào chẳng thị hiện nhập Niết bàn.

III.

1. Mười phương tiện thiện xảo

Chư Phật Thế Tôn có mười phương tiện thiện xảo :

Tất cả chư Phật:

Biết rõ tất cả pháp đều rời hý luận mà hay khai thị thiện căn của chư Phật ;

Biết tất cả pháp đều không chỗ thấy, đều chẳng biết nhau, không trói không mở, không thọ không nhóm, không thành tựu, tự tại rốt ráo đến bờ kia, nhưng nơi các pháp đều biết chơn thiệt, chẳng riêng chẳng khác mà được tự tại, không ngã không thọ, chẳng hoại thiệt tế, đã được đến nơi bực đại tự tại, thường hay quan sát tất cả pháp giới ;

Lìa hẳn các tướng, tâm không sở trụ, mà biết rõ tất cả chẳng loạn chẳng làm, dầu biết tất cả tướng đều không tự tánh, mà đúng như thể tánh của nó đều hay khéo vào, cũng thị hiện vô lượng sắc thân và tất cả Phật độ thanh tịnh, những tướng trang nghiêm vô tận, nhóm đèn trí huệ diệt sự tối tăm của chúng sanh ;

Trụ nơi pháp giới, chẳng trụ quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì trong tánh như như không có tướng tam thế. Mà hay diễn thuyết tam thế vô lượng chư Phật xuất hiện thế gian. Làm cho người nghe thấy khắp cảnh giới của tất cả chư Phật ;

Thân, ngữ, ý nghiệp không chỗ tạo tác, không lai không khứ không trụ, rời những số pháp, đến nơi tất cả pháp bĩ ngạn mà làm tạng các pháp, đủ vô lượng trí, rõ suốt những pháp thế xuất thế, trí huệ vô ngại, thị hiện vô lượng thần lực tự tại, điều phục tất cả pháp giới chúng sanh.

Biết tất cả pháp chẳng thấy được, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng, chẳng lai quá khứ, đều không tự tánh, cũng chẳng trái với các pháp thế gian. Tất cả người trí ở trong không tự tánh, mà thấy tất cả pháp, tự tại với các pháp. Nói rộng các pháp mà thường an trụ chơn như thiệt tánh.

Ở trong một thời gian biết tất cả thời gian, đủ thiện căn thanh tịnh, nhập chánh vị mà không sở trước. Nơi tất cả thời gian : ngày, tháng, năm, kiếp, thành, hoại. Những thời gian như vậy, chẳng trụ chẳng bỏ mà hay thị hiện hoặc ngày, hoặc đêm, một ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng, một năm, trăm năm, một kiếp,

nhiều kiếp, bất khả tư kiếp, bất khả thuyết kiếp, nhẫn đến tận vị lai tế kiếp, hằng vì chúng sanh chuyển diệu pháp luân, chẳng đoạn chẳng thối không thôi dứt.

Hằng trụ pháp giới thành tựu vô lượng Phật vô úy và bất khả số biện tài, bất khả lượng biện tài, vô tận biện tài, vô đoạn biện tài, vô biên biện tài, bất cộng biện tài, vô cùng biện tài, chơn thiệt biện tài, phương tiện khai thị tất cả cú biện, tất cả pháp biện, tùy theo căn tánh và cùng đực giải, dùng các thứ pháp môn nói bất khả thuyết bất khả thuyết trăm ngàn ức na do tha khế kinh, sơ trung hậu đều lành, thấy đều rốt ráo.

Trụ tịnh pháp giới, biết tất cả pháp vốn không danh tự, không tên quá khứ, không tên hiện tại, không tên vị lai, không tên chúng sanh, không tên phi chúng sanh, không tên quốc độ, không tên phi quốc độ, không tên pháp, không tên phi pháp, không tên công đức, không tên phi công đức, không tên Bồ Tát, không tên Phật, không tên số, không tên phi số, không tên sanh, không tên diệt, không tên có, không tên không, không tên một, không tên nhiều. Tại sao vậy ? Vì thể tánh các pháp bất khả thuyết. Tất cả các pháp không phương không xứ, chẳng thể hiệp nói, chẳng thể tan nói, chẳng thể một nói, chẳng thể nhiều nói, âm thanh chẳng đến, ngôn ngữ đều dứt. Dầu theo thể tục có các thứ ngôn thuyết mà không chỗ phan duyên, không chỗ tạo tác, xa lìa tất cả tướng chấp hư vọng. Như vậy rốt ráo đến nơi bĩ ngạn.

Biết tất cả pháp bốn tánh tịch tịnh. Vì không sanh nên chẳng phải sắc. Vì không hí luận nên chẳng phải thọ. Vì không danh số nên chẳng phải tướng. Vì không tạo tác nên chẳng phải hành. Vì không chấp thủ nên chẳng phải thức. Không nhập xứ nên chẳng phải xứ. Vô sở đắc nên chẳng phải giới. Nhưng cũng chẳng hoại tất cả pháp. Bốn tánh vô khởi vì như hư không. Tất cả pháp thấy đều không tịch, không nghiệp quả, không tu tập, không thành tựu, không xuất sanh, chẳng số, chẳng không số, chẳng hữu, chẳng vô, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng nhập, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng không trụ, chẳng điều phục, chẳng không điều phục, chẳng chúng sanh, chẳng không chúng sanh, chẳng thọ mạng, chẳng không thọ mạng, chẳng nhơn duyên, chẳng không nhơn duyên. Mà hay biết rõ những chúng sanh chánh định, tà định và bất định, vì họ thuyết diệu pháp cho họ đến bĩ ngạn, thành tựu Thập lực, tứ vô úy, hay Sư tử hống, đủ Nhứt thiết trí, trụ cảnh giới Phật.

2. Mười điều vô nhị

Tất cả chư Phật quyết định không hai:

Đều hay khéo nói lời thọ ký ; đều hay tùy thuận tâm niệm của chúng sanh làm cho ý họ được thỏa mãn ; đều hay hiện giác tất cả pháp, diễn thuyết ý nghĩa ; đều hay đầy đủ tam thế Phật trí huệ ; đều biết tam thế tất cả sát na là một sát na ; đều biết tam thế tất cả cõi Phật vào một cõi Phật ; đều biết tam thế tất cả lời Phật là một lời Phật ; đều biết tam thế tất cả chư Phật cùng tất cả chúng sanh được giáo hóa thể tánh bình đẳng ; đều biết thế pháp và Phật pháp tánh không sai khác ; đều biết tam thế chư Phật có bao nhiêu thiện căn đều đồng một thiện căn .i

3. Mười pháp trụ, để an trụ tất cả pháp

Tất cả chư Phật trụ :

Giác ngộ tất cả pháp giới ; đại bi ngữ ; bốn đại nguyện ; chẳng bỏ điều phục chúng sanh ; pháp không tự tánh ; bình đẳng lợi ích ; pháp không quên mất ; tâm không chướng ngại ; tâm hằng chánh định ; vào khắp tất cả pháp chẳng trái tướng thiệt tế

Biết hết tất cả pháp không thừa sót :

Quá khứ, vị lai, hiện tại, ngôn ngữ, tất cả đạo thế gian, tất cả tâm chúng sanh, không thừa sót, tất cả những phần vị thượng trung hạ thiện căn của Bồ Tát, tất cả trí viên mãn và những thiện căn của Phật chẳng tăng, chẳng giảm, tất cả Pháp đều từ duyên khởi, tất cả thế giới chúng, trong tất cả pháp giới những sự sai biệt như lưới Thiên Đế.

4. Mười lực

Chư Phật Thế Tôn có mười thứ lực.

Những là : quảng đại lực, tối thượng lực, vô lượng lực, đại oai đức lực, nan hoạch lực, bất thoái lực, kiên cố lực, bất khả hoại lực, tất cả thế gian bất tư nghì lực, tất cả chúng sanh vô năng động lực.

5. Mười Kim Cang pháp

Chư Phật Thế Tôn có mười thứ tràng đại kim cang dùng kiện pháp :

Tất cả chư Phật thân chẳng hư hoại, mạng chẳng thể đứt, thế gian độc dược không thể trúng, tất cả thế giới những tai thủy, hỏa, phong, điều không thể làm hại đến thân Phật. Tất cả các ma, thiên, long, bát bộ, quỷ, thần, hết thế lực của họ mưa kim cang lớn như núi Tu Di và núi Thiết Vi khắp cả Đại Thiên thế giới đồng thời rơi xuống, chẳng thể làm tâm Phật kinh sợ, nhân đến một sợi lông cũng chẳng lay động, Phật vẫn đi đứng ngồi nằm như thường không đổi. Chỗ của Phật ngự, bốn phương xa gần chẳng cho rơi xuống thời không thể mưa xuống được. Giả sử Phật không ngăn mà tha hồ cho mưa, thời cũng trọn chẳng bị tổn hại. Nếu có chúng sanh được Phật hộ trì và Phật sai sử còn chẳng làm hại được, huống là thân của Như Lai.

Tất cả chư Phật đem tất cả núi Tu Di, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, đại hải, núi rừng, cung điện, nhà cửa trong những thế giới khắp pháp giới để vào một lỗ lông đến suốt kiếp vị lai mà các chúng sanh chẳng hay chẳng biết. Chỉ trừ người được thần lực của đức Như Lai gia bị. Bấy giờ nơi một lỗ lông, chư Phật giữ lấy tất cả thế giới suốt kiếp vị lai, hoặc đi đứng ngồi nằm chẳng hề biết mỏi nhọc. Ví như hư không khắp giữ gìn tất cả thế giới khắp pháp giới mà không mỏi nhọc. Chư Phật giữ lấy tất cả thế giới suốt kiếp vị lai nơi một lỗ lông không mỏi nhọc cũng như vậy.

Tất cả chư Phật có thể trong khoảng một niệm bước được bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới vì trần số bước. Mỗi mỗi bước đó bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vì trần số quốc độ. Đi mãi như vậy trải qua tất cả vi trần số kiếp. Giả sử có một

tòa núi đại kim cang lớn bằng tất cả quốc độ mà đức Phật đã bước quan trên kia. Có bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số núi đại kim cang như vậy, chư Phật có thể đem tất cả để vào một lỗ lông. Số lỗ lông nơi thân Phật bằng với số lỗ lông của tất cả thân chúng sanh trong pháp giới cộng lại. Nơi mỗi mỗi lỗ lông trên thân Phật đều để số núi đại kim cang như trên rồi giữ lấy mà du hành khắp thập phương tất cả thế giới, từ tiền tế suốt đến vị lai tế tất cả kiếp không ngơi nghỉ. Thân Phật không tổn cũng không mỏi nhọc. Tâm Phật luôn trụ đại định không tán loạn.

Tất cả chư Phật khi đã một lần ngồi ăn xong, ngồi kiết già trải qua tiền tế hậu tế bất khả thuyết kiếp, nhập nơi an lạc bất tư nghĩ của chư Phật hưởng. Thân Phật an trụ vắng lặng bất động, nhưng cũng chẳng bỏ phép việc hoá độ chúng sanh.

Phật tử ! Ví như có người nơi mỗi mỗi thế giới khắp hư không đều dùng đầu sợi lông thứ để đo lường. Chư Phật có thể ở nơi chỗ một đầu lông ngồi kiết già suốt kiếp vị lai, như nơi chỗ một đầu lông, tất cả chỗ đầu lông cũng đều như vậy

Giả sử mười phương thế giới, tất cả chúng sanh trong đó, thân của họ đều lớn bằng tất cả thuyết Phật sát vi trần số thế giới, nhẹ nặng cũng bằng. Chư Phật có thể để tất cả chúng sanh đó trên đầu một ngón tai, tất cả đầu ngón tai cũng đều như vậy, trải qua suốt tất cả kiếp vị lai, đem tất cả chúng sanh ấy vào mỗi mỗi thế giới khắp hư không cùng pháp giới không thừa sót. Mà thân tâm của Phật trọn không mỏi nhọc.

Tất cả chư Phật có thể ở nơi một thân hóa hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số đầu. Mỗi mỗi đầu hóa hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số lưỡi. Mỗi mỗi lưỡi hóa xuất bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số âm thanh sai khác, chúng sanh trong pháp giới không ai chẳng nghe. Mỗi mỗi âm thanh diễn bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số tạng tu đa la. Mỗi mỗi tạng kệ kinh diễn bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số pháp. Mỗi mỗi pháp có bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số văn tự cú nghĩa. Như vậy diễn thuyết suốt bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số kiếp. Mãn số kiếp này rồi lại diễn thuyết suốt bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số kiếp. Thứ đệ như vậy nhân đến hết tất cả thế giới vi trần số, hết tất cả chúng sanh tâm niệm số, vị lai tế kiếp còn có thể cùng tận, Như Lai hóa thân chuyển pháp luân không có cùng tận : những là trí huệ diễn thuyết pháp luân, dứt những nghi hoặc pháp luân, chiếu tất cả pháp pháp luân, khai vô ngại tạng pháp luân, khiến vô lượng chúng sanh hoan hỷ điều phục pháp luân, khai thị tất cả Bồ Tát hạnh pháp luân, cao thăng viên mãn mặt nhật đại trí huệ pháp luân, khắp thấp đèn sáng trí huệ soi thế gian pháp luân, biện tài vô úy các thứ trang nghiêm pháp luân. Như một thân Phật dùng sức thần thông chuyển những pháp luân sai biệt như vậy, tất cả thế pháp không ví dụ được. Khắp hư không giới mỗi mỗi chỗ bằng đầu lông, có bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới, trong mỗi mỗi thế giới, niệm niệm hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số hóa thân, mỗi mỗi

hóa thân cũng đều chuyển pháp luân như vậy. Âm thanh thuyết pháp, văn tự, câu nghĩa, mỗi mỗi sung mãn tất cả pháp giới, trong đó chúng sanh đều hiểu rõ được, mà ngôn âm của Phật không đổi, không dứt, không cùng tận.

Tất cả chư Phật đều dùng đức tướng trang nghiêm hông ngực như kim cang không bị tổn hoại. Ngồi kiết già dưới cội Bồ Đề, quân ma số đông vô biên, các thứ dị hình rất đáng kinh sợ, chúng sanh thấy đó không ai chẳng kinh sợ, hãi hùng cuồng loạn hoặc ngất chết. Chúng ma như vậy đầy chật hư không, Như Lai thấy đó lòng chẳng sợ, chẳng biến sắc, chẳng động một lông, cũng chẳng phân biệt lìa những hỉ nộ, vắng lặng thanh tịnh, trụ chỗ của Phật trụ, đủ sức từ bi, các căn điều phục, tâm vô úy và hay dẹp phục tất cả quân ma, khiến chúng ma hồi tâm cúi đầu quy y, rồi sau đó đức Phật dùng tam luân giáo hóa, khiến họ đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng thôi chuyển

Tất cả chư Phật có âm thanh vô ngại. Âm thanh đó khắp tất cả thế giới mười phương, chúng sanh được nghe tự nhiên điều phục. Âm thanh của chư Như Lai phát ra, tất cả núi lớn như Tu Di đều không ngăn chướng được. Cung trời, cung rồng, cung của bát bộ thần cũng không ngăn chướng được. Những âm thanh cao lớn của tất cả thế giới cũng không che chướng được. Tùy theo tất cả chúng sanh đáng được hoá độ đều được nghe, đều hiểu rõ văn tự cú nghĩa.

Tất cả chư Phật tâm không chướng ngại. Trong trăm ngàn ức na do tha bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp hằng khéo thanh tịnh. Tam thể tất cả chư Phật đồng một thể tánh, không đục, không mờ, không ngã, không ngã sở, chẳng trong, chẳng ngoài, rõ cảnh trống lặng chẳng sanh vọng tưởng, không sở y, không sở tác, chẳng trụ các tướng, dứt hẳn phân biệt, bốn tánh thanh tịnh, bỏ rời tất cả phan duyên ức niệm, với tất cả pháp thường không chướng đối. Trụ nơi thiết tế ly dục thanh tịnh, nhập chơn pháp giới. Diễn thuyết vô tận, rời số lượng, chẳng số lượng, bao nhiêu vọng tưởng tuyệt vi vô vi. Tất cả ngôn thuyết, nơi bất khả thuyết vô biên cảnh giới đều đã thông đạt, vô ngại, vô tận trí huệ phương tiện thành tựu Thập lực. Tất cả công đức trang nghiêm thanh tịnh. Diễn thuyết vô lượng những pháp đều chẳng trái với thiết tướng. Nơi những pháp quá khứ vị lai hiện tại trong pháp giới đều bình đẳng không khác rớt ráo tự tại. Nhập tạng tối thắng của tất cả pháp. Với tất cả pháp môn chánh niệm chẳng làm. An trụ mười phương tất cả cõi Phật mà không động chuyển. Được trí bất đoan, biết tất cả pháp rớt ráo không sót. Hết những hữu lậu, tâm khéo giải thoát, huệ khéo giải thoát, trụ nơi thiết tế thông đạt vô ngại, tâm thường chánh định. Nơi tam thể pháp và tâm hành của tất cả chúng sanh, khoảng một niệm liền đạt tất cả đều không chướng ngại.

Tất cả chư Phật đồng một pháp thân, cảnh giới vô lượng thân, công đức vô biên thân, thể gian vô tận thân, tam giới bất nhiễm thân, tùy niệm thị hiện thân, chẳng thiết chẳng hư bình đẳng thanh tịnh thân, không lai không khứ vô vi bất hoại thân, nhứt tướng vô tướng pháp tự tánh thân, không xứ không phương khắp tất cả thân, thần biến tự tại vô biên sắc tướng thân, các loại thị hiện vào khắp tất cả thân, diệu

pháp phương tiện thân, trí tạng phổ chiếu thân, thị pháp bình đẳng thân, phổ biến pháp giới thân, không động không phân biệt, chẳng có chẳng không thường thanh tịnh thân, chẳng phương tiện chẳng không phương tiện, chẳng diệt chẳng không diệt, tùy theo những tín giải của tất cả chúng sanh đáng hóa độ mà thị hiện thân. Từ tất cả công đức mà sanh ra thân, đủ tất cả Phật pháp chơn như thân, bốn tánh tịch tịnh không chướng ngại thân, thành tựu tất cả vô ngại pháp thân, trụ khắp tất cả pháp giới thanh tịnh thân, phân hình cùng khắp tất cả thế gian thân, không phan duyên không thối chuyển trọn giải thoát đủ nhưt thiết trí rõ thấu khắp cả thân.

Tất cả chư Phật đồng ngộ tất cả Như Lai pháp, đồng tu tất cả Bồ Tát hạnh, hoặc nguyện hoặc trí thanh tịnh bình đẳng, cũng như đại hải đều được đầy đủ, hành lực tôn thắng chưa từng thối kiếp, trụ nơi vô lượng cảnh giới của các tam muội, hiển thị tất cả đạo, khuyến thiện căn ác, trí lực đệ nhất, diễn pháp vô úy, tùy có ai hỏi đều khéo đáp, trí huệ thuyết pháp bình đẳng thanh tịnh, thân ngữ ý hành đều không tạp. Trụ nơi Phật chủng tánh của chư Phật đã trụ. Dùng trí huệ Phật mà làm Phật sự. Trụ nhưt thiết trí diễn vô lượng pháp, không có căn bản, không có biên tế, thân thông trí tuệ bất tư nghi. Tất cả thế gian không ai hiểu được. Trí huệ thâm nhập thấy tất cả các pháp vi diệu quảng đại vô lượng vô biên, tam thế pháp môn điều khéo thông đạt, tất cả thế giới đều hay khai hiểu. Dùng trí xuất thế nơi các thế gian làm bất khả thuyết Phật sự. Thành trí bất thối vào số chư Phật. Dầu đã chứng được pháp chẳng thể ngôn thuyết rời văn tự, mà hay khai thị các thứ ngôn từ. Dùng trí Phổ Hiền nhóm những hạnh lành. Thành tựu diệu huệ một niệm tương ưng, đều biết rõ được tất cả pháp. Tất cả chúng sanh như trước đã nhớ, điều y theo tự thừa để ban dạy pháp đó. Tất cả các pháp, tất cả thế giới, tất cả chúng sanh, tất cả tam thế, ở trong pháp giới cảnh giới như vậy có vô lượng vô biên, dùng trí vô ngại điều thấy biết được. Tất cả chư Phật trong một niệm, tùy chỗ đáng hóa độ mà xuất thế, ở cõi thanh tịnh thành Đẳng Chánh Giác, hiển thân thông lực, khai ngộ tam thế tất cả chúng sanh, tâm ý và thức chẳng lỗi thời. Chúng sanh vô biên, thế giới vô biên, pháp giới vô biên, tam thế vô biên chư Phật tối thắng cũng vô biên điều hiện trong đó mà thành Chánh Giác, dùng Phật trí huệ phương tiện khai ngộ không thôi dứt. Tất cả chư Phật dùng thân thông lực hiện tối diệu thân, trụ vô biên xứ, đại bi phương tiện tâm không chướng ngại, trong tất cả thời gian thường vì chúng sanh thuyết pháp không thôi dứt.

6. Mười pháp quyết định

Chư Phật Thế Tôn có mười pháp quyết định :

Tất cả chư Phật quyết định:

Từ Trời Đâu Suất thọ mãn hạ sanh ; thị hiện thọ sanh ở thai mười tháng ; nhằm chán thế tục thích cầu xuất gia ; ngồi dưới cây Bồ Đề ngộ các Phật pháp thành Đẳng Chánh Giác ; trong một niệm ngộ tất cả pháp, tất cả thế giới thị hiện thân lực ; hay ứng thời chuyển diệu pháp luân ; hay tùy kia đã gieo căn lành ứng thời

thuyết pháp để thọ ký cho họ ; hay ứng thời vì họ mà làm Phật sự ; hay vì chư Bồ Tát đã thành tựu mà thọ ký ; hay một niệm đáp khắp lời hỏi của tất cả chúng sanh.

7. Mười điều phải thường ghi nhớ

Tất cả chư Phật phải thường ghi nhớ:

Về nhơn duyên quá khứ ; hạnh thanh tịnh thù thắng ; đầy đủ các Ba La mật ; thành tựu đại nguyện ; chứa nhóm thiện căn ; đủ phạm ; hiện thành Chánh giác ; sắc thân vô lượng ; thần thông vô lượng ; Thập lực, Tứ vô úy .

8. Mười điều trụ nơi nhứt thiết trí

Tất cả chư Phật ở trong một niệm:

Đều biết tam thế tất cả chúng sanh tâm và tâm sở hành. ; đều biết tam thế tất cả chúng sanh chứa nhóm các nghiệp và nghiệp quả báo ; đều biết tất cả chúng sanh tùy sở nghi mà dùng tam luân giáo hóa điều phục ; biết hết pháp giới tất cả chúng sanh chỗ có tâm tướng, ở tất cả xứ khắp hiện Phật xuất thế, khiến họ đều được phương tiện nhiếp thọ ; tùy khắp tâm nhạo dục giải của tất cả chúng sanh trong pháp giới mà thị hiện thuyết pháp cho họ điều phục ; đều biết tâm sở thích của tất cả chúng sanh trong pháp giới mà vì hiện thần lực ; khắp tất cả chỗ tùy theo tất cả chúng sanh đáng được hóa độ mà thị hiện xuất thế, vì họ nói thân Phật chẳng nên thủ trước ; đến khắp pháp giới tất cả chỗ, tất cả chúng sanh, tất cả lục đạo ; tùy các chúng sanh có ai nhớ tưởng, không chỗ nào là Phật không đến ứng ; đều biết chỗ hiểu và chí muốn của tất cả chúng sanh mà vì họ thị hiện vô lượng sắc thân.

9. Mười Phật tam muội

Tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm:

Khắp tất cả chỗ vì khắp chúng sanh mà nói rộng diệu pháp ; khắp tất cả chỗ vì các chúng sanh mà nói vô ngã tế ; khắp tất cả chỗ vào suốt tam thế ; khắp tất cả chỗ vào khắp mười phương Phật độ quảng đại ; khắp tất cả chỗ hiện khắp vô lượng Phật thân ; khắp tất cả chỗ tùy những tâm giải của các chúng sanh mà hiện thân ngữ ý ; khắp tất cả chỗ nói chơn tế ly dục của tất cả pháp ; khắp tất cả chỗ diễn thuyết tất cả duyên khởi tự tánh ; khắp tất cả chỗ thị hiện vô lượng sự trang nghiêm quảng đại của thế gian và xuất thế gian, khiến các chúng sanh thường được thấy Phật ; khắp tất cả chỗ khiến các chúng sanh đều được thông đạt tất cả Phật pháp vô lượng giải thoát, rốt ráo đến nơi bỉ ngạn vô thượng.

10. Mười vô ngại giải thoát

Tất cả chư Phật hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết bất khả thuyết:

Chư Phật xuất thế ; chư Phật chuyển tịnh pháp luân ; chúng sanh được giáo hóa điều phục ; chư Phật quốc độ ; Bồ Tát thọ ký ; hiện tam thế tất cả chư Phật ; hiện tam thế tất cả thế giới chúng ; hiện tam thế tất cả thần thông ; hiện tam thế tất cả chúng sanh ; hiện tam thế tất cả Phật sự.

Phẩm này đề cập đến những ưu tư bản khoản về đạo pháp nên đức Thế Tôn đã diễn giải rất nhiều điều. Ngoài những gì nêu trên, những Phật sự của đức Thế Tôn xem thêm ở tác phẩm kinh.

Phẩm thứ ba mươi bốn: Nhu Lai Thập Thân Tướng Hải

Phẩm này đề cập đến các đại nhân tướng của Nhu Lai:

1. Quang: phóng vô lượng lưới đại quang minh
2. Phật nhãn quang minh vân, quang minh phóng ra đầy chiếu khắp tất cả thế giới
3. Sung mãn pháp giới vân, phóng ánh sáng phước trí của Nhu Lai, chiếu khắp mười phương
4. Thị hiện phổ chiếu vân, phóng quang minh chiếu bất tư nghì cõi nước Phật.
5. Phóng bửu quang minh vân, ánh sáng chiếu khắp mười phương tất cả thế giới
6. Thị hiện Nhu Lai khắp pháp giới đại tự tại vân, phóng quang luân chiếu khắp thập phương thế giới
7. Nhu Lai phổ đặng vân, phóng tịnh quang minh chiếu khắp pháp giới.
8. Phổ chiếu chư Phật quảng đại vân, phóng Bồ Tát diệm đặng quang minh chiếu khắp mười phương tất cả thế giới
9. Viên mãn quang minh vân, phóng lưới đại quang minh khắp mười phương tất cả thế giới
10. Chiếu khắp tất cả Bồ Tát hạnh tạng quang minh vân, với những bửu quang chiếu khắp vô lượng thế giới.
11. Phổ quang chiếu diệm vân, phát ra âm thanh vi diệm tràn đầy pháp giới.
12. Chánh giác vân, những bửu hoa phóng quang minh, đều có Nhu Lai ngồi đạo tràng, khắp đầy tất cả vô biên thế giới
13. Quang minh chiếu diệm vân, phóng đại quang minh đầy đầy pháp giới.
14. Trang nghiêm phổ chiếu vân, phóng đại bửu liên hoa, che trùm pháp giới
15. Phật tam muội hải hạnh vân, trong một niệm thị hiện Nhu Lai trang nghiêm khắp tất cả pháp giới bất tư nghì thế giới hải.
16. Biến hóa hải phổ chiếu vân, những bửu quang minh từ Phật nguyện sanh, hiện các sự biến hóa không có cùng tận.
17. Nhứt thiết Nhu Lai giải thoát vân, phóng đại quang minh trang nghiêm tất cả tòa sư tử của chư Phật. Thị hiện tất cả sắc tướng của chư Phật, và vô lượng Phật pháp, cùng chư Phật sát hải.
18. Tự tại phương tiện phổ chiếu vân, những tỳ lưu ly hoa, chơn kim liên hoa, ma ni vương đặng, diệm pháp diệm vân, phóng tất cả quang minh thanh tịnh bửu diệm mật vân của chư Phật tràn đầy pháp giới
19. Giác Phật chủng tánh vân, với vô lượng bửu quang chiếu khắp thập phương thế giới
20. Hiện tất cả tướng Nhu Lai tự tại vân, hiện khắp tam thế vô lượng chư Phật bằng số vi trần trong tất cả Phật độ
21. Biến chiếu nhứt thiết pháp giới vân, phóng đại quang minh chiếu khắp pháp giới, hiển hiện tất cả vô lượng vô biên trí huệ của chư Bồ Tát.
22. Tỳ Lô Giá Na Nhu Lai tướng vân, phóng vô lượng trăm ngàn vạn ức ma ni bửu quang, đầy khắp tất cả hư không pháp giới.
23. Phổ chiếu nhứt thiết Phật quang minh vân, phóng tịnh quang minh chiếu khắp mười phương tất cả thế giới
24. Phổ hiện nhứt thiết trang nghiêm vân, trang nghiêm với những bửu diệm phóng tịnh quang minh tràn đầy pháp giới
25. Xuất tất cả pháp giới âm thanh vân, phóng lưới đại diệm tràn đầy pháp giới
26. Phổ chiếu chư Phật biến hóa luân vân, Nhu Lai tịnh nhãn dùng làm trang nghiêm, quang chiếu tất cả

thế giới mười phương. 27. Quang chiếu Phật hải vân, quang minh chiếu khắp tất cả thế giới 28. Bửu đặng vân, phóng Phật quang đại quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả pháp giới. 29. Pháp giới vô sai biệt vân, phóng Phật đại trí quang minh, chiếu khắp mười phương cõi Phật, và tất cả Bồ Tát đạo tràng chúng hội vô lượng pháp hải. 30. An trụ tất cả thế giới hải phổ chiếu vân, phóng bửu quang minh tràn đầy tất cả hư không pháp giới. 31. Nhưt thiết bửu thanh tịnh quang diệm vân, phóng vô lượng quang minh thanh tịnh ma ni diệm bửu của chư Phật và Bồ Tát, chiếu khắp mười phương tất cả pháp giới 32. Chiếu khắp tất cả pháp giới trang nghiêm vân, phóng tịnh quang vân tràn đầy pháp giới

Trên đây là ba mươi hai tướng đại nhơn trang nghiêm trên danh của đức Như Lai.

Chư Phật tử ! Giữa chặng mày của đức Như Lai có đại nhơn tướng tên là Biến pháp giới quang minh vân, trang nghiêm với ma ni bửu hoa, phóng đại quang minh đủ những bửu sắc, dường như mặt trời mặt trăng, suốt thấu thanh tịnh. Quang minh này chiếu khắp mười phương quốc độ, trong đó hiển hiện tất cả thân Phật. Lại xuất diệm âm tuyên dương pháp hải. Đây là thứ ba mươi ba.

34. Tự tại phổ kiến vân, thấy khắp tất cả đều không chướng ngại. 35. Nhưt thiết Nhưt thiết thần thông trí huệ vân, xuất hiện vô lượng Hóa Phật tọa bửu liên hoa qua đến các thế giới 36. Thị hiện âm thanh ảnh tượng vân, phóng tất cả ma ni bửu quang, chiếu khắp mười phương pháp giới 37. Pháp giới vân, phóng diệm bửu quang sắc tướng chiếu khắp tất cả cõi Phật 38. Chiếu pháp giới quang minh vân, trang nghiêm với Như ý bửu vương, phát diệm âm tràn đầy tất cả vô biên thế giới. 39. Chiếu diệm pháp giới vân, những sắc tướng quang minh vi diệm đầy khắp vô lượng cõi nước, khắp pháp giới đều thanh tịnh. 40. Thị hiện bát tư nghì pháp giới vân, phóng hương đặng diệm thanh tịnh quang vân đầy khắp tất cả pháp giới mười phương. 41. Phật nha vân, phóng đại quang minh chiếu khắp pháp giới . 42. Bửu diệm di lô tạng luân, phóng kim cang hương diệm thanh tịnh quang minh thập phương thế giới. 43. Bửu đặng phổ chiếu vân, phóng đặng diệm vân thanh tịnh quang minh đầy khắp tất cả thế giới hải. 44. Như Lai vân, phóng đại diệm luân đầy khắp pháp giới 45. Phổ hiện quang minh vân, pháp giới đều cùng khắp, diễn ngôn âm của Phật, thuyết hạnh Phổ Hiền. 46. Ảnh hiện tất cả bửu quang vân, phóng quang minh quang đại khắp pháp giới làm cho đều thanh tịnh. 47. Phổ chiếu tất cả thế giới vân, phóng tỳ lô giá na thanh tịnh quang minh, đầy khắp mười phương tất cả thế giới 48. Phật quang đại nhưt thiết bửu vân, phóng quang minh chiếu khắp pháp giới 49. Tối thắng bửu phổ chiếu vân, phóng ma ni quang tràn đầy pháp giới 50. Tối thắng quang chiếu pháp giới vân, phóng bửu quang minh tràn đầy pháp giới 51. Quang minh biến chiếu vân, phóng những quang minh bửu hoa hương diệm tràn đầy pháp giới 52. Phổ chiếu diệm vân, phóng quang minh thanh tịnh

Phật đấng diệm vân đầy khắp pháp giới 53. Kiệt tường hải vân, phóng những quang diệm vân đầy pháp giới làm cho khắp thanh tịnh. 54. Thị hiện quang chiếu vân, phóng đại quang luân đầy khắp pháp giới 55. Phổ hiện Như Lai vân dùng ma ni bửu quang phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương tất cả thế giới 56. Khai phủ hoa vân, phóng bửu hương diệm đấng thanh tịnh quang minh đầy khắp pháp giới. 57. Khả duyệt lạc kim sắc vân, phóng tịnh quang minh chiếu khắp pháp giới 58. Phật hải vân, phóng quang minh thanh tịnh ma ni bửu vương hương đấng đại diện đầy hư không khắp mười phương tất cả quốc độ. 59. Thị hiện quang minh vân, phóng quang minh ma ni vương bửu diệm thanh tịnh khắp tất cả pháp giới hải. 60. Thị hiện khắp pháp giới quang minh vân, phóng đại quang minh khắp tất cả cõi 61. Phổ thắng vân, phóng đại quang diệm, thị hiện tất cả thế giới, tất cả Như Lai, tất cả chúng sanh. 62. Chuyên pháp luân diệu âm vân, phóng đại quang minh tràn đầy pháp giới 63. Trang nghiêm vân, phóng tịnh quang minh nghiêm tịnh tất cả Phật độ, hiện khắp tất cả thập phương chư Phật. 64. Hải chiếu vân, phóng nguyệt diệm thanh tịnh quang minh tràn đầy hư không tất cả thế giới 65. Ảnh hiện chiếu diệu vân, phóng đại quang minh chiếu khắp liên hoa tạng, ma ni tạng tất cả thế giới của thập phương Bồ Tát an trụ. 66. Đấng diệm man phổ nghiêm tịnh vân, phóng đại quang minh thành lưới biến hóa, hiện khắp những chúng Bồ Tát 67. Phổ hiện tất cả ma ni vân, phóng hải tạng quang đầy khắp pháp giới 68. Quang minh vân, phóng những quang minh thanh tịnh bửu diệm, hiện khắp đạo tràng của chư Phật. 69. Tỳ lưu ly thanh tịnh đấng vân, phóng Như Lai kim sắc quang minh đầy khắp pháp giới. 70. Nhứt thiết sát trí huệ đấng âm thanh vân. Phóng diệm phù đàn kim thanh tịnh quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. 71. An Trụ bửu liên hoa quang minh vân, phóng đại quang minh như Tu Di đấng chiếu khắp tất cả thế giới mười phương. 72. Biến chiếu pháp giới vân, phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả cõi nước mười phương. 73. Hiện chư kiếp sát hải thiên vân, phóng đại quang minh đầy khắp pháp giới. 74. An trụ tất cả bửu vân. phóng ma ni vương chúng bửu quang minh đầy khắp pháp giới. 75. Chiếu diệu vân. phóng bửu quang minh xoay phía hữu tràn đầy pháp giới. 76. Diệm luân phổ tăng trưởng hóa hiện pháp giới đạo tràng vân. phóng đại quang minh tràn đầy tất cả những thế giới hải. 77. Phổ lưu xuất Phật âm thanh vân. Phóng ma ni đấng hoa diệm quang minh chiếu khắp hư không pháp giới. 78. Bửu đấng mạn phổ chiếu vân, phóng bất tư nghì bửu diệm quang minh tất cả pháp giới 79. Thị hiện tất cả pháp giới hải quang minh vân, phóng lưới quang minh chiếu khắp tất cả pháp giới mười phương. 80. Phổ hiện vân. Phóng ma ni hiện khắp tất cả du bộ tướng hải của đấng Bửu Vương. 81. Hiện tất cả Phật vô lượng tướng hải vân, phóng tịnh quang minh chiếu khắp chúng sanh, 82. Tất cả hư không pháp giới vân. phóng quang minh thanh tịnh khắp chư Phật thế giới 83. Trang nghiêm hải vân, phóng quang minh tất cả bửu thanh tịnh tràn đầy pháp giới 84. Phổ hiện pháp giới ảnh tượng vân. phóng bửu quang minh đầy khắp tất cả mười phương tất cả pháp giới . 85.

Tất cả Bồ Tát hải an trụ vân, phóng bửu quang minh chiếu khắp mười phương
những thế giới hải. 86. Phổ chiếu nhưt thiết quang minh vân. phóng đại quang
minh tràn đầy pháp giới 87. Phổ hiện nhưt thiết chư Phật vân, phóng bửu quang
minh , trong mỗi niệm hiện tất cả thần biến và pháp hải của Phật. 88. Quang chiếu
nhưt thiết pháp giới hải vân. phóng đại quang minh đầy khắp mười phương pháp
giới 89. Hiện nhưt thiết Phật hải vân. phóng bửu hải thanh tịnh quang minh đầy
khắp hư không khắp đến mười phương tất cả thế giới. 90. Tự tại chiếu diệu vân.
phóng Như Lai diệu bửu quang minh hiện tất cả chư Phật ngôi đạo tràng diễn nói
diệu pháp. 91. Thị hiện diệu âm diễn thuyết pháp hải vân. Phóng đại quang minh
đầy khắp pháp giới. 92. Thị hiện tất cả trang nghiêm quang minh vân, 93. Hiện
chúng sắc tướng vân, phóng ma ni đặng hương diệm quang minh đầy khắp pháp
giới. 94. Phổ tạng vân. Phóng bửu quang minh đầy khắp hư không. 95. Quang
minh biến chiếu pháp giới vân. Phóng đại quang minh tràn đầy pháp giới, bình
đẳng một tướng. 96. Thị hiện trang nghiêm vân, phóng đại quang minh đầy khắp
mười phương tất cả pháp giới. 97. Hiện nhưt thiết Phật thần biến vân. Phóng
quang minh thanh tịnh nhiều bửu sắc đầy khắp tất cả thế giới hải.
Chư Phật tử ! Tỳ Lô Giá Na Như Lai có hoa tạng thế giới hải vi trần số đại nhon
tướng như vậy. Mỗi mỗi thân phần của Như Lai dùng những tướng vi diệu báu đẹp
để trang nghiêm.

Phẩm thứ ba mươi lăm: N hư Lai T ỳ H ảo Quang Minh Công Đ ức

T ỳ h ảo có nghĩa là thuận duyên (lành). Phẩm này đ ức N hư Lai thuật lại sự kiện khi còn là Bồ Tát, Ngài có đ ược sự thuận duyên phóng quang minh làm công đ ức. Đ ức Thế Tôn kể rằng:

“Phật tử ! Lúc ta làm Bồ Tát, ở cung trời Đâu Suất, ta phóng đ ại quang minh tên là Quang Tr àng Vương chiếu mười Phật sát vi trần số thế giới. Trong những thế giới đ ó, chúng sanh nơi đ ịa ngục gặp đ ược quang minh này thời liền hết khổ đ ược mười thứ thanh tịnh nhân, nhĩ, t ỷ, thiệt, thân và ý cũng như vậy. Họ đều vui mừng h ớn h ớ. Từ đ ịa ngục chết, họ sanh về cõi trời Đâu Suất”.

N hư vậy, có phải bất kỳ ai cũng nhận đ ược quang minh này và cũng đều từ cõi đ ịa ngục sanh về cõi trời ? H ẳn nhiên, chẳng phải người nào cũng từ đ ịa ngục, chết, họ sanh về cõi trời Đâu Suất. Song, rõ ràng ở phẩm này cho thấy: không phải những người ở cõi đ ịa ngục là bắt buộc phải trải qua: cõi đ ịa ngục, cõi súc sanh, cõi người rồi mới sanh về cõi trời. Vậy thì những người này như thế nào ? Liệu rằng họ có đ ược ưu ái gì chẳng ? Chẳng có gì là ưu ái bởi, đ ó là những người: *“Do chẳng phóng dật, ở chỗ đ ức N hư Lai gieo căn lành, ngày trước gần gũi các thiện tri thức”* . Tức, thiện căn của họ đều là “rất dày”, do lỗi lầm gì đ ó mà phải đọa đ ịa ngục. “Hết nghiệp”, sẽ đ ược gặp *“t ỳ h ảo quang minh”* mà sanh về nơi an lạc.

Vì sao, do đ ầu mà phải đọa đ ịa ngục ? Có phải do “tai ương” ở đ ầu đ ến ? *“Chư Thiên Tử ! Như các người xưa ở đ ịa ngục, thân và đ ịa ngục chẳng phải mười phương đ ến, chỉ do các người điên đảo, ác nghiệp, ngu si, triền phược mà sanh thân đ ịa ngục, đây không căn bản, không có chỗ nào đ ến”.*

Ngay cả đ ịa ngục, chẳng phải do ai tạo dựng nên – tất cả do nghiệp mà thành.

H ẳn nhiên, quang minh cũng do tu luyện mà có – cũng như tiếng từ thiên cổ phát ra cũng chẳng phải đ ến từ mười phương ...

Nghiệp và quả báo đều như huy ển, đều không phải là bất biến – *“nếu biết đ ược như như vậy, chơn thiệt sám hối tất cả tội ác đều đ ược thanh tịnh”.*

Thực ra, ở đ iểm này, nên hiểu như sau: như đã trình bày – sự sám hối tự thân không mang ý nghĩa làm thay đổi những tội lỗi đã xảy ra, sự sám hối hướng về phía trước – chỉ khi sự sám hối ấy là hành động cụ thể – có nghĩa, tạo tác một

ngiệp thiện mới – thì chính nghiệp thiện mới này mới làm chuyển hóa tội lỗi cũ trước đó – theo chiều hướng giảm nhẹ đi.

Tư tưởng của phẩm này đề cập: các chư thiên tử trên đọa địa ngục rồi lại được sanh về được cõi trời – suy cho cùng, tất cả đều do nội tại của bản thân mình.

Phẩm thứ ba mươi sáu: **Phổ Hiền Hạnh**

Phẩm này đề cập đến sự mâu thuẫn, xích mích, xung đột ... (nếu xảy ra) giữa một Bồ Tát với một Bồ Tát.

“Chư Bồ Tát sanh lòng sân với Bồ Tát khác thời liền thành tựu trăm vạn chướng môn”.

Chướng môn: đó là những điều (cánh cửa) trở ngại (sẽ mở ra, sẽ dẫn đến).

Những gì là trăm vạn chướng môn ?

Đại Bồ Tát Phổ Hiền cho rằng:

“Chính là : chướng chẳng thấy Bồ Đề, chướng chẳng nghe chánh pháp, chướng sanh vào thế giới bất tịnh, chướng sanh vào ác thú, chướng sanh vào chỗ nạn, chướng nhiều bệnh tật, chướng bị nhiều hủy báng, chướng sanh các loài ngoan độn, chướng hư mất chánh niệm, chướng khuyết thiếu trí huệ, nhãn chướng, nhĩ chướng, tỷ chướng, thiệt chướng, thân chướng, ý chướng, ác tri thức chướng, ác bạn đảng chướng, chướng thích tu tập Tiểu thừa, chướng thích gần gũi phàm ngu, chướng chẳng tin ưa người có đại oai đức, chướng thích ở chung với người lia chánh kiến, chướng sanh nhà ngoại đạo, chướng ở cảnh giới ma, chướng rời Phật giáo, chướng chẳng thấy bạn lành, chướng thiện căn gặp nạn, chướng thêm pháp bất thiện, chướng sanh chỗ hạ liệt, chướng sanh biên địa, chướng sanh nhà người ác, chướng sanh trong ác Thần, sanh trong ác Long, ác Dạ Xoa, ác Càn Thát Bà, ác A tu la, ác Ca lâu la, ác Khẩn na la, ác Ma hầu la già, ác La sát, chướng chẳng thích Phật pháp, chướng thích tập việc trẻ con, chướng thích Tiểu thừa, chướng chẳng ưa Đại thừa, chướng tánh hay kinh sợ, chướng tâm thường lo rầu, chướng ưa thích sanh tử, chướng chẳng chuyên Phật pháp, chướng chẳng thích thấy nghe thần thông tự tại của Phật, chướng chẳng được những căn của Bồ Tát, chướng chẳng thật hành tịnh hạnh của Bồ Tát, chướng thói kiếp thân tâm của Bồ Tát, chướng chẳng sanh đại nguyện của Bồ Tát, chướng chẳng pháp tâm Nhứt thiết trí, chướng lười biếng đối với Bồ Tát hạnh, chướng chẳng thể trừ sạch các nghiệp, chướng chẳng thể nhiếp thủ đại phước, chướng trí lực chẳng thể sáng lẹ, chướng đoạn trí huệ quảng đại, chướng chẳng hộ trì Bồ Tát hạnh, chướng ưa chê bai lời Nhứt thiết trí, chướng xa lìa chư Phật Bồ Đề, chướng thích ở cảnh giới ma, chướng chẳng chuyên tu Phật cảnh giới, chướng chẳng quyết định phát hoằng thế của Bồ Tát, chướng chẳng thích cùng ở với Bồ Tát, chướng chẳng cầu Bồ Tát thiện căn, chướng tánh nhiều nghi ngờ, chướng tâm thường ngu tối, chướng chẳng chịu xả vì không thể thật hành hạnh thí bình đẳng của Bồ Tát, chướng sanh phá giới vì chẳng giữ được Phật giới, chướng khởi ngu si não hại sân hận vì chẳng vào được môn kham nhẫn, chướng sanh lười biếng vì chẳng thể thật hành Bồ Tát đại tinh tấn, chướng khởi tán loạn vì chẳng thể được những tam muội, chướng sanh ác huệ

vì chẳng tu Bát nhã ba la mật, chướng ở trong xứ phi xứ chẳng thiện xảo, chướng ở trong sự độ sanh không phương tiện, chướng ở trong Bồ Tát trí huệ chẳng hay quán sát, chướng ở trong pháp Bồ Tát xuất ly chẳng hay rõ biết, chướng mắt như sanh manh vì chẳng thành tựu Bồ Tát mười thứ mắt quảng đại, chướng miệng như dê câm vì tai chẳng nghe pháp vô ngại, chướng tỷ căn hư hoại vì chẳng đủ tướng hảo, chướng thành tựu thiết căn vì chẳng thể biện rõ ngôn của chúng sanh, chướng thành tựu thân căn vì khinh tiện chúng sanh, chướng thành tựu ý căn vì tâm nhiều cuồng loạn, chướng thành tựu thân nghiệp vì chẳng giữ ba thứ luật nghi, chướng thành tựu ngữ nghiệp vì hằng khởi bốn thứ tội lỗi, chướng thành tựu ý nghiệp vì nhiều tham sân tà kiến, chướng tắc tâm cầu pháp, chướng đoạn tuyệt cảnh giới Bồ Tát, chướng ở trong pháp Bồ Tát dưỡng dưỡng sanh tâm thối khiếp, chướng ở trong đạo Bồ Tát xuất ly sanh lòng biếng trễ, chướng ở trong môn Bồ Tát trí huệ quang minh sanh lòng thôi dốt, chướng ở trong Bồ Tát niệm lực sanh lòng liệt nhược, chướng ở trong Như Lai giáo pháp chẳng hay trụ trì, chướng ở nơi đạo Bồ Tát ly sanh chẳng hay thân cận, chướng chẳng hay tu tập đạo Bồ Tát không hư mất, chướng tùy thuận chánh vị Nhị thừa, chướng xa lìa chúng tánh tam thế Phật và Bồ Tát”.

Đúng là sẽ dẫn đến hàng trăm điều khó khăn, xấu xa – một khi Bồ Tát tỏ lòng sân hận với Bồ Tát.

Vì nó dẫn đến hàng trăm thứ khó khăn, xấu xa ... như vậy nên Phổ Hiền đại Bồ Tát nói rằng:

“Chư Phật Tử ! Nếu Bồ Tát đối với Bồ Tát mà sanh một tâm sân thối thành tựu trăm vạn chướng môn như vậy. Tôi chẳng thấy có một pháp nào lỗi ác lớn như chư Bồ Tát sanh lòng sân với Bồ Tát khác”.

“Vì thế nên chư đại Bồ Tát muốn mau đầy đủ hạnh Bồ Tát phải siêng tu mười pháp” :

“Một là tâm chẳng xa bỏ tất cả chúng sanh.
Hai là đối với chư Bồ Tát xem như Phật.
Ba là trọn chẳng hủy báng tất cả Phật pháp.
Bốn là biết các quốc độ không có cùng tận.
Năm là rất có lòng tin mến nơi Bồ Tát hạnh.
Sáu là chẳng bỏ tâm bình đẳng hư không pháp giới Bồ Đề.
Bảy là quán sát Bồ Đề nhập Như Lai lực.
Tám là siêng năng tu tập vô ngại biện tài.
Chín là giáo hóa chúng sanh không nhàm mỏi.
Mười là trụ nơi tất cả thế giới không tâm nhiễm trước”.

Chư Phật Tử ! Đại Bồ Tát an trụ trong mười pháp này rồi thời có thể đầy đủ mười thứ thanh tịnh :

Một là thông đạt thậm thâm pháp thanh tịnh.
Hai là thân cận thiện tri thức thanh tịnh.
Ba là hộ trì chư Phật pháp thanh tịnh.
Bốn là liễu đạt hư không giới thanh tịnh.
Năm là thâm nhập pháp giới thanh tịnh.
Sáu là quán sát vô biên tâm thanh tịnh.
Bảy là cùng Bồ Tát đồng thiện căn thanh tịnh.
Tám là chẳng chấp trước các kiếp thanh tịnh.
Chín là quán sát tam thế thanh tịnh.
Mười là tu hành tất cả những Phật pháp thanh tịnh.

Chư Phật Tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi mười pháp này rồi thời đầy đủ mười thứ trí quảng đại :

Một là trí biết tất cả tâm hành của chúng sanh.
Hai là trí biết tất cả nghiệp báo của chúng sanh.
Ba là trí biết tất cả Phật pháp.
Bốn là trí biết lý thú thâm mật của tất cả Phật pháp.
Năm là trí biết tất cả môn đà la ni.
Sáu là trí biết tất cả văn tự biện tài.
Bảy là trí biết tất cả ngôn ngữ âm thanh từ biện thiện xảo của chúng sanh.
Tám là trí hiện thân mình ở khắp trong tất cả thế giới.
Chín là trí hiện ảnh tượng mình ở khắp trong tất cả chúng hội đạo tràng.
Mười là trí ở nơi tất cả chỗ thọ sanh đều đầy đủ Nhất thiết trí.

Chư Phật Tử ! Đại Bồ Tát trụ trong mười trí này rồi thời được mười thứ phổ nhập

Một là tất cả thế giới vào một lỗ lông, một lỗ lông vào tất cả thế giới.
Hai là tất cả thân chúng sanh vào một thân, một thân vào tất cả thân chúng sanh.
Ba là tất cả kiếp vào một niệm, một niệm vào tất cả kiếp.
Bốn là tất cả Phật pháp vào một pháp, một pháp vào tất cả Phật pháp.
Năm là bất khả thuyết xứ vào một xứ, một xứ vào bất khả thuyết xứ.
Sáu là bất khả thuyết căn vào một căn, một căn vào bất khả thuyết căn.
Bảy là tất cả căn vào phi căn, phi căn vào tất cả căn.
Tám là tất cả tướng vào một tướng, một tướng vào tất cả tướng.
Chín là tất cả ngôn âm vào một ngôn âm, một ngôn âm vào tất cả ngôn âm.
Mười là tất cả tam thế vào một thế, một thế vào tất cả tam thế.

Chư Phật Tử ! Đại Bồ Tát quán sát như vậy rồi thời an trụ mười tâm thắng diệu :

Một là an trụ tâm thẳng diệu tất cả thế giới ngữ ngôn phi ngữ ngôn.
Hai là an trụ tâm thẳng diệu tất cả chúng sanh tướng niệm không chỗ y chỉ.
Ba là an trụ tâm thẳng diệu rốt ráo hư không giới.
Bốn là an trụ tâm thẳng diệu vô biên pháp giới.
Năm là an trụ tâm thẳng diệu tất cả Phật pháp thâm mật.
Sáu là an trụ tâm thẳng diệu pháp thậm thâm vô sai biệt.
Bảy là an trụ tâm thẳng diệu trừ diệt tất cả nghi lâm.
Tám là an trụ tâm thẳng diệu tất cả thế bình đẳng vô sai biệt.
Chín là an trụ tâm thẳng diệu tam thế chư Phật bình đẳng.
Mười là an trụ tâm thẳng diệu tất cả Phật lực vô lượng.

Chư Phật Tử ! Đại Bồ Tát an trụ mười tâm thẳng diệu này rồi thời được mười thứ Phật pháp thiện xảo trí :

Một là trí thiện xảo liễu đạt và xuất sanh Phật pháp thậm thâm quảng đại.
Hai là trí thiện xảo tuyên thuyết các thứ Phật pháp.
Ba là trí thiện xảo chứng nhập Phật pháp bình đẳng.
Bốn là trí thiện xảo minh liễu Phật pháp sai biệt.
Năm là trí thiện xảo ngộ giải Phật pháp vô sai biệt.
Sáu là trí thiện xảo thâm nhập trang nghiêm Phật pháp.
Bảy là trí thiện xảo một phương tiện vào Phật pháp.
Tám là trí thiện xảo vô lượng phương tiện vào Phật pháp.
Chín là trí thiện xảo biết vô biên Phật pháp vô sai biệt.
Mười là trí thiện xảo dùng tự tâm tự lực không thôi chuyển nơi tất cả Phật pháp.

Cuối phẩm là bài kệ, xin trích dẫn vài đoạn sau:

(...)

Tư duy phát nguyện này :
Ta sẽ làm Thế Đấng
Đầy đủ Phật công đức
Thập lực, Nhứt thiết trí

Tất cả các chúng sanh
Quá nặng tham, sân, si.
Ta sẽ đều cứu thoát
Khiến diệt khổ ác đạo

*Phát thệ nguyện như vậy
Kiên cố không thối chuyển
Tu đủ hạnh Bồ Tát
Được mười vô ngại lực*

*Thệ nguyện như vậy rồi
Tu hành không thối khiếp
Chỗ làm đều không luống
Hiệu là Luận Sư Tử
Ở trong một Hiền kiếp
(...)*

Phẩm thứ ba mươi bảy: **Như Lai Xuất Hiện**

*“Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát Như Lai hỏi hỏi Phổ Hiền Bồ Tát :
Thưa Phật tử ! Đại Bồ Tát phải thế nào để biết pháp xuất hiện của chư Phật Như
Lai ?”. Và sau đó có bài kệ, trong đó có cũng đặt vấn đề:
“Thế nào chư Phật thành Chánh Giác ?
Thế nào Như Lai chuyển pháp luân ?
Thế nào Thiện Thế nhập Niết Bàn ?
Đại chúng được nghe lòng hoan hỉ”.*

Từ câu hỏi này, Phổ Hiền Bồ Tát đề cập đến đức Thế Tôn ở nhiều phương diện:

*“Phổ Hiền đại Bồ Tát: Như Lai Đẳng Chánh Giác, do vô lượng trăm ngàn vô số
sự mới được thành tựu. Những gì là mười ?*

Do quá khứ vô lượng:

Bồ Đề tâm nhiếp thọ tất cả chúng sanh làm thành.

Chí nguyện thanh tịnh thù thắng làm thành.

Đại từ đại bi cứu hộ tất cả chúng sanh làm thành.

Hạnh nguyện tương tục làm thành.

Tu các phước trí tâm không nhàm đủ làm thành.

Cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sanh làm thành.

Trí huệ phương tiện thanh tịnh đạo làm thành.

Thanh tịnh công đức tạng làm thành.

Trang nghiêm đạo trí làm thành.

Thông đạt pháp nghĩa làm thành.

Vô lượng a tăng kỳ pháp môn viên mãn như vậy làm thành Như Lai.

I. Như Lai xuất hiện

1. Tướng xuất hiện thứ nhất: đại trí của Như Lai

Như Lai có bốn thứ đại trí phong luân :

*Một là đại trí phong luân đà la ni niệm trì chẳng quên, vì hay trì tất cả đại pháp
vân đại pháp võ của Như Lai.*

Hai là đại trí phong luân xuất sanh chỉ quán, vì hay tiêu diệt tất cả phiền não

Ba là đại trí phong luân hồi hướng thiện xảo, vì hay thành tựu tất cả thiện căn.

Bốn là đại trí phong luân xuất sanh ly cấu sai biệt trang nghiêm, vì khiến quá khứ những chúng sanh được hóa độ, thiện căn của họ thanh tịnh, thành tựu sức thiện căn vô lậu của Như Lai.

2. Tướng xuất hiện thứ hai: thành tựu Như Lai

Ví như Đại Thiên thế giới lúc sắp thành, mây lớn tuôn mưa gọi là hồng chú. Tất cả phương xứ chẳng thể thọ, chẳng thể trì, chỉ trừ Đại Thiên thế giới lúc sắp thành.

Cũng vậy, đức Như Lai Đẳng Chánh Giác nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ, gọi là thành tựu Như Lai xuất hiện.

3. Tướng xuất hiện thứ ba: đến không từ đâu, đi không về đâu.

Ví như chúng sanh vì do nghiệp lực, mây lớn tuôn mưa, đến không từ đâu, đi không về đâu.

Cũng vậy, đức Như Lai Đẳng Chánh Giác, do sức thiện căn của chư Bồ Tát, nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ, cũng đến không từ đâu, đi chẳng đến đâu.

4. Tướng xuất hiện thứ tư: mây lớn

Ví như mây lớn tuôn xối mưa lớn. Trong Đại Thiên thế giới tất cả chúng sanh không biết được số. Nếu muốn tính đếm, chỉ lường phát cuồng.

5. Tướng xuất hiện thứ tư: năng diệt, năng thành

Đức Như Lai xuất hiện nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ. Có đại pháp vũ tên là năng diệt, hay diệt tất cả phiền não chúng sanh. Có đại pháp vũ tên là năng khởi, hay khởi tất cả thiện căn của chúng sanh. Có đại pháp vũ tên là năng chỉ, hay ngăn kiến hoặc của tất cả chúng sanh. Có đại pháp vũ tên là năng thành, hay thành tất cả trí huệ pháp bửu. Có đại pháp vũ tên là phân biệt, phân biệt tất cả tâm sở thích của chúng sanh.

6. Tướng xuất hiện thứ năm: đại bi

Ví như mây lớn tuôn nước đồng một vị mà tùy những chỗ mưa có vô lượng sai biệt. Cũng vậy, đức Như Lai xuất hiện tuôn đại bi pháp thủy đồng một vị mà tùy sở nghi thuyết pháp có vô lượng sai biệt.

7. Tướng xuất hiện thứ bảy: các hạnh sai biệt

Đức Như Lai xuất hiện, trước hết khởi những hạnh trí huệ Bồ Tát, kế khởi những hạnh trí huệ Duyên Giác, kế khởi những hạnh trí huệ thiện căn Thanh Văn, kế khởi những hạnh trí huệ thiện căn hữu vi của các chúng sanh khác.

Như Lai tùy căn khí của chúng sanh mà có sai khác.

8. Tướng xuất hiện thứ tám: Quang minh

Như Lai xuất hiện đầy đủ thiện căn công đức, phóng quang minh ví như mây lớn tuôn mưa một thứ nước đồng một vị không có sai khác. Do chúng sanh thiện căn chẳng đồng nên phong luân chẳng đồng.

9. Tướng xuất hiện thứ chín: Đại trí phong luân

Như Lai xuất hiện y nơi quang minh vô ngại huệ phát khởi bốn thứ đại trí phong luân của Phật hay giữ lấy thiện căn của tất cả chúng sanh:

Một là đại trí phong luân nhiếp khắp chúng sanh đều làm cho hoan hỷ.

*Hai là đại trí phong luân kiến lập chánh pháp khiến chúng sanh đều sanh ưa thích.
Ba là đại trí phong luân giữ gìn thiện căn của tất cả chúng sanh.
Bốn là đại trí phong luân đủ tất cả phương tiện thông đạt vô lậu giới.*

10. Tướng xuất hiện thứ mười: Lợi ích chúng sanh

Như Lai xuất hiện nhiều thứ lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Những là người thấy Phật sanh hoan hỷ thời được lợi ích nơi sự hoan hỷ. Kẻ an trụ nơi tịnh giới thời được lợi ích nơi tịnh giới. Kẻ trụ nơi các thiện định và môn vô lượng thời được lợi ích nơi Thánh xuất thế đại thân thông. Kẻ trụ pháp môn quang minh thời được lợi ích như quả chẳng hoại. Kẻ trụ vô sở hữu quang minh thời được lợi ích tất cả pháp chẳng hoại. Vì thế nên nói rằng đức Như Lai xuất hiện lợi ích tất cả vô lượng chúng sanh.

II. Thân tướng Như Lai

Đại Bồ Tát phải như thế nào mà thấy thân của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác ?

1. Không thân tướng mà cũng chẳng phải không thân tướng.

Thân Như Lai khắp tất cả chỗ, khắp tất cả chúng sanh, khắp tất cả pháp, khắp tất cả quốc độ, chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Vì thân Như Lai là không có thân. Vì chúng sanh mà thị hiện thân Phật.

2. Không chấp trước, không hý luận (không thổi phồng, đồn đãi)

Thân của Như Lai do trí quang minh khắp chiếu sáng làm cho tất cả chúng sanh, thế gian, xuất thế gian, các nghiệp thiện căn đều được thành tựu. Nhưng thân Như Lai không có phân biệt cũng không hý luận. Vì từ xưa đến nay, tất cả chấp trước, tất cả hý luận đều đã dứt hẳn.

3. Thân tướng Như Lai như mặt trời mọc

Ví như mặt nhật mọc lên, vô lượng chúng sanh ở Diêm Phù Đề được lợi ích, Như Lai trí nhật cũng như vậy, thân mặt nhật trí huệ quảng đại của Như Lai phóng vô lượng quang minh chiếu sáng khắp nơi

4. Mặt trời bình đẳng

Chư Phật tử ! Ví như mặt nhật, mặt nguyệt, tùy thời xuất hiện, núi lớn, hang tối chiếu khắp không riêng tư.

Như Lai trí huệ cũng như vậy, chiếu khắp tất cả không có phân biệt. Tùy theo chúng sanh căn khí, sở thích không đồng mà trí huệ quang minh có nhiều thứ khác nhau.

5. Mặt trời không phân biệt

Những kẻ không tin, không hiểu, phá giới, phá kiến tà mạng sanh sống, vì không tín nhãn nên chẳng thấy chư Phật trí huệ. Dầu không thấy, nhưng vẫn được sự lợi ích nơi trí huệ của Phật.

Ví như mặt nhật mọc lên, những kẻ sanh manh vì không nhãn căn nên trọn không thấy. Dầu không thấy, nhưng vẫn được ánh sáng mặt nhật làm lợi ích.

6. Theo chỗ đáng độ khiến thấy thân Như Lai

Như Lai theo sở thích của họ mà thuyết pháp, theo địa vị của họ khiến được giải thoát, theo chỗ đáng độ khiến thấy thân Phật.

7. Tùy sở thích chúng sanh mà hiện thân Phật

Như Lai không có phân biệt không hý luận, tùy sở thích của tất cả chúng sanh mà thị hiện Phật thân.

8. Dứt trừ phiền não cho chúng sanh

Như Lai Đẳng Chánh Giác vô thượng y vương trải qua vô lượng trăm ngàn ức na do tha kiếp tu luyện pháp được đã được thành tựu, tu học tất cả phương tiện thiện xảo đại minh chú lực đều được viên mãn đến bờ ngạn. Khéo trừ diệt được tất cả bệnh phiền não của chúng sanh.

9. Thân Phật là quang minh

Thân của chư Như Lai là đại bửu tự, là tạng đại trí huệ tất cả công đức. Nếu có chúng sanh nào chạm phải quang minh của thân Phật thời đồng màu với thân Phật. Nếu ai được thấy thân Phật thời được pháp nhãn thanh tịnh. Tùy chỗ nào mà quang minh của thân Phật chiếu đến đều làm cho các chúng sanh khỏi khổ bản cùng, nhẫn đến đầy đủ sự vui Phật Bồ Đề.

10. Gieo căn lành thì thấy được Như Lai

Chẳng phải chúng sanh ít phước đức mà thấy được thân Như Lai, chỉ trừ thân lực tự tại của Phật gia hộ cho kẻ đáng được điều phục. Nếu có chúng sanh nhơn thấy thân Phật bèn gieo căn lành nhẫn đến thành thực, vì thành thực nên mới khiến thấy thân Như Lai.

III. Âm thanh của Như Lai

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết như thế nào về âm thanh của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác ?

1. Lợi ích vô lượng chúng sanh

Đại Bồ Tát phải biết âm thanh của đức Như Lai là đến khắp tất cả, khắp đến vô lượng âm thanh.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai, tùy tâm sở thích của thính giả đều làm cho họ hoan hỷ, vì thuyết pháp minh liễu.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai, tùy tín giải của thính giả đều làm cho họ hoan hỷ, vì tâm được thanh lương.

Phải biết âm thanh của đức Như lai giáo hóa chẳng lỗi thời, vì người đáng được nghe thời đều được nghe.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai không sanh diệt, vì như vang ứng tiếng.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai không chủ, vì do tu tập tất cả công hạnh phát khởi.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai rất sâu, vì khó lường được.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai không tà vạy, vì do pháp giới phát sanh.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai không đoạn tuyệt, vì vào khắp pháp giới.

Phải biết âm thanh của đức Như Lai không biến đổi, vì đã đến nơi rốt ráo.

2. Như tiếng vang

Ví như vang, do hang núi và âm thanh mà phát ra không có hình trạng, chẳng ngó thấy được, cũng không phân biệt mà có thể theo dõi tất cả ngữ ngôn.

Cũng vậy, âm thanh của đức Như lai không có hình trạng, chẳng thấy được, chẳng phải có phương sở, chẳng phải không phương sở, chỉ tùy nơi duyên dục giải của chúng sanh mà phát ra. tánh âm thanh này rốt ráo, không nói không bày, chẳng tuyên thuyết được.

3. Âm thanh khai ngộ

Những là tiếng vô trước, tiếng chẳng phóng dật, tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng bất tịnh, tiếng tịch diệt, tiếng Niết Bàn, tiếng vô lượng tự nhiên trí, tiếng Bồ Tát hạnh bất khả hoại, tiếng trí địa vô công dụng của Như Lai đến tất cả chỗ. Như Lai dùng âm thanh này khắp trong pháp giới để khai ngộ.

4. Theo sở thích

Từ trong một âm thanh phát ra vô lượng âm thanh, tùy theo tâm sở thích sai khác của chúng sanh đều đến khắp, đều làm cho hiểu.

5. Thành Tựu Phật sự

Tất cả cúng hội trong đạo tràng đều được nghe, mà âm thanh đó chẳng ra ngoài chúng hội. Vì người căn chưa thành thực thời chẳng nên nghe. Những người được nghe, mỗi mỗi đều tự nghĩ : đức Như Lai Thế Tôn riêng vì tôi mà nói.

Chư Phật tử ! Âm thanh của đức Như Lai không xuất không trụ, mà có thể thành tựu tất cả Phật sự.

6. Đồng một vị giải thoát

Ví như nước đồng một vị, tùy đồ đựng khác nhau nên nước cũng sai khác. Nước không lo nghĩ cũng không phân biệt.

Cũng vậy, ngôn âm của đức Như Lai chỉ có một vị giải thoát. Tùy theo tâm sai khác của chúng sanh nên có vô lượng sai khác. Nhưng vẫn không niệm lự cũng không phân biệt.

7. Chẳng từ trong cũng chẳng phải ngoài

Ví như A Na Bà Đạt Đa Long Vương nổi mây dầy mưa khắp Diêm Phù Đề. Cây trái lúa mạ đều được sanh trưởng, sông rạch ao suối đều tràn đầy. Nước mực này chẳng từ thân Long Vương chảy ra, mà có thể thành tựu những việc lợi ích như trên.

Cũng vậy, đức Như Lai Đẳng Chánh Giác nổi mây đại bi khắp mười phương cõi, khắp rưới pháp cam lồ vô thượng, khiến chúng sanh đều hoan hỷ, thêm lớn pháp lành, viên mãn các thừa.

Âm thanh của Như Lai chẳng từ ngoài lại, chẳng từ trong ra, mà có thể lợi ích tất cả chúng sanh.

8. “Tùy hảo” (Thuận duyên)

Như Lai Đẳng Chánh Giác sắp ban pháp vũ nhưng chưa tiện ban liền, trước nói pháp vân thành thực chúng sanh, vì muốn lòng họ chẳng kinh sợ. Chờ lúc họ đã thành thực mới ban pháp vũ cam lồ, diễn nói pháp lành thậm thâm vi diệu, lần lần làm cho họ đầy đủ pháp vị vô thượng nhưt thiết chủng trí của Như Lai.

9. Ngôn âm hoan hỷ

Như Lai Đẳng Chánh Giác lúc vì chúng sanh thuyết pháp, hoặc dùng mười thứ âm thanh để thuyết, hoặc dùng trăm ngàn, hoặc dùng tám vạn bốn ngàn âm thanh để nói tám vạn bốn ngàn hạnh. Nhẫn đến hoặc dùng vô lượng trăm ngàn ức na do tha âm thanh thuyết pháp sai khác, làm cho người nghe đều sanh lòng vui mừng. Âm thanh của Như Lai vẫn không phân biệt, chỉ do chư Phật nơi thậm thâm pháp giới viên mãn thanh tịnh hay tùy theo sở nghi của căn khí chúng sanh mà phát ra nhiều thứ ngôn âm đều làm cho hoan hỷ cả.

10. Bình đẳng nhưng cũng chẳng thể bình đẳng

Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác, tâm của Ngài bình đẳng, nơi pháp không lẫn tiếc, chỉ vì chúng sanh căn dục chẳng đồng nên ban pháp vũ thị hiện có sai khác.

IV. Tâm của Như Lai

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết tâm của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác như thế nào ?

1. Dụng trí biết tâm

Tâm, ý, thức của Như Lai đều bất khả đắc. Chỉ nên dùng trí vô lượng mà biết tâm Như Lai.

Như hư không là chỗ nương dựa của tất cả vật, mà hư không không chỗ dựa.

Như Lai trí huệ cũng như vậy, là chỗ sở y của tất cả trí thế gian và trí xuất thế, mà Như Lai trí không sở y.

2. Trí huệ bất biến

Ví như pháp giới thường xuất sanh tất cả Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát giải thoát, mà pháp giới không tăng không giảm.

Như Lai trí huệ cũng như vậy, hằng xuất sanh tất cả trí huệ thế gian và xuất thế gian, mà Như Lai trí huệ không tăng không giảm.

3. Tâm không phân biệt

Nước biển Phật trí chảy vào trong tâm của tất cả chúng sanh. Nếu có chúng sanh quán sát cảnh giới, tu tập pháp môn, thời được trí huệ thanh tịnh minh liễu. Nhưng Như Lai trí bình đẳng không hai, không phân biệt. Chỉ tùy theo tâm hành sai khác của chúng sanh mà trí huệ của họ được riêng khác chẳng đồng nhau.

4. Bốn Đại trí bửu

Đây là bốn đại trí bửu : một tên là Đại trí huệ bửu phương tiện thiện xảo không nhiệm trước. Hai là Đại trí huệ bửu khéo phân biệt pháp hữu vi, vô vi. Ba là Đại trí huệ bửu phân biệt nói vô lượng pháp mà chẳng hoại pháp tánh. Bốn là Đại trí huệ bửu biết thời phi thời chưa từng lầm lỗi.

Nếu trong biển đại trí huệ của đức Như Lai không có bốn đại trí huệ bửu này thời tất cả chúng sanh, không một ai vào được Đại thừa.

Những chúng sanh phước mỏng chẳng thể thấy được bốn đại trí bửu này. Vì để nơi tạng thâm mật của đức Như Lai.

Bốn đại trí bửu này bình đẳng chánh trực đoan khiết diệu hảo, có thể lợi ích những chúng Bồ Tát, làm cho họ được trí huệ quang minh.

5. Bốn Đại trì huệ bửu

Đây là bốn đại trí huệ bửu :

Một Đại trí huệ bửu diệt tất cả lượng sống tán thiện. Hai là Đại trí huệ bửu trừ tất cả pháp ái. Ba là Đại trí huệ bửu huệ quang chiếu khắp. Bốn là Đại trí huệ bửu cùng với Như Lai bình đẳng vô biên vô công dụng.

6. Dầu dung

Hoặc Thanh Văn trí, hoặc Độc Giác trí, hoặc Bồ Tát trí, hoặc hữu vi hạnh trí, hoặc vô vi hạnh trí, tất cả đều nương Như Lai trí mà khởi mà trụ. Vì trí huệ của Như Lai khắp tất cả. Dầu dung khắp tất cả vô lượng trí huệ, mà Như Lai trí huệ vẫn không phân biệt.

7. Góc rẽ trí huệ khéo sanh trưởng

Trí huệ của đức Như Lai không tăng giảm, vì góc rẽ khéo an trụ sanh trưởng không thôi dứt.

8. Thấu rõ tất cả

Trí huệ của đức Như Lai biết hết tam thế tất cả chúng sanh, tất cả quốc độ, tất cả kiếp số, tất cả các pháp. Vì trí huệ Như Lai bình đẳng thấu rõ tất cả.

9. Năng diệt năng thành

Như Lai Đẳng Chánh Giác có đại trí phong tên là Năng Diệt, có thể diệt trừ tập khí phiền não của tất cả chư đại Bồ Tát. Có đại trí phong tên là Xảo Trì, khéo giữ gìn chư Bồ Tát căn khí chưa thành thực chẳng cho đại trí phong Năng Diệt dứt tất cả tập khí phiền não. Nếu không có đại trí phong Xảo Trì của Như Lai, thời vô lượng Bồ Tát sẽ sa vào bực Thanh Văn, Bích Chi Phật. Do trí Xảo Trì này làm cho chư Bồ Tát vượt khỏi bực Nhị thừa an trụ nơi bực rốt ráo của Như Lai.

10. Tâm (trí) ở nơi chúng sanh

Trí huệ của đức Như Lai vô lượng vô ngại có thể lợi ích khắp tất cả chúng sanh, đầy đủ ở trong thân chúng sanh. Chỉ vì hàng phàm phu vọng tưởng chấp trước nên chẳng biết chẳng hay, chẳng được lợi ích.

Đoạn này trong kinh ý rằng: Tâm cũng như trí, trí cũng là tâm vậy.

V. Cảnh giới của Như Lai

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết cảnh giới của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác như thế nào ?

Chư Phật tử ! Biển nứt thiết trí vô lượng vô biên bất tư nghi, chẳng thể ngôn thuyết. Nhưng nay tôi lược nói ví dụ, đại chúng nên lắng nghe.

Nam Diêm Phù Đề này có hai ngàn năm trăm con sông chảy vào đại hải. Tây Câu Gia Ni có năm ngàn con sông chảy vào đại hải. Đông Phát Bà Đề có bảy ngàn năm trăm con sông chảy vào đại hải. Bắc Uất Đôn Việt có một vạn con sông chảy vào đại hải. Bốn châu thiên hạ có hai vạn năm trăm con sông như vậy luôn nối tiếp chảy vào đại hải, nước sông đó đã rất nhiều.

Trong đại hải lại có Thập Quang Minh Long Vương mưa nước nhiều gấp bội nước sông. Lại có Bá Quang Minh Long Vương mưa nước nhiều gấp bội nước mưa trên. Lại có Đại Trang Nghiêm Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, Lô Chấn Long Vương, Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Vô Lượng Quang Minh Long Vương, Liên Chủ Bất Đoạn Long Vương, Đại Thắng Long Vương, Đại Phán Tấn Long Vương, có tám mươi ức đại Long Vương như vậy đều làm mưa xuống đại hải và đều tuần tự nhiều gấp bội. Thái Tử của Ta Kiệt La Long Vương tên là Diêm Phù Tràng mưa xuống đại hải lại hơn gấp bội Long Vương trên.

Nước trong cung điện của Thập Quang Minh Long Vương chảy vào đại hải gấp bội nước mưa trên. Nước trong cung điện của Bá Quang Minh Long Vương chảy vào đại hải lại gấp bội. Nhẫn đến cung điện của tám mươi ức đại Long Vương đều riêng khác và đều có nước chảy vào đại hải tuần tự gấp bội nhau.

Ta Kiệt La Long Vương mưa vào đại hải nước nhiều hơn trên. Nước trong cung điện của Ta Kiệt La Long Vương chảy vào đại hải lại nhiều gấp bội. Nước này màu lưu ly xanh biếc, chảy ra có giờ, do đây nên nước triều của đại hải không lỗi giờ.

Chư Phật tử ! Như vậy đại hải : nước vô lượng, châu báu vô lượng, chúng sanh vô lượng, đại địa nương dựa cũng vô lượng.

Đại hải vô lượng như vậy so với trí hải vô lượng của đức Như Lai không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, nhẫn đến không bằng một phần ưu ba ni sa đà. Chỉ tùy tâm chúng sanh mà lập ví dụ. Nhưng Phật cảnh giới chẳng phải ví dụ đến được.

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết trí hải của Như Lai vô lượng, vì từ sơ phát tâm tu Bồ Tát hạnh không dứt.

Phải biết bửu tុ của Như Lai vô lượng vì tất cả pháp Bồ Đề phần Tam Bảo chúng chẳng dứt.

Phải biết chúng sanh trụ trong đó vô lượng, vì tất cả hàng hữu học vô học Thanh Văn, Duyên Giác thọ dụng.

Phải biết trụ địa vô lượng, vì chư Bồ Tát từ Sơ Hoan Hỷ địa đến bực Cứu Cánh Vô Ngại địa ở nơi đó.

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát vì nhập vô lượng trí huệ lợi ích tất cả chúng sanh, ở nơi cảnh giới của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác phải biết như vậy.

VI. Hạnh của đức Như Lai

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết hạnh của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác như thế nào ?

Chư Phật tử ! Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác trụ hạnh vô ngại, không có chỗ trụ mà hay khắp vì tất cả chúng sanh thị hiện công hạnh. Làm cho họ thấy rồi được vượt hơn tất cả đạo chướng ngại.

Chư Phật tử ! Ví như Kim Sí Diệu Vương bay trên hư không, đảo liêng chẳng đi, dùng mắt thanh tịnh quán sát trong cung điện của chư Long, phán khởi sức mạnh lấy hai cánh quạt nước biển rẽ ra làm hai, bắt rồng mạng sắp chết để ăn.

Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, an trụ hạnh vô ngại dùng Phật nhãn thanh tịnh quán sát pháp giới tất cả chúng sanh, nếu là hạng từng đã gieo thiện căn đã thành thực, dùng sức mạnh thập lực vỗ hai cánh chỉ quán quạt tách nước biển tham ái sanh tử ra làm hai mà bắt lấy họ vào trong Phật pháp, cho họ dứt tất cả vọng tưởng hí luận, an trụ nơi hạnh vô ngại vô phân biệt của Như Lai.

Chư Phật tử ! Như mặt nhật mặt nguyệt không gì sánh, riêng đi vòng giữa hư không làm lợi ích chúng sanh, mà không tự nghĩ từ đâu đến và đi đến đâu.

Chư Phật Như Lai cũng như vậy, tánh vốn tịch diệt không phân biệt, thị hiện du hành khắp pháp giới, vì muốn làm lợi ích tất cả chúng sanh, mà làm Phật sự không thôi nghỉ, vẫn không sanh hí luận phân biệt là ta từ đó đến rồi đi qua kia.

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải dùng vô lượng phương tiện vô lượng tánh tướng như vậy, để thấy biết công hạnh của đức Như Lai Đẳng Chánh Giác.

VII. Như Lai thành Đẳng Chánh Giác

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác như thế nào ?

Đại Bồ Tát phải biết đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác nơi tất cả nghĩa không chỗ quán sát, nơi pháp bình đẳng không chỗ nghỉ làm, không hai, không tướng, không làm, không thôi, không lượng, không mé, rời xa hai bên an trụ nơi trung đạo, vượt khỏi tất cả văn tự ngôn thuyết, biết tất cả chúng sanh tâm niệm nghĩ tướng, căn tánh, ưa thích, phiền não nhiễm tập. Tóm lại, biết rõ tam thể tất cả pháp.

Chư Phật tử ! Ví như đại hải có thể ẩn hiện tất cả hình tượng sắc thân của các chúng sanh trong bốn châu thiên hạ, thế nên mọi loài đều cùng gọi là đại hải. Chư Phật Bồ Đề cũng như vậy, hiện khắp tất cả chúng sanh căn tánh ưa thích, mà không sờ hiện, thế nên gọi là chư Phật Bồ Đề.

Chư Phật tử ! Phật Bồ Đề; tất cả văn tự chẳng tuyên được, tất cả âm thanh chẳng đến được, tất cả ngôn ngữ chẳng nói được, chỉ tùy chỗ sở nghi mà phương tiện khai thị.

VIII. Như Lai Chuyển Pháp Luân

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết đức Như Lai Đẳng Chánh Giác chuyển pháp luân như thế nào ?

Đại Bồ Tát phải biết như vậy : Đức Như Lai dùng sức tâm tự tại không khởi không chuyển mà chuyển pháp luân, vì biết tất cả pháp thường không khởi. Dùng ba thứ chuyển dứt chỗ đáng dứt mà chuyển pháp luân, vì biết tất cả pháp lìa biên kiến. Lìa dục tế phi tế mà chuyển pháp luân. Vì nhập tất cả pháp hư không tế. Không có ngôn thuyết mà chuyển pháp luân, vì biết tất cả pháp chẳng thể nói. Rốt ráo tịch diệt mà chuyển pháp luân, vì biết tất cả pháp là tánh Niết Bàn. Dùng tất cả văn tự, tất cả ngữ ngôn mà chuyển pháp luân, vì âm thanh của Như Lai không chỗ nào chẳng đến. Biết tiếng như vang mà chuyển pháp luân, vì rõ tánh chơn thiệt của các pháp. Trong một âm thanh phát ra tất cả âm thanh mà chuyển pháp luân, vì rốt ráo không chủ. Không sót không hết mà chuyển pháp luân, vì trong ngoài không nhiễm trước.

Chư Phật tử ! Đức Như Lai có tam muội tên là cứu cánh vô ngại vô úy. Nhập tam muội này rồi, ở mỗi mỗi thân mỗi mỗi miệng thành Đẳng Chánh Giác, đều phát ra ngôn âm bằng số tất cả chúng sanh. Trong mỗi mỗi ngôn âm đầy đủ các ngôn âm đều riêng khác mà chuyển pháp luân, làm cho tất cả chúng sanh đều hoan hỷ.

Người biết được đức Như Lai chuyển pháp luân như vậy, phải biết người này đã tùy thuận tất cả Phật pháp. Không biết như vậy thời chẳng phải là tùy thuận.

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết đức Phật chuyển pháp luân như vậy, vì vào khắp vô lượng chúng sanh giới.

IX. Như Lai Nhập Niết Bàn

Đại Bồ Tát phải biết đức Như Lai Đẳng Chánh Giác nhập Niết Bàn như thế nào ?

Chư Phật tử ! Thân của đức Như Lai không có phương xứ, chẳng thiệt chẳng hư, chỉ do bốn thế nguyện lực của chư Phật, hễ chúng sanh đáng được độ thời bèn xuất hiện.

Đại Bồ Tát phải biết đức Như Lai Đẳng Chánh Giác đại Niết bàn như vậy.

Chư Phật tử ! Đức Như Lai trụ nơi vô lượng vô ngại cứu cánh pháp giới, hư không giới, chơn như, pháp tánh, vô sanh, vô diệt và thiết tế, vì các chúng sanh mà tùy thời thị hiện. Do bốn nguyện giữ gìn nên không thôi nghỉ. Chẳng bỏ tất cả chúng sanh, tất cả cõi, tất cả pháp.

X. Thiện Căn của Như Lai

Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phải biết ở chỗ đức Như Lai Đẳng Chánh Giác, thấy nghe thân cận gieo trồng thiện căn như thế nào ?

Chư Phật tử ! Nay tôi nói với các Ngài : Mặc dầu có chúng sanh vì nghiệp chướng che đậy nên thấy nghe nơi Phật mà chẳng có lòng mến tin, vẫn cũng gieo được căn lành không luống uổng, nhẫn đến rốt ráo nhập Niết bàn.

Đại Bồ Tát phải biết ở nơi đức Như Lai, thấy nghe gần gũi gieo trồng căn lành như vậy, đều là tất cả pháp bất thiện, đầy đủ thiện pháp.

Phổ Hiền đại Bồ Tát đọc bài kệ, xin trích lược:

(...)

*Nếu nghe pháp này sanh hoan hỷ
Kìa từng cúng dường vô lượng Phật
Được Phật gia trì chỗ nhiếp thọ
Trời người ca ngợi thường cúng dường*

*Đây là pháp cứu thế đệ nhất
Đây hay cứu độ những quần phàm
Đây hay xuất sanh đạo thanh tịnh
Các Ngài thọ trì chớ phóng dật.*

Phẩm thứ ba mươi tám: Ly Thế Gian

Ly là rời bỏ.

Thế gian: còn gọi là: Giả danh thế gian, Hữu tình thế gian, Chúng sinh thế gian. Thế gian này do năm uẩn tạo thành. Năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) do duyên hợp mà thành – nên sự thành này là không thật có.

Trong bộ kinh “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, và phẩm này, đề cập đến việc “ly thế gian” như sau:

“Đây là mười đạo ly sanh của Bồ Tát, xuất ly thế gian chẳng cùng chung với thế gian mà cũng chẳng tạp hạnh Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác):

Xuất sanh Bát nhã Ba la mật mà luôn quán sát tất cả chúng sanh. Đây là đạo ly sanh thứ nhất.

Xa rời những kiến chấp mà độ thoát tất cả chúng sanh bị kiến chấp ràng buộc. Đây là đạo ly sanh thứ hai.

Chẳng tưởng niệm tất cả tướng mà chẳng bỏ tất cả chúng sanh chấp tướng. Đây là đạo ly sanh thứ ba.

Siêu quá tam giới mà thường ở tại tất cả thế giới. Đây là đạo ly sanh thứ tư.

Rời hẳn phiền não mà ở chung với tất cả chúng sanh. Đây là đạo ly sanh thứ năm.

Đắc pháp ly dục mà thường dùng đại bi thương xót tất cả chúng sanh nhiễm trước dục lạc. Đây là đạo ly sanh thứ sáu.

Thường thích tịch tịnh mà luôn thị hiện tất cả quyền thuộc. Đây là đạo ly sanh thứ bảy.

Rời sanh thế gian mà chết đây sanh kia khởi hạnh Bồ Tát. Đây là đạo ly sanh thứ tám.

Chẳng nhiễm tất cả pháp thế gian mà chẳng dứt tất cả việc làm thế gian. Đây là đạo ly sanh thứ chín.

Chư Phật Bồ đề đã hiện ra trước mà chẳng bỏ tất cả hạnh nguyện của Bồ Tát. Đây là đạo ly sanh thứ mười”.

Mặc dù bộ kinh này còn hai phẩm nữa mới kết thúc, song, đây có thể xem là phẩm tổng kết hầu hết những vấn đề đã nêu. Tuy nhiên, sự tổng kết này lại chỉ đơn thuần mang tính liệt kê, vì vậy cũng là phẩm dài thứ ba của bộ kinh: trên năm mươi hai ngàn từ.

Trước tính liệt kê, phần chú giải cũng chỉ mang tính của một mục lục nhằm giúp người đọc dễ tra cứu hơn trong tác phẩm chính kinh.

Phổ-Huệ Bồ-Tát đã hỏi Phổ-Hiền Bồ-Tát cả trăm câu hỏi, rất cụ thể và cùng một lúc. Trước cả trăm vấn đề, đại Bồ Tát Phổ hiền đã trả lời hầu như không thiếu một vấn đề nào. Tuân tự là:

Bấy giờ Phổ-Hiền Bồ-Tát bảo Phổ-Huệ và chư Bồ-Tát rằng :

1. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười chỗ y-chỉ (rồi nói ra mười y chỉ , xin tham khảo ở kinh)*

Nếu chư Bồ-Tát an trụ nơi pháp y-chỉ này thời được là chỗ sở-y đại trí vô-thượng của Như-Lai.

Rồi cứ tuân tự nói tiếp như vậy:

2. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ tướng kỳ-đặc*

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi mười pháp tướng này thời được tướng thiện-xảo vô-thượng.

3. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ hạnh*

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi mười hạnh này thời được hạnh đại trí-huệ vô-thượng của Như-Lai.

4. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười bực thiện-tri-thức*

(Không nói về sự an trụ. Sau này cũng có nhiều chỗ như vậy)

5. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười sự siêng tinh-tấn*

Nếu chư Bồ-Tát an trụ nơi mười pháp siêng tinh-tấn này thời được đầy đủ tinh-tấn ba-la-mật vô-thượng của Như-Lai.

6. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ tâm được an-ổn*

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi tâm an-ổn này thời được sự an-ổn đại-trí vô-thượng của Như-Lai.

7. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười cách thành-tựu chúng sanh*

Bồ-Tát dùng mười pháp này để thành-tựu chúng-sanh-giới.

8. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười loại giới*

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi giới này thời được giới quảng-đại ba-la-mật vô-thượng của Như-Lai.

9. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp thọ ký, Bồ-Tát do đây mà biết mình thọ-ký*

Bồ-Tát dùng mười pháp này nhập khắp tam-thế tất cả Bồ-Tát.

10. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp nhập Như-Lai*

Bồ-Tát dùng pháp này vào khắp hạnh của tất cả chúng-sanh.

11. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười cách nhập thế-giới*

Bồ-Tát dùng đây vào khắp tất cả thế-giới ở mười phương.

12. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ nhập kiếp*

Bồ-Tát dùng pháp này vào khắp tất cả kiếp.

13. *Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp nói tam-thế*

Bồ-Tát dùng pháp này nói khắp tam-thế.

14. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp biết tam-thế

Bồ-Tát dùng đây biết khắp tất cả những pháp tam thế.

15. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát phát mười thứ tâm không mỗi nhọc nhàm chán

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được đại-trí vô-thượng không mỗi nhàm của Như-Lai.

16. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ sai-biệt-trí

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi pháp này thời được trí sai-biệt quảng-đại vô-thượng của Như-Lai.

17. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ đà-la-ni

Nếu chư Bồ-Tát muốn được đà-la-ni này phải siêng tu học.

18. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát nói mười Phật

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ tâm này thời mau được thành-tựu trí thiện-xảo của Phổ-Hiền.

19. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười Phổ-Hiền hạnh pháp

Nếu chư Bồ-Tát siêng tu pháp này thời mau được viên-mãn hạnh nguyện Phổ-Hiền.

20. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát dùng mười pháp quán sát chúng-sanh mà khởi đại-bi Bồ-Tát hằng dùng tâm này quán-sát chúng-sanh.

21. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười môn-đuyên phát bồ-đề tâm

22. Chư Phật-tử ! Nếu Bồ-Tát phát tâm vô-thượng bồ-đề để được ngộ nhập nhưt-thiết-chủng trí, lúc thân cận cúng-dường thiện-tri-thức phải khởi mười tâm

23. Chư Phật-tử ! Nếu đại Bồ-Tát đã khởi tâm như vậy thời được mười thứ thanh-tịnh

24. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ ba-la-mật

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được đầy đủ đại-trí ba-la-mật vô-thượng của Như-Lai.

25. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười trí tùy-giác

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được tất cả pháp tự-tại quang-minh, sở-nguyện đều viên-mãn, trong khoảng một niệm đều hay hiểu rõ tất cả pháp-pháp thành đấng chánh-giác.

26. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười điều chứng tri

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được tất cả phương-tiện thiện-xảo.

27. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ năng-lực

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời đủ những năng-lực vô-thượng của Như-Lai.

28. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ bình-đẳng

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được pháp vô-thượng bình-đẳng của chư Phật.

29. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười câu thiết nghĩa pháp-pháp

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời khéo nhập nhứt-thiết-chủng trí vô-thượng chơn-thiệt nghĩa.

30. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát nói mười pháp

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được pháp xảo thuyết vô-thượng của Như-Lai.

31. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp trì

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi pháp này thời được năng-lực trụ trì đại trí vô-thượng của Như-Lai.

32. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ biện-tài

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được biện-tài xảo diệu vô-thượng của Như-Lai.

33. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ tự-tại

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi pháp này thời được tự-tại đại-trí vô-thượng của Như-Lai.

34. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp vô-trước

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi pháp này thời có thể mau chuyển tất cả tướng được trí-huệ thanh-tịnh vô-thượng.

35. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ tâm bình-đẳng

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được tâm đại bình-đẳng vô-thượng của Như-Lai.

36. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp xuất sanh trí-huệ

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời nơi tất cả pháp đều hiểu thấu tất cả.

37. Đại Bồ-Tát có mười pháp biến-hóa

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được đầy đủ tất cả pháp biến-hóa vô-thượng.

38. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp lực-trì

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời nơi tất cả pháp được lực-trì tự-tại vô-thượng.

39. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp đại hân-ủy

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được trí-huệ đại hân-ủy vô-thượng thành Đẳng-Chánh-Giác.

40. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười điều thâm nhập phật-pháp

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ nơi pháp này thời được nhập nơi tánh thậm-thâm đại trí-huệ vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

41. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp y-chỉ, Bồ-Tát nương ở nơi đây mà thật hành hạnh Bồ-Tát

Bồ-Tát nương nơi đây để thật hành hạnh Bồ-Tát.

42. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp phát tâm vô-úy

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được tâm vô-sở-úy đại trí vô-thượng của Như-Lai.

43. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát phát mười tâm không nghi, nơi tất cả phật-pháp tâm không nghi lầm

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời nơi tất cả phật-pháp tâm không chỗ nghỉ.

44. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp bất-tư-nghì

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong mười pháp bất-tư-nghì này thời được pháp bất-tư-nghì vô-thượng của chư Phật.

45. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười xảo-mật ngữ

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được vi-mật-ngữ thiện-xảo vô-thượng của Như-Lai.

46. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười trí-xảo phân-biệt

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được trí phân-biệt các pháp thiện-xảo vô-thượng của tất cả chư Phật.

47. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp nhập tam-muội

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được pháp tam-muội thiện-xảo vô-thượng của tất cả chư Phật.

48. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp biến nhập

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được pháp biến nhập đại-trí vô-thượng của Như-Lai.

49. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười môn giải-thoát

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được môn giải-thoát vô-thượng của Như-Lai.

50. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp thần-thông

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được thần-thông đại thiện-xảo vô-thượng của Như-Lai, vì tất cả chúng-sanh thị-hiện nhiều sự việc khiến họ tu học.

51. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ Minh

Trí-huệ rộng lớn chẳng lay động được, sẽ thành chánh-giác. Ở biển sanh-tử bình-đẳng tể độ tất cả chúng-sanh.

52. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp giải-thoát

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp giải-thoát này thời có thể ra làm phật-sự vô-thượng, giáo-hóa thành-thục tất cả chúng-sanh.

53. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười viên-lâm

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được hạnh đại an-lạc lìa ưu-não vô-thượng của Như-Lai.

54. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ cung-điện

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được pháp quán-đảnh nơi tất cả thế-gian thân-lực tự-tại.

55. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười điều vui thích

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được pháp lạc vô-thượng của chư Phật Như-Lai.

56. Chư Phật-tử ! Đại Bồ-Tát có mười thứ trang-nghiêm

Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được tất cả pháp trang-nghiêm vô-thượng của Như-Lai.

57. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát phát mười tâm bất động
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được tâm bất động nhưt-thiết-trí vô-thượng.
58. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp chẳng bỏ tâm thâm đại
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đó thời có thể chẳng bỏ tất cả Phật-pháp.
59. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười trí-huệ quán-sát
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đó thời được trí-huệ quán-sát vô-thượng của Như-Lai.
60. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười thuyết pháp
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời có thể thiện-xảo nói tất cả pháp.
61. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười pháp thanh-tịnh
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đó thời được pháp thanh-tịnh vô-thượng của tất cả Như-Lai.
62. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười ấn
Bồ-Tát dùng mười ấn này mau thành vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, đầy đủ trí-ấn nhưt-thiết-pháp vô-thượng của Như-Lai.
63. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười trí-quang-chiếu
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ pháp này thời được trí-quang-chiếu vô-thượng của tất cả chư Phật.
64. Chư Phật tử ! Đại Bồ-Tát có mười vô-đẳng-trụ, tất cả chúng-sanh, thanh-văn, độc-giác đều không sánh bằng
Nếu chư Bồ-Tát an-trụ trong đây thời được đại-trí vô-thượng, tất cả Phật-pháp vô-đẳng-trụ.
65. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phát mười tâm chẳng hạ liệt
Nếu chư Bồ Tát an trụ tâm này thời được tất cả Phật pháp tối thượng không hạ liệt.
66. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi Vô thượng Bồ đề có mười tâm tăng thượng như núi
Nếu như Bồ Tát an trụ trong đây thời được tâm tăng thượng như sơn vương
Đại trí vô thượng của Như Lai.
67. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười trí như biển nhập Vô thượng Bồ đề
Nếu chư Bồ Tát an trụ Pháp này thì được biển đại trí huệ vô thượng của tất cả chư Phật.
68. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát nơi vô thượng Bồ đề có mười thứ như thiết trụ
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại trí huệ bửu vô thượng của chư Phật.
69. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát phát mười thứ tâm thế nguyện đại thừa như Kim cang
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được trí đại thân thông vô thượng Kim cang tánh của Như Lai.
70. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp đại phát khởi
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời rốt ráo Bồ Tát hạnh, đầy đủ đại trí vô thượng của Như Lai.

71. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đại sự rất ráo
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được sự rất ráo đại trí huệ Vô thượng Bồ đề.
72. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ bất hoại tín
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được bất hoại tín đại trí huệ vô thượng của chư Phật.
73. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều được thọ ký
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này, thời ở chỗ chư Phật được thọ ký.
74. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ thiện căn hồi hướng. Bồ Tát do đây có thể dùng tất cả thiện căn thấy đều hồi hướng
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này, thời ở chỗ chư Phật được thọ ký.
75. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ thiện căn hồi hướng. Bồ Tát do đây có thể dùng tất cả thiện căn thấy đều hồi hướng
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được hiện chứng trí vô thượng của tất cả chư Phật.
76. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp phát tâm vô lượng vô biên quảng đại tâm
Nếu chư Bồ Tát an trụ mười tâm quảng đại này thời được biến trí huệ quảng đại vô lượng vô biên quảng đại tâm.
Nếu chư Bồ Tát an trụ mười tâm quảng đại này thời được biến trí huệ quảng đại vô lượng vô biên tất cả Phật pháp.
77. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười phục tạng
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được pháp tạng trí huệ vô thượng của tất cả chư Phật. Trọn có thể điều phục tất cả chúng sanh.
78. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười luật nghi
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được luật nghi đại trí vô thượng.
79. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tự tại
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được viên mãn tất cả các môn Ba la mật, Trí huệ thần lực, Bồ đề tự tại của chư Phật.
80. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười vô ngại dụng
81. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười quốc độ vô ngại dụng
82. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp vô ngại dụng
83. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười nguyện vô ngại dụng
84. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười cảnh giới vô ngại dụng
85. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười trí vô ngại dụng
86. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười môn thần thông vô ngại dụng
Nếu chư Bồ Tát được thần thông vô ngại dụng này thời có thể vào khắp tất cả Phật pháp.
87. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thần lực vô ngại dụng
88. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười lực vô ngại dụng

Nếu có Bồ Tát được các vô ngại dụng này, thời nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn thành hay chẳng muốn thành đều tùy ý vô ngại. Dầu thành Chánh giác nhưng vẫn chẳng dứt hạnh Bồ Tát. Tại sao vậy ? Vì đại Bồ Tát phát thệ nguyện lớn nhập vô biên môn vô ngại dụng mà thiện xảo thị hiện.

89. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười môn du hý

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này, thời được đại trí du hý vô thượng của Như Lai.

90. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười cảnh giới

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được cảnh giới đại trí huệ vô thượng của Như Lai.

91. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười lực

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thập lực như thiết trí vô thượng của chư Phật.

92. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười vô úy

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại úy vô thượng của chư Phật, nhưng cũng chẳng bỏ vô úy của Bồ Tát.

93. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp bất cộng

Nếu chư Bồ Tát an trụ nơi pháp này thời được pháp bất cộng quảng đại vô thượng của Như Lai.

94. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười nghiệp

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được nghiệp quảng đại vô thượng của Như Lai.

95. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thân

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thân vô thượng vô tận của Như Lai.

96. Đại Bồ Tát có mười thân nghiệp

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được Phật nghiệp vô thượng của Như Lai. Đều có thể giác ngộ tất cả chúng sanh.

97. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát lại có mười thân

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thân đại trí huệ vô thượng của Như Lai.

98. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười ngữ

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được vi diệu ngữ vô thượng của Như Lai.

99. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều tịnh tu ngữ nghiệp

100. Chư Phật tử ! Nếu đại Bồ Tát đem mười việc này để tịnh tu ngữ nghiệp thời được mười điều thủ hộ

101. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát được sự thủ hộ này rồi thời có thể thành tựu mười đại sự

102. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tâm

103. Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được tâm đại thanh tịnh vô thượng của Như Lai.

104. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ phát tâm

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được tâm đại phát khởi năng sự vô thượng của Như Lai.

105. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tâm cùng khắp

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được vô lượng Phật pháp vô thượng cùng khắp trang nghiêm.

106. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười căn

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được căn đại trí viên mãn vô thượng của Như Lai.

107. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thâm tâm

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được thâm tâm thanh tịnh như thiết trí vô thượng.

108. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thâm tâm tăng thượng

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thâm tâm tăng thượng thanh tịnh vô thượng của tất cả chư Phật.

109. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều siêng tu

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được siêng tu đại trí huệ vô thượng của Như Lai.

110. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ quyết định giải

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được quyết định giải vô thượng của Như Lai.

111. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười quyết định giải biết tất cả thế giới

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được quyết định giải Phật độ quảng đại vô thượng của Như Lai.

112. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười quyết định giải biết chúng sanh giới

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được quyết định giải đại oai lực vô thượng của Như Lai.

113. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ tập khí

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời lìa hẳn tất cả tập khí phiền não, được trí đại trí tập khí phi tập khí của Như Lai.

114. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều thủ lấy, do đây nên không dứt hạnh Bồ Tát

Nếu chư Bồ Tát an trụ nơi mười điều thủ lấy này thời có thể chẳng dứt Bồ Tát hạnh, được pháp vô sở thủ vô thượng của tất cả Như Lai.

115. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều tu

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thành tựu đại trí huệ vô thượng của Như Lai.

116. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều thối thất Phật pháp cần phải xa lìa

Nếu chư Bồ Tát xa lìa pháp này, thời nhập đạo ly sanh của Bồ Tát.

117. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đạo ly sanh

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được pháp quyết định của Bồ Tát.

118. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp quyết định

119. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đạo xuất sanh Phật pháp

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được danh hiệu đại tướng phu thời thành tựu Bồ Tát đạo

120. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đạo

Nếu chư Bồ Tát an trụ nơi đây thời được đạo phương tiện thiện xảo vô thượng của tất cả Như Lai.

121. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có vô lượng đạo, vô lượng trợ đạo, vô lượng tu đạo, vô lượng trang nghiêm đạo. Đại Bồ Tát có mười vô lượng đạo

122. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười vô lượng trợ đạo

Nếu chư Bồ Tát an trụ nơi pháp này thời được vô lượng trí huệ của Như Lai.

123. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười vô lượng đạo hạnh tu tập

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được hạnh tu thiện xảo vô thượng nhưэт thiết trí của Như Lai.

124. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đạo trang nghiêm

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đạo đại trang nghiêm Vô thượng của Như Lai, cũng chẳng bỏ Bồ Tát đạo.

125. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chân

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được chân vô thượng tối thắng của đức Như Lai. Nếu cất chân một bước đều có thể đến khắp tất cả thế giới.

126. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tay

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được tay vô thượng của Như Lai, che khắp tất cả thế giới mười phương.

127. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười bụng

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được bụng rộng lớn vô thượng của Như Lai, đều có thể dung thọ tất cả chúng sanh.

128. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tạng

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thiện căn vô thượng, tạng đại trí huệ bất hoại của Như Lai.

129. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tâm

Nếu Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được tâm vô thượng đại trí quang minh tạng của Như Lai.

130. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ mặc giáp

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời mặc mào giáp vô thượng của Như Lai, đều có thể xô dẹp tất cả quân ma.

131. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ khí tượng

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời có thể trừ diệt những phiền não kiết sử đã chứa nhóm từ lâu của tất cả chúng sanh.

132.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười đầu

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời, được đầu đại trí huệ vô thượng của Như Lai.

133.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười mắt

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại trí huệ nhãn vô thượng của Như Lai.

134.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười tai

Nếu chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời được đại trí huệ nhĩ vô thượng của đức Như Lai.

135.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười mũi

Nếu chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời được vô lượng vô biên thanh tịnh tử của Như Lai.

136.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười lưỡi

Nếu chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời được lưỡi vô thượng trùm khắp tất cả Phật độ của đức Như Lai.

137.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thân

Nếu chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời được thân vô thượng của Như Lai.

138.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười ý

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được ý vô thượng của tất cả Phật.

139.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười hạnh

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được hạnh vô lai vô khứ của đức Như Lai.

140.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chỗ an trụ

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được an trụ như thiết trí vô thượng.

141.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chỗ ngồi

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được chỗ ngồi chánh giác vô thượng của đức Như Lai.

142.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chỗ nằm

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được chỗ nằm đại pháp vô thượng của Như Lai đều có thể khai ngộ tất cả chúng sanh.

143.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chỗ sở trụ

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được chỗ sở trụ vô ngại vô thượng của Như Lai.

144.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười chỗ sở hành

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được chỗ sở hành đại trí huệ vô thượng của đức Như Lai.

145.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ quán sát

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được trí đại quán sát vô thượng của Như Lai.

146.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười môn phổ quán sát

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại trí huệ phổ quán sát vô thượng của đức Như Lai.

147.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều phần tấn
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được nơi tất cả pháp phần tấn tự tại vô
thượng của chư Phật.

148.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười sư tử hống
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại sư tử hống của Như Lai.

149. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp thanh tịnh thí
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được bố thí quảng đại thanh tịnh vô thượng
của Như Lai.

150.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh giới
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thanh tịnh giới vô thượng không lỗi lầm
của đức Như Lai.

151.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh nhẫn
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được pháp nhẫn vô thượng chẳng do tha ngộ
của tất cả chư Phật.

152.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp tinh tấn thanh tịnh
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này, thời được đại thanh tịnh tinh tấn vô thượng của
Như Lai.

153.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh thiên
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được đại thanh tịnh thiên vô thượng của Như
Lai.

154.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh huệ
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây, thời được đại trí huệ vô ngại của Như Lai.

155.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh từ
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thanh tịnh từ quảng đại vô thượng của
Như Lai.

156.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh bi
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thanh tịnh bi quảng đại vô thượng của
Như Lai.

157.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh hỷ
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được thanh tịnh hỷ quảng đại vô thượng của
Như Lai.

158.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thanh tịnh xả
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được thanh tịnh xả quảng đại vô thượng
của Như Lai.

159.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười nghĩa
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được pháp quảng đại vô thượng của đức Như
Lai.

160.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười công cụ trợ đạo phước đức
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời đầy đủ phước đức quảng đại vô thượng của
Như Lai.

- 161.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười công cụ trợ đạo trí huệ
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười pháp này thời được trí huệ vi diệu thanh tịnh vô ngại nơi tất cả pháp của đức Như Lai.
- 162.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười minh tức
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại quang minh vô thượng nơi tất cả Phật pháp của Như Lai.
- 163.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều cầu pháp
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại trí huệ tất cả Phật pháp chẳng do người khác dạy.
- 164.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp minh liễu
Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại trí như minh liễu pháp vô thượng của đức Như Lai.
- 165.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười pháp tu hành
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong đây thời được pháp tu hành vô thượng của Như Lai.
- 166.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ ma
Đại Bồ Tát phải dùng phương tiện mau cầu xa rời mười thứ ma này.
- 167.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ ma nghiệp
Chư Bồ tát phải mau xa lìa mười ma nghiệp này mà siêng cầu Phật nghiệp.
- 168.Chư Phật tử ! Đại Bồ tát có mười điều bỏ rời ma nghiệp
Nếu chư Bồ tát an trụ mười pháp này thời có thể ra khỏi tất cả ma đạo.
- 169.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười môn kiến Phật
Nếu chư Bồ tát an trụ mười môn kiến Phật này thời thường được thấy đức Như Lai vô thượng.
- 170.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười Phật nghiệp
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười Phật nghiệp này, thời được nghiệp quảng đại vô thượng vô sư chẳng do người dạy.
- 171.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười mạn nghiệp
Nếu chư Bồ Tát lìa mười mạn nghiệp này thời được mười trí nghiệp
- 172.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười trí nghiệp
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười trí nghiệp này thời được tất cả thiện xảo phương tiện đại trí nghiệp vô thượng của đức Như Lai.
- 173.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều bị ma nhiếp trì
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười điều này thì được sức nhiếp trì vô thượng của chư Phật.
- 174.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều được pháp nhiếp trì
Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười điều được pháp nhiếp trì này thời được pháp nhiếp trì vô thượng của tất cả chư Phật.
- 175.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát ở Đâu Suất thiên cung có mười công việc
Nếu chư Bồ Tát thành tựu pháp này thời có thể sau này sanh xuống thế gian.
- 176.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát ở Đâu Suất Thiên cung lúc sắp giáng sanh hiện ra

mười sự

Thị hiện sự nghiệp này rồi, vì đầy đủ tất cả công đức nên từ cung trời Đâu Suất sanh xuống như gian.

177.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát thị hiện ở thai mẹ có mười sự

Nếu chư Bồ Tát rõ thấu mười sự thị hiện ở thai mẹ này, thời có thể thị hiện sự qua đến thậm thâm vi tế.

178.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười sự qua đến thậm thâm vi tế

Nếu chư Bồ Tát an trụ trong mười môn qua đến thậm thâm vi tế này thời được đại trí huệ thâm thâm vi tế vô thượng của đức Như Lai.

179.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều sanh

180.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát do mười sự mà thị hiện vi tiểu tâm tự thế

Đại Bồ Tát vì điều phục chúng sanh nên thị hiện như vậy.

181.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười sự mà thị hiện đi bảy bước

Đại Bồ Tát vì điều phục chúng sanh nên thị hiện đi bảy bước như vậy.

182.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát do mười sự mà hiện ở thân đồng tử

Vì hiện được đức Phật gia bị, được pháp quang minh mà thị hiện ở thân đồng tử.

183.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát thị hiện ở thân đồng tử rồi, do mười sự mà thị hiện ở

Vương cung

Tối hậu thân Bồ Tát thị hiện ở Vương Cung như vậy rồi, sau đó mới xuất gia.

184.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát do mười sự mà thị hiện xuất gia

Đại Bồ Tát dùng pháp xuất gia này mà điều phục chúng sanh.

185.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát vì mười sự mà thị hiện khổ hạnh

Đại Bồ Tát dùng phương tiện khổ hạnh này để điều phục chúng sanh.

186.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát đi đến Bồ đề đạo tràng có mười sự

Đại Bồ Tát dùng mười sự đến đạo tràng này để giáo hóa chúng sanh.

187.Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát ngồi đạo tràng có mười sự

188. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười sự kỳ đặc vị tăng hữu

189. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát lúc ngồi đạo tràng vì quán sát mười nghĩa mà thị hiện hàng ma

190. Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười điều thành Như Lai lực

Nếu chư Bồ Tát đủ mười Như Lai lực này thời gọi là Như Lai Chánh Đẳng Giác.

191.Chư Phật tử ! Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác chuyển đại pháp luân có mười sự

Chư Phật Như Lai lúc chuyển đại pháp luân có vô lượng sự như vậy.

192.Chư Phật tử ! Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác lúc chuyển đại pháp luân, do mười sự nên ở trong tâm chúng sanh gieo pháp bạch tịnh không hề luống công

193. Chư Phật tử ! Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác đã thật hành Phật sự xong, vì quán sát mười nghĩa nên thị hiện nhập Niết bàn

194.Chư Phật tử ! Như Lai Thế Tôn thật hành Phật sự rồi, bốn nguyện đã mãn, chuyên pháp luân đã xong người đáng được hoá độ đều đã hóa độ xong, có chư Bồ Tát đáng thọ tôn hiệu sự thọ ký đã thành, theo pháp phải như vậy nhập nơi bất biến đại Niết bàn.

195.Đây là đức Như Lai Đẳng Chánh Giác vì quán sát mười nghĩa nên thị hiện nhập Niết bàn.

Chư Phật tử ! Pháp môn này gọi là hạnh quảng đại thanh tịnh của Bồ Tát. Vô lượng chư Phật đồng tuyên thuyết như vậy. Có thể làm cho người trí tỏ thấu vô lượng nghĩa, đều rất hoan hỷ. Làm cho tất cả Bồ Tát đại nguyện đại hạnh đều được tiếp nối.

Chư Phật tử ! Nếu có chúng sanh được nghe pháp này, nghe xong tin hiểu, hiểu rồi tu hành. Người này quyết định mau được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tại sao vậy ? Vì người này đúng như lời mà tu hành.

Chư Phật tử ! Nếu Bồ Tát chẳng thật hành đúng như lời, phải biết người này là hản Phật Bồ đề. Do có đây nên Bồ Tát phải thật hành đúng như lời.

Chư Phật tử ! Chỗ sở hành công đức nghĩa hoa quyết định của tất cả Bồ Tát đây vào khắp tất cả pháp, sanh khắp tất cả trí, siêu thế gian, là Nhị thừa, chẳng đồng chung với tất cả chúng sanh, đều có thể soi rõ tất cả pháp môn, thêm lớn thiện căn xuất thế của chúng sanh, là pháp môn phẩm là thế gian, phải tôn trọng, phải tin thọ, phải phụng trì, phải tư duy, phải mong mến, phải tu hành. Nếu được như vậy, nên biết người này mau được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Phổ Hiền Bồ Tát nói phẩm này, vì Phật thần lực, và vì pháp tất nhiên của pháp môn này nên vô lượng vô biên vô số thế giới đều đại chấn động đại quang chiếu khắp mười phương.

Bấy giờ Phổ Hiền đại Bồ Tát thừa thần lực của Phật, quán sát tất cả đại chúng mười phương, khắp đến pháp giới, rồi nói kệ (xin tham khảo ở tác phẩm kinh)

Phẩm thứ ba mươi chín: Nhập Pháp Giới

Nếu như phẩm thứ ba mươi tám, phẩm “Ly Thế Gian” được xem như tổng kết mang tính liệt kê của bộ kinh “Hoa Nghiêm” thì phẩm “Nhập Pháp Giới” này là phần giải bày điểm tập trung, cốt lõi nhất, đó là: Pháp Phật.

Lần này hội tụ:

Năm trăm chư vị đại Bồ tát – trong đó Phổ Hiền đại Bồ Tát và Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát dẫn đầu.

Năm trăm chư vị của giới Thanh Văn cũng đến dự.

Vô lượng Thế Chủ cũng đến dự (Vương của các thế giới hải).

Khắp mười phương: có *vi trần số* Bồ Tát xuất gia cũng đến dự.

Vấn đề được đặt ra (tâm tư đại chúng) là mười vấn đề liên quan đến Như Lai, mười vấn đề liên quan như sau:

“Cảnh giới của Như Lai, trí hạnh của Như Lai, gia trì của Như Lai, lực của Như Lai, vô úy của Như Lai, tam muội của Như Lai, sở trụ của Như Lai, tự tại của Như Lai, thân của Như Lai, trí của Như Lai”.

Mười điều này là:

“Tất cả thế gian chư Thiên cùng người đời không thông đạt được, không xu nhập được, không tín giải được, không rõ biết được, không nhận thọ được, không quán sát được, không giảng trạch được, không khai thị được, không tuyên minh được.

Không ai có thể làm cho chúng sanh hiểu rõ. Chỉ trừ sức gia bị của Chư Phật, sức thần thông của Phật, sức oai đức của Phật, sức bổn nguyện của Phật, và sức thiện căn đời trước của họ, sức nhiếp thọ của thiện tri thức, sức tinh tấn sâu, sức minh giải lớn, sức tâm thanh tịnh xu hướng Bồ đề, sức nguyện rộng lớn cầu nhứt thiết trí”.

Trong kinh, một vấn đề “ngoài lề” được “tô” khá “đậm”: các đại đệ tử của đức Phật (thuộc giới Thanh Văn): Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Tu Bồ Đề ... bị “chê” thậm tệ, đó là:

“Chư đại Thanh Văn này ở tại rừng Thệ Đa mà đều chẳng thấy thần lực của Như Lai. Chẳng thấy sự nghiêm hảo của Như Lai. Chẳng thấy cảnh giới của Như Lai. Chẳng thấy sự du hí của Như Lai. Chẳng thấy sự thần biến của Như Lai. Chẳng thấy sự tôn thắng của Như Lai. Chẳng thấy sự diệu hạnh và oai đức của Như Lai v.v...”. Tại sao vậy ?

“Vì thiện căn chẳng đồng. Vì vốn không tu tập thiện căn thấy Phật tự tại. Vì vốn chẳng khen nói công đức thanh tịnh của tất cả Phật độ ở mười phương. Vì vốn

chẳng ca ngợi những thần biến của chư Phật Thế Tôn. Vì vốn chẳng ở trong sanh tử phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vì vốn chẳng làm cho kẻ khác phát tâm Bồ đề v.v...”

Thực ra, “vì vốn”: *chẳng ở trong sanh tử phát tâm Vô thượng Bồ đề ; chẳng làm cho kẻ khác phát tâm Bồ đề* – mới là nguyên nhân chủ yếu. Bởi vì – nếu không có giới Bồ Tát, chỉ để giới Thanh Văn Duyên Giác – thì Phật Pháp chẳng thể phát triển. Do, giới Thanh Văn Duyên Giác đề cao quá mức việc xuất gia. Việc đề cao quá mức này – khiến những vị xuất gia trở thành như một “giai cấp” và là giai cấp thuộc “hàng trên” cùng – của giai tầng xã hội. Việc này đi ngược lại ý nghĩa tối thượng của triết lý Phật: bình đẳng giới.

Đây chỉ là những dấu tích xưa, đức Phật đã dạy: chuyện quá khứ thuộc quá khứ ...

Trọng tâm của phẩm này là “thiên phóng sự” về Thiện Tài đồng tử đi tìm “thầy” học đạo Pháp. Và chính việc Thiện Tài đồng tử tìm “thầy” học đạo Pháp sẽ là câu chuyện dài nhằm để sau đó (phẩm cuối cùng: “Nhập Bát Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện”) sẽ là “câu kết” cho toàn bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” này.

Cách đây hàng ngàn năm, với cung cách kể chuyện trong phẩm này, câu chuyện về Thiện Tài đồng tử đi tìm “thầy” học đạo Pháp, không thể không là câu chuyện lý thú. Thậm chí, ngay cả hiện đại, nếu sắp xếp, tính toán lại – câu chuyện này vẫn có thể tạo ra những tác phẩm lớn – ở nhiều thể loại (đặc biệt là phim).

Thiện Tài đồng tử vốn là người: *“tâm thanh tịnh như hư không, hồi hướng Bồ đề không chướng ngại”*. Và Thiện Tài đồng tử đã: *“phát tâm Vô thượng Bồ đề, lại muốn thân cận các bậc thiện tri thức để hỏi Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo”*.

Thoạt tiên, Thiện Tài đồng tử đã cầu học nơi Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát :

“Cúi xin đức Thánh vì tôi mà dạy Bồ Tát phải học Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tu Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải đến Bồ Tát hạnh thế nào ? Phật thật hành Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tịnh Bồ Tát hạnh thế nào? Phải nhập Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải thành tựu Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tùy thuận Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải ghi nhớ Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải thêm rộng Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải làm thế nào cho Phổ Hiền hạnh mau được viên mãn”.

Việc Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát chưa hướng dẫn ngay những điều Thiện Tài đồng tử nêu bởi có hai nguyên nhân chủ yếu như sau:

Một là: Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát *nhận biết ra căn tánh của* Thiện Tài đồng tử nên chưa hướng dẫn ngay mà giới thiệu Thiện Tài đồng tử với Tỳ Kheo Đức Vân.

Nguyên nhân thứ hai là: qua sự giới thiệu như vậy cũng là cái cớ để dẫn đến “cả một thiên phóng sự”. Từ thiên phóng sự này – cũng là lời giáo huấn mạnh mẽ, sâu sắc nhất về một vấn đề thiết yếu của mọi thời đại: vấn đề Pháp Phật.

Những người Thiện Tài đồng tử gặp – đó là những chư vị Bồ Tát “*ư pháp nhỏ*” (đây là khái niệm của đức Thế Tôn đã gọi trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”). Các Bồ Tát *ư pháp nhỏ* này là một thực tại của mọi thời đại. Thậm chí, còn có những người “*ư thích pháp*” “*siêu*” *nhỏ* nữa !

Hãy cùng theo bước Thiện Tài đồng tử ...

“Thiện Tài đồng tử nghe xong hớn hờ vui mừng, đánh lễ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, rơi lệ từ tạ mà đi qua hướng Nam, đến nước Thắng Lạc, lên núi Diệu Phong, lòng khát khao muốn được gặp Tỳ Kheo Đức Vân.

Thiện Tài đồng tử phải chờ đến ...”Bảy ngày sau mới được gặp Tỳ Kheo Đức Vân”.

Khi gặp được Tỳ Kheo Đức Vân, Thiện Tài đồng tử cúi đầu thưa rằng:

“Bạch Đức Thánh ! Tôi đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, mà chưa biết Bồ Tát phải học Bồ Tát hạnh thế nào ? Phải tu Bồ Tát hạnh thế nào ? Nhẫn đến phải thế nào để được mau viên mãn hạnh Phổ Hiền ? Tôi nghe đức Thánh khéo có thể dạy bảo, mong đức Thánh thương xót dạy cho tôi thế nào (để) Bồ Tát được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Tỳ Kheo Đức Vân dùng: *“Ức niệm Nhứt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến”* – để thấy khắp các cảnh giới không chướng ngại, quán sát khéo léo, phổ nhãn sáng suốt, đủ hạnh thanh tịnh ; qua tất cả các cõi nước mười phương, cung kính cúng dường tất cả chư Phật...

Trước mong muốn của Thiện Tài đồng tử, Tỳ Kheo Đức Vân nói:

“Này thiện nam tử ! Ta chỉ được pháp môn “ức niệm Nhứt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến” này thôi. Đâu biết hết được vô biên trí huệ thanh tịnh hạnh môn của đại Bồ Tát.

Này thiện nam tử ! Phương Nam có một nước tên là Hải Môn, nơi đó có Tỳ Kheo tên là Hải Vân. Ngươi hãy đến hỏi Hải Vân”.

Thế là Thiện Tài đồng tử khăn gói đi tìm gặp Tỳ Kheo Hải Vân.

Khi gặp được Tỳ Kheo Hải Vân, Thiện Tài đồng tử cúi đầu, cũng vẫn thưa về ý nguyện học đạo pháp của mình.

Sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Tỳ Kheo Hải Vân nói:

“Phát Bồ đề tâm là phát tâm đại bi, vì cứu khắp tất cả chúng sanh. Là phát tâm đại từ, vì khắp giúp tất cả thế gian. Là phát tâm an lạc, vì làm cho tất cả chúng sanh diệt tất cả khổ. Phát tâm lợi ích, vì làm cho tất cả chúng sanh lìa ác pháp. Phát tâm ai mãn, vì có ai kinh sợ thời đều giữ gìn. Phát tâm vô ngại, vì rời bỏ tất cả chướng ngại. Phát tâm quảng đại, vì tất cả pháp giới đều đầy khắp. Phát tâm vô biên, vì khắp cõi hư không đều qua đến. Phát tâm rộng rãi, vì đều thấy tất cả Như Lai. Phát tâm thanh tịnh, vì trí không trái với pháp tam thế. Phát tâm trí huệ, vì vào khắp biển nhưt thiết trí huệ.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết phổ nhân pháp môn làm sao biết được, nói được công đức hạnh đó ?!”

Này thiện nam tử ! Từ đây qua phương Nam sáu mươi do tuần, bên đường Lăng Già, có một tụ lạc tên là Hải Ngạn. Ở đó có Tỳ Kheo tên là Thiện Trụ. Người nên đến đó hỏi”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Tỳ Kheo Thiện Trụ.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy: *“Thiện Trụ Tỳ Kheo đi kinh hành qua lại ở trên hư không.*

Có vô số chư thiên cung kính vây quanh rải những thiên hoa, trời thiên kỹ nhạc, tràng phan gấm lụa thấy đều nhiều vô số đầy khắp hư để cúng dường.

Có cả Chư đại Long Vương ở giữa hư không nổi bất tư nghì mây trăm thủy hương, chấn sấm, xẹt chớp, dùng để cúng dường”.

Và vô số các vương khác cũng đang cúng dường Thiện Trụ Tỳ Kheo bằng đủ thứ châu báu ...

“Thiện tài đồng tử thấy những sự trên đây, lòng hoan hỷ chấp tay kính lễ Thiện Trụ Tỳ Kheo” rồi bạch về ý nguyện của mình.

Sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Tỳ Kheo Thiện Trụ nói:

“Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết pháp môn vô ngại giải thoát mau chóng cúng dường khắp chư Phật thành tựu khắp chúng sanh này.

Những công đức Bồ Tát, ta đâu có thể biết và nói được hết.

Này thiện nam tử ! từ đây qua phương Nam có một nước tên là Đạt Lý Tỳ Trà, có thành tên là Tụ Tại, trong đó có một người tên là Di Già. Người nên đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, trụ Bồ Tát đạo !”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bồ Tát Di Già.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy: *“Bồ Tát Di Già đang ngồi trên pháp tòa sư tử nơi chợ giảng thuyết pháp môn luân tự trang nghiêm . Có mười ngàn người vây quanh nghe pháp”.*

Sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Bồ Tát Di Già hỏi:

“Người đã phát tâm Vô thượng Bồ đề rồi ư ?

-Vâng, tôi đã phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Thiện Tài đồng tử đáp. Vừa nghe như thế, Di Già liền vội vàng rời tòa sư tử mọp lay Thiện Tài. Rồi lại rải bông kim ngân, bửu châu vô giá, cùng với bột mịn chiên đàn, vô lượng thứ y trùm trên mình Thiện Tài.

Rồi Bồ Tát Di Già nói rằng:

“Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết pháp môn Bồ Tát diệu âm đà la ni quang minh. Như Chư đại Bồ Tát có thể vào khắp biển những tư tưởng của tất cả chúng sanh, biển những sự thi thiết, biển những danh hiệu, biển những ngữ ngôn của tất cả chúng sanh... ta làm sao biết hết được, nói hết được !

Này thiện nam tử ! Từ đây qua phương Nam có một tụ lạc tên là Trụ Lâm. Nơi đó có một Trưởng giả tên là Giải Thoát. Ngươi đến đó hỏi”.

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bồ Tát Giải thoát.

“Thiện Tài đồng tử đi lần qua phương Nam, trải qua mười hai năm, đến thành Trụ Lâm tìm Giải Thoát Trưởng giả”.

“Lúc đó Giải Thoát Trưởng giả do sức thiện căn quá khứ, sức oai thần của Phật, do niệmlực của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, mà nhập Bồ Tát tam muội môn tên là "vô biên triền đà la ni nhiếp khắp tất cả cõi Phật”.

Nhập tam muội này rồi được thân thanh tịnh. Ở trong thân mình hiển hiện mười phương, mỗi phương đều mười Phật sát vi trần số Phật và quốc độ, chúng hội đạo tràng, các thứ quang minh, các sự trang nghiêm”.

Khi Thiện Tài đồng tử đến gặp, Bồ Tát Giải thoát “khoe”:

“Thiện nam tử ! Ta thấy mười phương chư Phật. Mỗi phương đều mười Phật sát vi trần số Như Lai. Chư Như Lai chẳng đến đây, ta cũng chẳng qua đó”.

Nhưng, sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Bồ Tát Giải thoát nói rằng:

“Thiện nam tử ! Ta chỉ nhập xuất được môn giải thoát "Như Lai vô ngại trang nghiêm" này.

Còn như chư đại Bồ Tát được vô ngại trí, trụ vô ngại hạnh, được tam muội "thường thấy tất cả Phật", được tam muội "chẳng trụ niết bàn tế", rõ thấu tam muội "Phổ môn cảnh giới". Với những pháp tam thế thấy đều bình đẳng. Hay khéo phân thân khắp tất cả cõi. An trụ nơi cảnh giới bình đẳng của chư Phật. Cảnh giới mười phương đều hiện tiền. Trí huệ quán sát đều thấy biết rõ ràng tất cả. Ở trong thân mình đều hiện tất cả thế giới thành hoại, nhưng đối với thân mình và các thế giới không có tưởng nghĩ là hai.

Những diệu hạnh như vậy, làm sao ta biết hết được, nói hết được.

Này thiện nam tử ! từ đây qua phương Nam đến bờ Diêm Phù Đề, có một nước tên là Ma Lợi Già La. Nước đó có Tỳ kheo tên là Hải Tràng.

Ngươi đến đó hỏi : Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”.

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Tỳ kheo Hải Tràng.

“Thiện Tài đồng tử đi lần qua phương Nam đến bờ Diêm Phù Đề, nước Ma Lợi, tìm Hải Tràng Tỳ Kheo. Bèn thấy Hải Tràng Tỳ Kheo ngồi kiết già ở bên chỗ đi kinh hành, đang nhập tam muội, bất hơi thở, lìa tư giác, thân tâm bất động.

Từ dưới chân của Tỳ Kheo ấy hiện ra vô số muôn ngàn ức Trưởng giả, Cư Sĩ, Bà La Môn. Đại chúng này đều dùng nhiều đồ trang nghiêm để nghiêm sức thân mình. Tất cả đều đội bửu quan, đeo minh châu, qua khắp tất cả thế giới mười phương mưa tất cả châu bửu, tất cả chuỗi ngọc, tất cả y phục, tất cả đồ uống ăn thượng vị đúng pháp, tất cả hoa, tất cả tràng hoa, tất cả hương, tất cả hương thoa, tất cả đồ tư sanh theo sở thích. Ở tất cả chỗ cứu nhiếp những chúng sanh nghèo cùng, an ủi những chúng sanh khổ não, đều làm cho hoan hỷ. Tâm ý thanh tịnh. Thành tựu đạo Vô thượng Bồ đề.

Từ hai gôi của Hải Tràng Tỳ Kheo xuất hiện trăm ngàn ức Sát Đế Lợi, Bà La Môn. Đại chúng này đều thông huệ, nhiều sắc tướng, nhiều hình mạo, nhiều y phục thượng diệu trang nghiêm, cùng khắp tất cả thế giới mười phương, dùng ái ngữ và đồng sự nhiếp các chúng sanh...

Lúc đó Thiện Tài đồng tử nhất tâm quán sát Hải Tràng Tỳ Kheo lòng rất khát ngưỡng.

Thế nhưng, sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Hải Tràng Tỳ Kheo nói rằng:
“Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết một Bát Nhã Ba la mật tam muội quang minh này. Còn như chư Bồ Tát nhập trí huệ hải, tịnh pháp giới cảnh, đạt tất cả thú, khắp vô lượng cõi, tổng trì tự tại, tam muội thanh tịnh, thần thông quảng đại, biện tài vô tận ... làm sao ta biết hết được, nói hết được ?!

Này thiện nam tử ! Từ đây qua phương Nam có một xứ tên là Hải Triều. Xứ đó có khu viên lâm tên là Phổ Trang Nghiêm. Trong viên lâm đó có Ưu bà di tên là Huru Xả. Ngươi hãy đến đó hỏi”.

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Ưu bà di Huru Xả.

“Thiện Tài đồng tử đi lần qua phương Nam đến xứ Hải Triều, thấy vườn Phổ Trang Nghiêm, tường rào bằng các thứ bửu bao bọc. Tất cả cây báu hàng liệt trang nghiêm. Tất cả cây bửu hoa rải những diệu hoa trái trên mặt đất. Tất cả cây bửu hương mùi thơm ngào ngạt xông khắp mười phương ...

Lại có trăm vạn mảnh lưới đại bửu giăng che phía trên ...

Lại có trăm vạn đại quang minh chiếu sáng ...

Lúc ấy, Huru Xả Ưu bà di ngồi tòa chơn kim, đội mão hải tạng chơn châu vông, đeo bửu xuyên chơn kim hơn cõi trời, rủ tóc xanh biếc, đại ma bửu trang nghiêm trên đầu, sư tử khẩu ma ni bửu làm bông tai, như ý ma ni bửu vương làm chuỗi ngọc, bửu vông trùm trên thân. Trăm ngàn ức na do tha chúng sanh cúi mình cung kính.

Khắp mười Phương có vô lượng chúng đến chỗ Ưu bà di. Như là Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên, Đại Phạm Thiên ... một mực cung kính.

Thế nhưng, sau khi nghe Thiện Tài đồng tử thưa hỏi, Hữu Xá Ưu bà di nói rằng:

“Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết một môn giải thoát này, tên là "Ly ưu an ổn tràng". Như chư đại Bồ Tát, tâm như biển cả có thể đều dung thọ tất cả Phật pháp. Như núi Tu Di, chí ý kiên cố chẳng bị lay động. Như vị thuốc thiện kiến (...). Như mặt nhật sáng sạch (...). Như gió tốt (...). Như đại vân, hay vì chúng sanh mà mưa đại pháp tịch diệt. Như minh nguyệt hay vì chúng sanh mà phóng phước đức quang. Như Thiên Đế, đều hay thủ hộ tất cả chúng sanh.

Làm sao biết được hết, nói được hết những công đức đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam Xứ Hải Triều đây có một nước tên là Na La Tô. Trong đó có tiên nơn tên là Tỳ Mục Cù Sa. Ngươi đến đó mà hỏi”.

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Tỳ Mục Cù Sa.

“Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy tiên nơn Tỳ Mục Cù Sa trải cỏ ngồi dưới cây chiên đàn, đồ chúng mười ngàn người. Có người mặc da nai, mặc cỏ cây, có người bện cỏ làm y phục, vấn tóc, để râu trước sau vây quanh.

Sau khi biết chuyện, Tỳ Mục Cù Sa đoái nhìn đồ chúng mà nói : Này đại chúng ! Đồng tử này đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, khắp ban sự vô úy cho tất cả chúng sanh, khắp ban sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, thường quát sát trí hải của tất cả chư Phật.

Đồng tử này muốn uống tất cả pháp vũ cam lồ, muốn lờng tất cả pháp hải rộng lớn, muốn cho chúng sanh an trụ trong trí hải, muốn khắp phát khởi mây bi rộng lớn, muốn khắp mưa pháp vũ rộng lớn, muốn dùng trí nguyệt chiếu khắp thế gian, muốn diệt thế gian phiền não độc nhiệt, muốn làm lớn tất cả thiện căn cho chúng sanh.

Tiên chúng nghe lời trên đây rồi đều đem những hương hoa đẹp tốt rải trên thân Thiện Tài”

Tỳ Mục Cù Sa nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn Bồ Tát vô tướng tràng giải thoát này.

Như chư đại Bồ Tát thành tựu tất cả tam muội thù thắng, được tự tại trong tất cả thời gian. Trong khoảng một niệm xuất sanh chư Phật vô lượng trí huệ. Dùng đèn Phật trí làm trang nghiêm để chiếu khắp thế gian. Trong một niệm vào khắp cảnh giới tam thế. Phân thân qua khắp cõi nước mười phương. Trí thân vào khắp tất cả pháp giới. Tùy theo tâm chúng sanh mà hiện ra trước họ, xem xét căn hành của họ để làm lợi ích, phóng tịnh quang minh rất đáng mến thích.

Như thế, ta làm sao biết được tất cả, nói được tất cả công đức hạnh đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam này có một tụ lạc tên là y Sa Na, có Bà La Môn tên là Thắng Nhiệt. Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bà La Môn Thắng Nhiệt.
Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy Thắng Nhiệt Bà La Môn tu những khổ hạnh cầu nhứt thiết trí : bốn phía đốt lửa ngọn cao như núi lớn, ở giữa có núi đao cao nhọn vô cực. Thắng Nhiệt leo lên núi đao nhảy vào đồng lửa.

Sau khi nghe chuyện, Bà La Môn Thắng Nhiệt nói:

Này thiện nam tử ! Nay ngươi có thể leo lên núi đao này, nhảy vào đồng lửa này, thời những Bồ Tát hạnh sẽ được thanh tịnh.

Thiện Tài đồng tử tỏ ra nghi ngờ thì trên trời có tiếng rằng:

Đức Thánh đây đã được kim cương điện tam muội quang minh, phát đại tinh tấn độ các chúng sanh tâm không thoái chuyển, muốn cạn tất cả biển tham ái, muốn triệt tất cả lưới tà kiến, muốn thiêu tất cả củi phiền não, muốn soi tất cả rừng mê lầm, muốn dứt tất cả điều lo sợ về vấn đề già chết, muốn hoại tất cả chướng tam thế, muốn phóng tất cả pháp quang minh.

Ngay sau đó lại có mười ngàn Tự Tại Thiên Vương ở trên hư không rải thiên hoa

...

Lại có mười ngàn Hóa Lạc Thiên Vương ở trong hư không trối thiên nhạc cung kính cúng dường

Lại có vô lượng chư Thiên Dục giới ở trên hư không dùng đồ cúng vi diệu cung kính cúng dường

Tuy nhiên, cuối cùng, Thắng Nhiệt Bà La Môn nói :

“Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn Bồ Tát vô tận luân giải thoát.

Còn như ngọn lửa đại công đức của chư đại Bồ Tát có thể đốt cháy kiến hoặc của tất cả chúng sanh không để thừa, tất được bất thoái chuyển, tâm vô cùng tận, tâm không giải đãi, tâm không khiếp nhược, phát tâm kiên cố như kim cương tạng, tâm chóng tu các công hạnh không trì hưỡn, nguyện như phong luân trì khắp tất cả đại thế tinh tấn đều không thoái chuyển, ta thế nào biết hết được, nói hết được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một thành tên là Sư Tử Phấn Tấn, trong thành ấy có một đồng nữ tên là Từ Hạnh. Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”.

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp đồng nữ Từ Hạnh.

Thiện Tài đến cửa Vương cung, thấy vô lượng đại chúng đi vào cung bèn hỏi : Các Ngài hôm nay vào Vương cung có việc gì thế ?

Đại chúng đáp : Chúng tôi muốn đến nghe Từ Hạnh đồng nữ thuyết diệu pháp.

Thiện Tài cũng đi vào Vương cung, thấy điện Tỳ Lô Giá Na Tạng, đất bằng pha lê, cột bằng lưu ly, vách bằng kim cương, tường rào bằng vàng diêm phù đàn, trăm ngàn ánh sáng làm cửa nẻo, trang nghiêm với vô số báu, ma ni...

Sau khi hiểu chuyện, đồng nữ Từ Hạnh nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn Bát Nhã Ba la mật phổ trang nghiêm.

Còn như chư đại Bồ Tát tâm lượng quảng đại khắp cõi hư không nhập vào pháp giới phước đức thành mãn, an trụ pháp xuất thế, xa hạnh thế gian, trí nhãn thanh tịnh xem khắp pháp giới. Huệ tâm quảng đại như hư không. Thấy đều thấy rõ tất cả cảnh giới. Được bực vô ngại tạng đại quang minh. Khéo hay phân biệt tất cả pháp nghĩa... ta làm sao biết được nói được hết công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một nước tên là Tam Nhãn. Xứ đó có Tỳ Kheo tên là Thiện Kiến. Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!"

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Tỳ Kheo Thiện Kiến.

"Đến nơi, Thấy Tỳ Kheo ấy đi kinh hành trong rừng, tuổi trẻ dung mạo xinh đẹp, da màu huỳnh kim, cổ có ba ngón, môi miệng đỏ sạch như trái tân bà, ngực có chữ "VAN", cánh tay thon dài, thân đẹp lạ như trời Tịnh Cư ... Vì nơi theo đường của Như Lai đi, chẳng chậm chẳng mau, đi kinh hành kỹ chắc...

Này thiện nam tử ! Ta tuổi còn trẻ, xuất gia lại chưa được lâu.

Trong đời này, ta tịnh tu phạm hạnh ở chỗ ba mươi sáu hàng hà sa đức Phật. Có chỗ đức Phật, ta tu một ngày một đêm . Có chỗ đức Phật, ta tu một tiểu kiếp, hoặc nửa đại kiếp, hoặc một đại kiếp, trăm đại kiếp nhân đến bất khả thuyết bất khả thuyết đại kiếp nghe diệu pháp và thọ hành giáo pháp của chư Phật, trang nghiêm thế nguyện, nhập chỗ sở chứng, tịnh tu công hạnh, đầy đủ sáu môn ba la mật hải ... Vì vậy ta được: Trong một niệm, bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả tam thế hải thấy đều hiện tiền, vì được nguyện lực trí quang minh biết rõ tất cả phần vị tam thế, trong tất cả thế giới vậy ...

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát Bồ Tát tùy thuận đấng này.

Còn như chư đại Bồ Tát như kim cương đấng ở nhà Như Lai chơn chánh thọ sanh, thành tựu đầy đủ mạng căn bất tử, thường thấp trí đấng không tắt mất. Thân của các Ngài kiên cố không bị chướng hoại, hiện thân sắc tướng như huyễn, như pháp duyên khởi vô lượng sai biệt, tùy tâm chúng sanh mỗi mỗi thị hiện hình mạo sắc tướng, trong đời không gì sánh bằng, tên độc, hỏa tai không hại được. Như núi kim cương không ai phá hư được. Hàng phục tất cả chúng ma ngoại đạo. Thân các Ngài đẹp tốt như núi chơn kim. Ở trong nhơn thiên rất là thù đặc. Tiếng tốt rộng lớn không ai chẳng nghe biết. ...

Những bậc như vậy rất khó thấy được rất khó xuất hiện thế gian. Ta làm sao biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một nước tên là Danh Văn. Trong bãi sông của xứ đó có một đồng tử tên là Tụ Tại Chủ. Người đến đó hỏi : Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!"

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp đồng tử Tụ Tại Chủ.

Đến nơi, thấy đồng tử này ở trên bãi sông cùng mười ngàn đồng tử gom cát để chơi.

“Thiện Tài đến đánh lễ chân Tự Tại Chủ đồng tử hữu nhiều vô lượng vòng, cung kính chấp tay thưa rằng :

Bạch đức Thánh ! Tôi đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, mà chưa biết Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ? Xin đức Thánh giảng nói cho.

Tự Tại Chủ đồng tử nói :

Này thiện nam tử ! thuở xưa, ta ở chỗ Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử học những pháp thơ số toán ẩn v.v... liền được ngộ nhập nhất thiết công xảo thần thông trí pháp môn.

Ta biết Bồ Tát toán pháp. Như là một trăm lạc xoa làm một câu chi. Câu chi lần câu chi làm một a giu đa. A giu đa lần a giu đa làm na do tha. Na do tha lần na do tha làm một tàn bà ta ... cho đến: Bất khả thuyết bất khả thuyết lần bất khả thuyết bất khả thuyết làm một bất khả thuyết bất khả thuyết chuyển.

Này thiện nam tử ! Ta dùng Bồ Tát toán pháp này để tính đồng cát rộng lớn vô lượng do tuần có bao nhiêu hạt cát. Cũng có thể tính biết phương Đông có tất cả bao nhiêu thế giới sai khác thứ đệ an trụ. Chín phương cũng như vậy.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết một pháp môn nhất thiết công xảo đại thần thông trí quang minh này.

Như chư đại Bồ Tát có thể biết tất cả số chúng sanh, biết tất cả số phẩm loại của các pháp, biết số sai biệt của tất cả pháp, biết số tất cả tam thế, biết danh số tất cả chúng sanh, biết danh số tất cả pháp, biết số tất cả Như Lai, biết danh số tất cả chư Phật, biết số tất cả Bồ Tát, biết danh số tất cả Bồ Tát.

Như vậy ta làm sao biết được nói được công đức đó, làm sao hiển thị được công hạnh và cảnh giới đó ...

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một thành lớn tên là Hải Trụ. Trong thành ấy có một Ưu bà di tên là Cụ Túc. Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!” .

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Ưu bà di Cụ Túc.

“Thiện Tài đi lần đến thành Hải Trụ tìm đến nhà Ưu bà di Cụ Túc. Nhà này rất rộng, nhiều thứ trang nghiêm, tường rào bao bọc toàn bằng những chất báu. Bốn phía đều có cửa bửu trang nghiêm.

Thiện Tài vào nhà, thấy Cụ Túc Ưu bà di ngồi trên tòa báu, tuổi lớn xinh đẹp đoan trang đáng kính, mặc y phục trắng, râu tóc, không đeo chuỗi ngọc.

Thân tướng của Ưu bà di này oai đức quang minh, trừ Phật và đại Bồ Tát, không ai bằng được.

Trong nhà để mười ức tòa ngời, hơn cả non thiên. Đây đều là do nghiệp lực Bồ Tát hiện thành.

Trong nhà không có y phục, đồ uống ăn và không có tất cả đồ tư sanh khác. Chỉ trước mặt Ưu bà di này để một cái bát nhỏ.

Lại có một vạn đồng nữ xinh đẹp như Thiên nữ vây quanh, những điệu bửu trang sức nơi thân, lời nói điệu dàng người nghe đều vui đẹp. Các đồng nữ này, nơi thân phát ra mùi thơm lan khắp nơi. Nếu có chúng sanh nào gặp được mùi thơm này thời đều được bất thối chuyển không lòng giận hờn, không lòng oán thù, không lòng tham ganh, không lòng dua dối, không lòng hiểm độc, không lòng yêu ghét, không lòng giận hờn, không lòng hạ liệt, không lòng cao mạn, sanh lòng bình đẳng, khởi tâm đại từ, phát tâm lợi ích, trụ tâm luật nghi, rời tâm tham cầu. Người thấy thân các đồng nữ này thời đều lia tham nhiễm...

Sau khi hiểu chuyện, Cụ Túc Ưu bà di nói:

Này thiện nam tử ! Ta được môn giải thoát Bồ Tát vô tận công đức tạng .

Có thể ở trong một cái bát nhỏ này, tùy theo sở thích của tất cả chúng sanh, mà xuất hiện các thứ đồ uống ăn ngon lành, làm cho họ đều được no đủ cả ... Như một thế giới, trăm thế giới, ức thế giới nhân đến bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới, trong đó tất cả hàng Thanh Văn và Độc Giác ăn thực phẩm của ta rồi, thời đều chứng quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, trụ tối hậu thân.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát vô tận phước đức tạng này.

Như chư đại Bồ Tát, tất cả công đức dường như đại hải rất sâu vô tận, dường như hư không rộng lớn vô tế, dường như châu như ý thỏa mãn nguyện vọng của chúng sanh, như tụ lạc lớn cầu chi cũng được, như núi Tu Di nhóm đủ các báu, như áo tạng thường đựng pháp tài, như đèn sáng phá những tối tăm, như lọng cao che mát quần sanh.

Như thế ta làm sao biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một thành tên là Đại Hưng. Trong thành có một Cư Sĩ tên là Minh Trí. Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Cư Sĩ Minh Trí.

Đến nơi, Thiện Tài thấy Cư sĩ Minh Trí trên đài thất bửu, ngồi tòa vô số bửu trang nghiêm.

Tòa đó diệu hảo bằng thanh tịnh ma ni. Xung quanh mưa những thiên hoa. Hai bên năm trăm tiếng nhạc thường hòa tấu. Tiếng nhạc hay hơn hơn nhạc cõi trời. Chúng sanh nghe tiếng nhạc này đều vui đẹp...

Quyển thuộc có mười ngàn người vây quanh sau trước, hình sắc đoan nghiêm ...

Cư sĩ Minh Trí chứng minh phép thần thông của mình:

Trong một niệm, có vô lượng chúng sanh từ các phương, các thế giới, các quốc độ, các thành ấp, hình loại khác nhau, chỗ mến thích chẳng đồng, số đông vô biên đều do Bồ Tát nguyện lực thuở xưa, đều vân tập đến, đều riêng có chỗ mong muốn mà cầu xin.

Bấy giờ cư sĩ Minh Trí biết đại chúng đã đông đủ, nhiếp niệm giây lát ngược mặt ngó lên hư không. Liền đó, theo chỗ cần dùng của đại chúng mọi đồ cần dùng đều từ trên không rơi xuống, làm cho tất cả đại chúng đều được đầy đủ theo ý muốn.

Tuy nhiên, sau khi hiểu chuyện, Cư sĩ Minh Trí nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát tùy ý xuất sanh phước đức tạng này.

Như chư đại Bồ Tát thành tựu bửu thủ trùm khắp tất cả quốc độ mười phương, dùng sức tự tại mưa khắp tất cả đồ tư sanh. Như là mưa các thứ báu nhiều màu, anh lạc nhiều màu, mã瑙 báu nhiều màu, y phục nhiều màu, âm nhạc nhiều màu, hoa nhiều màu, hương nhiều màu, hương bột nhiều màu, hương đốt nhiều màu, lọng báu nhiều màu, tràng phan nhiều màu. Mưa các thức như vậy đầy khắp tất cả chỗ ở của chúng sanh và chúng hội đạo tràng của Như Lai. Hoặc để thành thực tất cả chúng sanh, hoặc để cúng dường tất cả chư Phật.

Như vậy ta làm sao biết được nói được những công đức tự tại thần lực đó.

Này thiện nam tử ! Phương nam đây có một thành lớn tên là Sư tử Cung. Nơi đó có một trưởng giả tên là Pháp Bửu Kế.

Ngươi nên đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Trưởng giả Pháp Bửu Kế.

“Đến nơi, Thiện Tài thấy nhà của Trưởng giả thanh tịnh quang minh làm bằng chơn kim, bạch ngân, pha lê, lưu ly, xa cừ, khắp nơi trang nghiêm, màn ma ni và lưới chơn châu giăng phía trên. Ao bằng mã瑙 bửu đầy nước thơm. Vô lượng cây báu bày hàng khắp nơi.

Sau khi hiểu chuyện, trưởng giả Pháp Bửu Kế nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát Bồ Tát vô lượng phước đức bửu tạng này.

Như chư đại Bồ Tát được bất tư nghì công đức bửu tạng, nhập vô phân biệt Như Lai thân hải, thọ vô phân biệt vô thượng pháp vân, tu vô phân biệt công đức đạo cụ, khởi vô phân biệt Phổ Hiền hạnh võng, nhập vô phân biệt tam muội cảnh giới, đồng vô phân biệt Bồ Tát thiện căn, trụ vô phân biệt sở trụ của Như Lai, chứng vô phân biệt tam thế bình đẳng, trụ vô phân biệt phổ nhĩn cảnh giới, trụ tất cả kiếp không có mỗi nhàm.

Ta làm sao biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một nước tên là Đăng Căn. Nước đó có thành tên là Phổ Môn. Trong thành có một Trưởng giả tên là Phổ Nhĩn.

Ngươi đến đó hỏi : Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Trưởng giả Phổ Nhĩn.

Sau khi hiểu chuyện, Trưởng giả Phổ Nhĩn nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết pháp môn làm cho tất cả chúng sanh thấy chư Phật hoan hỷ.

Này chư đại Bồ Tát, như đại dục vương, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ghi nhớ, hoặc đồng ở, hoặc đi theo, hoặc xưng danh hiệu đều được lợi ích không lường uổng.

Nếu có chúng sanh tạm được gặp gỡ chư đại Bồ Tát tất làm cho tiêu diệt tất cả phiền não, vào Phật pháp, lìa khổ uẩn, dứt hẳn sự kinh sợ về sanh tử, đến chỗ nhất thiết trí, vô sở úy, xô dẹp tất cả núi lớn sanh tử, an trụ nơi chỗ vui bình đẳng tịch diệt.

Ta thế nào biết được nói được hạnh công đức đó ?

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một thành lớn tên là Đa La Tràng, có một vua tên là Vô Yểm Túc. Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?!

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp vua Vô Yểm Túc.

“Đến nơi, Thiện Tài theo chỗ chỉ dẫn của mọi người mà đến chánh điện. Thấy nhà vua ngự tòa na la diên kim cang. Tòa này chân bằng vô số thứ báu, vô lượng hình tượng để trang nghiêm, dây vàng làm lưới giăng phía trên.

Vô Yểm Túc Vương có thế lực lớn có thể làm khuất phục chúng khác, không ai địch lại.

Sau khi hiểu chuyện, Vô Yểm Túc Vương nói:

Này thiện nam tử ! Thân, ngữ, ý của ta chưa từng nào hại đến một chúng sanh.

Như tâm ý của ta, thà ở vị lai chịu vô gián khổ, chớ trợn không móng một niệm làm khổ cho một con muỗi con kiến, huống lại làm khổ người. Vì người là phước điền có thể sanh tất cả những pháp lành.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn như huyễn giải thoát này.

Như chư đại Bồ Tát được vô sanh nhẫn biết những loài hữu lậu đều như huyễn. Những hạnh Bồ Tát như hóa. Tất cả thế gian đều như bóng. Tất cả pháp đều như mộng. Nhập chân như tướng vô ngại pháp môn. Tu hành để vãng tất cả công hạnh. Dùng trí vô ngại đi trong các cảnh giới. Nhập khắp tất cả bình đẳng tam muội. Nơi đà la ni đã tự tại. Mà ta làm sao nói được biết được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có thành tên là Diệu Quang. Nhà vua tên là Đại Quang. Ngươi qua đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?!

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp vua Đại Quang.

“Đến nơi, Thiện Tài đi lên vào thành thấy Đại Quang Vương ngồi trên tòa sư tử quảng đại trang nghiêm như ý ma ni bửu liên hoa tạng. Chân tòa này bằng lưu ly bửu màu biếc, lụa vàng làm màn, các báu làm lưới, thiên y thượng diệu làm nệm.

Sau khi hiểu chuyện, Đại Quang Vương nói:

Này thiện nam tử ! Ta tịnh tu Bồ Tát đại từ tràng hạnh. Ta đầy đủ Bồ Tát đại từ tràng hạnh.

Này thiện nam tử ! Ta dùng pháp này làm vua, dùng pháp này dạy bảo, dẫn đạo chúng sanh ...

Ta dùng pháp này làm cho chúng sanh rất ráo khoái lạc, hằng tự vui thích, thân không khổ, tâm mát mẻ dứt ái nhiễm sanh tử ...

Này thiện nam tử ! Trong quốc độ của ta, tất cả chúng sanh, đối với ta, không có sự kính sợ.

Này thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nghèo cùng khổn thiếu đến ta để cầu xin, ta mở cửa kho, cho họ tha hồ mà lấy ...

Lúc ta nhập tam muội những chúng sanh làm ác, có những tâm bố úy, tâm não hại, tâm oán thù, tâm tránh luận, đều được tiêu diệt tất cả.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn tam muội Bồ Tát đại từ tùy thuận thế gian. Như chư đại Bồ Tát làm lợi lạc cao, vì từ tâm che khắp các chúng sanh. Chuyên tu hành, vì những hạnh hạ trung thượng đều bình đẳng thật hành. Làm đại địa, vì có thể dùng từ tâm nhiệm trì tất cả những chúng sanh. Làm mặt trăng tròn, vì phước đức quang minh ở trong thế gian bình đẳng hiển hiện. Làm mặt nhật sáng, vì dùng trí quang minh chiếu diệu tất cả cảnh sở tri. Làm đèn sáng, vì có thể phá những hắc ám trong tâm của tất cả chúng sanh. Làm thủy thanh châu, có thể lóng trong những chất đục siểm cuống trong tâm của tất cả chúng sanh. Làm như ý bửu, vì có thể thỏa mãn tâm sở nguyện của tất cả chúng sanh. Làm đại phong, vì mau làm cho chúng sanh tu tập tam muội nhập đại thành Nhất thiết trí.

Ta làm sao biết được hạnh đó, nói được đức đó, làm sao cân lượng được núi lớn phước đức đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một vương đô tên là An Trụ, có Ưu bà di tên là Bất Động.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Ưu bà di Bất Động.

“Thiện Tài đồng tử hỏi thăm và được biết: Bất Động Ưu bà di là đồng nữ ở nhà với cha, mẹ cùng với quyến thuộc vô lượng nhưn chúng diễn nói diệu pháp.

Thiện Tài đồng tử tìm đến nhà đồng nữ.

Vừa bước vào nhà, lạ thay: Thiện Tài đồng tử thấy ánh sáng màu chơn kim chiếu khắp nơi, người gặp ánh sáng này thời thân tâm mát mẻ.

Ánh sáng chiếu đến thân, Thiện Tài liền chứng được năm trăm môn tam muội.

Lại nghe mùi hương, cõi trời cõi người không có được.

Sau khi hiểu chuyện, Bất Động Ưu bà di nói :

Ta chỉ được " câu nhất thiết pháp vô yểm túc tam muội quang minh" này, vì tất cả chúng sanh mà nói vì diệu pháp đều làm cho hoan hỷ.

Như chư đại Bồ Tát du hành hư không vô ngại như Kim Sí Diệu, có thể vào tất cả chúng sanh đại hải, thấy có ai thiện căn đã thành thực, liền bắt lấy để trên bờ Bồ đề.

Lại như thương gia vào đại bửu đảo lượm lấy Như Lai thập lục trí bửu.

Lại như nhà chài lưới cầm lưới chánh pháp vào biển sanh tử ở trong nước ái lượm bắt chúng sanh.

Như A Tu La Vương có thể khắp khuấy động khắp tam hữu đại thành những biển phiền não.

Lại như mặt nhật xuất hiện hư không chiếu nước ái dơ làm cho khô cạn.

Lại như mặt trăng tròn xuất hiện hư không làm cho người đáng hóa độ, tâm hoa được khai nở.

Lại như đại địa đều bình đẳng với tất cả, tất cả chúng sanh nương ở nơi đó được tăng trưởng gốc mầm tất cả pháp lành.

Lại như đại phong thổi vô ngại, có thể nhổ trốc tất cả cây lớn kiến chấp.

Như Chuyển Luân Vương du hành thế gian, dùng Tứ nhiếp pháp nhiếp các chúng sanh.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh ấy.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một đại thành tên là Vô Lượng Đô Tát La.

Trong thành đó có một xuất gia ngoại đạo tên là Biến Hành.

Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp xuất gia ngoại đạo Biến Hành.

“Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy Biến Hành ngoại đạo, đi kinh hành chậm rãi nơi khoảng đất bằng trên núi. Dung sắc viên mãn, oai quang chiếu sáng hơn cả Đại Phạm Thiên Vương. Có mười ngàn trời Phạm Chúng vây quanh.

Sau khi hiểu chuyện, Phạm Thiên Vương nói :

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết " Chí nhất thiết xứ Bồ Tát hạnh " này.

Như chư đại Bồ Tát, thân cùng đồng với số chúng sanh, được cùng chúng sanh không thân sai khác, dùng thân biến hóa, vào khắp các loài, nơi tất cả xứ đều hiện thọ sanh, hiện ở khắp chỗ chúng sanh thanh tịnh quang minh soi sáng thế gian, dùng vô ngại nguyện trụ tất cả kiếp, được những hạnh vô đẳng như đế vông, thường siêng lợi ích tất cả chúng sanh, hằng ở chung với họ mà không chấp trước, khắp tam thế thấy đều bình đẳng, dùng trí vô ngã soi khắp mọi nơi, dùng đại bi tạng quán sát tất cả.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một nước tên là Quảng Đại, nơi đó có Trưởng giả buôn hương tân là Ưu Bát La Hoa.

Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Trưởng giả Ưu Bát La Hoa.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử sau khi gặp và thưa chuyện, Trưởng giả Ưu Bát La Hoa nói :

“Này thiện nam tử ! Ta khéo biết rõ tất cả những thứ hương, cũng biết phương pháp điều hiệp tất cả thứ hương.

Ta lại khéo biết các thứ hương trị bệnh. Như là hương dứt ác, hương sanh hoan hỷ, hương thêm phiền não, hương diệt phiền não, hương làm cho ở nơi pháp hữu vi sanh ưa mến, hương làm cho sanh lòng nhàm lìa pháp hữu vi v.v...

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết phương pháp điều hòa các thứ hương đây.

Như chư đại Bồ Tát xa lìa tất cả tập khí của các pháp, chẳng nhiễm thế dục, dứt hẳn nom rọ của chúng ma phiền não, thoát khỏi cõi hữu lậu, dùng hương trí huệ để tự trang nghiêm. Nơi các thế gian đều không nhiễm trước. Thành tựu đầy đủ giới vô trước, thanh tịnh trí vô trước, đi trong cảnh vô trước, ở tất cả xứ đều không chấp trước. Tâm của các Ngài bình đẳng, không chấp trước, không y tựa.

Ta thế nào biết được diệu hạnh đó, nói được công đức đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một thành lớn tên là Lôu Các, trong thành có một người lái thuyền tên là Bà Thi La.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bà Thi La.

“Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy Bà Thi La đứng trên bờ biển ở ngoài cửa thành. Trăm ngàn thương gia và vô lượng nhơn chúng vây quanh ông.

Bà Thi La vì họ mà nói đại hải pháp phương tiện khai thị Phật công đức hải.

Sau khi hiểu chuyện, Bà Thi La nói :

“Này thiện nam tử ! Ta biết trong biển, tất cả đảo châu báu, tất cả chỗ có châu báu, tất cả loại châu báu, tất cả thứ châu báu. Ta biết trao đổi tất cả châu báu, xoi xỏ tất cả châu báu, sản xuất tất cả châu báu, làm tất cả châu báu...

Này thiện nam tử ! Ta dùng thuyền tốt chở các thương gia đi đường yên ổn, lại thuyết pháp cho họ hoan hỷ. Ta đưa họ đến chỗ châu báu, cho họ đầy đủ châu báu. Rồi ta đưa họ về bốn xứ.

Này thiện nam tử ! Ta đem thuyền lớn qua lại như vậy, chưa có lần nào bị tổn thất. Nếu ai thấy thân ta, nghe ta thuyết pháp, thời họ trọn chẳng còn sợ biển sanh tử, mà được vào biển nhất thiết trí ...

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được đại bi tràng hạnh này.

Như chư đại Bồ Tát khéo du hành trong biển lớn sanh tử, chẳng nhiễm tất cả những biện phiền não, có thể bỏ tất cả những biển vọng kiến, có thể quán sát những biển pháp tánh, có thể dùng tứ nhiếp để nhiếp biển chúng sanh, đã khéo an trụ biển nhất thiết trí, có thể diệt trừ biển chấp trước của tất cả chúng sanh, có thể bình đẳng trụ nơi biển tất cả thời gian, có thể dùng thần thông độ biển chúng sanh, có thể theo thời nghi điều phục biển chúng sanh.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có thành tên là Khả Lạc. Trong thành ấy có Trưởng giả tên là Vô Thượng Thắng.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Trưởng giả Vô Thượng Thắng.

Thiện Tài đi lần đến thành khả lạc, thấy Trưởng giả Vô Thượng Thắng ở nơi thành Đông, trong rừng vô ưu đại trang nghiêm tràng, có vô lượng thương gia và năm ngàn cư sĩ vây quanh.

Trưởng giả lại nhơn đó vì đại chúng mà thuyết pháp.

Sau khi hiểu chuyện, Trưởng giả Vô Thượng Thắng nói :

Này thiện nam tử ! Ta ở tại Đại Thiên thế giới này, trong tất cả chúng sanh nơi Dục giới. Những là tất cả Đạo Lợi Thiên, tất cả Tu Dạ Ma Thiên, tất cả Đâu Suất Đà Thiên, tất cả Thiện Biến Hóa Thiên, tất cả Tha Hóa Tự Tại Thiên, tất cả Ma Thiên và tất cả chỗ ở của chư Thiên. Long, Dạ Xoa, La Sát, Cưu Bàn Trà, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn và Phi Nhơn. Ta ở trong tất cả nơi đó mà vì tất cả các chúng sanh thuyết pháp, làm cho họ bỏ phi pháp, trừ chiến đấu, thôi giận tranh, phá oan kiết, mở trời buộc, ...

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết pháp môn chí nhất thiết xứ tu Bồ Tát hạnh thanh tịnh, sức thần thông vô y vô tác.

Như chư Bồ Tát đầy đủ tất cả thân thông tự tại, đều có thể đến khắp tất cả cõi Phật, được bậc phổ nhãn, đều nghe tất cả âm thanh ngôn thuyết, trí huệ tự tại vào khắp các pháp, không trái không sai, đừng kiện không ai bằng, dùng tướng lưỡi rộng dài nói bình đẳng, thân các Ngài diệu hảo cùng chư Như Lai rất ráo không hai không khác, trí thân quảng đại vào khắp tam thế cảnh giới không ngăn mé đồng với hư không.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một quốc độ tên là Thâu Na. Nước đó có thành tên là Ca Lăng Ca Lâm. Trong thành có Tỳ Kheo Ni tên là Sư Tử Tàn Thân. Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Tỳ Kheo Ni Sư Tử Tàn Thân.

“Tỳ Kheo Ni Sư Tử Tàn Thân đang thuyết pháp trong vườn Nhứt Quang . vườn Nhứt Quang này, đầy những châu báu như bửu đảo ngoài đại hải.

Quang minh chiếu sáng như cung trời Phạm Vương.

Thiện Tài thấy vườn Nhứt Quang có số lượng công đức, vô lượng trang nghiêm.

Vì Tỳ Kheo Ni này nhập phổ nhãn xả, chứng được môn Bát Nhã Ba la mật, môn Bát Nhã Ba la mật diễn nói tất cả Phật pháp, môn Bát Nhã Ba la mật pháp giới sai biệt, môn Bát Nhã Ba la mật tán hoại tất cả chướng ngại, môn Bát Nhã Ba la mật sanh thiện tâm cho tất cả chúng sanh, môn Bát Nhã Ba la mật thù thắng trang nghiêm, môn Bát Nhã Ba la mật vô ngại chân thật tạng, môn Bát Nhã Ba la mật pháp giới viên mãn, môn Bát Nhã Ba la mật tâm tạng, môn Bát Nhã Ba la mật khắp xuất sanh tạng.

Sau khi hiểu chuyện, Tỳ Kheo Ni Sư Từ Tàn Thân nói :

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát thành tựu nhất thiết trí này.

Như chư đại Bồ Tát tâm vô phân biệt biết khắp các pháp, một thân ngồi yên mà đầy khắp cả pháp giới. Ở trong tự thân hiện tất cả cõi. Khoảng một niệm đến khắp tất cả chỗ Phật. Ở trong tự thân hiện khắp tất cả thần lực của chư Phật. Dùng một sợi lông đỡ khắp bất khả thuyết thế giới lên. Trong một lỗ lông nơi tự thân hiện bất khả thuyết thế giới thành hoại. Trong khoảng một niệm cùng với bất khả thuyết chúng sanh đồng ở. Trong khoảng một niệm nhập bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có một nước tên là Hiêm Nạn. Nước đó có thành tên là Bửu Trang Nghiêm. Trong thành ấy có một nữ nhơn tên là Bà Tu Mật Đa. Hãy đến đó hỏi “

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bà Tu Mật Đa.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy nhà này rộng rãi nghiêm lệ, tường báu, cây báu, hào báu, mỗi mỗi bao quanh mười lớp. Trong hào báu đầy đủ nước thơm, cát vàng trải đầy, những bửu hoa, bông sen bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng đua nở trên mặt nước.

Thiện Tài thấy Bà Tu Mật Đa nữ nhan mạo đoan nghiêm, sắc tướng viên mãn. Da màu chân kim. Tóc và mắt màu xanh biếc, chẳng dài ngắn, chẳng thô tế, tất cả hàng nhơn thiên cõi Dục không ai sánh bằng. Tiếng nói thanh tốt hơn trời Phạm thế. Tất cả ngôn âm sai biệt của tất cả chúng sanh đều biết đều hiểu. Thấu rõ chữ nghĩa khéo luận đàm. Được trí như huyễn nhập môn phương tiện.

Sau khi hiểu chuyện, Bà Tu Mật Đa nữ nói :

Này thiện nam tử ! Ta được Bồ Tát giải thoát môn tên là "Ly tham dục tế", tùy chỗ sở thích của chúng sanh mà hiện thân.

Nếu có người vì lòng dục mà đến tìm ta, gặp ta thuyết pháp, họ nghe pháp rồi thời hết tham dục được Bồ Tát vô trước cảnh giới tam muội v.v...

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát Bồ Tát ly tham tế này.

Như chư đại Bồ Tát thành tựu vô biên trí xảo phương tiện, công đức quảng đại, cảnh giới vô tỷ.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó ?!

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có thành Thiện Độ. Trong thành ấy có Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La. Ông ấy thường cúng dường tháp của đức Chiên Đàn Tòa Như Lai. Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo?"

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La.

Thiện Tài đi lần về phương Nam, đến thành Thiện Độ, vào nhà Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La, nói rõ ý nguyện của mình.

Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La nói rằng:

Ta biết mười phương tất cả thế giới chư Phật Như Lai rớt ráo không có đức Phật nào nhập Niết bàn, chỉ trừ ra khi vì điều phục chúng sanh mà thị hiện thôi.

Này thiện nam tử ! Lúc ta mở cửa tháp của đức Chiên Đàn Tòa Như Lai, ta liền được tam muội tên là "Phật chủng vô tận".

Ta nhập tam muội này, theo thứ đệ, thấy tất cả chư Phật ở thế giới này.

Như là thấy đức Ca Diếp Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Bà Thi Phật, Đề Xá Phật, Phát Sa Phật, Vô Thượng Thắng Phật, Vô Thượng Liên Hoa Phật...

Trong khoảng một niệm, ta được thấy bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới vi trần số Phật.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn Bồ Tát giải thoát "Bát bát Niết bàn tế" này.

Như chư đại Bồ Tát dùng nhứt niệm trí biết khắp tam thế, một niệm vào khắp tất cả tam muội. Như Lai trí nhứt hằng chiếu tâm các Ngài. Nơi tất cả pháp không có phân biệt. Biết tất cả Phật thấy đều bình đẳng. Như Lai cùng ta và tất cả chúng sanh bình đẳng không sai khác. Biết tất cả pháp tự tánh thanh tịnh, không tư lự, không động chuyển, mà có thể vào khắp tất cả thế gian, lìa những phân biệt, trụ Phật pháp ấn, đều có thể khai ngộ tất cả chúng sanh.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có tòa núi tên là Bồ Đát Lạc Ca. Núi ấy có Bồ Tát tên là Quán Tự Tại.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bồ Tát tên là Quán Tự Tại.

Đức Quán Tự Tại Bồ Tát ngồi kiết già trên tảng đá kim cang bửu. Xung quanh có vô lượng Bồ Tát cũng ngồi trên bửu thạch.

Bồ Tát Quán Tự Tại vì chúng Bồ Tát mà tuyên nói pháp đại từ bi, khiến nhiếp thọ tất cả chúng sanh.

Sau khi hiểu chuyện, Đức Quán Tự Tại Bồ Tát nói :

Này thiện nam tử ! Ta trụ nơi môn đại bi hạnh này thường ở chỗ tất cả chư Phật, hiện khắp trước tất cả chúng sanh

Ta tu hành môn đại bi hạnh này, nguyện thường cứu hộ tất cả chúng sanh

Ta lại phát nguyện : Nguyện tất cả chúng sanh hoặc nhớ đến ta, hoặc xưng tên ta, hoặc thấy thân ta, thời đều được khỏi tất cả sự bố úy.

Này thiện nam tử ! Ta dùng phương tiện này làm cho chúng sanh khỏi sự bố úy, lại dạy họ phát tâm Vô thượng Bồ đề trọn chẳng thoái chuyển.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn Bồ Tát đại bi hạnh này.

Như chư đại Bồ Tát đã thanh tịnh tất cả nguyện Phổ Hiền, đã an trụ tất cả hạnh Phổ Hiền, thường thật hành tất cả thiện pháp, thường nhập tất cả tam muội, thường trụ tất cả vô biên kiếp, thường biết tất cả tam thế pháp, thường đến tất cả

vô biên cõi, thường dứt tất cả chúng sanh ác, thường lớn tất cả chúng sanh thiện, thường tuyệt dòng sanh tử của chúng sanh.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó ?!

Bỗng nhiên, ngay lúc đó Chánh Thu Bồ Tát đến chỗ của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Quán Tự Tại Bồ Tát bảo Thiện Tài rằng :

Ngươi thấy Chánh Thu Bồ Tát đến pháp hội chẳng ?

Ngươi nên đến hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?!

Sau khi hiểu chuyện, Chánh Thu Bồ Tát nói :

Này thiện nam tử ! Ta từ Đông phương Diệu Tạng thế giới chỗ đức Khổ Thắng Sanh Phật mà đến cõi này. Ta được pháp môn này ở tại đức Phật ấy. Từ cõi ấy đến đây đã trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số kiếp. Trong khoảng mỗi niệm bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số bước. Mỗi bước qua khỏi bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số cõi Phật. Mỗi cõi Phật, ta đều vào khắp, đến chỗ Phật ngự để cúng dường.

Này thiện nam tử ! Ta lại thấy khắp tất cả chúng sanh trong những thế giới ấy, đều biết tâm của họ, đều biết căn của họ, theo chỗ hiểu của họ mà hiện thân thuyết pháp. Hoặc phóng quang minh, hoặc ban cho của báu, dùng nhiều phương tiện giáo hóa điều phục không thôi nghỉ.

Như ở phương Đông, chín phương kia cũng như vậy.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn giải thoát Bồ Tát phổ tát hành này, có thể mau chóng đến tất cả xứ.

Như chư đại Bồ Tát, khắp mười phương không chỗ nào chẳng đến. Trí huệ cảnh giới đồng nhau không khác. Khéo bủa thân mình khắp pháp giới. Đến tất cả đạo, vào tất cả cõi, biết tất cả pháp, đến tất cả thế, bình đẳng diễn thuyết tất cả pháp môn. Đồng thời chiếu diệu tất cả chúng sanh. Đối với chư Phật chẳng sanh phân biệt. Với tất cả chỗ không bị chướng ngại.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Phương Nam đây có thành tên là Đọa La Bát Đế. Trong thành có vị thần tên là Đại Thiện.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp thần Đại Thiên.

“Đại Thiên sau khi hiểu chuyện, thị hiện trước Thiện Tài: đồng vàng, đồng bạc, đồng lưu ly, đồng pha lê, đồng xa cừ, đồng mã não, đồng hỏa diệm bửu, đồng ly cầu tạng bửu, đồng đại quang minh bửu ...

Lại thị hiện tất cả hoa, tất cả tràng hoa, tất cả hương, tất cả hương đốt, tất cả hương thoa, tất cả y phục, tất cả âm nhạc, tất cả đồ vui ngũ dục...

Này thiện nam tử ! Nên đem những vật này cúng dường đức Như Lai, tu các phước đức và thí cho chúng sanh để nhiếp thủ họ.

Ta dùng những phương tiện như vậy, khiến chúng sanh bỏ những hạnh bất thiện mà tu pháp lành, trừ tất cả chướng Ba la mật để đầy đủ Ba la mật. Khiến họ vượt khỏi tất cả đường hiểm chướng ngại mà đến chỗ vô ngại.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát Vô Vọng này.

Như chư đại Bồ Tát dùng như Đế Thích đã có thể dẹp trừ tất cả quân A Tu La phiền não. Dùng như đại thủy có thể khắp tiêu diệt lửa phiền não của tất cả chúng sanh. Dùng như lửa mạnh có thể khô cạn nước ái dục của tất cả chúng sanh. Dùng như đại phong có thể thổi ngã tràng kiến thủ của tất cả chúng sanh. Dùng như Kim cương có thể phá vỡ núi ngã kiến của tất cả chúng sanh.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Ở nước Ma Kiệt Đề, trong Bồ đề tràng có Chủ Địa Hằng tên là An Trụ.

Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp An Trụ.

“Lúc đó An Trụ và trăm vạn Địa Thần phóng quang minh lớn chiếu khắp cõi Đại Thiên. Làm khắp đại địa đồng thời chấn động. Nơi nơi trang nghiêm với những báu vật chói sáng lẫn nhau. Tất cả lá cây đồng thời sanh lớn, tất cả bông đồng thời đua nở, tất cả trái đồng thời chín, tất cả dòng nước chảy rót lẫn nhau, tất cả ao đầm đều đầy nước.

Trời mưa nước thơm rửa khắp mặt đất, gió thổi rải hoa khắp nơi. Vô số âm nhạc đồng thời thổi. Đồ trang nghiêm đều vang tiếng diệu.

Sau khi hiểu chuyện, An Trụ nói :

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết pháp môn "Bất khả hoại trí huệ tạng" này.

Như chư đại Bồ Tát thường theo chư Phật, có thể thọ trì tất cả lời dạy của chư Phật, vào trí huệ thâm thâm của chư Phật, mỗi niệm đầy khắp tất cả pháp giới, đồng thân Như Lai, sanh tâm chư Phật, đủ pháp chư Phật, làm những Phật sự.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Trong thành Ca Tỳ La có Chủ Dạ Thần tên là Bà San Bà Diễn Đề.

Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Bà San Bà Diễn Đề.

Đến nơi, Thiện Tài thấy trên hư không, Dạ Thần ngồi trên tòa hương liên hoa tạng sư tử trong lầu các. Thân màu chơn kim, mắt và tóc xanh biếc, hình mạo đoan nghiêm, những chuỗi ngọc báu dùng trang sức. Thân mặc y phục đỏ, đầu đội mũ Phạm Thiên. Tất cả tinh tú hiện rõ trên thân.

Sau khi hiểu chuyện, Bà San Bà Diễn Đề nói :

Ta được tam muội tên là "Xuất sanh kiến Phật điều phục chúng sanh tam thế trí quang minh luân". Do được tam muội này nên có thể nhớ Tu Di sơn vi trần số

kiếp. Cũng thấy chư Phật xuất hiện trong những kiếp đó. Ta ở chỗ chư Phật nghe diệu pháp. Do nghe pháp nên được môn giải thoát pháp quang minh phá tối của tất cả chúng sanh.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn "Bồ Tát phá Nhứt thiết chúng sanh ám pháp quang minh giải thoát".

Như chư đại Bồ Tát thành tựu Phổ Hiền vô biên hạnh nguyện, vào khắp tất cả pháp giới hải, được Bồ Tát kim cương trí tràng tự tại tam muội, xuất sanh đại nguyện, trụ trì Phật chúng, ở trong mỗi niệm thành mãn biến tất cả công đức lớn, trí nhãn thanh tịnh thấy khắp tam thế...

Ta thế nào biết được diệu hạnh đó, nói được công đức đó, vào được cảnh giới đó, thị hiện được tự tại đó.

Này thiện nam tử ! Trong Bồ đề tràng đây có Chủ Dạ Thần tên là Phổ Đức Tịnh Quang. Ta vốn từ Thần đó phát tâm Vô thượng Bồ đề, thường dùng diệu pháp khai ngộ cho ta.

Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Phổ Đức Tịnh Quang.

Sau khi hiểu chuyện, Phổ Đức Tịnh Quang nói”

“Này thiện nam tử ! Lúc ta tu môn giải thoát, làm cho các chúng sanh chẳng khởi lòng tham phi pháp, chẳng khởi tà kiến, chẳng phạm tội ác, nếu đã làm ác thời khiến thôi dứt. Nếu chưa sanh pháp lành, chưa tu hạnh Ba la mật, chưa cầu Nhứt thiết trí, chưa khởi đại từ bi, chưa tạo nghiệp Nhơn Thiên thời đều làm cho phát sanh, nếu đã sanh rồi thời làm cho thêm lớn.

Ta ban cho họ Nhơn duyên thuận đạo như vậy, nhân đến khiến họ thành Nhứt thiết chủng trí.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn giải thoát " Bồ Tát tịch tịnh thiên định lạc phổ du bộ" này.

Như chư đại Bồ Tát đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền, liễu đạt tất cả vô biên pháp giới thường có thể tăng trưởng tất cả thiện căn, chiếu thấy trí lực của tất cả Như Lai, an trụ nơi cảnh giới của tất cả Như Lai, hằng ở sanh tử tâm không chướng ngại, mau đầy đủ được nguyện nhứt thiết trí, đến tất cả thế giới, đều có thể xem thấy tất cả chư Phật, có thể khắp thính thọ tất cả Phật pháp, có thể phá tất cả si ám của chúng sanh, có thể ở trong đêm dài sanh tử mà xuất sanh tất cả trí huệ quang minh.

Ta thế nào biết được nói được những công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Cách đây không xa, nơi bên phía hữu đạo tràng Bồ đề, có một Dạ Thần tên là Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sanh.

Ngươi đến đó hỏi : Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sanh.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử thấy Dạ Thần này ở trong chúng hội đạo tràng của đức Như Lai ngồi trên tòa sư tử Liên Hoa Tạng, nhập đại thế lực phổ hỉ tràng giải thoát.

Sau khi hiểu chuyện, Hi Mục Quán Sát Chúng Sanh nói:

Này thiện nam tử ! Ý ngươi nghĩ sao ? Thuở xưa, Chuyển Luân Thánh Vương hiệu Thập Phương Chủ có thể nối thành dòng Phật là ai ? Chính là Ngài Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử đấy.

Còn Dạ Thần giác ngộ ta, chính là hóa thân của đức Phổ Hiền Bồ Tát.

Thuở ấy ta làm Bửu Nữ Nờ Dạ Thần giác ngộ cho ta thấy Phật để phát tâm Vô thượng Bồ đề. Từ đó về sau trải qua Phật sát vi trần số kiếp chẳng đọa ác đạo, thường sanh Nhơn, Thiên, thường thấy chư Phật. Nhẫn đến ở chỗ đức Phật Diệu Đăng Công Đức Tràng được môn Bồ Tát giải thoát "Đại thế lực phổ hỉ tràng". Ta dùng môn giải thoát này làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Này thiện nam tử ! Ta chỉ được môn giải thoát Đại thế lực phổ hỉ tràng.

Như chư đại Bồ Tát trong mỗi niệm đến khắp trước tất cả chư Phật Như Lai, mau xu nhập được biển nhưt thiết trí, trong mỗi niệm dùng môn phát thu vào tất cả biển đại nguyện. Trong mỗi niệm dùng môn đại nguyện tận kiếp vị lai, mỗi niệm xuất sanh tất cả công hạnh. Trong mỗi hạnh xuất sanh tất cả Phật sát vi trần số thân, mỗi mỗi thân vào khắp tất cả cả pháp giới môn. Mỗi pháp giới môn, trong tất cả cõi Phật, tùy tâm chúng sanh mà nói những diệu hạnh. Trong mỗi vi trần của tất cả cõi đều thấy vô biên chư Phật. Ở chỗ mỗi Như Lai đều thấy khắp pháp giới chư Phật thần thông. Ở chỗ mỗi Như Lai đều thấy đời trước tu Bồ Tát hạnh. Ở chỗ mỗi Như Lai thọ trì thủ hộ những pháp luân. Ở chỗ mỗi Như Lai đều thấy những thần biến của tam thế tất cả Như Lai.

Ta thế nào biết được nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Trong chúng hội đây có một Dạ Thần tên là Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức. Ngươi đến đó hỏi Bồ Tát thế nào nhập Bồ Tát hạnh, tịnh Bồ Tát đạo ?”

Thế là Thiện Tài đồng tử lại khăn gói đi tìm gặp Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức.

Đến nơi, Thiện Tài đồng tử được Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức phóng quang minh, liền đó được cứu cánh thanh tịnh luân tam muội.

Được tam muội này rồi, Thiện Tài thấy Dạ Thần có tất cả địa trần, thủy trần, hỏa trần, vi trần của những châu báu kim cang ma ni, những vi trần của tất cả hoa hương anh lạc đồ trang sức.

Lại thấy tất cả thế giới sai biệt : những thế giới tạp uế, những thế giới thanh tịnh.

Lại thấy Dạ Thần này hiện khắp trong tất cả chúng sanh : noãn sanh, thai sanh ...

Thiện Tài thấy Dạ Thần này có thần lực quảng đại như vậy, hiện bày cảnh giới, thậm thâm bất tư nghi, hiện thị Bồ Tát điều phục chúng sinh giải thoát thần lực, thời hoan hỷ vô lượng, đánh lễ nơi chân, nhất tâm chiêm ngưỡng.

Sau khi hiểu chuyện, Phổ Cứu Chúng Sanh Diêu Đức nói:

Này thiện nam tử ! Ta chỉ biết môn giải thoát "Bồ Tát Phổ hiện nhất thiết thế gian điều phục chúng sanh".

Như chư đại Bồ Tát tích tập vô biên hạnh, sanh những hiểu biết, hiện những thân mình, đủ những căn tướng, mãn những nguyện vọng, vào những tam muội, khởi những thần biến, hay quán sát pháp, nhập những trí huệ môn, được những pháp quang minh.

Ta thế nào biết được, nói được công đức hạnh đó.

Này thiện nam tử ! Cách đây không xa, có Chủ Dạ Thần tên là Tịch Tĩnh Âm Hải, ngồi trên tòa liên hoa ma ni quang tràng trang nghiêm. Có trăm vạn a tăng kỳ Chủ Dạ Thần vây quanh.

Người đến đó hỏi Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo ?”

Thiện Tài đồng tử đánh lễ chân Dạ Thần, hữu nhiều vô số vòng, ân cần chiêm ngưỡng từ tạ mà đi.

Đến đây, phẩm này có cái kết lửng. Chính vì cái kết lửng này khiến người đọc, tụng, niệm có thêm nhiều suy nghĩ.

Phẩm thứ bốn mươi:
Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới
Phổ Hiền Hạnh Nguyên

Trở lại một chút, phẩm Nhập Pháp Giới: Vấn đề của Thiện Tài đồng tử nói riêng – của giới Bồ Tát nói chung, đó là: Sau khi sơ phát tâm Bồ Đề thì Bồ Tát ấy học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo thế nào – sao cho viên mãn, đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu như: học và tu theo các pháp “nhỏ”, riêng biệt – thì sẽ như thế nào ? Câu trả lời là: có vô lượng pháp “nhỏ”, học sao cho hết được ! Vì vậy, đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với Thiện Tài đồng tử nói riêng – của giới Bồ Tát nói chung sẽ trở nên gian khó và mịt mù.

“Nếu ai muốn trọn nên công đức của Phật, thời phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn”.

Câu trả lời trên của Phổ Hiền Đại Bồ Tát đối với Thiện Tài đồng tử cũng là câu trả lời cho giới Bồ Tát.

Một khi *hạnh, nguyện* của một Bồ Tát càng lớn – thì *đạo quả Phật* của một Bồ Tát càng cao.

Như đã trình bày, *đạo quả Phật* thực ra chỉ là tên gọi để phân biệt – về cái *chất* thực có trong mỗi Bồ Tát. Cái *chất* ấy – không hình không tướng, “*không nhân giới cho tới không có ý thức giới ; không vô minh cũng chẳng hết vô minh ... không trí tuệ cũng không chứng đắc ...*” (“*Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*”).

Một khi đạo quả Phật – tức *chất* của một Bồ Tát là cao tột – thì Bồ Tát ấy hiển nhiên là có được vô lượng pháp Phật – tức *thâu gom* tất cả các pháp “*nhỏ*” của những Bồ Tát mà Thiện Tài đồng tử đã gặp và chưa gặp.

Hãy cứ mượn *phương tiện* lý luận Marx, về cặp phạm trù *lượng và chất*: Nếu như, không tích lũy đủ về lượng, thì mãi mãi không bao giờ có sự thay đổi về chất ; thêm nữa, nếu như đã tích lũy đủ về lượng, song không có những tác động nhất định thì: lượng, cũng mãi mãi chỉ là lượng – không thể thành chất.

Có nghĩa: một Bồ Tát nếu không tích lũy đủ về *hạnh* của một Bồ Tát thì mãi mãi không thể thành Phật. Và, một khi đã đủ về *hạnh* của một Bồ Tát, nếu không có sự gia hộ của các chư Phật (những tác động nhất định) thì mãi mãi cũng chỉ là một Bồ Tát – với đầy đủ phước báo từ công đức có được (ví như các vị thánh, thần mà Thiện Tài đã gặp).

Hãy trở lại kinh:

Những gì là mười điều?

Một là kính lễ các đức Phật.

Hai là khen ngợi đức Như Lai.

Ba là rộng rãi đồ cúng dường.

Bốn là sám hối các nghiệp chướng.

Năm là tùy hỉ các công đức.

Sáu là thỉnh đức Phật thuyết pháp.

Bảy là thỉnh đức Phật ở lại đời.

Tám là thường học tập theo Phật.

Chín là hằng thuận lợi chúng sanh.

Mười là hồi hướng khắp tất cả.

1. Kính lễ các chư Phật:

Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài rằng: "Này thiện nam tử ! Nói "Lễ kính các đức Phật" là như vậy:

Bao nhiêu các đức Phật Thế Tôn nhiều như số cực vi trần trong cõi Phật khắp pháp giới hư không giới mười phương ba đời, tôi do nơi hạnh nguyện của Phổ Hiền thâm tâm tín giải như đối trước mắt, đều dùng thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh thường tu hạnh lễ kính. Nơi mỗi đức Phật đều hóa hiện thân nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi thân đều khắp lễ kính các đức Phật nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Cõi hư không kia hết, sự lễ kính của tôi mới hết. Nhưng cõi hư không chẳng cùng tận nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận. Nhân đến cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, sự lễ kính của tôi mới dứt. Nhưng cõi chúng sanh cho đến phiền não chẳng hết, nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

2. Khen ngợi đức Như Lai

Lại này thiện nam tử! "Nói "Khen ngợi đức Như Lai" là như vậy:

Bao nhiêu số cực vi trần trong cõi nước khắp cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi đều có các đức Phật nhiều như số cực vi trong tất cả thế gian. Nơi mỗi đức Phật, đều có rất đông Bồ Tát vây quanh nhóm họp. Tôi phải trọn dùng sức thậm thâm thắng giải tri kiến hiện tiền, đều dùng lưỡi vi diệu hơn Biện Tài Thiên Nữ. Mỗi lưỡi phát xuất vô tận âm thanh hải. Mỗi âm thanh phát xuất tất cả ngôn từ hải, khen ngợi các công đức hải của tất cả đức Như Lai, ca ngợi đến tột đời vị lai nói luôn không dứt, khắp cả pháp giới, không sót chỗ nào. Như vậy hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não đều hết, thời sự khen ngợi công đức chư Phật

của tôi đây mới cùng tận. Nhưng cõi hư không kia cho đến phiền não của chúng sanh chẳng cùng tận, nên sự khen ngợi của tôi cũng không cùng tận, nên sự khen ngợi của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

3. Rộng rãi đồ cúng dường

Lại này thiện nam tử! "Nói "Rộng rãi đồ cúng dường" là như vậy:

Bao nhiêu số vi trần trong khắp cõi Phật cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi trần đều có chư Phật như số cực vi trong tất cả thế giới, nơi mỗi đức Phật có vô số Bồ Tát vây quanh nhóm họp. Tôi dùng sức hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền mà khởi lòng tín giải rất sâu và hiện tiền tri kiến, đều đem đồ cúng dường thượng diệu mà cúng dường pháp hội của Phật. Như là mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc cõi trời, mây tàn lọng cõi trời, mây y phục cõi trời, các thứ hương trời: hương xoa, hương đốt, hương bột. Các thứ mây trên đây thấy đều nhiều lớn như núi Tu Di. Lại thấp các thứ đèn, đèn tô lạc, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm mỗi tim đèn lớn như núi Tu Di, dầu trong đèn như nước bể cả. Đem các thứ đồ cúng dường như trên để thường cúng dường.

Thiện nam tử ! Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Pháp cúng dường là: Tu hành đúng theo lời Phật dạy để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, siêng năng tu tập căn lành để cúng dường, không bỏ hạnh Bồ Tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ Đề để cúng dường.

Thiện nam tử ! Như vô lượng công đức của sự cúng dường trước kia sánh với một niệm công đức của pháp cúng dường, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, cu chi na do tha, một phần ca la, một phần toán, một phần số, một phần du, cũng chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Vì sao? Vì các đức Như Lai tôn trọng chánh Pháp. Vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì sanh ra các đức Phật. Nếu các Bồ Tát thật hành pháp cúng dường, thì trọn nên sự cúng dường Phật. Tu hành như vậy mới thật là sự cúng dường. Nên Pháp cúng dường là sự cúng dường rộng lớn hơn tất cả. Cõi hư không cùng tận cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự cúng dường của tôi mới cùng tận, nhưng cõi hư không cho đến phiền não chẳng cùng tận nên sự cúng dường của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, thân, khẩu, ý nghiệp không hề nhàm mỏi.

4. Sám hối nghiệp chướng

Lại này thiện nam tử! Nói "Sám hối nghiệp chướng" là như vậy:

Bồ Tát tự nghĩ rằng: Tôi từ vô thủy kiếp về quá khứ, do lòng tham lam, giận dữ, ngu si khiến thân, khẩu, ý tạo vô lượng vô biên nghiệp ác. Nếu các nghiệp ác này mà có hình tướng, thì khắp cõi hư không cũng chẳng thể đựng chứa hết

được. Nay tôi đem trọn cả ba nghiệp trong sạch đối trước các đức Phật và chúng Bồ Tát khắp cực vi trần cõi nước trong Pháp giới, thành tâm sám hối, về sau không tái phạm nữa, thường an trụ nơi giới pháp trong sạch đầy đủ công đức lành. Như vậy hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, thì sự sám hối của tôi mới cùng tận, nhưng hư không giới cho đến chúng sanh phiền não chẳng cùng tận, nên sự sám hối của tôi đây cũng không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở thân, khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi.

5. Tùy hỷ công đức

Lại này thiện nam tử! "Nói "Tùy hỷ công đức" là như vậy:

Bao nhiêu đức Phật như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời, từ khi mới phát tâm vì muốn chúng sanh Nhưث thiết trí mà siêng tu cội phước chẳng tiếc thân mạng, trải qua số kiếp như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi kiếp đều thí xả đầu, mắt, tay, chân v.v...nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, làm tất cả những hạnh khó làm như vậy, đầy đủ các món ba la mật, chứng nhập các trí địa của Bồ Tát, trọn nên quả Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật, cho đến nhập Niết Bàn phân chia xá lợi. Bao nhiêu căn lành ấy tôi đều tùy hỷ cả.

Đến các loài lục thú, tứ sanh trong tất cả mười phương thế giới kia có bao nhiêu công đức, dầu nhỏ như máy trần, tôi đều tùy hỷ.

Mười phương ba đời tất cả các vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, hữu học và vô học có bao nhiêu công đức tôi đều tùy hỷ.

Tất cả chư Bồ Tát tu hạnh cần khổ khó làm, chí cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề công đức rộng lớn, tôi đều tùy hỷ. Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, sự tùy hỷ của tôi đây không có cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

6. Thỉnh đức Phật thuyết pháp

Lại này thiện nam tử ! Nói "Thỉnh đức Phật thuyết pháp" là thế này:

Trong số cực vi khắp hư không pháp giới mười phương ba đời tất cả cõi Phật. Mỗi cực vi đều có cõi Phật rộng lớn nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi cõi trong một niệm đều có tất cả chư Phật thành Chánh Đẳng Chánh Giác số đông như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, tất cả chúng Bồ Tát nhóm họp vây quanh. Tôi đều đem thân, khẩu, ý ba nghiệp dùng những phương tiện ân cần khuyến mời tất cả Phật nói pháp nhiệm mầu. Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, tôi luôn khuyến mời tất cả các đức Phật chuyển pháp luân chơn chánh không cùng tận, niệm niệm nói ý luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

7. Thỉnh Phật ở lại đời

Lại này thiện nam tử! "Nói "Thỉnh Phật ở lại đời" là như vậy:

Các đức Như Lai như số cực vi trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời toan muốn thị hiện nhập Niết Bàn, cùng các Bồ Tát, Thỉnh Văn, Duyên Giác, hữu học, vô học, cho đến tất cả các bậc thiện tri thức, tôi đều khuyên mời xin đừng nhập Niết Bàn, xin ở lại đời trải qua số kiếp như vi trần trong tất cả cõi Phật, vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi lạc. Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự khuyên mời của tôi đây vẫn không cùng tận, niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

8. Thường học tập theo Phật

Lại này thiện nam tử! "Nói "Thường học tập theo Phật" là như vậy:

Như đức Tỳ Lô Giá Na Phật ở cõi Ta Bà đây, từ khi mới phát tâm tinh tấn không trễ lui, đem bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng ra mà bố thí. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, dùng biên chép kinh điển chất cao như núi Tu Di, vì tôn trọng chánh pháp nên Phật không tiếc thân mạng, huống là ngôi vua, thành ấp, cung điện, vườn, rừng v.v..

Cùng thật hành bao nhiêu hạnh khó làm khác, nhẫn đến ngôi dưới cây thành quả đại Bồ Đề, thị hiện các thứ thần thông, khởi các sự biến hóa, hiện các thân Phật ở trong những chúng hội: hoặc ở trong chúng hội đạo tràng của các vị đại Bồ Tát, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thỉnh Văn, Duyên Giác, hoặc ở trong đạo tràng của Chuyển Luân Vương, các vị Tiểu Vương cùng quyến thuộc, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Cư Sĩ, Trưởng Giả, Bà La Môn cùng Sát Đế Lợi, nhẫn đến hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thiên, Long, Bát Bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v... ở trong các chúng hội như vậy, dùng tiếng viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà giáo hóa cho chúng sanh đều được thành thực. Nhẫn đến thị hiện nhập Niết Bàn. Cả thấy hạnh đức như thế tôi đều học tập theo. Như đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na hiện nay, các đức Phật Như Lai như số cực vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời cũng như thế ấy, trong mỗi niệm tôi đều học tập theo. Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy học của tôi đây vẫn không cùng tận niệm niệm nói luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

9. Hằng thuận lợi chúng sanh

Lại này thiện nam tử! "Nói "Hằng thuận lợi chúng sanh" là như vậy:

Bao nhiêu chúng sanh sai khác trong tất cả cõi ở mười phương pháp giới, hư không giới, chính là những loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, các loài nương nơi chất tứ đại mà sanh, có giống nương nơi hư không cùng cây cỏ mà sanh. Các giống sanh loại: các thứ sắc thân, các thứ hình trạng, các thứ

tướng mạo, các thứ thọ lượng, các thứ tộc loại, các thứ danh hiệu, các thứ tâm tánh, các thứ tri kiến, các thứ dục lạc, các thứ ý hành, các thứ oai nghi, các thứ y phục, các thứ ăn uống, ở trong các thôn dinh, thành ấp, cung điện, nhẫn đến tất cả Thiên, Long, Bát Bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v...loài không không chân, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, loài có hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tâm tưởng, loài không có tâm tưởng, loài chẳng phải có tâm tưởng chẳng phải không tâm tưởng. Các loài như vậy tôi đều tùy thuận tất cả mà thật hành các sự vâng thờ, cúng dường, như kính cha mẹ, như thờ bậc thầy, cùng A La Hán, nhẫn đến như đức Như Lai đồng nhau không khác. Trong các loài ấy, nếu là kẻ có bệnh thì tôi vì họ mà làm lương y, nếu ai bị lạc đường thì tôi vì họ mà chỉ cho con đường chánh, nơi đêm tối tôi vì họ mà làm ngọn đuốc sáng, người nghèo thiếu tôi làm cho được của báu. Bồ Tát bình đẳng lợi ích cho chúng sanh như vậy.

Vì sao thế? Vì Bồ Tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các đức Phật. Còn tôn trọng và thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng và thừa sự các đức Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh vui mừng thì chính là làm cho tất cả đức Như Lai vui mừng. Vì sao thế? Vì các đức Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thế. Nhơn nơi chúng sanh mà sanh lòng đại bi, nhơn lòng đại bi mà phát tâm Bồ đề, nhơn vì nơi tâm Bồ đề mà thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ví như giữa chốn sa mạc có cây thọ vương to lớn, nơi gốc cây ấy được nước rưới nhuận, thì cành lá hoa quả thấy đều sum suê tươi tốt.

Cây thọ vương Bồ đề ở chốn sa mạc sanh tử rộng lớn cũng như vậy: tất cả chúng sanh là gốc rễ, Bồ Tát là hoa, Phật là quả. Dùng nước đại bi đượm nhuận gốc rễ chúng sanh thì có thể trở bông Bồ Tát trí huệ kết thành quả Phật toàn giác.

Vì sao thế? Bởi các Bồ Tát dùng nước đại bi làm lợi ích chúng sanh, thì có thể thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên quả Bồ Đề thuộc về chúng sanh, vì nếu không chúng sanh, tất cả Bồ Tát trọn không thể thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này thiện nam tử! Ông ở nơi nghĩa ấy nên hiểu như thế.

Bởi đối với chúng sanh mà tâm bình đẳng thì có thể sanh lòng đại bi đầy đủ hoàn toàn. Dùng tâm đại bi mà tùy thuận chúng sanh thì có thể thành tựu pháp cúng dường Như Lai. Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như thế ấy.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy thuận chúng sanh của tôi vẫn không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, thân khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi.

10. Hồi hướng khắp tất cả

Lại này thiện nam tử! "Nói "Hồi hướng khắp tất cả" là như vậy:

Từ sự lễ kính ban đầu nhẫn đến tùy thuận có bao nhiêu công đức, thầy đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sanh khắp trong hư không pháp giới. Nguyên cho tất cả chúng sanh thường được an lạc, không các bệnh khổ, muốn thật hành pháp ác thầy đều không thành, còn tu nghiệp lành thì đều mau thành tựu. Đóng chặt cửa của tất cả các ác thú, mở bày đường chánh Nhơn Thiên Niết Bàn. Nếu các chúng sanh nơn vì trước kia chứa nhóm các nghiệp ác nên chiêu cảm tất cả quả rất khổ, tôi đều chịu thế cho, khiến chúng sanh đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát tu hạnh hồi hướng như vậy. Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự hồi hướng của tôi vẫn không cùng tận, niệm niệm nối liền không hở, thân khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi. Nay thiện nam tử ! Ấy là mười điều nguyện lớn đầy đủ viên mãn của đại Bồ Tát. Nếu các vị Bồ Tát ở nơi mười điều nguyện lớn này mà tùy thuận tu hành, thì có thể thuần phục tất cả chúng sanh, thì có thể tùy thuận đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì có thể trọn đủ các hạnh nguyện hải của ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Do có ấy ở nơi các nghĩa trên đây ông nên hiểu biết như vậy”.

Cũng như một số kinh khác, Bộ kinh này cho hay: một khi : tin, hiểu, đọc tụng ; và giúp cho người khác biết kinh này – cũng tin, hiểu, đọc tụng – thì những lợi ích, phước đức là hết sức to lớn – không sao đo lường hết được
Cuối phẩm là bài kệ dài, xin trích lược một số đoạn được (xin tham khảo thêm ở tác phẩm kinh):

(...)

*Siêng tu Ba La Mật trong sạch
Tâm Bồ Đề hằng gìn không mất
Dứt trừ chướng nơ không để thừa
Tất cả hạnh màu đều thành tựu*

(...)

*Tôi thường tùy thuận các chúng sanh
Cùng tận tất cả vị lai kiếp
Hằng tu hạnh lớn của Phổ Hiền
Viễn mãn quả Bồ Đề Vô Thượng.*

(...)

*Tôi tu các hạnh đều vô lượng
Được các công đức cũng không lường
An trụ trong những hạnh vô lượng
Suốt thâu tất cả sức thần thông,*

(...)

*Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung
Trừ hết tất cả các chương ngại
Tận mắt gặp Phật A Di Đà
Liên được vãng sanh cõi Cực Lạc,
(...)
Chúng hội Di Đà đều thanh tịnh
Tôi từ hoa sen nở sinh ra
Thân thấy đức Phật Vô Lượng Quang
Liên thọ ký tôi đạo Bồ Đề.*

*Nhờ đức Phật kia thọ ký rồi
Tôi hóa vô số vạn ức thân
Trí huệ rộng lớn khắp mười phương
Khắp lợi tất cả chúng sanh giới.*

*(...)
Nếu có người nơi nguyện vương này
Một phen nghe liền sanh tín kính
Mong cầu khát ngưỡng quả Bồ Đề
Được công đức nhiều hơn tài thí.*

*(...)
Ngày trước đó vì không trí huệ
Tạo ra năm nghiệp vô gián ác
Chuyên tụng nguyện vương Phổ Hiền này
Tất cả tội ác mau tiêu diệt.*

*(...)
Nếu người ở nơi mười nguyện này
Đọc, tụng, thọ trì và diễn nói
Quả báo chỉ Phật mới biết được
Quyết định sẽ được đạo Bồ Đề.*

*Nếu người tụng nguyện Phổ Hiền này
Tôi nói chút ít phần căn lành:
Trong một niệm thấy đều viên mãn
Thành tựu chúng sanh nguyện thanh tịnh.*

05/04/2012
Rằm tháng ba Nhâm Thìn
Phan Tùng Châu